

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

MỘT NHÀ VĂN-HÀO NƯỚC PHÁP : ANATOLE FRANCE

ANATOLE-FRANÇOIS THIBAUT, biệt-hiệu là ANATOLE FRANCE, là một nhà văn-hào nước Pháp sinh tại Paris ngày 16 tháng 4 năm 1844, mất tại nơi biệt-thự *La Béchellerie* ở xã *Saint-Cyr-sur-Loire*, gần thành *Tours*, ngày 12 tháng 10 năm 1924, tuổi-tác cao, danh-vọng lớn.

Ông thân-sinh làm nghề bán sách, tên là FRANÇOIS NOËL THIBAUT, nguyên tên tục là FRANÇOIS, nên người ta thường gọi tắt là FRANCE, lâu thành biệt-danh, rồi sau truyền lại cho con. Người quen thuộc thường gọi đùa ông cụ là « Lão FRANCE ». Thuở trước đi lính, rất trung thành với nhà vua, sau mở ngôi hàng bán sách, chuyên bán các sách-vở cùng tự-tích về đời Đại-Cách-mệnh. Lúc sinh con trai, thì ngôi hàng ở vào số 19 đường *Malaquais*, trên bờ sông *Seine*. Cha người đất *Anjou*, mẹ người thành *Bruges*, sinh con ở giữa kinh-thành Paris, nên ANATOLE FRANCE mới ra đời đã được cái hân-hạnh làm dân thành Paris, lại được cái may-mắn để ra ở giữa đường *Malaquais*, là một xóm cổ-cựu ở kinh-dô, có các hàng sách hàng tranh ở, có mỹ-nhân, có cổ-thu, có màu trời sắc nước ánh sáng đổi thay. Thuở nhỏ cho vào học trường trung-học *Stanislas*, theo học thầy giáo là ông cố LALANNE, học-hành bình-nhác, hay dăng-tri lắm; tuy-nhiên học cũng thông-thông, tự xưng mình là một nhà « tiểu-nho-sĩ ». Năm 1859 mới có 15 tuổi đã viết văn làm sách, chằm-chước

theo chuyện cổ-tích mà làm một cuốn sách nhỏ kể về truyện bà phi RADE-GONDE, sách có chín trang giấy viết, đề tặng cho cha mẹ. Vậy mà đến kỳ thi tú-tài thi trượt hẳn. Thi hỏng mà vẫn cứ điềm-nhiên, chẳng có vội-vàng. Tính thi bình-nhác, nhưng hay khảo-xét tò-mò. Sẵn ông cha có sách-vở nhiều bèn nghiên-cứu về đời Đại-Cách-mệnh cùng thế-kỷ thứ 18; lại theo lớp học ở trường Khảo-cổ mà khảo về đời trung-cổ; có hồi thiệp-liệp về khoa sinh-lý-học, đọc sách của Đại-nhĩ-văn (DARWIN). Nhờ được cơ hội đặc-biệt mà được giao-tiếp với các thi-nhân về phái *Parnasse*: Nguyên các nhà làm thơ này, bao nhiêu sách-vở xuất-bản cả ở hiệu *Lemerre*, ông cụ thân-sinh vốn quen biết hiệu này, xin cho con vào làm việc ở đấy. Bấy giờ ông cũng bắt đầu làm thơ viết bài cho mấy cái tạp-chí nhỏ. Hồi ấy có một cái tạp-chí tên là « Văn-văn tuần-báo » (*Gazette rimée*), hồi tháng 3 và tháng 6 năm 1867 ông có đăng hai bài thơ tràng-thiên nói về hai nhân-vật cổ nước La-mã có ý xúc-phạm thời-thế nên cách đấy ít lâu báo bị Chính-phủ vua Nã-phá-luân thứ 3 hạ lệnh bãi, có người cho là cũng tại ông một phần. Văn-sĩ còn trẻ tuổi đã có ý xác rồi. Kể đó ông lại viết bài cho tạp-chí tên là « Thư-lạp tùng-san » (*Chasseur bibliographe* (nghĩa là tập báo người đi săn sách), ông coi riêng về mục « bình-

phẩm các sách », ký tên là THIBAUT, và mục « binh-phẩm diễn kịch », ký tên là ANATOLE FRANCE. Chính trong tạp-chí này là ông đăng bài luận-thuyết đầu có giá-trị của ông, là một bài bình-hâm về thơ của LECONTE DE LISLE (bài này xuất-bản trong số ngày mồng 1 tháng giêng năm 1867). Cũng gần vào hồi bấy giờ, ông có soạn cho bộ «Thế-giới đại-tự-điển» của PIERRE LAROUSSE mấy mục nói về các kiệt-tác của nghề điêu-khắc Hi-lạp đời xưa, như tượng thần *Vénus*, tượng thần *Apollon*, vãn-vân. Quyển sách ông xuất-bản đầu tiên là sách « Nghiên-cứu về thi-hào ALFRED DE VIGNY » (1868). Sách ấy ngày nay có giá-trị nhất là một quyển kỹ-thu hiểm có, chứ không phải vì vãn-chương có đặc-sắc gì. Năm 1873 xuất-bản một tập thơ đề là « Hoàng-kim-thi » (*Les Poèmes dorés*), đề tặng cho LECONTE DE LISLE, là người đã có ảnh-hưởng đến thi-học của ông nhiều ; ông cũng chịu ảnh-hưởng cả của hai thi-nhân trứ-danh đời bấy giờ là COPPÉE và SULLY PRUDHOMME nữa. Thơ của ông thì giọng-điệu không lấy gì làm mới-mẻ, nhưng lời văn đã chải-chuốt, bóng-bẩy mà thanh-tao. Có mấy bài « Tặng ánh sáng », « Đàn hươu rừng », « Lòng tham-dục », có giá-trị nhất.

Năm 1876, ông được bổ làm chức thư-thư ở thư-viện Thượng-nghị-viện, quan chánh thủ-thư bấy giờ lại chính là LECONTE DE LISLE. Vừa làm việc Nhà nước ông vừa giúp việc cho hiệu sách *Lemerre*. Hiệu này bấy giờ đương in lại các sách vãn-chương cổ-điển, mỗi quyển trên đầu định đặt một bài tiêu-chí, lược-thuật về sự-nghiệp vãn-chương của tác-giả. Hiệu sách giao cho ông soạn những bài tiêu-chí đó, ngay tự bấy giờ đã thấy lộ ra cái đặc-sắc của vãn-chương ông, thứ nhất là cái tinh hay thích bản rộng ra ngoài đề, và cái giọng hơi trác-phúng hoạt-kê một cách

nhẹ-nhàng. Mấy bài đó cùng với các sách cổ-văn lần-lượt xuất-bản tự năm 1874 đến năm 1892, về sau có lựa chọn sưu-tập thành sách đề là « Tinh-thần La-tinh » (1913).

Năm 1876 xuất-bản một bài kịch bằng thơ đề là « Tiệc cưới thánh *Corinthe* (*Noces corinthiennes*), bài này về sau có đem ra diễn mấy lần (năm 1884, 1902, 1918). Sách « Hoàng-kim-thi » trước đã tỏ ra cái khỏe nhà văn có tài, sách này lại lộ thêm cái tài ấy ra. Kịch-bản mà viết bằng thơ, có phảng-phất cái tinh-thần hoài-nghi bay-bồng của RENAN. Gốc truyện thì phỏng theo bài dã-ca trứ-danh của vãn hào nước Đức GOETHE đề là « Con gái hứa-giá ở đất *Corinthe* » (*la Fiancée de Corinthe*). Bài kịch này có thể-cách nghiêm-trang, chan-chứa một tâm lòng hâm-mó cái vãn-hóa cổ của Hi-lạp, muốn khôi-phục lại cái phong-vị trang-nghiêm khả-ái của cổ-thời. Những bài ca-tụng các thần-tiên Hi-lạp, dùng lời tỉ-dụ mà ngụ những ý-tử cao, thật là lối đại-văn-chương đáng sánh với những cổ-văn kiệt-tác. Tiếp theo với bài kịch vãn-văn đó còn mấy bài thơ nữa in cùng một quyển, nhiều bài cũng đáng lưu-truyền lắm. ANATOLE FRANCE sau này nổi danh về tản-văn, có tiếng là bậc vãn-hào, không phải là bậc thi-hào, nên thơ ông ít người biết, mà sau cũng ít làm thơ. Nhưng mấy tập thơ hồi đầu, năm 1896 có in cả lại thành một toàn-tập, cũng là một áng vãn-chương bất-hủ, đời sau có thể coi đó như một cái kiểu-mẫu về lời-lẽ thanh-tao dịu-dàng mà trang-nghiêm hùng-kinh nữa.

Về tản-văn thì ông mới bắt đầu viết tiêu-thuyết từ năm 1879, xuất-bản hai bài đoản-thiên cũng dài, in lam một quyển đề là « Truyện *Jocaste* và truyện con mẫn gầy » (*Jocaste et le chat maigre*). Sách này, sánh với thơ kịch vừa nói

trên kia, thì không có giá-trị bằng. *Jocaste* là truyện một người đàn bà thất cổ chết vì để cho chồng bị đầu-độc, còn truyện « con mẫn gầy » là truyện kỳ-ngộ một chàng Tây-lai thiếu-niên ở xóm học-sinh thành *Paris*. Truyện hoạt-kê buồn cười, có chịu ảnh-hưởng của các nhà đoán-thiên-tiểu-thuyết nước Anh nước Pháp, đọc cũng vui nhưng không có đặc-sắc gì. Cho à văn-chương thử chơi thì được, chưa cho là văn-chương thật có giá-trị được.

Nhưng cách ít lâu thì xuất-bản một bộ sách rất có thú-vị, sách đề là « Tội ông hàn-lâm *Sylvestre Bonnard* » (*le Crime de Sylvestre Bonnard, membre de l'Institut*). Sách này là bộ trường-thiên tiểu-thuyết thứ nhất của ông, xuất-bản năm 1881, năm 1903 in lại có sửa chữa ít nhiều. Tản-văn mà đến như sách này thì thật là êm-dềm bóng-bẩy, đáng làm mẫu cho các nhà văn. Những đoạn ông hàn-lâm diễn-thuyết với con mẫn và mụ đầu bẹp của ông, văn hoạt-kê mà lời-lẽ vừa uẩn-súc vừa hoa-mĩ, thật là văn-chương đáng lưu-truyền mãi mãi.

Năm 1882 xuất-bản bộ tiểu-thuyết đề là « Dục-tình của *Jean Servien* » (*Les Désirs Jean Servien*). Sách này thực ra làm tự 10 năm trước, bấy giờ mới xuất-bản, là truyện một chàng thiếu-niên say-dắm vì tình, phải lòng một người kỹ-nữ, rồi sau bị chết trong hồi loạn *Commune*. Bộ tiểu-thuyết này có vẻ chân-ngân, đọc xong có cái cảm-giác mờ-đục, không được sáng-sủa trong-sạch.

Bộ tiểu-thuyết « Sách của bạn tôi » (*Le Livre de mon ami*), xuất-bản năm 1885, thì lại trái hẳn lại, có vẻ thanh-thú vô-cùng. Sách này thuật những truyện ký-ức về thuở nhỏ, chính là cái thân con trẻ của tác-giả tự-thuật ra mà có sửa-sang lại ít nhiều.

Ngày 21 tháng 3 năm 1886, ông vào làm biên-tập ở báo « Thời-bao » (*Le*

Temps), trước thay cho CLARETIE soạn mục « Đời *Paris* », sau thay cho SCHÉREER soạn mục « Đời văn-học ». Mục « Đời văn-học » là mục phê-bình các sách-vở về văn-học. Nhưng cái lối phê-bình của ông cũng khác người, lúc mới đầu thiên-hạ không khỏi lấy làm lạ. Ông phê-bình các sách mới, mà mỗi kỳ ông chỉ nói những chuyện đầu đầu, nói về mình nhiều nhất, không hề dǎng-dống đến các sách-vở mới xuất-bản. Chính ông đã nói rằng chức-vụ của nhà phê-bình là « nhân đọc các sách hay của cổ-kim mà thuật những chuyện kỳ-ngộ của tâm-tri mình » (*raconter les aventures de son âme au milieu des chefs-d'œuvre*). Các bài phê bình đó rồi sau phần nhiều sưu-tập cả thành sách, 4 quyển xuất-bản năm 1888, 1889, 1891 và 1892, cũng đề tên là « Đời văn-học » (*La Vie littéraire*). Ngày nay đọc lại như đọc tập « Tùy-bút » (*Essais*) của MONTAIGNE đời xưa, như nghe tác-giả ngồi nói chuyện với mình, lời-lời châu-ngọc mà ý-tử bóng-bẩy xa-xôi, rất là thú-vị. Thông-minh dĩn-ngộ như ông, không còn lẽ gì là không hiểu, không còn ý gì là không biết, không có cái trạng-thái mới-mẻ đến đâu mà không lý-hội được. Bởi thế nên đối với các nhà văn nhà thơ mới khởi-xướng lên những lối thi-văn lạ tại là mắt cho người đời, ông cũng không phải là nhất-thiết bài-xích cả: Như phái « Biểu-trượng » (*Symboliste*) xướng ra một lối thơ mới, toàn dùng lời tỉ-dụ để biểu-trượng các ý-tử, công-nhiên phản-đối với phái *Parnasse* là phái giữ lối thơ-văn cổ-diễn trang-nghiêm, ông tuy vẫn cảm-tình với phái cũ, nhưng lại hoan-nghênh cả phái mới, đến mất lòng với những thầy bạn cũ. Tuy-nhiên, ông cũng biết rằng những lối-lãng mới đó hãy còn sốc-nổi lắm, chưa phải là văn-chương đứng mục. Thực ra, cứ cái sở-thích riêng của ông thì ông chỉ ưa lối văn-chương cổ-diễn mà thôi, như văn

thể kỷ thứ 17 và 18 vậy. Duy cái cách phê-bình của ông có trái với lối những nhà phê-bình chuyên-môn như BRUNETIÈRE. Ông phê-bình văn-chương không có theo phép-tắc nhất-định, chỉ tùy sự cảm giác tức-thời mà thôi, nghĩa là đọc quyển sách, xét lời văn, bất-luận là nó có hợp với thể-cách nhất định hay không, miễn là mình lấy làm thích và nhân đó gọi ra cái tư-tưởng riêng của mình, thế là hay. Cho nên đối với các lối thơ-văn mới, tuy ông chữa lấy làm mãn-nguyện, vì nó chưa thành thể-cách gì, nhưng ông cũng hiểu rằng có cái mới ở đó và biết công cho người ta vậy.

Tháng 6 năm 1893 ông thôi không giúp báo *Le Temps* nữa, văn-sĩ DESCHAMPS vào thay ông. Bấy giờ ông bỏ lối phê-bình văn-học, chuyên lối tiểu-thuyết đoản-thiên là lối có thể tự-do tưởng-tượng và dụng bút hoạt kê hơn.

Tự năm 1889 ông đã xuất bản một tập truyện đoản-thiên, đề theo tên truyện đầu là *Balthasar*. Truyện này là thuộc về lối truyện *Noël*, tức như truyện truyền-ký truyện cổ-tích của An-Nam ta, viết cho con trẻ đọc những buổi đêm đông về tiết *Noël*, mà người lớn xem cũng thú-vị lắm. Truyện *Balthasar* là truyện vua Do-thái đời xưa, có ý muốn khôi-phục lại lịch-sử những thời cổ-đại. Trong tập ấy còn truyện « Cái ông chúa », là truyện một vị công-chúa nhỏ tuổi bị lũ quân Lùn nó bắt, truyện trẻ con mà có lý-thú. Lại có truyện đề là *Loeta Acilia*, có ý muốn so-sánh cái tinh-thần cổ La Hi với cái tinh-thần đạo Cơ-đốc, đem cái nọ đối với cái kia, tức như trong bài kịch « Tiệc cưới thành *Corinthe* » trước kia cũng đã ngụ cái ý đó rồi.

Đến năm 1890, ông xuất bản bộ trường-thiên tiểu-thuyết đề là *Thaïs*, là truyện một người kỹ-nữ thành *Alexandrie* do thầy tu PAPINUCE hóa cho theo đạo Thiên-chúa. Truyện này cũng

là ngụ-ý đem cái văn-hóa cổ La-Hi tự-do phóng-khoảng mà đối với cái chế-độ đạo Cơ-đốc khô-hanh nghiêm-khắc, tiêu-biểu ra hai nhân-vật, là một người gái lãng và một người thầy tu, người gái lãng tức là chủ-nghĩa dật-lạc của La-Hi, người thầy tu tức là chủ-nghĩa chế - dục đạo Thiên - chúa. Sách này lời văn bóng-bẩy, ý-từ cao-xa, tả cảnh như vẽ, đàm-thoại như ru, có cái vẻ nhẹ-nhàng, có cái thú tao-nhã, thật là khoái-trả vô-cùng.

Năm 1892 xuất bản tập « Cái hộp xà-cừ » (*L'Etui de Nacre*), trong có chừng 15 truyện đoản-thiên, trước đã in rải-rắc mọi nơi, nay sưu-tập lại làm một quyển. Trong các truyện đó có truyện « Quan thái-thú đất Do-thái » (*Le Procureur de Judée*), được ông RENAN cảm-phục lắm, cho là một áng văn-chương kiệt-tác.

Năm 1893 xuất bản bộ « Cái lò quay của bà Vương-mẫu PÉDAUQUE » (*La Rotisserie de la reine Pédauque*). Truyện này thì kỳ-quặc lắm, tức là một truyện yêu-thuật, khảo trong những sách cổ, mà đặt thành lối tiểu thuyết, nhiều chỗ người thường đọc cũng khó hiểu. Nhưng ngoài những đoạn đó, còn nhiều đoạn khác văn-chương diễm lệ, nét bút tinh-thần, vẽ ra những bức họa thật tài-tinh. Nhất là trong truyện có một nhân-vật thú lắm, tức là đại-biểu cho tác-giả, mà là cái kỳ-công sáng-tạo của tác-giả. Nhân-vật này là thầy dòng JÉROME COIGNARD, làm người bàng-quan trong truyện, nghị-luận huyền-thiên, nói-năng hoạt-bát, ý-từ cao-kỳ, lời văn hoa-mĩ, tinh-khí ôn-hòa bình-thản, gặp sao hay vậy, lắm khi bị cái dục-tinh nó cám-dỗ, cũng mắc phải lắm truyện kỳ-khôi, nhưng dù xử vào cảnh-ngộ nào mặc lòng, vẫn cứ điềm-nhiên tươi-tinh; song từng-trải sự đời đã lắm, đối với hết thảy mọi sự đều mang một bụng hoài-nghi vô-cùng. Thầy dòng đó người ta bảo

hình là ANATOLE FRANCE đó vậy.

Ông đã tạo ra được một nhân-vật hết với mình như anh em vậy, tất phải đem lòng đặc-biệt yêu-giấu, nên không thể dứt cho đành được. Vậy liền ngay năm sau là năm 1893 xuất-bản một quyển đề là « Ý-kiến của Jérôme Coignard » (*Les Opinions de Jérôme Coignard*). Quyển này thì không có những truyện yêu - thuật nữa, toàn là lời nghị-luận tự-do cả. Nào là khoa-học, nào là triết-học, nào là luân-lý chính-trị, nào là chế-độ xã-hội, thấy thấy đều đem ra phê-bình cả, mà phê-bình tới đâu là phá hoại tới đó, dường như hết thấy là vô-nghĩa-lý cả, lấy lẽ phải mà nghị-luận thì không còn gì hết. Thật là chủ-nghĩa hoài-nghĩ cực-đoan vậy. Nhưng cách nghị-luận khoái-trả vô-cùng.

Năm 1894 xuất-bản bộ tiểu-thuyết « Hoa bách-hợp đỏ » (*Le Lys rouge*), khác hẳn lối tiểu-thuyết của ông từ trước. Những tiểu-thuyết trước hoặc là trường-thiên, hoặc là đoản-thiên, toàn là muyện câu chuyện tình-cờ đề làm cái cớ mà làm văn tả-tình tả-cảnh, đề làm cái đề mà nghị-luận tự-do, chứ không thực là kết-cấu thành truyện. Lần này thì thật là soạn một bộ tiểu-thuyết đúng phép-tác, thủy-chung là một, kết-cấu hẳn-hoi, mà truyện cũng là truyện tình, tả về cái tình khốc-hại của một nhà mỹ-thuật với một vị bá-tước-phu-nhân, truyện cũng lâm-ly ai-oán lắm. Nhưng theo thói thường của các sách ông, chỗ hay không phải là ở chỗ chính truyện, mà lại ở chỗ bàng-sang bên ngoài. Ngoài hai nhân-vật chính, có nhiều những nhân-vật phụ, lại có đặc-sắc hơn, như một nhà làm thơ nọ hay nhà thăm-mỹ kia, thật mô-tả ra một cách rất linh-hoạt. Lại những đoạn thuật cảm-trưởng du-lich Ý-đại-lợi, cũng là tinh-vi diễm-lệ lắm. Nhưng hay nhất là cái văn trong bộ sách này, thật là khoái-trả vô-cùng. Nhà phê-bình có tiếng là

bằng một câu rằng : « Văn này hóa-hợp lắm chất quý như loài kim đất *Corinthe*, trong văn này có văn RACINE, văn VOLTAI-RE, văn FLAUBERT, văn RENAN, mà thủy-chung vẫn là văn ANATOLE FRANCE. Người này có cái tài đem cái diễm-lệ đến tuyệt-phẩm : thật là cái hoa thơm tuyệt-trần của tinh-thần La-tinh vậy. » Lời tán-dương ấy kể cũng đích-đáng lắm.

Bộ tiểu-thuyết « Hoa Bách-hợp đỏ » là lối tiểu-thuyết ngôn-tình. Nhưng cõi tình là cõi phiền-lụy khổ-sở, làm cho người ta thất-vọng đau lòng. Nhà văn cao-kỳ như ông không muốn đem ngọn bút thanh-tảo mà tả những cái tình-dục nồng-nàn, chỉ muốn dùng đề diễn những tư-tưởng bóng-bầy. Ông đã tự nói rằng : « Ta có phóng-túng, ta chỉ muốn phóng-túng một cách âm-thầm về đường tư-tưởng tinh-thần vậy. » Bởi thế nên ông bỏ lối tiểu-thuyết ngôn-tình, mà năm 1894 ông lại trở về lối văn nghị-luận tự-do. Năm ấy xuất-bản bộ sách đề là « Vườn EPICURE » (*Le Jardin d'Epicure*). EPICURE là tên một nhà triết-học Hi-lạp ngày xưa, giữ chủ-nghĩa hoài-nghĩ, chỉ biết cầu lấy sự khoái-lạc mà thôi. Lấy tên ông thầy đó mà đặt vào sách, thì đủ biết cái ý-nghĩa của sách. Lời văn đầy cùng một giọng, tư-tưởng cùng một điệu như ý-kiến ông thầy-dòng COIGNARD trước. Lối văn tùy-bút, gặp tư-tưởng gì thì biên chép lấy, đoạn ngắn đoạn dài, thâm-si sai-biệt, mà bao-quát cả các vấn-đề : nào là vũ-trụ bao-la, nào là thế-giới cùng-tận, nào là khoa-học tôn-giáo, nào là mỹ-thuật triết-lý, nào là những chuyện linh-nghiệm kỳ-tích, nào là những lẽ thiện ác ở đời, nào là chuyện đàn bà con gái, nào là chuyện khổ-hạnh tu-hành, vân vân, hết thấy đều phàm-bình một cách tự-do khoáng-đạt. Mà kết-luận chỉ một câu, là hết thấy là chuyện hư-không hão-huyền cả, và vũ-trụ thật là không thể sao hiểu được.

Cái triết-học hoài-nghi tiêu-cực ấy lại thấy xuất-hiện ra trong bộ sách sau, đề là « Cái giếng *Sainte-Claire* » (*Le Puits de Sainte-Claire*), xuất-bản năm 1895. Sách này lại là một tập truyện đoản-thiên, cả thấy có 11 truyện. Trong đó có một truyện hay nhất, có ý-tư nhất, đề là « Cái bi - kịch của loài người » (*L'Humaine tragédie*). Kể truyện thầy tu nước Ý-đại-lợi tên là *FRA GIOVANNI*, một lòng từ-bi bác-ái, đến ở đất *Viterbe*, chỉ gia công làm phúc cho người đời, mà không được người đời biết công cho, toàn gặp những hoạn-nạn gian-truân, bị những bách-hại khổ-thống, sau Ma-vương hiện xuống, báo cho biết rằng cõi Chân-lý không phải ở đời này, chẳng qua mỗi người chỉ được một mảnh sự thực, đã tưởng là chân-lý hoàn-toàn, không biết rằng phải đem họp cả các sự thực nhỏ lại mới làm ra sự thực lớn, cũng như là ánh sáng trắng phải họp cả các sắc trong kính tam-giác mới thành ra được. Vậy thì người ta tự-phụ rằng ở đời có thể thu-hoạch được cái chân-lý hoàn-toàn là mơ-tưởng hảo-huyền mà ưởng công vô-ích vậy.

Ngày 23 tháng giêng năm 1896 ANATOLE FRANCE được bầu vào Hàn-lâm-viện nước Pháp, thay chân cho FERDINAND DE LESSEPS, là người đã có công đào ra vận-hà *Suez*. Khi bầu cử ông được 21 phiếu đối với 12 phiếu bầu cho nhà chủ báo FRANCIS CHARMES. Ngày 24 tháng 12 làm lễ nghênh-tiếp ở tòa Hàn-lâm, do ông hàn-lâm OCTAVE GRÉARD đọc bài diễn-thuyết mừng. Theo lệ tòa Hàn-lâm, ông hàn mới phải đọc diễn-thuyết tán-dương công-nghiệp người mình thay chân. Bài diễn-thuyết của ANATOLE FRANCE thuật về sự-nghiệp FERDINAND DE LESSEPS, ai cũng khen là lời-lẽ đúng-dẫn, giản-dị mà có ý-tư.

Nhưng tiếp đó thì nước Pháp xảy ra cái án viên quan bà DREYFUS tòng-sự tại bộ Tham-mưu, bị tình-nghi là tư-thông với Đức để bán những bản-đồ quân-

phòng cho chinh-phủ Đức, phạm vào tội phản-quốc. Nhân cái án này mà dư-luận cùng quốc-dân Pháp chia ra làm hai đảng, công-kích nhau rất kịch-liệt: một đảng quyết là DREYFUS có tội thật, lấy lẽ quốc-gia mà xin trừng-trị cho nghiêm; một đảng tin rằng DREYFUS vô-tội, chỉ vì kẻ thù gieo vạ cho mà thôi, lấy lẽ công-bằng, lẽ nhân-đạo mà xin phải sát-hạch lại cái án đó.

ANATOLE FRANCE hồi đầu cũng không can-thiệp vào việc này, nhưng được ít lâu thì quả-quyết ra chiến-dấu, vì lẽ công-bằng nhân-đạo xin tái-thẩm cái án oan đó. Ông cố-động một cách nhiệt-thành, ông chiến-dấu một cách hăng-hái, người ngoài không ngờ nhà văn mà có cái nghị-lực đến thế. Ông là người trong đám hội-hữu thì nói chuyện thú-lắm, nhưng không phải là nhà diễn-thuyết ở nơi công-chúng; vậy mà thấy ông bạo-dạn ra giữa đám đông mà cố-động hô-hào, bấy giờ mới rõ cái tinh-cách ông thật là người con tinh-lhần của phái « Triết-học » thế-kỷ thứ 18. Đặc-sắc của các nhà này là vừa ôm cái tư-tưởng hoài-nghi mà vừa mang cái bụng dạ hào-hiệp,

Giữa đường dẫu thấy bất-bình mà tha!

ANATOLE FRANCE cũng có cái tâm-lý như các bậc tiền-bối đó. Thấy có người phải tội vạ, mình chắc là mắc oan, thì không quản gì những lẽ quân-phòng, lẽ quốc-gia cả, chỉ biết người oan thì ta phải dẫn thân ra cứu, không thể khoanh tay mà ngồi nhìn được. Tự bấy giờ thì tư-tưởng ông thay-đổi hẳn. Văn-chương không có cái giọng điềm-nhiên lãnh-đạm như trước nữa, không có cái vẻ trào-phúng hoạt-kê như xưa nữa. Hồi ấy xuất-bản luôn một bộ sách 4 quyển đề là « Sự đời nay » (*Histoire contemporaine*), nửa lối tiên-thuyết, nửa lối nghị-luận, mà người chủ-động trong truyện là một nhân-vật có đặc-sắc vô-cùng, cũng là cái công sáng-tạo tuyệt-luân của tác-giả như thầy dòng JÉROME COIGNARD hồi

trước, mà cũng làm đại-biểu đề nghị-luận thay cho tác-giả. Nhân-vật mới ấy đặt tên là « Ông BERGERET » (*Monsieur Bergeret*). Vậy từ nay tư - tưởng của ANATOLE FRANCE là mượn lời ông *Bergeret* mà diễn ra cả. Quyền thứ nhất trong bộ sách đó đề là « Cây du trên đường tãn-bộ » (*Orme du mail*) xuất-bản năm 1897, tả chuyện hai thầy đồng tranh nhau chức « đứơc-cha », chuyện khôi-hài tả một cách rất thần-tinh, hai thầy tu đó thật là vẽ bằng nét bút thiên-cổ ; ông BERGERET trong quyền này còn mới là đứng địa-vị bàng-quan để nghe câu chuyện của người đương-sự mà thôi, thỉnh-thoảng bàn lẽ rằm ba câu thú-vị. Quyền thứ nhì đề là « Người bù - nhìn bằng mây » (*Mannequin d'Ostier*) xuất - bản năm 1897, các nhân-vật quyền này đã nhiều hơn chuyện trước. Ông BERGERET cũng dần dần có một địa-vị quan-trọng hơn, những chuyện gia-đình khốn-nạn của ông, ông kể ra một cách chua-cay mà thú-vị. Quyền thứ ba xuất-bản năm 1899 đề là « Cái nhẫn bằng ngọc tử-thạch » (*Anneau d'améthyste*), quyền này thì tả chuyện trong hai thầy đồng tranh nhau, một thầy được thắng vì có người ngoài trợ-lực. Quyền này thì đã chịu ảnh-hưởng sâu về cái án DREYFUS, ông BERGERET bấy giờ nghị-luận đã hăng-hái lắm, thành một nhà triết-học mang cái chủ-nghĩa nhân-đạo, và công-nhiên có cái tư-tưởng bè-đảng, thiên hẳn về một bên để phản-đối bên kia, bỏ cái thái-độ trung-lập, mà lấy cái tư-cách đảng-phái. Tinh-cách đó trong quyền thứ tư là quyền cuối cùng bộ sách, xuất-bản năm 1901, lại càng rõ-rệt lắm. Quyền này đề là « Ông BERGERET ở Paris » (*Monsieur Bergeret à Paris*) chỉ thuần nói về chuyện ông. Ông BERGERET ở đây không còn tư-tưởng hoà-nghĩ gì nữa, quyết đề-xướng cái chủ-nghĩa cải-cách duy-tân cho loài người.

Trung-gian , năm 1899 và năm 1900 có xuất-bản hai bộ sách nữa, một bộ

thuật chuyện ký-ức về thuở đồng-ấu và thuở thanh-niên của tác-giả đề là « *Pierre Nozière* », một bộ đề là « *Clio* », sưu-tập năm truyện đoản-thiên, thuộc về năm thời-đại khác nhau trong lịch-sử cổ-kim.

ANATOLE FRANCE từ nay đã có cái tư-tưởng vì nhân - loại, vì công-lý, nên vẫn nuôi một tấm lòng hăng-hái, muốn sáng-tạo ra một nhân-vật mới nữa để tiêu-biểu cho sự bất-bình trong xã-hội. Nhân-vật mới đó đặt tên là CRAINQUEBILLE, là một anh bán hàng giống, mắc phải một cái án oan, kể cũng là việc làm-thường không quan-hệ gì, mà rồi sau sinh ra nhiều chuyện lối-thôi, việc nhỏ mọn mà có cái ý-nghĩa to về xã-hội. Nhân-vật đó làm chủ-động cho một đoản-thiên tiêu-thuyết đề là « Việc CRAINQUEBILLE » (*Affaire Crainquebille*) xuất-bản năm 1902. Nhân chuyện này tác-giả lại đặt ra một bài kịch một hồi ba cảnh, đem diễn tại rạp hát *Renaissance* ngày 28 tháng 3 năm 1903.

Hồi bấy giờ ANATOLE FRANCE vừa soạn sách văn-chương, vừa làm sách chính-trị. Sách chính-trị là những sách tùy cơ-hội mà xuất-bản, có ba bộ đề là « Tư-tưởng về xã hội » xuất-bản năm 1902, bộ « Giáo-hội và Dân-quốc » xuất-bản năm 1904, một bộ đề là « Mong được thời-thế tốt hơn », xuất-bản năm 1907, bộ này có ba quyền, sưu-tập những bài diễn-thuyết của ông đọc từ ngày 28 tháng 11 năm 1898 đến ngày 24 tháng 2 năm 1906, giữa hồi việc án *Dreyfus* đương kịch-liệt. Trong các bài diễn-thuyết đó, có một bài thuộc về văn-học cũng có giá-trị lắm, là bài năm 1903 đọc tại lễ khánh-thành tượng kỷ-niệm ông RENAN ở *Tréguier*.

Hồi đó tuy tác-giả có can-thiệp về việc chính-trị, việc xã-hội, mà không quên lối văn-chương tưởng-tượng. Năm 1903 xuất-bản một bộ tiêu-thuyết đề là « Truyện con hát » (*Histoire comique*) là truyện hai người đào kép có tình thương yêu nhau mà sau phải

lia nhau, chỉ vì sự ghen xa-xôi của một kẻ đã tự-tử rồi mà phải biệt nhau. Năm 1905 xuất-bản quyển đề là « Trên hòn đá trắng » (*Sur la pierre blanche*), sách này không phải hẳn là một quyển tiểu-thuyết, chính là hai truyện ghép lại thành một quyển, một truyện là truyện quan Tổng-đốc La-mã cai-trị đất Do-thái, ngồi nghị-luận về hậu-vận của La-mã đế-quốc mà không biết rằng đế-quốc ấy sắp đến ngày nguy-vong; còn một truyện thì tả ra một giấc mộng tưởng-tượng thế-giới vào khoảng 2270 thế nào, bây giờ các nơi thành-thị không còn nữa, các nước Âu-châu sẽ hỗn-hợp cả làm một. Sách này cũng là lối văn-chương tưởng-tượng, không khác gì các quyển trước.

Năm 1908 xuất-bản một bộ đề là « Đảo chim xanh - ganh » (*L'île des Pingouins*), không phải hẳn là lối tiểu-thuyết, nhưng có cái tính-cách nửa là văn tưởng-tượng, nửa là văn ngụ-ngôn, ám-chỉ về lịch-sử nước Pháp. Nhiều đoạn kết cấu cũng buồn cười, nhưng toàn truyện thì có cái ý-vị rất yếm-thê, cho lịch-sử chẳng qua là một cái trường-mộng mà là một cái ác-mộng, mà người ta chỉ là một giống động-vật tàn-ác.

Cũng năm 1908 xuất-bản một tập truyện đoản - thiên đề là « Truyện của chàng Jacques Tournebroke » (*Contes de Jacques Tournebroke*), toàn là những truyện giản-dị, thuật theo lối truyện cổ-tích, lối văn dễ-dàng mà tích truyện cũng thật-thà bình-dị. Sách này là phỏng theo lối truyện ngụ-ngôn đời Trung-cổ.

Năm 1909 xuất-bản một tập đoản-thiên tiểu-thuyết đề là « Truyện bảy vợ của chàng Râu xanh » (*Sept femmes de Barbe Bleue*), các truyện trong tập này toàn có ý-nghĩa về triết-lý cả. Đại-khái có ý nói rằng người ta hay tự-phụ biết được việc đời trước, nhưng chẳng qua là hảo-huyền cả. Xưa nay ai cũng cho « chàng Râu xanh » là đứ đả tàn-ác, lấy bảy vợ giết cả, bảy vợ, nhưng tác-

giả chứng rằng chàng « Râu xanh » là người rất hiền-lành, chính tội là bảy người vợ hư thân mất nết làm cho chàng phải khổ-sở trăm đường, thực là trái hẳn với tục - truyền cùng sử-sách. Xem thế thì biết làm sử thực là hảo-huyền.

ANATOLE FRANCE đã lâu vẫn có ý làm một bộ sách về JEANNE D'ARC, là vị nữ-anh-hùng đã cứu cho nước Pháp khỏi người Anh xâm-chiếm, nên đã từng khảo-cứu kỹ-càng lắm. Ý đó ông tuyên-bố cho công-chúng biết từ mấy năm trước, nhưng sách soạn mãi chưa xong, thiên-hạ lấy làm ngóng đợi lắm. Một người mang cái chủ-nghĩa hoài-nghi như ông, không tin lịch-sử mà cũng không tin lòng người, lại có cái tư-tưởng phản-đối cả những sự dị-đoan quái-đản về tôn-giáo, không biết nói về truyện JEANNE D'ARC thế nào, thiên-hạ có ý mong mà cũng có ý sợ, sợ là sợ ông lại đem ngọn bút phê-bình khốc-liệt hay giọng văn trào-phúng hoạt-kê mà phá mất một vị thần xưa nay quốc-dân vẫn mê-tin. Vì cứ như cái tư-cách của ông thì không lẽ nào ông lại làm sách đề tán-dương JEANNE D'ARC được. Sở-dĩ ông định viết sách về JEANNE D'ARC là xưa nay ông vẫn có tình hiếu-kỷ, những truyện quái-đản bất-kinh là ông muốn khám-phá cho rõ. Thiên-hạ đợi mãi, năm 1908 mới thấy xuất-bản hai quyển sách dày đề là « Truyện JEANNE D'ARE » (*La Vie de Jeanne d'Arc*), lời văn thật-thà, phỏng theo lối cổ, nhưng vẫn ba-lan thú-vị. Cái chủ-ý lập-thuyết trong sách này là chứng rằng bà JEANNE D'ARC chẳng qua là một người điên như người có đồng-bóng, không có tài-năng gì, chẳng biết võ nghệ gì, chỉ bị bọn thầy tu muốn ủng-hộ vua CHARLES thứ 7 lợi - dụng đó mà thôi. Thuyết đó kể cũng không có bằng-cứ gì hơn thuyết trái lại, nhưng không được đẹp lòng quốc-dân Pháp, nên sách mới xuất-bản, thiên-hạ dị-nghị lắm. Cứ ý-kiến các nhà phê-bình thì trong sự-nghiệp trước-tác của ông, sách này

thật đã không làm tăng danh giá cho ông vậy.

Và lại ông vốn không phải là nhà sử-học. Ông chỉ tài lợi-dụng lịch-sử để làm tiêu-thuyết mà thôi. Tài đó thật đã xuất-hiện ra rõ rệt trong một bộ sách xuất-bản năm 1912 đề là « Thần khát máu người » (*Les Dieux ont soif*), tả về những nhân-vật đời Cách-mệnh nước Pháp, mượn tên những chủ-nghĩa bình-dẳng bác-ái mà giết hại sinh-linh không biết bao nhiêu mà kể. Sách này người đời cho là một bộ sách kiệt-tác của ông. Vì thế-kỷ thứ 18 là một thời-đại ông am-hiêu lắm, khác nào như cái không-khí tự-nhiên của ông vậy. Ông hiểu lắm nên ông phán-đoán một cách công-bằng sáng-suốt và đối với những sự bạo động vô-ích, những sự giết hại tàn-ác, đối với cái lòng mê-tin về chủ-nghĩa cách-mệnh, đến quên cả nhân-đạo, bỏ cả lương-tâm, ra tay giết người như cỏ rác, ông làm án một cách rất nghiêm. Trong sách ông như khôi-phục cả được cái hoàn-cảnh nông-nàn kịch-liệt đời bấy giờ.

Năm 1914 xuất-bản sách « Thiên-thần nổi loạn » (*La Révolte des anges*), nói chuyện trên thiên-đường, kết-cấu rất kỳ-quặc. Truyện là truyện những thiên-thần có tội trên trời, bị giáng-hạ xuống địa-giới làm tay cách-mệnh. Ngô-nghĩnh lắm.

Năm 1914 chính là năm khởi ra cuộc Âu-chiến dữ-dội đây. Thần ở trên trời phải hạ xuống địa-giới : nhà văn trên lầu văn, cũng phải bỏ bút mực sách vở mà xuống dưới đường phố, ra nơi chiến-trường để mực-kích cái thâm-trạng không-tiền khoáng-hậu. Một người đa-tử đa-cảm như ông, trông thấy cái cảnh đau-đớn loài người đó, cảm lòng sao được. Bấy giờ ông tuổi đã cao, thường vẫn ở nơi biệt-thự, đặt tên là « *Villa Saïd* » ở cạnh rừng *Boulogne* là nơi ông sưu-tập được nhiều các vật mỹ-thuật, và thường tiếp các bạn-bè đàm-luận. Khi xảy ra việc chiến-tranh thì ông dời nơi biệt-thự mà về ở *Béchellerie*

ở nhà quê. Nhưng tư-tướng ông vẫn quanh-quất về việc thời-cục. Tự cái án *DREYFUS*, vì khác tư-tướng với các bạn hàn-lâm nên bấy lâu ông không từag đến họp ở hội Hàn-lâm nữa ; bấy giờ muốn tỏ ra là gặp lúc quốc-nạn, người trong nước phải giữ lấy đồng-tâm, không nên có tư-tướng gì khác nữa, nên ông quên cả sự biếm-cũ, lại ra họp ở hội Hàn-lâm. Khi thấy bọn tri-thức bên nước Đức lam giầy tuyên-cáo với thế-giới, bênh cho chính-phủ Đức đã gây ra việc chiến-tranh, ông lấy làm tức lắm, liền đứng lên phản-đối. Lại được tin quân Đức bắn phá nhà thờ thành *Reims*, là một kỳ-công kiến-trúc của mỹ-thuật Pháp, ông lấy làm giận quá chừng, cực-lực phản-đối mà nói rằng : « Quân Đức phá nhà thờ *Reims* thật là mang cái ô-danh thiên-cổ. Tên Đức ngày nay, cả thế-giới có tư-tướng đều cho là tên xấu-xa đáng khinh đáng bỉ vô-cùng. » Mấy năm chiến-tranh ông thường viết bài trong các báo để cổ-động lòng ái-quốc trong dân-gian. Các bài báo đó, năm 1915 sưu-tập thành sách đề là « Trên con đường Minh-siêu » (*Sur la Voie glorieuse*). Năm 1917 có người bạn nước Pháp nên giảng-hòa, ông cực-lực phản-đối rằng nước Pháp tất phải chiến-tuất rồi mới giảng-hòa được. Ông là người vốn có cái tư-tướng tự-đo, không câu nệ về những tư-tướng quốc-gia đẳng-cấp, xưa nay vẫn tưởng là người lãnh-dạ về việc nước, ngoài sự-nghiệp văn-chương, ngoài chủ-nghĩa khai-phóng, hết thấy cho là câu chuyện mo-hồ đáng hoài-nghi cả, vậy mà gặp lúc quốc-nạn, ông cũng biết sốt-sắng về việc nước, thật có kẻ không ngờ vậy.

Tuy-nhiên ông vẫn không bỏ cái khuynh-hướng chính-trị của ông ; nhân sự chiến-tranh, ông lại đem cái khuynh-hướng ấy đến cực-doan, khi việc chiến-tranh xong thì ông nghiêm-nhiên đứng vào đảng công-sản. Năm 1921 ông được phần thưởng *Nobel*

về văn-chương, hội-dồng ban thưởng nói là đề thưởng cho cả toàn-thể trước-tác của ông, vì lời văn thanh - tao hợp với thể-cách cổ-diễn. Bấy giờ ông thân-hành đến thành *Stockholm* để cùng lĩnh thưởng với nhà hóa-học nước Đức NERNST. Thi - nhân nước Thụy - điển KARLFELD thay mặt hội-dồng diễn-thuyết khen ông là « một nhà đại-nho cổ-diễn cuối cùng và cũng là một nhà Âu-châu cuối cùng » (*le dernier grand classique et le dernier Européen*) nữa, nghĩa là khen ông văn-tài đã dừng mực mà tư-tưởng lại rộng-rãi, không có cái bụng chần-vực về quốc-gia gì cả, thật là đáng làm người dân cả Âu-châu, chứ không phải dân một nước Pháp, mà ngày nay một người hoàn-toàn như thế không có nữa, ông thật là một người cuối cùng về hạng đó vậy. Ông trả lời lại cũng một giọng đó, và có câu nói rằng hòa-nước *Versailles* không phải là kết-liệu việc chiến-tranh, chỉ là nơi đại việc chiến-tranh ra mà thôi, lời đó người Pháp lấy làm phật-ý lắm.

Tuổi ông đã cao lắm rồi, sự-nghiệp văn-chương đến đây cũng là gần hết.

Ông còn xuất-bản hai quyển sách cuối cùng nữa, không phải là sách nghị-luận gì, chỉ thuật lại những câu truyện thừa nhỏ mà thôi, một quyển đề là « *Chang Pierre nhỏ* » (*Le petit Pierre*) xuất-bản năm 1918, một quyển đề là « *Tuổi thanh-xuân* » (*La vie en fleur*), x: ất-bản năm 1921, thuộc vào cái lối nửa tiểu-thuyết, nửa tự-truyện, là lối cũ của ông từ trước. Ông già 80 thuật truyện lên mười, có cái khí-vị thanh-tản, cũng thú lắm.

Năm ông 80 tuổi, không những các nhà văn trong nước mà cả các nhà văn trong thế-giới đều đến chúc mừng ông, làm lễ thọ long trọng lắm. Nhưng cách đây 6 tháng thì ông bị bệnh mà từ trần. Ông bị bệnh cứng mạch máu (*artériosclérose*) phải đau trong ba tuần-lê, lúc lâm-chung còn kêu một tiếng « mẹ ơi ». Nhà nước làm lễ quốc-táng cho ông. Các đảng chính-trị về phái tả cũng biểu-

lình đề tỏ lòng tôn-trọng ông; kẻ thức-giả cho làm như vậy là không nên, vì một bậc thiên-tai như ông là của chung cả nước, không phải của riêng một đảng nào, không nên đem cái tên ông mà can thiệp vào những vấn-đề đảng-phái.

Cứ bình-tĩnh mà nói, dù cái khuynh-hướng Chính-trị của ông thế nào mặc lòng, không chính - đảng nào có thể nhận ông là người của mình được. Trong sự-nghiệp trước-tác của ông có mười quyển sách thật là kiệt-tác (*Les Poésies, Sylvestre Bonnard, le Livre de mon ami, Thaïs, la Rôtisserie, le Lys rouge, l'Orme du mail, le Mannequin d'osier, l'Affaire Crainquebille, Les dieux ont soif*), đáng lưu-truyền đời đời thì xét ra những sách ấy tư-tưởng rất tự-do, văn-từ iắt tao-nbã, không thiên-lệch về đường nào, không mê-tin về sự gì, sáng-sủa đẹp-đẽ vô-cùng, dịu-dàng mát-mẻ vô-cùng, tưởng không có đảng chính-trị nào có thể mượn đề làm cái khí-cụ chiến-đấu được. Có kẻ bảo tư-tưởng ông thiên về cực-tả, đảng công-sản có thể nhận ông làm đảng-viên được, nhưng cứ mở sách ông mà xem thì những tay lập-luận về phái cực - hữu cũng kiếm được vô-số tài-liệu để chủ-trì cái thuyết bảo-thủ của mình, như những đoạn ông công-kính sự mơ-tưởng về dân-chủ, hay những đoạn ông thóa-mạ những kẻ cách-mệnh dùng cách bạo-động để giết hại người ta, thì ai bảo được một người đã viết những câu đó là có thiên về chủ-nghĩa bình-dân hay chủ-nghĩa cách-mệnh được. Thực ra thì cũng khó lòng mà biết rõ ông tin ở cái gì. Nói rằng ông tin về sự giải-phóng cho loài người thì cũng vị-tất, vì ông cũng không chắc rằng khoa-học có thể mưu được sự hạnh-phúc cho loài người. Nói cho phải thì ông vốn dĩ là một nhà hoài-nghi, ông hoài-nghi hết thấy, không những hoài-nghi về chính-trị, mà hoài-nghi cả về đạo-đức, về khoa-học, về nhân-nghĩa, về

chân-lý, cho đến mỹ-thuật ông cũng hoài-nghi nốt.

Tuy-nhiên sự hoài-nghi đó không phải là tuyệt-đối. Chính ông cũng tự-nhận rằng ông không thể hoài-nghi một cách tuyệt-đối được. Ông cũng muốn tin một sự gì. Ông nói rằng : « Tôi dù không tin gì, song cũng tin một điều rằng : vạn-vật là tương-đối và hiện-tượng là biến - thiên vậy. » Đứng trong cái thế-giới hiện-tượng, người đạt-nhân quân-tử, kẻ văn-học tai-tinh, cũng thấy được lẫn chuyện đáng vui, vui cho mình mà vui cho người nữa. Nào cảnh thiên-nhiên, nào cảnh nhân-tạo, thiếu gì cảnh mỹ-miền khả-ái, nơi thành-thị phồn-hoa, chốn lâm-vườn yên-đĩnh, công tình-xảo của loài người, cuộc sinh-boạt của vạn-vật, ấy hức tranh thiên-hình vạn-trạng, ấy cuộc múa vui-vẻ tới-bời bày ra cho mắt cho tai, cho tim cho óc ta đó, ta tha-hồ mà thưởng-thức, hay thì ta vỗ tay khen, dở thì ta cười nhạt cũng đủ, chẳng phải tức giận làm gì. ANATOLE FRANCE đem con mắt khách-quan đó mà xem xét về sự đời cùng cảnh-vật, thật là thoải cái lòng hiếu-kỳ, thỏa cái óc thưởng-thức, và nhất là thỏa cái trí hoạt-kê.

Ông đã có câu nói rằng : « Tôi càng nghĩ đến đời người thì càng tin rằng ở đời chỉ nên lấy bụng tượng người và trí hoạt-kê để mà quan-sát cùng phán-đoán cho việc đời. » Câu đó trích trong sách « Vườn Epicure » tưởng cũng là một lời châm-ngôn đích-đang có thể khám-phá được cái tư-tưởng mâu-thuẫn của ông.

Đối với những sự mơ-hồ đờ-dại của người đời, chỉ có cái trí hoạt-kê là cái khí-giới trị nổi. Nhưng cũng chưa đủ. Cuối đời mà cũng có khi phải khóc cho đời. Xét kỹ sự-nghiệp văn-chương của ANATOLE FRANCE dù lời văn bóng-bẩy, tư-tưởng cao-kỳ, mà vẫn hàm có cái ý-vị xót-xa cay-dắng, chán-ngán cho đời, không phải là cái thái-độ yếm-thế của những kẻ khoái-lạc lắm sinh chán-

chường-dầu, chính là tấm lòng đau-đớn của người chính-nhân quân-tử trông thấy những sự cuồng dại đờ-ác, bỉ-tiện xấu-xa ở đời mà xót-xa cho đời.

Nhà văn đã vốn có tính đa-cảm những điều trông thấy đủ làm cho đau-đớn lòng, cho nên từ thuở nhỏ mặc-kích thấy những sự oan-uổng ở đời đã lấy làm tức giận rồi. Vì trong lòng sẵn mối thương-tâm như vậy, cho nên càng trông thấy sự bất-bình lại càng lấy làm khó chịu, có lẽ cái khuyh - hươg chính-trị của ông là nguyên-nguyên tự đó vậy. Vì ông thương đời quá cho nên ông gieo mình vào những đảng cực-đoan muốn đề-phá-hoại cái xã-hội ngày nay mà gây dựng ra một cái xã-hội tốt đẹp hơn. Chẳng qua là vì quá thương người nên thành ra muốn phá-hoại hết thấy.

Song đó chẳng qua là cái mộng-tưởng của nhà văn, đối với ông không phải là ý-kiến nhà chính-trị. Ông cho rằng những sự mộng-tưởng không phải là vô ích; nhưng người thực-giả phục cái tài ông, cảm cái bụng ông, lại cho là một người như ông không nên mơ-tưởng những sự viển-vông như vậy. Dù thế nào mà: lòng, muốn phán-đoán về ông cho đích-đang, chỉ nên nhắc lại câu bình-phẩm của văn-sĩ MAURICE BARRÈS nói rằng : « Muốn gì thì gì, nhưng ANATOLE FRANCE vẫn có cái công to, là công duy-trì cho tiếng Pháp » (*Tout ce que vous voudrez, mais Anatole France a maintenu la langue française...*).

Ông không những có công duy-trì cho tiếng Pháp, mà lại có công duy-trì cho một phần rất qđ-báo trong tinh-thần nước Pháp nữa. Ông sở-đắc ở văn-học cổ-diễn La-Hi, lại sở-đắc ở các nhà chép truyện thế-kỷ thứ 16, sở-đắc ở văn-phái những nhà như RABELAIS, MONTAIGNE, MOLIÈRE, RACINE, VOLTAIRES, RENAN, SAINTE-BEUVE, nên thủy-chung vẫn giữ được tinh-thần của phái đó. Các phái xuất-hiện ra sau, như phái lãng-mạn (*l'école romantique*), phái biểu-tượng (*symboliste*), phái tả-chân

(*naturaliste*), phái mỹ-thuật (*artiste*), phái nào cũng có khuyết-diểm cả, hoặc là thái-quá, hoặc là bất-cập, ông nhất-thiết không nhiệm chut nào. Nào tả-cảnh, nào tả-tình, nào nghị-luận về nghĩa-lý, nào phân-tích về tinh-tinh, nào tự-thuật về sự-thực, nào kết-cấu bằng lý-tưởng, nào tưởng-tượng, nào thực-tế, nào hoàn-cảnh, nào biểu-tượng, cái gì ông cũng lợi-dụng làm văn-liệu được cả, mà không cái gì ông lạm-dụng đến quá-đáng bao giờ. Ông có cái đặc-tính vốn xưa là đặc-sắc của văn-minh Hi-lạp, sau này là đặc-sắc của văn-minh nước Pháp trong một hồi lâu: là sự điều-độ. Trong các lối văn có một lối dùng lời ít mà chỉ nghĩa nhiều, câu văn hàm-súc mà cứng-cáp, lối ấy là lối đặc-biệt của các văn cổ-diễn; lối ấy cũng chính là lối của ông vậy. Cho nên người ta nói ông là người tiêu-biểu cuối cùng của cái tinh-thần Hi-lạp (*atticisme*), là con hậu-sinh của thành Nhã-diễn (*Athènes*) vậy.

Đời này là đời thiên-hạ sinh cái thế-giới-chủ-ngĩa, nhất-thiết những cái quốc-hoa quốc-túy của mình ruộng bỏ cả, chỉ hăm-hở bất-chước của người mà chẳng nên thân, kẻ mô-phỏng người Anh, người phỏng chép người Đức, có kẻ muốn học đòi cả người Thụy-diễn với người Nga nữa, cho có khác của mình mới là hay là đẹp. Ông nhất-thiết không nhiệm phải cái «mốt» đó. Tuy có chịu ảnh-hưởng của các nhà tiểu-thuyết nước Ý cùng các nhà hoạt-kê (*humoristes*) nước Anh một đôi chút (như SWIFT, STERNE, DICKENS, v.v.), nhưng thủy-chung vẫn chỉ tỏ-thuật các văn-phái của nước nhà mà thôi, mà tỏ-thuật được hẳn phái chính-tông, gồm được cả cái tinh-thần sáng-sủa, cái phong-vân thanh-tản của văn-học Pháp.

Ông sinh ở thời-đại này, tất ông cũng tiêu-biểu cho thời-đại này, tiêu-biểu cho cả cái hay cái dở của thời-đại này, cái đó đã cố-nhiên rồi; mà thời-đại này là thời-đại có cái tinh-thần tin

ở sách-vở mà ngạo-mạn cả những cái đáng tôn-trọng từ xưa đến giờ, như nhân-nghĩa, đạo-đức, tôn-giáo, gia-đình, tổ-quốc, văn-vân. Nhưng đó là cái hiện-tượng nhất-thời mà thôi: thực ra thì chính là ông tiêu-biểu cho cái tinh-thần thiên-cổ của nước Pháp, tinh-thần ấy còn thì nước Pháp còn là nước Pháp, tinh-thần ấy mất thì nước Pháp không còn là nước Pháp nữa. Tinh-thần ấy là gì? là sự ham biết về tâm-lý người ta, về cổ-diễn trong nước, về sự-nghiệp tổ-tiên; là sự thông-minh đĩnh-ngộ mà có vẻ phong-vân thanh-tao; là sự diên-hòa thích-hợp mà tự biết nhận-chán mình; là sự sáng-sủa, nhẹ-nhàng, ung-dung, diêm-dứa; là sự vui-vẻ, hòa-nhã, ý-nhi, tiêm-tất; gồm cả bấy nhiêu tinh-cách lại tức là cái đặc-sắc của văn-hóa nước Pháp đó.

Nhà bình-phẩm thường nói rằng: Những truyện trong các sách-vở của ANATOLE FRANCE nhiều khi không phải tự ông đặt ra. Thập-mười có nhiều nhà tò-mò muốn biết những nguyên-liệu của ông lấy ở đâu. Có kẻ báng-bổ cho ông là một nhà mô-phỏng tầm-thường. Không biết rằng các nhà văn cổ-diễn La-Hi ngày xưa, thường thường cũng là mượn lẫn của nhau, không lấy sự sáng-nghĩ ra cái đầu dề làm quan-bé, chỉ cho cái tài là ở cách phò-diễn ra cho khéo mà thôi. ANATOLE FRANCE cũng vậy. Những truyện của ông ít khi tự ông đặt ra, thường thường là đọc được trong các sách cổ-nhân, rồi nhân đó mà kết-cấu thêm ra. Cái tài của ông là ở sự kết-cấu phò-diễn đó. Sách của ông có thể cho là một cái kho sưu-tập những văn-chương nghĩa-lý cổ-kim, mà tác-giả là người xếp đặt có tài, vẽ-với diêm-suyết thêm vào, kén-chọn lọc-lối, gồm lại toàn những tư-tưởng cao-thâm, văn-chương hoa-mĩ, tưởng-tượng li-kỳ, mô-lả tuyệt-bút, thật là một cái kho những ngọc-ngà châu-báu vậy. Đọc sách ông, trông như đọc sách MONTAIGNE cùng một lối văn-chương

tùy-bút, nghị-luận tự-do, nhưng chung-qui cũng là châu-tuần ở trong cõi nhân-tâm thế-sự cả, tuy có nhiều cái tư-tưởng trái với luân-lý thường, nhưng cũng có thể cho tác-giả là một nhà luân-lý được.

Ông đã sáng-tạo ra được nhiều nhân-vật, người đời chắc còn nhớ mãi mãi ; không những các nhân-vật chính, như SYLVESTRE BONNARD, JÉROME COIGNARD, MONSIEUR BERGERET, và GRAINQUEBILLE, mà đến các nhân-vật phụ cũng nhiều vai cho là bất-hủ được, những vai chỉ thoáng qua trong truyện một đôi lần, cũng khiến cho người đã xem qua còn phảng-phất nhớ mãi. Vì tuy là thoáng qua đi, nhưng hình-dung thái-độ rõ như hệt, đến cả tính-cách tinh-thần cũng không chộn lẩn được : nào như vai thầy tu, GUITREL cái lưng thì to mà tròn, lời nói thì ngọt sớt, mà trong bụng đầy những quyền-mưu tham-vọng ; lại như trưởng-giả WORMS-CLAVELIN, nghe chuyện ai thì hình như không lấy tai mà nghe, lấy miệng mà nghe, rồi hứng ngay lấy câu chuyện người ta, lựa ý mà trả lời cho vừa lòng. Các nhân-vật đó, vai nào cũng có chỗ buồn cười, vì tác-giả đặt ra đó phần nhiều để mà giễu cợt, nhưng tuy vậy không có vai nào là tục-lấn thô-bỉ. Dẫu có dở hơi, vẫn có cái vẻ đĩnh-ngộ. Tác-giả là một tay hoạt-kê đảo-đê, cái gì cũng nhạo-báng được, dường như không biết kính-trọng cái gì cả, vậy mà lời nói câu văn vẫn không có vẻ chua-cay độc-dạ gì, vẫn dịu-dàng êm-ái, mà có một cái phong-thú tuyệt-trần, như cái duyên riêng của thần-tiên đã phó-dữ cho vậy.

Cái duyên riêng đó, cái phong-thú đó là thứ nhất ở câu văn của ông. Văn giản-dị mà sáng-sủa biết bao. Thời-dại ông là một thời-dại « loạn văn », cái lò văn-chương đương nung-nấu, tưởng xuất-hiện ra những kỳ-hình quái-trang thế nào cũng được, ai còn biết tôn-trọng những nền-

nếp qui-củ cũ nữa. Nhưng ai thay đổi gì mặc ai, ông vẫn giữ cái văn-chương cổ-diễn của tiền-bổi không lập-dị, không hiểu-kỳ, cứ dùng lời văn bình-thường giản-dị mà vẫn có thể sâu-sắc cao-kỳ được.

Người đời tưởng thế là dễ lắm, không biết phải có công-phu nhiều mới viết được bình-thường dung-dị như vậy. Ông là một người tưởng như không biết sự cần-cù khó-nhọc : là cái gì, bao giờ cũng cứ ung-dung nhàn-hạ như không, vậy mà đến cái nghiệp văn-chương của ông thì ông rất là siêng-cần. Ông biết rằng nghề văn thật lắm công-phu, dẫu có thiên-tài cũng không thể không khổ-học được. Ông viết văn mà ông vẫn học văn của các bậc tiền-bổi, để làm mẫu-mực cho mình. Nhưng dù đến khi đã sành nghề rồi, đã tự-chủ được cái tài của mình rồi, hình như muốn khiến ra thế nào cũng được, thế mà đến lúc ấy lại càng dụng-công khó-nhọc vậy. Viết một câu nào, sửa đi chữa lại nhiều lần, để gọt chải-chuốt, hình như vẫn chưa lấy làm mãn-nguyên. Mỗi trang sách của ông đem ra in rồi, ông còn cắt đoạn này dán đoạn kia, chép đi in lại đến sáu bảy lần. Một người nhất-thiết cái gì cũng hoài-nghi cả, mà đến câu văn thì không hoài-nghi hao giờ : văn hay với văn dở ông phân-biệt thật rành-rẻ mà kén chọn cũng rạch-rời. Cho nên văn ông hay thì thật là hay, — mà thường thường là hay cả, — nhưng dẫu không hay lắm cũng không bao giờ dở.

Cái câu của ông nó dịu-dàng, nó êm-ái, nó uyên-chuyên, nó khinh-khiêu, cũng có lúc đường-dột lanh-lợi, nhưng thường là hòa-nhẽ ung-dung, đọc lên êm như ru, khoái cho tai nghe mà sướng cho miệng đọc, nhưng bao giờ cũng bề-ích cho thần-trí phải suy-nghĩ luôn luôn, vì văn ông là văn súc-tích, không phải văn phù-phiếm. Xét ra có hai thời-kỳ : thời-kỳ thứ nhất thì trọng ở lời, bao giờ cũng óng-ả chải-chuốt,

mà lắm khi cũng hùng-kính trang-nghiêm. Thời-kỳ sau thì trọng ở ý, là kể từ lúc tư-tưởng ông thiết-tha kịch-liệt hơn trước: lối văn bấy giờ thì lạnh-lẻ sắc-xảo, mà có ý nghiêm-khắc, không được hoa-mĩ như trước. Nhưng thủy-chung câu văn vẫn đứng mực như văn cổ-diễn, nhất là văn thế-kỷ thứ 18, vì đó chính là cái khuôn-mẫu của ông, về sau tuy cũng có nhiều nhà văn ông cảm - phục, như RENAN, nhưng ông không lấy ai làm thầy, trước sau chỉ thờ một VOLTAIRE là người đại-biểu rất rõ-rệt cho văn-chương tư-tưởng của thế-kỷ thứ 18.

VOLTAIRE với ANATOLE FRANCE, hai tên đó thật là liền với nhau, đứng một địa-vị đặc-biệt trong văn-học-sử nước Pháp. Tuy thời-dại không giống, tính-cách cũng có chỗ khác nhau, nhưng tinh-thần thật là một: hai người cùng biết ham mến cái cảnh đẹp ở đời, cùng biết xót-xa những sự đau-

đớn ở đời, cùng một tinh hoat-kẻ trao-phúng, đối với những cái đời thường kinh-trọng, nhất-thiết hoài-nghĩ cả; hai người cũng cùng sống lâu, cùng vinh-hiến, phúc-thọ gồm hai, nghiêm-nhiên làm chúa-tể trong cõi học trường văn một thời. Có người bàn nên làm một pho tượng kỷ-niệm ANATOLE FRANCE đặt đối-diện với tượng VOLTAIRE, hai người nhìn nhau mà lúm-tím cười, cái cười nhạo đời, cái cười đảo-đề; rồi chung-quanh tượng thì hình-dung ra mấy nhân-vật có sinh-hoạt nhất trong các sách-vở của ông, như bọn SYLVESTRE BONNARD, JÉRÔME COIGNARD, MONSIEUR BERGERET và CRAINQUEBILLE, vì bọn này đã được thiên-hạ công-nhận cho vào đại-kỷ-niệm văn-chương nước Pháp, cũng như người thật vậy, vai nào ra thái-độ vai ấy, mỗi vai tiêu-biểu cho một cái đặc-sắc của tinh-thần tác giả vậy

THƯỢNG-CHI biên-dịch

Văn Anatole France

Méditation sur l'Univers

Nous avons peine à nous figurer l'état d'esprit d'un homme d'autrefois qui croyait fermement que la terre était le centre du monde et que tous les astres tournaient autour d'elle. Il sentait sous ses pieds s'agiter les damnés dans les flammes, et peut-être avait-il vu de ses yeux et senti par ses narines la fumée sulfureuse de l'enfer, s'échappant par quelque fissure de rocher. En levant la tête, il contemplait les douze sphères, celle des éléments qui renferme l'air et le feu, puis les sphères de la Lune, de Mercure, de Vénus, que visita Dante le vendredi saint de l'année 1300, puis celles du Soleil, de Mars, de Jupiter et de Saturne, puis le firmament incorruptible auquel les étoiles étaient suspendues comme des lampes. La pensée prolongeant cette con-

Tư-tưởng về Vũ trụ

Ngày nay ta khó lòng tưởng-tượng được cái tâm trí một người đời xưa xác-tin rằng địa-cầu là trung-tâm thế-giới và các tinh-thứ đều quay chung-quanh. Họ tin rằng địa-ngục là ở ngay dưới chân, cảm-giác như kẻ có tội đương trần-trọc trong đám lửa thiêu, và có lẽ chính mắt trông thấy, chình mũi ngửi thấy khói dưới âm-ti, mũi như lưu-hoàng, ở khe đá nào bay lên vậy. Ngửng đầu lên, thời ngắm mười-hai vị hành-tinh, nào là vị chứa các nguyên-chất, có hơi với lửa, rồi đến Mặt-trắng, Thủy-tinh, Kim-tinh, là nơi thi-hào nước Ý DANTE đã đến thăm khi xưa, vào ngày thứ sáu là ngày thánh năm 1300, rồi đến Mặt-trời, Hỏa-tinh, Mộc-tinh, và Thổ-tinh, rồi đến bầu trời làm bằng chất bất-hủ, các ngôi sao treo vào đấy như cái đèn vậy. Rồi lại lấy trí nghĩ tiếp thêm cho mắt trông, dùng

templation, il découvrirait par delà, avec les yeux de l'esprit, le neuvième ciel où des saints furent ravis, le *primum mobile* ou cristallin, et enfin l'Empyrée, séjour des bienheureux vers lequel, après la mort, deux anges vêtus de blanc (il en avait la ferme espérance) porteraient comme un petit enfant son âme lavée par le baptême et parfumée par l'huile des derniers sacrements. En ce temps là, Dieu n'avait pas d'autres enfants que les hommes et toute sa création était aménagée d'une façon à la fois puérole et poétique, comme une immense cathédrale. Ainsi conçu l'univers était si simple, qu'on le représentait au complet, avec sa vraie figure et son mouvement, dans certaines grandes horloges machinées et peintes.

C'en est fait des douze cieus et des planètes sous lesquelles on naissait heureux ou malheureux, jovial ou saturnien. La voûte solide du firmament est brisée. Notre oeil et notre pensée se plongent dans les abîmes infinis du ciel. Au delà des planètes, nous découvrons, non plus l'empyrée des élus et des anges, mais cent millions de soleils roulant escortés de leur cortège d'obs-curs satellites, invisibles pour nous. Au milieu de cette infinité de mondes, notre soleil à nous n'est qu'une bulle de gaz et la terre une goutte de boue. Notre imagination s'irrite et s'étonne quand on nous dit que le rayon lumineux qui nous vient de l'étoile polaire était en chemin depuis un demi-siècle et que pourtant cette belle étoile est notre voisine et qu'elle est, avec Sirius et Arcturus, une des plus proches sœurs de notre soleil. Il est des étoiles que nous voyons encore dans le champ du télescope et qui sont peut-être éteintes depuis trois mille ans.

con mắt linh-thần mà trông thấy ở ngoài nữa có cõi *đệ-cửu-tầng-thiên* là nơi các thánh được *siêu-thăng-khoái-lạc*, cõi *thủy-tinh-chất*, rồi sau cùng đến *Cao-thiên Cực-lạc* là nơi những người được *toàn-phúc* lên ở đấy, chắc *tưởng-tượng* rằng sau khi mình chết thời sẽ có hai vị *thiên-thần* mặc trắng (trong bụng *đỉnh-ninh* chắc như vậy) đến mang cái *linh-hồn* mình lên đấy như *âm đũa trẻ con* vậy, *linh-hồn* bây giờ đã được vầy nước rửa tội lúc *so-sinh*, *sức dẫu làm phép* khi *hấp-hối* mà *sạch-sở thom-tho* lắm. Thời *bây giờ* duy có giống người là con của *Thượng-đế*, và cả cái *thế-giới* của *Thượng-đế sáng-tạo* ra là sắp đặt một cách *vừa thật-thà* vừa *có thi-vi*, như một ngôi nhà thờ lớn vậy. *Vũ-trụ* *tưởng-tượng* như vậy thời *giàu-oi* lắm, có thể *hình-dạng* được *toàn-thể*, như vẽ được *lưu-điện-mạo* cho đến cách *cử-động*, ở mấy cái *đồng-hồ* máy lớn đời xưa có vẽ hình.

Ngày nay thời *mười hai* tầng trời với các vị *hành-linh* *chiếu mệnh* làm cho người ta *sinh ra* được *siống* hay được *khỏe*, được *vui* hay được *buồn*, đã *mất cả* rồi. Bầu trời *rắn thể* mà cũng *vỡ tan ra* rồi. Con mắt ta, *tu-tưởng* ta nhìn suốt được vào cái *vực sâu vô-cùng* của *Vũ-trụ*. Ngoài các *hành-linh*, không phải là cõi *Cao-thiên Cực-lạc* cho những người có *phúc* với các vị *thiên-thần* ở *đâu*, nhưng *thầy hàng triệu* những *mặt trời khác*, *luân-chuyển* *hoài*, theo sau có *vô-số* các *vệ-tinh u-âm*, mắt ta không trông thấy. Ở giữa các *muôn vàn thế-giới* đó, thời *mặt trời* ta *chẳng* qua là một cái *bọt hơi*, mà *địa-cầu* là một *giọt đất bùn*. *Trí tưởng-tượng* của ta *lấy làm tức* và *lấy làm lạ*, nghe *thầy* nói rằng cái *tia sáng* tự ngôi sao *Bắc-đầu* *chiếu xuống* ta kia, nó *bắt đầu* đi *đã tự một nửa thế-kỷ* nay, mà ngôi sao *mỹ-miền* đó *chính là láng-giềng* của ta, cùng với sao *Lang tinh* và sao *Đại-giác* là *gần gũi* với *mặt trời* của ta *hơn cả*. Có ngôi sao còn *trông thấy* trong *vòng-vành* của *thiên-lý-kính* mà có lẽ *đã tắt* tự *ba nghìn năm* rồi.

Les mondes meurent, puisqu'ils naissent. Il en naît, il en meurt sans cesse. Et la création, toujours imparfaite, se poursuit dans d'incessantes métamorphoses. Les étoiles s'éteignent sans que nous puissions dire si ces filles de lumière, en mourant ainsi, ne commencent point comme planètes une existence féconde. et si les planètes elles-mêmes ne se dissolvent pas pour redevenir des étoiles. Nous savons seulement qu'il n'est pas plus de repos dans les espaces célestes que sur la terre, et que la loi du travail et de l'effort régit l'infinité des mondes.

Il y a des étoiles qui se sont éteintes sous nos yeux, d'autres vacillent comme la flamme mourante d'une bougie. Les cieux, qu'on croyait incorruptibles, ne connaissent d'éternel que l'éternel écoulement des choses.

Que la vie organique soit répandue dans tous les univers, c'est ce dont il est difficile de douter, à moins pourtant que la vie organique ne soit qu'un accident, un malheureux hasard, survenu déplorablement dans la goutte de boue où nous sommes.

Mais on croira plutôt que la vie s'est produite sur les planètes de notre système, sœurs de la terre et filles comme elle du soleil, et qu'elle s'y est produite dans des conditions assez analogues à celles dans lesquelles elle se manifeste ici, sous les formes animale et végétale. Un bolide nous est venu du ciel, contenant du carbone. Pour nous convaincre avec plus de grâce, il faudrait que les anges, qui apportèrent à sainte Dorothee les fleurs du Paradis, revinssent avec leurs célestes guirlandes. Mars selon toute apparence est habitable pour des espèces d'êtres comparables aux animaux et aux plantes terrestres. Il est probable qu'étant habitable, il est habité. Tenez pour assuré qu'on s'y entre-dévore à l'heure qu'il est.

L'unité de composition des étoiles est maintenant établie par l'analyse spectrale. C'est pourquoi il faut penser que les causes qui ont fait sortir la vie de notre nébuleuse

Các thế-giới có sinh thời có tử. Hằng ngày vẫn sinh vẫn tử luôn-luôn. Mà tạo-hóa không bao giờ làm thành-công, vẫn cứ biến hóa vô-cùng-tận. Sao vẫn tắt đi, nhưng ta cũng không biết rằng những « cô con gái của ánh sáng » đó chết đi rồi có sống lại làm hành-tinh mà khởi ra một cuộc đời tốt-đẹp nữa không, và chính hành-tinh không biết có tan ra mà lại trở thành sao nữa không. Ta chỉ biết rằng trên trời cũng như dưới đất, không có lúc nào nghỉ-ngơi, và cái luật lao-động nỗ-lực cũng là cái luật chung của muôn vàn thế-giới vậy.

Có ngôi sao tắt ngay trước mắt ta, có ngôi thời còn đang phát-phơ như ngọn nến sắp tàn. Cõi thanh-thiên, xưa kia tưởng là cõi bất-hủ, nay chỉ thấy vạn-vật lưu-chuyển luôn luôn, có cái đó là vô-cùng-tận mà thôi.

Thế-giới nào cũng có giống hữu-cơ sinh-hoạt, điều đó thời khó lòng ngờ được nữa, trừ ra cho rằng giống hữu-cơ sinh-hoạt chỉ là một sự ngẫu-nhiên, một sự tình-cờ rủi-ro, chẳng may mà phát-hiện ra trên cái giọt bùn chúng ta ở này.

Nhưng có lẽ là sự sinh-hoạt phát-sinh ra trên các hành-tinh thuộc về hệ ta, cũng là chỉ em với trái đất ta và là con-cái của mặt trời ta, và phát-sinh ra ở đây cũng giống cách-thức như ở đây, nghĩa là cũng xuất-hiện ra hình-thể động-vật và thực-vật. Có một khối vân-thạch ở trên trời rơi xuống, trong có thân-chất. Muốn cho ta phải chịu rằng trên trời có thần-tiên thật, thì các thiên-thần tương-truyền rằng xưa kia đem hoa trên Thiên-đường xuống dâng bà thánh DOROTHEE, nay cũng lại phải đem hoa trời hiện xuống cho ta trông thấy. Cứ bề ngoài mà xét thì sao Hỏa-tinh có thể ở được bằng các giống động-vật thực-vật như trên địa-cầu ta. Có thể ở được thì chắc có giống ở thật, có giống ở thì chắc hiện ngay bây giờ cũng đượng sâu-sé lẫn nhau đây.

Ngày nay dùng phép phân-tích ánh sáng bằng giác-kính thời biết chắc rằng nguyên-chất các sao cũng như nhau cả. Cho nên có thể đoán rằng

se l'engendrent dans toutes les autres. Quand nous disons la vie, nous entendons l'activité de la substance organisée, dans les conditions où nous voyons qu'elle se manifeste sur la terre. Mais il se peut que la vie se produise ainsi dans des milieux différents, à des températures très hautes ou très basses, sous des formes inconcevables. Il se peut même qu'elle se produise sous une forme éthérée, tout près de nous, dans notre atmosphère, et que nous soyons ainsi entourés d'anges, que nous ne pourrions jamais connaître parce que la connaissance suppose un rapport, et que d'eux à nous il ne saurait en exister aucun.

Il se peut aussi que ces millions de soleils joints à des milliards que nous ne voyons pas, ne forment tous ensemble qu'un globule de sang ou de lymphe dans le corps d'un animal, d'un insecte imperceptible, éclos dans un monde dont nous ne pouvons concevoir la grandeur et qui pourtant ne serait lui-même, en proportion de tel autre monde, qu'un grain de poussière. Il n'est pas absurde non plus de supposer que des siècles de pensée et d'intelligence vivent et meurent devant nous en une minute dans un atome. Les choses en elles-mêmes ne sont ni grandes ni petites, et quand nous trouvons que l'univers est vastes c'est là une idée tout humaine. S'il était tout-à-coup réduit à la dimension d'une noisette, toutes choses gardant leurs proportions, nous ne pourrions nous apercevoir en rien de ce changement. La polaire, renfermée avec nous dans la noisette, mettrait, comme par le passé, cinquante ans à nous envoyer sa lumière. Et la terre, devenue moins qu'un atome, serait arrosée de la même quantité de larmes et de sang qui l'abreuve aujourd'hui. Ce qui est admirable, ce n'est pas que le champ des étoiles soit si vaste, c'est que l'homme l'ait mesuré.

những nguyên-nhân đã làm cho sự sinh-hoạt xuất-hiện ra ở trong đám tinh vân của ta, thời cũng tạo ra sự sinh-hoạt ở các tinh-vân khác. Ta nói sinh-hoạt, là nói sự hoạt-động của cái chất hữu-cơ nó xuất-hiện ra như trên mặt đất này. Nhưng cũng có lẽ ở vào hoàn-cảnh khác, nhiệt-độ rất cao hay rất thấp, thời nó lại xuất-hiện ra những hình-trạng ta không thể tưởng-tượng được. Lại cũng có lẽ nó xuất-hiện ra một hình-trạng rất khinh-thanh, ở cạnh ngay ta, trong không-khí ta đây cũng không biết, thành ra có lẽ quanh mình ta toàn những thiên-thần cả, mà ta không bao giờ biết được, vì phạm biết nhau thì phải có mối quan-hệ hai bên, mà những giống ấy với ta tuyệt-nhiên không có quan-hệ gì cả.

Lại cũng có lẽ bao nhiêu triệu mặt trời đó cùng với mấy mươi ngàn triệu nữa ta không biết, gồm lại chỉ là một giọt máu hay một giọt sữa ở trong thân-thể một con vật, một con sâu con bọ nào rất nhỏ, sinh ra ở trong một thế-giới mà ta không thể tưởng-tượng được nó lớn-lao là đường nào, mà thế-giới ấy đối với thế-giới khác có lẽ cũng chỉ như một mây bụi mà thôi. Lại tưởng-tượng như thế này cũng không phải là vô-lý: là ở giữa một mây bụi, trong một giây phút, ở ngay trước mắt ta đây, có lẽ mấy mươi thế-kỷ tư-tưởng cùng trổ-luệ đương sinh-sinh hóa-hóa vậy. Cứ sự-vật mà xét thì không có vật gì là lớn là nhỏ, ta cho vũ-trụ là lớn, là cái lý-tưởng của loài người ta đó mà thôi. Nếu vạt chổi thu lại nhỏ bằng cái hạt giẻ, mà vạn-vật vẫn cứ giữ theo tỉ-lệ với nhau, thì ta cũng không biết rằng có thay đổi gì nữa. Sao Bắc-dầu cũng cùng với ta thu vào trong khoảng cái hạt giẻ đó, thời cũng phải năm-mươi năm mới chiếu ánh sáng đến ta như xưa. Và trái đất bây giờ sẽ nhỏ kém một cái mây bụi, nhưng cũng tươi bằng bấy nhiêu nước mắt, bấy nhiêu máu người như ngày nay. Có cái lạ, là không phải lạ vì vũ-trụ rộng như vậy, lạ vì người ta đo lường được vũ-trụ vậy.

CHIÊM-THÀNH NGOẠI-SỬ

占城外史

Nước Chiêm-thành ở phía đông-nam nước ta, đương khoảng nước ta nội-thuộc nước Tàu, mà nước Chiêm vẫn độc-lập ở xứ Nam-hải. Lúc ấy quốc-quân là Phạm Văn 范文 sửa đổi chính-trị, huấn-luyện quân-nhân, mở-mang bờ-cõi, quân-lĩnh được ba mươi tám châu, rồi lại chiếm đất Nhật-nam và đưa thư cho Thứ-sứ Giao-châu, chia núi Hoành-son làm giới-hạn. Kế đến Phạm Dương 范陽邁 khiến sứ sang nhà Tống cầu lĩnh đất Giao-châu. Hai vị quốc-quân ấy có chí tiến-thủ, thực cũng xuất-sắc hơn các vua khác, không may mất sớm, có chí mà chưa thành. Đến sau tự-quân đều là ông vua dung-ám, chính-trị không biết cải-cách, trách nào mà chẳng suy-đồi; phong-tục không biết cải-lương, trách nào mà chẳng hủ-lậu; vũ-bị không biết đề-phòng, trách nào mà nước không yếu; nghệ-nghiệp không biết khai-hóa, trách nào mà dân không nghèo; dân đã nghèo nước đã yếu mà lại trì-sinh về sự bình-qua, khi thời đánh Cửu-đức, khi thời cướp Cửu-chân, gần thời chắc có nước Chân-lạp làm áo-viên, xa thời nhờ có nước Chi-na để làm thanh-thế. Nay sai sứ dâng biểu cầu phong, mai sai sứ đưa lễ triều-cống, phí bao nhiêu tài-mẫu của nước vét cho đầy túi nước Chi-na, mà Chi-na cũng chẳng bỏ-ích gì cho nước mình, họ chỉ lấy tờ thư uỷ-đụ, đạo sắc bao-phong để họ lung-lạc mình, mà mình vẫn không biết. Xem như triều vua Thái-tôn nhà Tống, nước Chiêm bị vua Lê Đại-Hành tiến đánh, vua Chiêm sai sứ vào cống để cầu viện, thế mà nhà Tống vẫn lấy làm diềm-nhiên. Đến sau nước Chiêm lại bị Chân-lạp đánh phá đó-thành, chiếm giữ cương-thổ, vua Chiêm thế ngày suy-nhược, đem phương-vật và dát vàng làm tờ biểu để cầu nội-phụ với nhà Nguyễn, thế mà nhà Nguyễn chỉ đem thư-từ đối-đãi cho xong việc mà thôi, nước Chiêm yếu hay mạnh mất hay còn, họ cũng không có quan-hoài chi cả. Như vậy thời nước nhỏ không có trông cậy chi được nước lớn, mà nước lớn cũng chẳng bênh-vực gì được nước nhỏ; nước Chiêm mất nước không phải tự nước Tàu, chính là tự nước Chiêm giữ một cái tinh ý-lại gây nên cái thảm-họa vong-quốc vậy.

Nước Chiêm kể tự dựng nước ở Lâm-ấp đến khi phụ-thuộc với nước ta một nghìn bốn trăm năm, đời đô sáu lần, nguyên trước đóng đô ở Điền-sung được hơn bốn trăm năm, sau bị Trương Châu nhà Đường đánh phá, dời đó ra Chiêm-thành được hơn trăm năm, kế lại dời ra Địa-lái, ra Phật-thệ hơn sáu mươi năm, tự Chế Củ lại dời ra Đồ-bàn được hơn bốn trăm năm, nhân vì vua Thánh-tôn đánh phá, mới dời ra Xích-khâm, sau lại bị Nguyễn Hữu-Kinh tiến binh đến đánh lại dời ở Thuận-thành, phụ về nước ta được hơn bốn trăm năm rồi mà diệt nước. . .

* * *

Chiêm-thành tức là nước Lâm-ấp, đời nhà Chu thuộc họ Việt-thường, nhà Tần thuộc Tượng quận huyện Lâm-ấp, nhà Hán gọi là Tượng-lâm, thuộc

quận Nhật-nam. Đông giáp bể, tây giáp nước Oa-khuê, nam giáp đất Phù-nam (tức là Chân-lạp), bắc giáp châu Hoan. Phía đông phía tây năm trăm dặm, phía nam phía bắc ba nghìn dặm, đó,



Người Hời (Chiêm-thành) ở hạt Tây-ninh (Nam-kỳ)
(Người Hời ở Trung-kỳ phiêu giạt vào Nam-kỳ, phần nhiều theo đạo Hồi).

Cliché Gouvernement général



Tháp của người Hôi (Chiêm-thành)

Cliché Gouvernemen-ent général

thành cách bề ước năm trăm hai mươi dặm, đất gần châu Quỳnh nước Tàu, bên nam có châu Thi-bị, bên tây có châu Thương-nguyên, bên bắc có châu Ô-lý, thống-thuộc lớn nhỏ gần ba mươi hai châu. Khoảng tây-lich kỷ-nguyên, sau bốn mươi bốn năm, đương đời Hán Quang-Võ niên-hiệu Kiến-vũ năm thứ mười chín, Mã Viện qua nước Lâm-ấp dựng hai cột đồng-trụ đề tiêu-chỉ cực-giới nhà Hán. Kịp khi Mã Viện về nước, lưu ở đấy mười một người. Đến đời nhà Tùy đất Lâm-ấp hộ-tịch ba trăm người, đều là họ Mã, tương-truyền giống người ấy là ông Mã Viện lưu lại, sau làm người Lâm-ấp, chiếm giữ đất phía nam, của nước Nhật-nam, tự-lập làm nước quân-chủ vậy. Lời nói ấy không có bằng-chứng, nên không đủ tin. Nay đem những ngoại-sử chép truyện Chiêm-thành và nam-sử bắc-sử mà tham-định lại, thời dân-tộc nước Lâm-ấp vốn là một giống Nham-chủng mà đạo-giáo trong nước tự nước Ấn-độ truyền-bá sang, cho nên dân-tộc sùng-thượng đạo Phật và trọng việc quỷ-thần. Đất chỗ ấy không có sương tuyết, mùa đông nông-nực cũng như mùa hạ, dân có nghề đánh cá, còn cây cấy thì ít lắm, nên thóc lúa không được sẵn. Người nước trai gái ai cũng biết ăn trầu, cả ngày không ngời miệng, ngày sóc ngày vọng lấy mặt trăng mọc làm dầu thắp, mặt trăng tối làm hết thắp, không có thắp nhuận, chia đêm ngày làm mười trống canh, nửa đêm mới đi nằm, nửa ngày mới dậy, thấy mặt trăng mọc thời uống rượu hát múa làm vui; con trai lấy lông chiên trắng cùng vải trắng quấn tự ngang lưng cho đến chân, hai tay áo thì may nịt đến cổ tay, đầu để tóc lấy dây buộc rồi bỏ rủ về đằng sau; đàn bà cũng thắt tóc bỏ xoắn không có lược giắt trâm cài chỉ cá; vận quần áo thì cũng giống như đàn ông. Nhà ở thì làm trở mặt hướng bắc, nóc lợp bằng cỏ, mái

cao độ ba thước trở lại. Tỉnh hay ăn thịt sơn-dương, cá để thiu rồi mới ăn, tương mắm để nảy bọt thì lấy làm ngon, hình người đen đũi, để trường chân trường đùi không dùng dây giếp chỉ cá. Ông vua thường hay cưỡi voi đi chơi cũng như tục nước Cao-miên vậy, vua năm mới có giương, còn quan với dân thì chỉ dải chiên nằm ở dưới đất; bầy tôi thân-cận với vua vào triều thì mới quỳ gối, còn các quan vào triều chỉ chấp tay bái một bái mà thôi, có tấu-đổi việc gì thời cũng một bái rồi lui. Trong triều quan-chức có tám ông đại-viên, ngoài thì có các viên tú-tài để thừa-hành các công-việc. Lại đặt ra mười hai viên để giữ kho thóc kho tiền, người cai-quản các quân-lính ước hai trăm người; lính thời có hơn vạn người, mỗi tháng mỗi người cấp cho hai học lương và mỗi năm cấp cho ba tấm vải; hình-luật người nào có tội nhỏ thì đánh roi mây, tội nặng thì lấy dao cắt họng hoặc đem voi rầy, cùng là sai với cuốn lấy người tung lên cao, chết thì mới thôi. Việc tế-lễ thời cứ đến ngày rằm tháng mười-một làm tiết dòng-chi, đốt hương trên bàn, chứ không có tự-khi hoa-mĩ gì cả. Người chết thời đem lửa thiêu-hóa, đó là theo giáo-phật vậy. Nhạc-âm thì có đàn, có sáo, có trống lớn, trống con và có cả nữ-nhạc hát múa, điệu khúc rất là bi-ai; chữ viết không dùng giấy bút, chỉ dùng da con dê, cạo cho rất mỏng làm giấy, cùng là đẽo tre mỏng lấy tro viết chữ, hình như giun bò, cũng như lối chữ khoa-dầu vậy. Đó là kể cái phong-tục đại-khải, còn như cái nguyên-nhân dựng nước thế nào kể rõ như sau này:

Đương tây-lich kỷ-nguyên 141 ngang đời Hán Thuận-đế niên-hiệu Vĩnh-hòa năm thứ hai, người Nhật-nam Công-tào Khu-Liên 桓隣, giết quan huyện-lệnh, tự xưng vương-hiệu là nước Lâm-ấp. Đến nhà Ngô thời nước Lâm-ấp

mới sai sứ giao-thông với nước Tàu, Khu-Liên truyền được vài đời, không có con nối, cử cháu ngoại là Phạm Hùng thay ngôi. Hùng truyền cho con là Phạm Dật 范逸 giúp chính, trong nước có bảy tôi là Phạm Văn 范文 là một tay xuất-sắc, xây thành-quách, sửa cung-diện, huấn-luyện quân-sĩ, chính-bị khí-giới để phòng-thủ biên-cương. Khi Phạm Dật mất, chiếm giữ binh-quyền, thừa cơ giết con nối Phạm Dật, tự-lập làm vua, mở rộng bờ cõi thành ra một nước độc-lập ở phía Nam-hải vậy. Đông đô ở đất Điền-sung (thuộc huyện Thọ-linh, tức là Linh-giang) đắp thành gọi là thành Hoãn-vương.

Khoảng tây-lich 348 dương đời Tấn Mục-đế niên-hiệu Vĩnh-hòa năm thứ ba, quan Thứ-sử Giao-châu là Khương Trang 姜莊 sai những huyện-lại đến quận Nhật-nam đều là tay tàn-nhân, và Hạ Hầu-Lãm làm chức Thái-thủ, lại hà-khắc hơn, dân-sự lấy làm ta-oán. Lúc ấy Phạm Văn vẫn có chí tâm-thực nước Nhật-nam, nhân gặp dịp dân-tinh chán bộn quan-lại, mới đem binh đến giết Hạ Hầu-Lãm, rồi chiếm-giữ quận Nhật-nam. Người Chu Phiền 朱藩 thay Khương Trang làm chức Thứ-sử, đem quân đến đóng Nhật-nam, Phạm Văn đuổi đánh Chu Phiền, tiến quân vào cướp quận Cửu-đức, sau Phạm Văn chết, con là Phạm Phát 范佛 nối ngôi, lại cử binh chiếm giữ Nhật-nam, quan Thứ-sử Giao-châu là Phương-Bình 方平 cùng với Thái-thủ quận Cửu-chân là Quán-Toại 串遂 hợp binh đánh Phạm Phát. Phát thua kéo quân lui về Lâm-ấp. Đến triều Tấn An-đế, niên-hiệu Long-an thứ ba, cháu Phạm Phát là Hà Bồ-Đạt 何蒲達 lại vào ăn cướp Giao-châu, quan Thái-thủ là Đỗ Viện 杜瑗 đem quân đuổi đánh, đến niên-hiệu Nghĩa-hi thứ chín, lại kéo quân đến quận Cửu-chân, quan Thứ-sử là Đỗ Tuệ-Độ 杜

慧度 đem quân sĩ đánh phá, Bồ-Đạt thua xin ra hàng và dâng vàng bạc với một đôi voi, không bao lâu Bồ-Đạt chết, cháu là Văn-Địch 文敵 bị con vua Phù-nam là Đương Căn-Thuần 當根純 giết chết, bảy tôi Văn-Địch là Phạm Chư-Nông 范諸農 nổi binh binh được loạn Phù-nam, tự lập làm vua. Nông chết con là Phạm Dương-Mại 范陽邁 nối ngôi. Đương triều nhà Tống Văn-đế niên-hiệu Nguyên-gia năm thứ mười, tây lịch 434 Phạm Dương-Mại khiến quan sứ đi sang nhà Tống xin cầu quản-lĩnh đất Giao-châu nước ta, vua nhà Tống không cho, tự đấy đem quân vào ăn cướp Giao-châu. Dương-Mại chết, truyền ngôi cho con là Dương Đốt 陽咄 không chịu thỉnh mệnh nhà Tống, vua Tống Văn-đế bèn sai Tôn-Ý 尊懿 và Đàn Hòa-Chi đem binh-mã tiến bức dưới thành, thu lấy các đồ châu báu, cùng là người vàng nặng 20 vạn cân, tự đấy Dương Đốt thua trận, mới sai sứ đem lễ vào triều-cống.

Đời vua Tùy Dạng đế 隋煬帝 niên-hiệu Đại-nghiệp năm đầu, Phạm Tri 范智 là con cháu Phạm Đốt lên ngôi, lại vào ăn cướp Nhật-nam, vua Dạng-đế sai quan tổng-quản là Lưu Phương 劉方 cùng quan Thứ-sử Khâm-châu là Ninh Trường-Chân 倭長真 tiến binh đến đánh Phạm Tri bỏ thành chạy, bắt được thần-chủ 18 vị, thờ ở trên đền, đều đúc bằng vàng, thần-chủ ấy là thờ những vua nước Lâm-ấp đến đây đã mười tám ông vua vậy. Nhà Tùy đã đánh được Phạm Tri, bèn lấy cả đất chia đặt ba quận, quận Tử-cảnh, quận Hải-âm, quận Lâm-ấp.

Đời vua Đường Thái-tôn niên-hiệu Trinh-quân thứ sáu, dương tây-lich sáu trăm ba-mươi-chín, cháu Phạm Tri là Phạm Đầu-Lê 范頭黎 giữ đất Lâm-ấp, tự-lập làm vua, rồi sai quan sứ vào cống nhà Đường, sau đem ngôi nhường

cho cháu là Gia-Cát-Địa 諸葛地 mà tự-xưng là Hoàng-vương. Đến đời Đường Hiến-tôn Hoàng-vương dâng đất Lâm-ấp vào ăn cướp châu Hoan châu Ái nước ta.

Khi Hoàng-vương là Lê-Đầu chết, con là Trấn-Long bị Ma-kha-mạn-đa-già-độc 麻阿曼多伽獨 giết, trong nước không ai cầm quyền, phải dựng con gái Lê-Đầu lên ngôi, nhưng vì người nước không phục, bất-đắc-dĩ phải nhường ngôi cho con nhà cô là Gia-Cát-Địa làm vua. Nước Chiêm nữ-quyền tự con gái vua Lê-Đầu trước.

Đời vua Huyền-tôn nhà Đường, niên-hiệu Khai-nguyên thứ mười, Lâm-ấp cùng với nước Chân-lạp đem quân giúp vua Mai Hắc-đế 枚黑帝 chống đánh quan-lại nhà Đường. Đến Đường Hiến-tôn, Trương Châu 張舟 làm chức Đô-hộ An-Nam, trách Lâm-ấp không vào triều cống, dẫn quân đến đánh thành Hoàn-vương, bèn dời đô ra Địa-lái. (thuộc Quảng-trị) Chỗ vua ở gọi là Chiêm-thành, gọi tên nước Chiêm-thành mới tự đây.

Đời nhà Đường niên-hiệu Nguyên-hòa năm thứ hai, Chiêm-thành tuy phải đời đô, nhưng đối với Giao-châu vẫn ngang-nhiên là một nước địch-quốc vậy, vì lúc ấy nước Tàu có loạn Hoàng Sào 黃巢, ngoài bề giặc cướp nổi lên, Chiêm-thành xa cách, nên không kịp kiểm-chế đến Kịp đời Ngũ-dại nhà Chu vua Thế-tôn niên-hiệu Hiến-đức thứ năm, vua Chiêm-thành là Thích-lợi-nhân-đức-mạn 刺利因德曼 mới khiến sứ vào triều-cống, dâng tờ biểu bằng lá da, bọc ngoài một cái hòm bằng gỗ mít, tự-xưng là Chiêm-thành-vương.

Đời Tống Thái-tổ bình được thiên-hạ, vua Chiêm sai quan sứ là Bồ-kha-táp đem phượng-vật vào cống, tự đẩy trở về trước nước Chiêm chỉ có giao-thông

với nước Tàu chứ không can-thiệp gì đến nước ta, vì ta còn nội-thuộc với nước Tàu. Đến đời vua Đinh Tiên-hoàng, Ngô Nhật-Khánh 吳日慶 dẫn quân nước Chiêm đi qua cửa bể Đại-nha (nay thuộc huyện Đại-an), rồi đến cửa Tiều-khang (nay huyện Yên-mô lĩnh Ninh-bình), vào ăn cướp, gặp sóng lớn gió to thuyền đổ, Nhật-Khánh bị chết đắm, vua Chiêm may được thoát khỏi, bèn kéo quân về nước. Tự đẩy nước Chiêm mới cùng nước ta gây cuộc chiến-tranh.

Vua Lê Đại-Hành sai Từ Mục 徐穆 và Ngô Tử-Canh 吳子庚 đi sứ nước Chiêm, người nước Chiêm giữ không cho về, vua Lê giận bèn chinh-bị chiến-thuỷ và các đồ binh-khí, thân-đốc tướng-sĩ đến đánh, bắt chém tướng nước Chiêm là Tỳ-My-Thuế 莖眉稅 ở trận-tiền, thu được binh-khí và đảng-tốt rất nhiều, vua Chêm bỏ thành chạy, liền kéo quân vào trong thành bắt được cung-nữ trăm người và kim-ngân châu báu kể có hàng vạn, phá cả thành-trị, hủy cả tôn-miếu, rồi kéo quân về. Vua Lê bắt được người nước Chiêm đem nộp vua Tống Thái-tôn, vua Thái-tôn chiếu cho lưu những người Chiêm ở Quảng-châu, rồi cấp lương-thực áo quần tha cho về nước, sau nước Chiêm lại vào ăn cướp Giao-chỉ, vua Lê Đại-Hành đánh nước Chiêm bắt được hơn nghìn người. Đương triều nhà Tống niên-hiệu Dung-nghi thứ hai, vua Chiêm là Thi-lợi-đa-bàn 施利陀盤 sai Ngô Nhật-Hoan 吳日歡 vào cống phượng-vật và tâu với vua Tống rằng: « Nước Chiêm bị ông Lê Hoàn đem quân xâm-chiếm, nhờ ơn thượng-quốc tuất-cập đến nước phiến-thần ». Vua nhà Tống không trả lời ra sao cả. Kế đến quốc-quân là Lưu Kế-Tôn 劉繼宗 lại sai Lý Thiên-Tiên vào cống, sau vua Chiêm mới biết nhà Tống đối với nước mình không có tình thân-mật,

bèn quy-phục nhà Lê, sai đem phương-vật đến cống, vua Lê trách vô-lễ, không nhận đồ cống, vua Chiêm sợ, bèn sai cháu là Chế Cai 制荈 vào triều.

Triều nhà Tống niên-hiệu Ung-hi thứ tư, quan Châu Thiềm trước đã dâng thư nói người nước Chiêm là Bồ-La-Át 蒲羅遏 vì người Giao-châu bức-hiếp xin suất trăm người họ quy-phục, quan Quảng-châu lại dâng thư nói người châu Lộ-an dẫn một trăm năm-mươi người xin phụ với nước Tàu, vua Tàu chiếu đem những người ấy chia ở huyện Nam-hải, huyện Thanh-viễn. Đến năm Đoan-củng triều nhà Tống quan ở châu Quảng lại dâng thư nói người Chiêm-thành là lũ người Hốt-Tuyên 忽宣 suất người họ hơn ba trăm quy-phục, xem thế thời đủ biết nước Chiêm-thành tự đầy thế đã suy-nhược, dân đã lưu-tán, không được như cái thời-đại đóng đô ở Điền-sung vậy.

Triều nhà Tống niên-hiệu Thuần hóa năm đầu, tân-quân nước Chiêm là Dương Đà-Bài 楊陀排 mới dời đô ra Phật-thệ, rồi sai sứ vào tâu với vua Tống, nước Chiêm thường bị người Giao-châu xâm-nhiều, vua nhà Tống chiếu cho ông Lê Hoàn từ đây chỉ được giữ chỗ cương-giới của mình, không được xâm-nhiều những nước lân-bang, mới ban cho vua Chiêm một con ngựa bạch và các đồ binh để phòng-bị. Niên-hiệu Chí-dạo năm đầu vua Chiêm dâng biểu tạ ơn và cống phương-vật, tâu với vua Tống rằng: « Lưu-dân nước Chiêm ba trăm người tán-cư ở huyện Nam hải, nay mới dõn ơn thượng-quốc tha cho về nước, duy có tên La Thường-Chiêm 羅常占 còn bị lưu ở châu Quảng, xin chiếu cho được phép theo thuyền buôn về nước ». Vua Tống ưng lời, lại cấp cho dõn ngựa bạch. Đến triều vua Chân-tôn niên-hiệu Hàm-phong thứ hai, vua tự-vương

nước Chiêm là Tấn-câu-tì-trà thất-li 晉俱莖荼室離 vào cống, tâu với vua Tống rằng: « Nhân tị-nạn người Giao-châu phải chạy ra Phật-thệ cách thành cũ bảy trăm dặm, xin thánh-thượng xét cho. »

Triều nhà Tống niên-hiệu Khánh-lich năm đầu, người chủ buôn ở Quảng-dông nói với tỉnh-thần rằng: « Nay tôi thấy quân giặc là lũ Ngạc-Lân 鄂隣 hơn trăm người tụ-tập ở nước Chiêm-thành, vua Tống biết tin, liền sai quan chuyên-vận tư-tuyền-sứ đem tờ chiếu và châu báu ban cho vua Chiêm, trách vua Chiêm phải bắt cho được tên Ngạc-Lân đem nộp cửa khuyết, còn những dư-dãng bắt được thì chém ngay, không được dung cho nó ở nước. »

Triều vua Nhân-tôn nhà Tống niên-hiệu Gia-hựu thứ bảy, vua Chiêm là Xá-lị-luật-trà-bàn-ma 舍利律茶盤麻, vua ấy tu Phật (tên hiệu là Xá-ly) lại cùng với nước Giao-chỉ ta gây việc binh-chiến, tự-quân là Dương-bốc-xá-ly-luật-đà-ban-ra-dề-bà 舍利律陀盤麻提婆 tâu với vua Tống xin đem quân để đánh Giao-chỉ. Vua Tống liền nghiêm-sức cho các châu huyện không được giao-thông buôn bán với nước Giao-chỉ. Vua Lý Nhân-tôn giận vua Tàu ức chế, sai ông Lý Thường-Kiệt 李常傑 đem hơn mười vạn binh đến đánh châu Khâm châu Liêm, quan nhà Tống chết hơn tám nghìn, Lý Thường-Kiệt lại bắt người ba châu đem giải về nước, tướng nhà Tống là Vương An-Thạch 王安石 nghe tin lập-tức cử Quách Qui 郭夔 làm chức Chiêu thảo-sứ, thống-lĩnh, chín đạo tướng-quân, rồi ước với vua Chiêm và nước Chân-lạp đem quân đến đánh Giao-chỉ. Ông Lý Thường-Kiệt đem quân đón đánh ở sông Như-nguyệt (thuộc tỉnh Bắc-ninh) đánh phá quân nhà Tống cùng quân nước Chiêm nước Chân-lạp, uy - thanh lừng-lẫy

khắp cả cõi Nam, sau vua Lý sai Mạc Hiền-Tích 莫顯蹟 sang nghiêm-trách vua Chiêm lâu nay không đến triều-cống, lại dám giúp binh cho nước Tàu, như thế là không hợp nghĩa nước nhỏ thờ nước lớn vậy.

Thời bấy giờ có Lý Giác 李覺 người châu Diên, trước thường đi lại ở nước Chiêm, học được chức lạ, hay kết cỏ cây làm hình người, khiến cầm gươm giáo xông vào trận-mạc, hiệu là Thiên-bình, nhân chiêu-tập những người trong châu để làm loạn. Ông Lý Thường-Kiệt đem quân đi đánh Lý Giác thua trận chạy ra Chiêm-thành, mưu cùng với vua Chiêm là Chế Ma-lá 制麻羅 vào ăn cướp, có ý mưu lấy lại đất ba châu trước Chế Củ đem hiển nhà Lý, vua Lý lại sai ông Thường-Kiệt đi đánh nước Chiêm thua, bèn xin nộp đất ba châu ấy.

Triều vua Lý Thái-tôn niên-hiệu Thiên-cảm-thánh-vũ năm đầu, vua giao quyền cho Thái-tử là Nhật-tôn 宗 trông coi việc nước, mình thân-dốc tướng-sĩ đi đánh nước Chiêm, thuyền mới đi đến cửa bể Đại-nha (thuộc Đại-an Nam-định) đương trận phong-ba, thuyền ngự qua đó tự-nhiên binh-tĩnh, nhân cải tên Đại-nha là cửa Đại-an, rồi ngự ra bể, qua núi Ma-cô (thuộc huyện Bình-chính, tỉnh Quảng-binh) bỗng thấy một đám mây che thuyền ngự, quân-sĩ đều chắc là trận này đi được thành-công, thuyền đi một ngày may được thuận gió thuận nước qua chỗ Đại-tràng-sa (tự cửa Lệ hải, bên nam đến cửa Minh-linh gọi là Đại-tràng-sa) và chỗ Tiểu-tràng-sa (tự cửa Việt-hải bên nam đến cửa Tư-hiền gọi là Tiểu-tràng-sa) chỗ ấy trước vẫn bị sóng lớn, nhưng vua đi vẫn được phẳng-lặng như thường, rồi kéo thuyền thẳng đến cửa bể Ô-long (tức là cửa Tư-hiền huyện Phú-vinh tỉnh Thừa-thiên), chúa Chiêm suất quân-sĩ

chống đánh, vua Lý chia các đạo tướng sĩ vây bắt chúa Chiêm là Sa-Đầu 乍斗 chém ở trận-tiền, lại bắt sống được tướng-tốt hơn năm nghìn người và voi hơn ba-mươi đôi, bấy giờ quan-quân bắt được người Chiêm chém như phát rạ, vua Lý hạ lệnh cấm quân-sĩ không được giết càn, rồi kéo quân vào thành Phật-thệ (đó vua Chiêm, nay thuộc xã Nguyệt-bầu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên) bắt cả vợ con vua Chiêm cùng là cung-nữ, người nào khéo hát khúc tây-thiên thời đem về, song sai sứ đi khắp chỗ hương-thôn phủ-dụ dân-chúng đâu đấy cứ việc làm ăn, không được nào-động, đoạn rồi kéo quân về đến chỗ hành-điện phủ Lý-nhân đòi vợ phi chúa Chiêm là nàng Mi-Ê 媚醜 xuống hầu thuyền ngự, Mi-Ê từ mà rằng: «Vợ mừng gãi mán dám đầu sánh với mĩ-nữ cung-tần, nay bắt-bạn chông chết nước tan, tự cam phận chết». Nói xong lấy khăn chiến thắt chặt, gieo mình xuống sông, vua Lý khen không ngờ đàn bà mừng mà lại giữ lòng trinh-tiết như vậy, bèn phong cho Hiệp-chính-hữu-thiện-phu-nhân 協正佑善夫人. Sau đàn chỗ ấy thường ở bên sông nghe tiếng khóc lập đền thờ.

Vua Lý đã bình được giặc Chiêm, bèn dời từ nước Chiêm năm-mươi người ở châu Chân-dăng (nay thuộc Lâm-thao, tỉnh Sơn-tây).

Triều vua Lý Thánh-tôn Chiêm-thành lại nhiều ngoài biên, vua ủy bà Nguyên-phi thay mình giám-quốc, thân-hành đem tướng-sĩ đi đánh, trận ấy thua, dẫn quân về, nghe tiếng bà Nguyên-phi giúp việc nội-trị, dân-tinh vui-vẻ, trộm cướp lại được yên-tĩnh, đâu đấy ca-tụng, gọi là nữ-quan-âm. Vua khảng-khái nói rằng: «Kia một người đàn bà giúp ta việc nước đâu đấy lại được thái-bình như vậy, کیا nhỏ-mọn như giặc Chiêm mà ta lại không dẹp nổi, sao đáng gọi là tu-mĩ

nam-tử can-dỡm anh-hùng, bèn đem tướng-sĩ đi đánh lần nữa. Chế Củ 制矩 thua trận dâng đất ba châu, châu Địa-lái (thuộc phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình) châu Ma-linh (thuộc huyện Minh-linh, tỉnh Quảng-trị). Châu Bố-chính (thuộc Quảng-bình). Tuy được đất ba châu, nhưng chỉ có tiếng mà thôi, chưa có đặt quan cai-trị.

Triều vua Lý Nhân-tôn lại sai ông Thường-Kiệt đi đánh nước Chiêm và vẽ sơn-xuyên hình-thể ba châu Châu Bố-chính châu Địa-lái châu Ma-linh rồi kéo quân về đồi châu Địa-lái làm phủ Bình-lâm, châu Ma-linh làm châu Minh-linh.

Triều vua Anh-tôn niên-hiệu Thiệu-minh thứ mười hai, người Chiêm là Ung-minh-ta-diệp 雍明些疊 tới cửa khuyết tâu với vua Tống xin phong làm vua. Vua Anh-tôn sai quan thượng-chế là Lý Mông 李蒙 đem binh Thanh Nghệ hơn năm nghìn người, dân Ta-diệp về nước. Chúa Chiêm là Chế-bi-la-bút 制皮羅筆 đem binh chống-cự. Lý Mông và Ta-diệp đều bị chết trận. Chúa Chiêm nhân việc đó bèn dâng con gái cho vua Lý Anh-tôn. Vua cho vào cung.

Triều vua Lý Cao-tôn đương đời Thuần-hi nhà Tống, nghiêm-cấm biên-quận không được bán ngựa cho nước Chiêm và các nước lân-bang. Khi ấy Chiêm-thành sai sứ xin vào thông-tương nước Tàu, chúa Chiêm biết rằng nước Tàu đối với mình không có lượng bao-dung, bèn sai sứ đem phương-vật đến cống nhà Lý, xin cầu phong tước. Vua Lý Cao-tôn sai sứ đem sắc-mệnh phong cho là Chiêm-quốc-vương, rồi lại sai Nhạc-công chế ra nhạc-khúc, gọi là tiếng nhạc Chiêm-thành, rất là bi-thương, ai nghe cũng phải động lòng giổ nước mắt. Nguyễn Thường can rằng: « Tôi nghe tựa kinh Thư nói rằng: « Tiếng nhạc nước loạn

ai-oán », nay thành-thượng hoang-dĩ không độ, lại dùng tiếng nhạc ai-oán cảm-xúc lòng người, tôi sợ có điềm nguy-vong, xin bệ-hạ lượng xét. » Vua Lý không nghe, sớm khuya vẫn thường nghe nhạc Chiêm lấy làm thích.

Năm Thuần-hi niên-hiệu nhà Tống thứ tư, nước Chiêm đem quân thuyền đi đánh nước Chân-lạp rồi kéo vào quốc-đô, tàn-phá rất hại, đến năm Khánh-nguyên triều nhà Tống thứ năm, ngang đời Lý Cao-tôn niên-hiệu Gia-thụy thứ mười, nước Chân-lạp cử đại-binh vào đánh nước Chiêm để phục-thù, bắt giết người Chiêm không biết bao nhiêu mà kể, và bắt đưa về nước kể có hơn nghìn người, nước Chiêm mất hết đồ-bản về nước Chân-lạp, nên lấy hai chữ Chiêm-lạp mà gọi tên nước.

Cuối đời nhà Lý tuy đã suy-nhược, nhưng đấng-tốt vẫn thường tự-lập đem thuyền ăn cướp những dân-cư mé bể, thậm là nhiều hại. Đến triều nhà Trần vua Thái-tôn đã được thiên-hạ của nhà Lý mới hết lòng kinh-tế về nơi hải-dạo, thân-hành đốc-suất tướng-sĩ đi đánh nước Chiêm, bắt được vợ vua Chiêm là Bà-da-la cùng là thần-thiếp giải về.

Triều vua Trần Nhân-tôn đương đời nhà Nguyên chiếm được thiên-hạ của nhà Tống lại có chi tâm-thực đất Nam-hải, sai quan tả-thưng là Toan-Đô 唆都 ủy chọn người đến đất Chiêm-thành, xem địa-thể và tình-hình thế nào. Khi sứ về nói con cháu vua Chiêm ý muốn nội-phụ với nước Tàu, rồi mà Toan-Đô kéo quân về, sai Trần Khuê 陳圭 dụ vua Chiêm lại hàng, vua Chiêm khiến Kha-bát-nam 阿不南 đem cửa đút cho Trần Khuê, nói nước Chiêm nước yếu dân nghèo không lấy gì sửa lễ cống được, xin đợi sang năm cho con đích vào triều và cống-hiến một thể. Không bao lâu chúa Chiêm sai châu là Tế-

nhật-lý-nặc-tốc 濟日李應速 đem tờ biểu xin quy-phụ với nước Tàu. Lúc ấy chưa kịp dâng biểu, thời vua Nguyễn đã sai Thoát-Hoan 脫懽 phát-binh mượn đường Giao-chỉ vào đánh nước Chiêm, chúa Chiêm kinh-sợ sai sứ-thần mười một người đem voi đến dưới cửa khuyết chúc mừng thánh-thọ và xin hằng năm sửa đồ cống-vật cùng các thổ-sản, xin thánh-thượng rộng lòng nhân-thứ, thôi việc binh-chiến, khiến phiến-thần được đội ơn vô-cùng. Tự đấy chọn đời nhà Nguyễn nước Chiêm vẫn thường sai sứ cống-hiến phươg-vật, đồ cống có những ngà-voi, tê-giác, giàng-hương, kỳ-nam, bạch-đàn, quất-bì, nhục-quế, long-nào và có cả ngọc hỏa-châu lớn như trứng gà, mặt trời chính-ngọ đem chiếu bật lên lửa. Thời bấy giờ nước ta với nước Chiêm cùng sang cống nước Tàu, hai sứ gặp nhau coi như là cừu-địch. Khi vào triều, thời sứ nước ta vào diện thủy-cung, sứ nước Chiêm tránh sang diện tứ-thần; lúc tứ yến một người ngồi bàn bên đông, một người ngồi bàn bên tây.

Triều vua Dụ-tôn năm thứ mười một, chúa Chiêm-thành là Chế Mô 制某 chạy sang nước ta, khi chúa Chiêm Chế Kha-Nan 某訶難 thường tin dùng bày tôi là Trà-hóa-bá-đề 茶和伯底, bàn gì cũng theo, mưu gì cũng nghe, mà lại thâm ghét Chế Mô, Bá-đề thì bề ngoài vẫn bênh-vực Chế Mô mà bên trong thời có chí ám-dò, Chế Mô không biết. Kịp khi Chế Kha-Nan chết, tôn-nhân toan lập Chế Mô nối ngôi, nhưng bị Bá-đề ám-xúc, khiến quốc-dân không bằng lòng. Bá-đề thừa cơ mới đuổi Chế Mô mà tự-lập làm vua, Chế Mô kinh-sợ chạy sang cầu-cứu vua nhà Trần, dâng con ngựa bạch, con voi trắng và một con kiến lớn dài một thước chín tấc. Vua Dụ-tôn khen là vật báu, nhưng lời cầu-thỉnh của Chế Mô vua

vẫn do-dự chưa quyết. Chế Mô đợi đã lâu ngày chưa được triều-mệnh như thế nào, nhân gặp được Tước-Tề 爵躋 là người trước đã quen biết, nói với đình-thần rằng : « Tôi nghe nước Chiêm-thành trước có một vị quốc-vương nuôi một con hồng, tính nó tuần-phục, sai bảo như người vậy, duy không biết nói mà thôi. » Bèn nói trong nước ai khéo nuôi hồng dạy nó biết nói thời thưởng cho muôn lạng vàng. Một hôm có người đến nói với quốc-vương rằng : « Tôi khéo nuôi hồng và hay dạy nó biết nói, phải đợi ba năm mới thành-hiệu, nhưng mỗi tháng xin quốc-vương cấp cho tôi trăm lạng vàng thì mới phụ công. » Vua lấy làm mừng rỡ, bèn y lời người ấy thỉnh-cầu, nhưng không biết ba năm thì mình đã mất ba nghìn sáu trăm lạng vàng rồi mà chả chắc hồng có biết nói hay không, chẳng qua nó biển quốc-vương để nó lấy vàng đầy thôi; suy một việc ấy thời biết việc Chế Mô cầu-thỉnh cũng giống như vậy, nếu mình cứ yếm-lưu Chế Mô ở đây mà không dẫn về nước, thời tổn-hại lương xướng của triều-đình biết là bao. Vua Hiếu-dụ đem lời nói của Tước-Tề tâu vua Dụ-tôn nghe, vua Dụ-tôn bèn sai quân thủy quân bộ dẫn Chế Mô về nước, không may Chế Mô đi giữa đường chết, rồi mà vua Chiêm-thành là Bá-Đề biết cái mưu dẫn Chế Mô về nước, là tự quan trấn Thuận-hóa là Hưng biểu-vương chủ mưu việc ấy, bèn đem quân đến đánh châu Hóa, quan-quân đi đánh không lợi, vua Lý đòi Trương Hán-Siêu đến hỏi kế, Hán-Siêu xin lĩnh quân Thần-sách mọi quân để binh giặc châu Hóa, chúa Chiêm nghe tiếng kinh-sợ, tự đấy không dám phạm đến biên-cảnh nữa. Đời vua Trần Nghệ-tôn niên-hiệu Khánh-hựu năm đầu, đương đời Minh Thái-tổ năm Hồng-vũ thứ hai, chúa Chiêm là Kha-đáp-kha 訶答訶 nghe tiếng vua Thái-tổ đã bình được nạn

nhà Nguyên, đem voi hổ và phương-vật vào cống, vua Minh nhận lễ, liền ban cho lịch-đại-thống và gấm vóc, chiếu cho vua Chiêm tự đây về sau, một năm một lần hay hai năm một lần, rồi lại sai quan đại-thần đem tờ sắc phong cho Kha-đáp-kha là Chiêm-thành quốc-vương, và sai sứ sang Chiêm tế các thần sông núi và chiếu cho trong nước theo lệ khoa-cử, ai muốn ứng-thi thời cũng cho được dự-thi, vua Chiêm mừng được ơn chiếu, dâng tờ biểu dát lá vàng, dài hơn một thước, rộng 5 tấc, khắc chữ nước Chiêm, đem vào cống vua Minh, vua sai người dịch ra chữ Hán, đại-ý nói rằng : « Dám tâu hoàng-đế nước Đại-Minh đã lên ngôi báu, nhất-thống thiên-hạ, đức rộng như bể, ơn lớn như trời, soi khắp cả hang cùng ngõ hẹp, phiến-thần này Kha-đáp-kha cũng như một cái cỏ đội ơn mưa móc không cùng, đã mừng được ban cho ấn vàng, phong làm quốc-vương, cảm ơn muôn tạ, duy có một nước An-Nam thường thường đem binh đến nhiều chỗ biên-cảnh, dám mong hoàng-đế đem lòng nhân-tuất dung-nạp lấy nước phiến-thần, đừng cho nước lớn hiếp nước nhỏ, chính là tấm lòng vọng-nguyện của Kha-đáp-kha này vậy ; lại mong hoàng-đế cấp cho nhạc-khí cùng đồ khí-giới, khiến cho nước An-Nam biết nước Chiêm-thành nhờ có thượng-quốc bao-dong không dám quấy nhiễu nữa, thế thì nước Chiêm này xin giữ chức-cống lâu dài mãi mãi không quên. » Vua Minh nhận được tờ biểu, chiếu quan Lễ-bộ dụ rằng : « Nước Chiêm-thành cùng với An-Nam tuân-phụng chính-sóc của triều-đình, nay lại vô cớ gây việc binh-quạ, nhiều-hại chỗ lân-quốc, không những sự-thượng không lễ mà lại mất cả nghĩa bang-giao. Nước An-Nam kia đáng đem quân hô tội, nhưng nay sẽ trừ cho An-Nam Quốc-vương lập-tức phải bãi-binh không được nhiên-loạn như trước, mà nước

Chiêm-thành cũng nên giữ lòng trung-tín để hòa-thuân với nước lân-bang; còn như việc xin đồ binh-khí, triều-đình cũng không có hẹp chi, nhưng nghĩ hai nước cầu-khích với nhau mà lại đem binh để giúp nước Chiêm, thế không khác gì nối giáo cho giặc mà lại không hợp với nghĩa nhu-viễn hoải-hần, đến như nhạc-khí và nhạc-công xét ra âm-luật của Trung-hoa đối với Chiêm-thành khác nhau chưa dễ hiểu được, nếu chọn trong nước có người nào thuộc được tiếng Trung-hoa tới đây học-tập thời mới mong được thành-biểu, những lời cầu-thỉnh không thể chuẩn-y được. » Chúa Chiêm có ý bất bình, nhân nước Chân-lạp đem bốn con voi vào cống nhà Minh, đi đến giữa đường, nước Chiêm ăn cướp một con và lấy cả đồ hành-lý, Chân-lạp đem việc ấy tâu vua Minh, vua thịnh-nộ liền sai hành-nhan là Đồng Thiệu cầm tờ chiếu trách nước Chiêm vô-lễ. Thiệu chưa đến nơi mà đã thấy nước Chiêm đem phương-vật đến cống và tạ tội, không bao lâu Kha-đáp-kha bị bày-tội là Các-Thắng 各勝 âm-mưu giết chết rồi cướp ngôi của chúa Chiêm, tự-lập làm vua.

Đời nhà Trần vua Giản-định, đương triều nhà Minh niên-hiệu Vĩnh-lạc, chúa Chiêm là Ba-địch-lại 波的賴 dâng tờ biểu vào triều và nói nước Chiêm bị nước An-Nam ức-hiếp xin ra hàng. Vua nhà Minh sai sứ mang tờ chiếu dụ nước An-Nam không được gây binh với nước Chiêm-thành. Sau vua Chiêm khiến quan sứ sang nhà Minh mừng tiết Vạn-thọ, vua nhà Minh chiếu rằng : « Ta nghe trước nước Chiêm cùng với An-Nam đánh thủy-trận không lợi, thôi nên bãi-binh để yên dân, khiến được cùng hưởng hòa-bình hạnh-phúc, nếu ai mưu-động can-quạ, chưa chắc nước nào thắng phụ, mà lại hao binh tổn tướng có hại

lớn sau này, sách có chữ: « *bạng Duật lương tri, ngư-ông đắc lợi* 鷸蚌相持漁翁得利 »; nghĩa là con duật còn bạng đánh nhau, chẳng qua làm lợi cho người đánh cá. Lời nói ấy đáng làm gương cho người có dân-xã vậy.

Sau vua Chiêm sai sứ sang nhà Minh tâu với vua Thành-tổ rằng: « Trước thừa ơn thượng-quốc đã chiếu cho An-Nam và nước Chiêm-thành tội phải bãi-binh, thế mà An-Nam quốc-vương không tuân mệnh, khi sứ-thần nước Chiêm ở triều về nước bị người An-Nam đánh cướp cả đồ hành-lý, và những đất ngoài biên-cảnh bị An-Nam họ Hồ xâm-chiếm không thôi, tôi sợ thế có không biết có tự-tồn được không, xin đem bản-dồ sáp-nhập vào Trung-hoa, rồi đặt quan cai-trị thời thần-hạ này được ơn cảm tạ. » Vua Minh nghe nói nổi giận, sai sứ cầm tờ chiếu thống-trách họ Hồ không tuân mệnh; kể lại sai sứ sang nhà Minh cáo nước An-Nam có loạn họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, gây nên việc tranh-chiến, vua Minh sai tướng đem binh đi đánh và sắc cho nước Chiêm phải đóng binh ở ngoài cõi, phòng-triệt người An-Nam khỏi đi lại. Nhà Minh niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ mười, Trần Quý-Khoảng 陳李擴 xưng đế, niên-hiệu Trưng-quang đem quân chống với nhà Minh, vua Minh chiếu cho nước Chiêm lập-tức phải đem quân đến ứng-viện, quân nước Chiêm chưa kịp đến, Trần Hợp 陳洽 tâu với vua Minh rằng: « Quân nước Chiêm tất có nhitâm, nên sai hện không đến, và lại đem trạn voi và vàng bạc giúp cho Quý-Khoảng, lại ước với cậu Quý-Khoảng là Trần Ông-Lĩnh 陳翁領 đem binh xâm-chiếm phủ Thăng-hoa, như thế thời tội chúa Chiêm không thể dung được, xin vua cử binh vấn-tội. » Vua Minh nghĩ rằng: « Nước Giao-chỉ mới đây động việc can - qua cũng muốn thôi binh cho dân-sự yên nghỉ,

nay lại gây binh với nước Chiêm, thời sợ hao binh tổn tướng mà lại không có ích-lợi gì cho triều-đình, thôi chắt thả sai sứ cầm tờ chiếu thống-trách vua Chiêm, khiến cho biết lỗi là phải hơn. »

Năm Tuyên-đức nhà Minh đương đời vua Lê Lợi nổi binh ở Lam-son, nhà Minh sai Hoàng Nguyên-Khương 黃元姜 đến nước Chiêm ban chính-sắc, và trách nước Chiêm phải vào triều-cống. Đến triều vua Minh Anh-tôn niên-hiệu Chính-thống năm thứ sáu, vua Chiêm là Ba-dịch-lại sai sứ vào cống và đem châu là Ma-kha-bi-cai 麻訶賁該 xin kể-tập tước vương. Niên-hiệu Chính-thống thứ 11, lại sắc cho Ma-kha-bi-cai rằng: « Mới đây Lê Duệ nước Nam sai sứ tâu rằng: « Nước Chiêm trước đã xâm-nhiều phủ Thăng-hoa, nay lại đánh Thuận-hóa, cướp cả đồ-vật sản-súc, như thế là mạn phép triều-đình, từ nay phải nên giữ lễ-phận, không được xâm-nhiều chỗ biên-cảnh nữa. » Rồi lại sắc dụ nước An-Nam phạm chỗ biên-giới cũng nên phòng-bị, nhưng không được đem tự-thù mà gây nên binh-hấn, để di-hại thương-sinh. » Năm ấy nước Chiêm lại sai người đến cống, vua Minh trách rằng: « Trước đã định lệ ba năm một lần cống, sao không tuân lệ ? » Sứ Chiêm tâu rằng: « Tiên-vương đã qua đời rồi, mà sắc của triều-đình lâu nay không cho, nên không biết cái lệ ấy. » Vua Minh chiếu nước Chiêm từ nay phải tuân theo cống-lệ và ban cho vua Chiêm cùng hậu-phi vóc nhiều.

Sau vua Chiêm cùng với An-Nam giao-chiến, trạn ấy quân Chiêm thua, vua bị bắt, Ba-dịch-lại có một người cháu là Ma-kha-qui-lai 麻訶貴來 khiến quan sứ tâu vua Minh rằng: « Tiên-quân tôi khi trước làm-bệnh dựng tôi làm Thế-lử, ý muốn cho tôi kể-tập tước vương, nhưng lúc ấy tuổi còn thơ-ấu, sẽ nhường ngôi cho cậu là Ma-kha-qui-lai, nhưng Quý-lai hằng năm

dấy binh đánh nước An-Nam, vì thế quân An-Nam kéo vào đất Cửu-chân, đất Cổ-lũy, giết người lấy của, thiệt-hại không biết chừng nào, nay Qui-lai lại bị bắt, người nước lấy tôi là đồng-dôi tiền-vương, vả lại có lời di-chức cử tôi nối ngôi, tôi đã hai ba lần từ chối không được, nên tạm thay quyền để coi việc nước, nhưng tôi không dám tự-chuyên xin đợi triều-mệnh.» Vua Minh nghe lời, sai sứ phong cho tước vương và dụ cho trong nước thần-dân phải hết lòng phò-tả vua mới, rồi lại sắc cho nước An-Nam phải đưa Ma-kha-bi-cai về nước, nhưng nước An-Nam vẫn không tuân mệnh.

Nhà Minh năm Cảnh-thái thứ ba, nước Chiêm sai sứ vào cống rồi tâu với vua Minh rằng: « Nay Bi-cai chết, vua cũ là Ma-kha-bàn-la-duyệt 麻訶盤羅悅 có người em là Bàn-la-trà-toàn 盤羅茶全 xin lập tước vương. »

Vua Hiến-tôn nhà Minh nối ngôi, nước Chiêm đem lễ vào cống và tâu nước An-Nam sách-nhiên, bắt phải đem cống bạch-tượng, dám xin thương-quốc theo như năm Vĩnh-lạc đặt quan cai-trị và lập giới-kiệt, khiến cho nước An-Nam không được xâm-phạm, vua Minh giao cho đình-nghị, bộ Binh tâu rằng: « Nghĩ nên chiếu-dụ cho quốc-vương hai nước phải theo lễ-phép, giữ bờ cõi, không được cấu-khích với nhau. » Nhà Minh năm Thành-hóa thứ năm, đương đời Lê Thánh-tôn năm Quang-thuận thứ mười, vua Lê Thánh-tôn bắt nước Chiêm-thành phải đem tế-tượng và các phương-vật cũng theo như lệ cống nhà Minh, nước Chiêm không tuân. Vua Lê cử binh đến đánh nước Chiêm. Khi quân mới kéo đến Thuận-hóa, sai Nguyễn Vũ người ở Thuận-hóa, vẽ sơn-xuyên hình-thể hiểm-dị thế nào dâng vua xem, rồi kéo quân ngự đến cửa Tân-ấp (thuộc huyện Hà-dồng, tỉnh Quảng-nam) cửa Cựu-tọa (nay cửa bể Tiên-ấp, cách bể Tân-ấp bảy

dặm) chứa Chiêm sai em đem tướng năm nghìn bức-tiến đến dinh vua đóng, vua sai Lê Hi-Cát 黎希葛 đem thủy-quân lên vào cửa bể Tha-kỳ (nay huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi) phòng-triệt lối về. Vua thân suất quân thủy kéo ra bể, rồi đánh trống hô quân, kéo đến trận-tiền, lại mật sai Nguyễn Đức-Trung 阮德忠 kéo quân đi đường xuyên-sơn, khi đến nơi, quân Chiêm trông thấy lấy làm kinh-sợ, toan chạy về thành Đê-bàn, đi đến núi Mạc-lô, gần cửa bể Kỳ-hải, gặp quân Hi-Cát đã đón ngang đường, quân Chiêm vội chạy, vua Lê lại tiến quân đến cửa bể Thái-cần (nay huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi) đánh chém quân Chiêm hơn ba trăm người. Chúa Chiêm hoảng sợ dâng biểu xin ra hàng, vua Lê không cho, đốc quân thẳng đến thành Đê-bàn, vây kín bốn mặt rồi sai quân bác thang trèo vào trong thành, nhưng sắc quân-sĩ không được đốt phá, rồi bắt được người Chiêm kê mấy vạn người, quân ở Thuận-hóa lại bắt được chúa Chiêm là Trà-Toàn đem nộp chỗ quân-dinh, rồi kéo quân về, xong chia đất làm ba nước, đất Cù-mông trở về nam và đất Bình-thuận gọi là Chiêm-thành, đất Hoa-anh, đất Nam-phan (tức là Thủy-xá Hoa-xá), cử người quản-trị, phong cho tước vương để làm cơ-mi. Lúc ấy Trà-Toàn đã bị bắt, tướng-thần là Bô-tri-đo 逋持陀 chạy đến đất Phan-lung (tức là Phan-rang, nay tỉnh Bình-thuận) giữ thành xưng-vương, khiến sứ vào cống, vua Lê phong cho tước vương cùng với Hoa-anh-vương, Nam-bàn-vương chia làm tam-quốc, rồi cử người nước Chiêm là Ba-dại làm chức Đại-Chiêm-dồng-tri-châu, Lê Ý-Đà 黎倚沓 làm chức Cổ-lũy tri-châu, để coi việc binh-lương đất Đại-xương và đất Cổ-lũy, rồi sắc cấm quan dân không nhà ai được chứa quân Chiêm, nếu ăn-nặc có tội; rồi lại cấm quan-dân không được lấy đàn bà nước Chiêm.

Khi ấy bắt được Trà-Toàn giải về đến sông Thi-nại, huyện Nga-son, thời Trà-Toàn bức chết, em là Trà-Toại 茶遂 trốn vào trong núi, sai sứ sang nhà Minh cáo-cấp, tâu rằng: «Nước Chiêm này bị An-Nam đánh phá quốc-dô, bắt chúa Chiêm là Trà-Toàn và họ đương hơn năm-mươi người, rồi cướp cả phủ-ấn, đốt cả cung-miếu, em là Trà-Toại phải trốn ẩn ở trong núi, tình thật thống-khổ.» Vua Minh giao cho đình nghị, bấy giờ bộ Binh tâu rằng: «Nước An-Nam thôn-tính phiến-bang, nếu không sớm liệu xử-trí, không những là cô-phụ cái lòng nước Chiêm qui-phục mà lại sợ dưỡng-hồ di-hoạn sau này, nghĩ xin sai sứ đem sắc tuyên-dụ nước An-Nam phải trả đất nước Chiêm và quốc-vương cùng thần-thuộc về nước.» Vua Minh tự nghĩ: «Nước An-Nam cũng là một nước quật-cường, ngại chưa chắc đã tuân mệnh-lệnh, sẽ đợi sứ An-Nam đến đây cắt-trách một thể.» Rồi mà vua Lê sai Nguyễn Đức-Trình 阮德貞 Phạm Mục 范穆 đi sứ nhà Minh đem việc nước Chiêm cáo với vua Minh rằng: «Năm trước nước Chiêm suất-chúng đánh cướp châu Hóa, năm nay lại đem binh mười vạn vây đánh nước An-Nam, rất là nguy-bách, bất-dắc-dĩ phải đem quân chống-cự, nhân được người nước Chiêm vẫn ghét vua Chiêm, nên không chỉ đánh, cùng bảo nhau gỡ giáo mà ra hàng, rồi vua Chiêm phải đem binh chạy sang Nam, thời nước tôi kéo quân về giữ chỗ cựu-cảnh, chứ không có phá-hại nước Chiêm bao giờ.» Vua Minh chiếu rằng: «Nay vua Lê phải lập-tức trả đất nước Chiêm và không được giam giữ người nước Chiêm». Sứ nhà Lê tâu rằng: «Đất nước Chiêm không phải là chỗ phi-nhiều, được đất không thể ở được, được dân không thể sai khiến được, nay thừa Minh- chiếu bắt nước tôi phải trả cảnh-thổ nước Chiêm,

thời xin triều-dinh sai quan sứ đến tận nơi chỉ-hoạch như thế nào, khiến hai nước biên-dân đều được hưu-tức, chính là ơn thánh-thượng vậy,» Sứ giả về thuật lại với vua Lê, vua Lê liền sai tướng-quân là Lê Niệm 黎念 cử binh đánh bắt Trà-Toại cùng họ-lạc giải về kinh-sư, an-tri ở ngoài cửa Báo-khánh. Sau Trà-Toại chết con là Trà-Phúc 茶福 trốn hải-cốt đưa về, rồi mà những gia thần nước Chiêm cũng trốn về nước, Trà-Phúc lại sai con là Ma-La đi sang nhà Minh cầu-cứu, vua Lê sai Lê Tử-Vân đi kinh-lý nước Chiêm và chiếu bắt những người Chiêm trước đã bị giam giết hết không tha.

Triều vua Minh Hiến-tôn niên-hiệu Thánh-hóa thứ 17, chúa Chiêm là Cồ-Lai khiến sứ vào triều, tâu sự-trạng nước An-Nam ức-chế, tâu rằng: «Chúa Chiêm trước bị bắt nay quốc-dân dậm tự-chuyên, phải đợi triều mệnh, vậy xin thánh-thượng rộng ơn ban cho sắc-phong và quốc-ấn để coi việc nước, nước Chiêm nguyên trước bờ cõi có hai-mươi-bảy xứ, bốn phủ một châu hai-mươi-hai huyện, tất cả ba nghìn năm trăm dặm, xin thánh-thượng chiếu-dụ An-Nam phải trả cho nước Chiêm». Vua Minh giao tể-tướng đình-ngự, rồi sách-phong cho Cồ-Lai làm quốc-vương. Đình-thần là lũ Mạnh-Đương tâu rằng: «Nước Chiêm xa cách bị An-Nam xâm-chiếm không thời, nay người nước là Đề bà dài 提婆苦 lại chiếm giữ cảnh-thổ, nếu không cẩn-thận lại sợ nhục đến quốc-thể, nghĩ nên sai sứ tuyên-dụ cho Cồ-Lai đến tỉnh Quảng-dông mà vâng lĩnh sắc-phong» Lúc ấy Cồ-Lai tự nước Lão-qua đi thuyền đến Nhai-châu bái chụ sắc-phong, vua Minh bèn sai mộ kiện-tốt hai nghìn người đi thuyền hễ đưa Cồ-Lai về nước.

Triều vua Minh Hiến-tôn năm thứ hai chúa Chiêm là Cồ-Lai khiến em là

Bốc cô-lai-luong 卜古來良 đến tỉnh Quảng-dông tâu việc An-Nam vẫn cứ xâm-nhiều như trước, xin theo như đời Vĩnh-lạc sai đốc-tướng đem binh đến phong-thủ. Tổng-dốc Quảng-dông là Trần Truu đem việc đó tâu lên vua Minh, vua hỏi bộ Binh ý-biến như thế nào? Bộ Binh nói: « An-Nam với nước Chiêm đều là thần-tử của Tiên-vương, hiện đã chép trong sử sách. Khoảng năm Vĩnh-lạc sai tướng đi đánh là vì nhà Lê cướp ngôi của nhà Trần, chứ không phải vì việc hai nước phiên-thần giao-khích với nhau. Nay nhà Lê vẫn giữ chức-cống, chứ không có tội gì với thiên-triều, nếu vì một lời nói của chúa Chiêm mà bỏ nghĩa hoai-hầu sợ không hợp với đạo Tiên-vương, nghĩ nên sắc cho vua Chiêm phải có chí tự-cường, sửa chính-trị, võ-yêu người nước, đề bảo-thủ lấy phong-cương, và chiếu cho vua An-Nam cũng phải nên hòa-hiếu với nước lân-quốc, nếu chúa Chiêm không hay tự-cường được, lại chuyên - ý mệnh-lệnh của triều-dinh phát-binh vượt bể để giữ hộ nước Chiêm, thời có lẽ nào.» Vua Minh ưng lời.

Năm Hoảng-trị thứ mười-ba, chúa Chiêm khiến sứ tâu rằng: « Nước Chiêm lại bị nước An-Nam chiếm giữ đất Tân-châu, nước nghèo dân yếu không thể chống lại được. Nay thần-hạ tuổi già nghĩ xin cho con trưởng là Sa-cồ-bốc-lạc 沙古卜洛 tập-phong tước vương, mong sau này có cơ khôi-phục được, cũng nhờ uy-linh Thượng-quốc vô-cùng.» Giao xuống đình-nghị, định-thần tâu rằng: « Nghĩ xin dụ vua An-Nam không được tham-chiếm của nước người ta, gây nên mối họa, nếu không theo mệnh, sẽ đem quân đến vấn-tội; còn như việc xin tập-phong thời không có lẽ quốc-quân còn đó mà con trưởng đã tập-phong, xin chiếu cho dựng ngôi Thế-tử, quyền-nhiếp việc nước, đời sau này sẽ được

tập-phong, cũng chưa là muốn.» Vua Minh nghe lời. Đến năm Hoảng-trị thứ 18, Cồ-Lai chết, con là Bốc-Lạc vào cống, không nói đến việc Quốc-vương mất, chỉ xin vua Minh sai đại-thần đến nước đem những đất Tân-châu mà tập-phong. Lúc ấy Đinh-thần là Lương-Bật 良弼 tâu rằng: « Nước Chiêm trước vì quốc-thể suy-nhược, mượn việc triều-cống để xin tập-phong, chẳng qua nhờ cái thanh-thế của triều-dinh để truat chỗ lân-quốc, kỳ-thực quốc-vương dựng hay là không dựng chẳng có quan-hệ gì đến triều-dinh phong hay là không phong, nay không chắc Cồ-Lai đã mất hay còn, hư thực thế nào chưa rõ, vạn-nhất sai quan sứ đến để tuyên-phong, Cồ-Lai còn sống, có lẽ đề quốc-quân đấy mà phong cho con trưởng hay sao? Mệnh vua uy nước, nên phải cần-thận, lẽ ra khinh-suất tất có hối-hận sau này. Vả xưa nay các nước phiên-bang trong nước vô-sự thời bỏ lễ triều-cống mà tự-tiện xưng-vương, trong nước có việc thời nhận lễ triều-cống mà xin cầu tập-phong. Nay sứ Chiêm tới đây không phải mục-dích ở chỗ cầu-phong, chính là cầu làm thế nào để nước An-Nam trả đất đó mà thôi. Tuy vậy một việc An-Nam chiếm đất, xưa nay triều-dinh vẫn đã chiếu-dụ luôn luôn, thế mà An-Nam vẫn giữ cố-thái như vậy. Nay lại sai sứ đem thư chiêu-dụ, chẳng là tiết-mạn thiên-uy đấy dư? Phong-sứ sai sứ đến phong, chúa Chiêm họ lại giữ ở đây cầu phải phân-xử cái cương-giới cho được minh-bạch thời triều-dinh xử-tri thế nào? Hoặc là họ lại giữ kẻ sứ-giã ở đây để bách nước An-Nam phải đưa trả những tù-nhân ấy là đem cái sứ-thần của thiên-triều mà làm người dịch-sử cho nước mừng mọi có đang không? Nghĩ xin theo như năm trước chiếu cho chúa Chiêm tới tỉnh Quảng-dông lĩnh sắc đem về, có phần tiện

hơn.» Vua Minh phục là nói phải. Rồi mà Cổ Bốc-Lạc sai sứ vào cống, cố xin tập-phong. Vua Minh sai Lý Quán vàng tờ sắc sang Chiêm, nhưng Lý Quán ra đến Quảng-dông, ngại vì sông nước xa-xôi, quan-sơn hiểm-trở, dưng-dăng không dám đi, dâng biểu tâu rằng: «Tôi nghe Chiêm-thành từ Cổ-Lai bị trục, sau trốn ở đất Xích-khảm, đóng đô ở Phan-rang, đường lối gian-hiêm, không được như đô cũ, nên trừ-trừ không dám đi. Vả Cổ-Lai vốn là một người đầu-mục của quốc-vương nước Chiêm mà dám nhẫn-tâm thoán-thí, cướp lấy ngôi vua, hiện nay vua cũ nước Chiêm còn một người con, đáng nên đem nghĩa xuân-thu chính danh-phận, hưng-binh vãn-tội, khiến cho trừng-giới, các nước phiên-quốc sau này không được như vậy, thời lễ triều-cống của Bốc-Lạc từ nay tuyệt không nhận nữa, để khỏi phiến bần đến triều-dinh». Lúc ấy quan tuần-phủ tỉnh Quảng-dông là Đinh Giai, dâng biểu cũng phụ-hội như lời tâu của Lý Quán, nên việc ấy đình-chỉ.

Năm Gia-tĩnh nhà Minh thứ hai-mươi-hai, quốc-quân nước Chiêm sai Sa-bất-dăng-cô-lô 沙不登古魯 đem lễ vào cống, lại tâu nước An-Nam xâm-nhiều, nên đường-sá ngăn-trở không đi lại được, giao xuống đình-nghị, lâu ngày bèn thôi.

Triều nhà Thanh niên-hiệu Kuang-hi ngang đời vua Lê Thần-tôn niên-hiệu Vạn-lich, quốc-vương nước Chiêm sai sứ sang cống nhà Thanh, sứ-thần không thấy chép tên họ là chi, nhưng người sứ ấy có học chữ hán và biết làm thơ, khi vào cống xong xuống thuyền ra về, có bài cảm-hoài chữ nọ sau này :

行	盡	河	橋	柳	色	邊
片	帆	高	掛	遠	朝	天
未	行	已	識	歸	心	早
應	是	燕	山	有	杜	鵲

Diễn nôm

*Thuyền qua dặng liễu nước reo cầu,
Buồm phội ngang trời cửa khuyết dàu?
Bước khách vội khơi hồn nước cũ,
Núi Yên vắng-vắng tiếng quỳên sâu.*

Thuyền đi qua bến Cồ-tô, gặp bạn lên lầu trên núi để xem phong-cảnh, rồi từ-biệt, nhân có bài tặng-biệt.

青	嶂	俯	樓	樓	俯	渡
遠	人	送	客	此	經	過
西	風	揚	子	江	邊	柳
落	葉	不	知	離	思	多

Diễn nôm

*Dưới bến trên lầu ngọn núi xiêu,
Dặm trường đưa khách cảnh treo-leo;
Sóng Dương gió vút đôi hàng liễu,
Lá rụng bao nhiêu nhớ bấy nhiêu!*

Qua thành Cồ-tô trông thấy cây hoa quì không biết là hoa gì, người đấy nói đỏi là cây nhất-trùng-hoa, liền ứng-khẩu đề một bài.

花	於	木	槿	渾	相	似
葉	似	芙	蓉	只	一	般
五	尺	闌	干	遮	未	盡
獨	留	一	半	與	人	看

Diễn nôm

*Hoa ngờ mộc-cận màu tươi khác,
Lá ngõ phù-dung vẻ đẹp thêm;
Năm thước lan-can che chữa hết,
Chỉ lưu một nửa để người xem.*

Tâu cho bài ấy là một tay thi-gia khéo vịnh-vật, ba bài trên này chép ở cuốn sách *Dịch-sử-ký-dư* 譯史紀餘 của Lục Thứ-Vân 陸次雲 triều nhà Thanh biên chép, nhưng không chép sứ-thần là tên gì.

Đến triều Nguyễn vua Thái-tôn-hiếu-triết mở đất đến phía đông sông Phan-rang (tức là dinh Thái-khang). Phan-rang trở về tây còn gọi là nước Chiêm-thành, triều vua Hiến-tôn-hiếu-

minh năm Nhâm-thân chúa Chiêm là Bà-Tranh 婆爭 đem người đến cướp dân-cư ở phủ Duyên-linh, chúa Nguyễn sai quan chưởng - binh là Nguyễn Hữu - Kinh 阮有鏡 dẫn quân đánh, bắt được Bà-Tranh, mới đổi làm trấn Thuận-thành, sau lại chia đất Phan-lý phía tây làm huyện Đa-phúc, huyện Hòa-da sáp-nhập vào phủ Bình-thuận, lại đặt dinh ở phủ Bình-thuận, khiến thống-thuộc quan trấn Thuận-thành trông coi các việc, kế lại đặt ra đạo Phan-rang, đạo Ma-địa, đạo Phố-hải, bốn đạo ấy thống-thuộc

ở dinh Bình-thuận, mỗi đạo đặt một ông quan văn một ông quan võ, còn phủ huyện thời không đặt quan, tự đầy nước Chiêm phiên-phục về nước ta, đến triều vua Gia-long mới tước khải vương - hiệu của nước Chiêm, chỉ đặt chức trấn-thủ để quản trị dân-cư chỗ ấy. Triều vua Minh-mệnh năm thứ mười-bốn, dương tây-lịch 1833 trấn-thủ nước Chiêm can việc giặc Khôi bị giết, từ đấy nước Chiêm mới diệt.

PHỤC-BA

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

VIII

Chúa Khúc Thừa-Hạo 曲承顛 và gia-thế

Khúc Thừa-Hạo sinh ở Hồng-châu, Hải-dương, vốn là một nhà cự-tộc, về thời nước ta còn thuộc nhà Đường bên Tàu. Cha là Khúc Thừa-Dụ 曲承裕, đang khi nước thuộc Tàu, chính-lệnh phiên-hà, cụ là nhà đàn anh tiêu-biêu, tỏ lòng thương yêu kẻ đồng-bào, xử-tri rất trung-hậu và bênh-vực giúp đỡ cho nhiều lắm, nên ai nấy đều qui-phục. Gặp lúc nhà Đường nội-loạn, chúng bên tôn cụ lên làm thủ-lĩnh. Quan Tàu là Tăng Cồn 曾袞 bỏ thành chạy về nước. Cụ Thừa-Dụ bèn tự xưng là Tiết-độ-sứ và sai sứ sang Tàu xin với vua Đường. Vua Đường đang bối-rối về nội-loạn, nên ưng cho ngay. Được ít lâu cụ Thừa-Dụ mất, dân tôn gọi là Khúc Tiên-chúa. Thừa-Hạo lên nối ngôi thì bên Tàu đã đổi về triều nhà Lương, ông bèn ra giữ thành Đại-la (Hà-nội), cũng tự xưng là Tiết-độ-sứ, nhưng không thỉnh mệnh với Tàu nữa. Đó là việc về năm đinh-mão, Khai-bình

nguyên-niên đời Lương Thái-tổ bên Tàu, tức lịch tây năm 863 vậy.

Chúa Thừa-Hạo đã tự-trị lấy nước, bèn cải-cách lại chính-trị của người Tàu cho hợp với dân-tình quốc-tính mà gây dựng lấy cái nền-móng quốc-gia cho vững-vàng. Mới phân-định lại các lộ các châu các phủ và các xã, đặt ra những chức quan cai-trị các địa-phương, ấy là quan lệnh quan trưởng chức chánh và chức tá. San xẻ thuế ruộng ra cho các xứ cho đều, không đâu nặng hơn đâu, giảm những việc bắt phu dân cung-dịch đi. Lại đặt ra sổ hộ biên tường-tính-danh quê quán của người dân, giao cho chức giáp-trưởng coi giữ. Phạm chính-lệnh gì cũng chuộng lối khoan mà giản, sử khen rằng : « Dân hoạch tồ-tức = Dân được sống lại », nghĩa là đã chết rồi mà lại được sống lại ở sau khi cái chính-lệnh tham-tàn của quan Tàu vậy.

Nhà Lương thấy nước ta tự-trị như thế bèn phong cho Lưu Ân Tiết-độ-sứ Quảng-châu làm Nam-bình-vương

kiêm chức Tĩnh-bãi-quản, đóng ở thành Phiên-ngung là tỉnh - thành Quảng-dông bây giờ, để mưu lấy nước ta. Ân lĩnh chức chưa bao lâu thì chết, em là Lưu Yêm bội nhà Lương tự-lập lên làm nước Nam-hán. Chúa Thừa-Hạo vẫn biết ý người Tàu lại nhòm nước ta, nhân Nam-hán mới lập-quốc, bèn dùng thuật ngoại giao sai con là Thừa-Mĩ 承美 sang kết-hiệp với Nam-hán để dò xem tình-thế nước ấy. Ấy cái cơ-dò tái-tạo của Việt-Nam do tự-trị rồi tự-chủ rồi độc-lập, chúa Khúc Thừa-Hạo thực có công to vậy.

Chúa mất, Thừa-Mĩ nối ngôi bại-minh với Nam-hán mà thông sứ với nhà Lương. Vua Nam-hán là Lưu Yêm bèn sai Lý Khắc-Chính sang đánh, Thừa-Mĩ ra chống-cự không nổi, thua mà bị bắt. Nhà họ Khúc tự-trị nước ta được ba đời, 24 năm.

Bà cô Phạm Lễ-nghi 范禮儀 và anh em

Phạm-thị, hiệu-diệu Dương, sinh ở làng Đồng-khê, tục gọi là làng Đồng-sớm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời Lê.

Nhà cô là nhà gia-thế văn-học, cụ thân thấy cô còn nhỏ mà đã có khiếu thông-minh, bèn dạy cho học, học đến đâu hiểu đến đấy, không bao lâu tinh-thông cả kinh-sử, lại tài làm văn và có nhan-sắc. Chẳng may cụ thân tạ-thế, được một em trai là Phạm Sở-Ngọc 范楚玉 còn bé. Nghĩ đến gia-thanh gia-giáo của nhà mình, sợ em cô-đơn thơ-dại không kể được nghiệp xưa chẳng, cô bèn tự-nguyện bắt-giá để ở nhà dạy cho em và một người anh họ là Phạm Nhân-Lệnh 范仁令 nữa học tập. Hai người này chỉ học tư cô ở nhà từ bé đến lớn mà đều thành-tài cả.

Phạm Sở-Ngọc đỗ tiến-sĩ niên-hiệu Thống-nguyên đời Cung-hoàng nhà Lê

(1522), sau làm đến Thừa-chính-sư tiến-sĩ Phạm Nhân-Lệnh thi đỗ Hoàng-giáp đời nhà Mạc, sau làm đến Lê bộ Tả-thị-lang và Tuyên-sứ đạo Tuyên-quang.

Cũng vì có hai em học chỉ mà đỗ, nên danh-tiếng cô lừng-lẫy gần xa, vua Mạc biết tiếng cho thuyên rỗng về làng vời cô vào bệ-kiến. Bấy giờ trong hậu-cung vua Mạc có một vị nữ-học-sĩ tài-hoa, vua đang yêu-giấu, cho được cai-quản mọi việc, nàng nghe tin vua sắp vời Phạm-thị, nhân làm ra câu phong-dao rằng :

*Êm-dang chẳng một mình tôi,
Thanh-lâm Đồng-sớm có đôi ba người.*

Phạm-thị tiếp chỉ nhà vua, phải theo vào Kinh bệ-kiến. Vua thấy tài-sắc song-toàn, tỏ ý muốn nạp vào hậu-cung, nhưng cô không nghe, làm một bài biểu tạ ơn và cốt từ. Vua xem biểu cảm-khích lời văn, phải ưng theo chí-nguyện của cô, bèn phong cho là « Lễ-nghi trứơng-ti Quận-phu-nhân 禮儀長壘郡夫人 » mà cho thuyên rỗng lại đưa về bản-quán. Từ đấy thành-hiệu là bà cô Lễ-nghi

Về nhà, bà cô Lễ-nghi lại mở tràng cho sĩ-tử gần xa đến học-tập đông lắm. Khi có tuổi, bà cô qui Phật mà tu tại-gia và vẫn cứ dạy học. Sau bà cô mất, cái nền nhà học của bà cô nay gọi là « Mã-lê » ở ngoài đầu làng tương-truyền rằng bà cô cũng ở đấy mà không thấy phong-phần. Ở đình làng thì có một cái bia nhỏ ghi việc làm phúc và ruộng của bà cô cúng cho dân, cứ đến ngày giỗ thì làng tế bà cô bằng lễ chay. Truyền lại ở nhà thờ có đôi câu đối sắc tứ không biết đời vua nào :

虎榜高標。事業科名天下貴。

Hổ-bảng cao tiêu, sự-nghiệp khoa-danh thiên-hạ quý ;

龍舟赴召。文章德業女中奇。

Long-châu phó triệu, văn-chương đức-nghiệp nữ-trung kỳ.

Lời ký-giả — Làng Đồng-khê ở liền với làng tôi, bà cô Lê-nghi là một vị đồng-trình tài-đức hi-sinh với gia-đình, thực là một bông hoa hương thanh sắc đẹp, chẳng nhuộm mùi bùn ở trong vườn nữ-lưu Nam-Việt, đáng qui đáng ghi biết chừng nào. Bà cô Lê-nghi đến nay mới ngoài bốn trăm năm mà cái lịch-sử vẫn-tất của bà cô, nếu không nhờ ký-thác vào một câu phong-dao sắc những mùi chua kia thì người đời cơ-hồ quên mất. Câu phong-dao ấy ở vùng tôi, già trẻ gái trai ai cũng đọc và cũng biết là chỉ vào bà cô Lê-nghi. Tôi nhân khảo về mục « *Danh nhân Hải-dương* », tìm đến lịch-sử bà cô ở những sách « *phong-thổ ký* » của hàng huyện hàng tỉnh thì chỉ vài dòng chữ họ tên và chức phong là hết. Tôi phải sang đến làng, hỏi vào đình thì chỉ có một cái bia hậu nhỏ ghi ngày giỗ và ruộng cúng. Tôi lại tìm vào nhà người cháu họ là một ông đồ già, học-hạnh vào bậc đứng đắn trong làng, ông giở đến gia-phả thì thêm được vài hàng lịch-sử viết tiêu-chủ ở dưới tên hiệu, ngày giỗ, là đủ chứng rằng đức-nghiệp của bà cô là có thực chứ không phải ngoa-truyền. Hỏi đến thủ-trạch của bà cô thì ông đồ nói chỉ còn có bài biếu từ-hóa vua Mạc thì còn truyền, đến hồi gần đây lại bị binh-lửa lạc mất. Thế là một đoạn lịch-sử ngăn-ngủ của bà cô Lê-nghi trên ấy tôi phải chấp nhận đến bốn chỗ mới thành. Coi đó thì biết không những bà cô Lê-nghi, còn bao nhiêu tư-tướng, nhận-tài của người mình từ xưa bị cái kiếp tiêu-trầm như thế nhiều lắm. Mà số-dĩ như thế cũng chỉ tại cái bệnh học chữ mọn đó mà thôi. Học chữ mọn thì viết ra thành lời đã khó, mà tả khúc-chiết rõ-ràng được tình-tục của mình ra lại càng khó. Khó thế thì còn nói gì đến việc lưu-truyền ký-chú nữa. Thời thế là cái học « *sáo sổi* ».

Bà Sao-sa

Sao-sa sinh ở làng Kiệt-đặc, tục gọi làng Dọc, huyện Chí-linh, Hải-dương đời nhà Mạc. Họ tên là Nguyễn Thị-Da 阮氏游, hiệu là Diệu-huyền Sao-sa, tức là hiệu của chùa Mạc tặng cho về sau.

Bà là người nhan-sắc tuyết-trần mà thông-minh cũng tuyết-thế. Ông Tùng-vân mới đây phê-bình về lịch-sử bà có chia ra làm năm cái lịch-sử: một là nữ-Trạng-nguyên, hai là nữ-thiền-sư, ba là nữ-giáo-sư, bốn là nữ-cổ-văn và năm là nữ-khảo-quan. Thực đều là những cái lịch-sử rất đẹp trong nữ-giới Việt-Nam ta cả.

Nhà bà lữ-thế khoa-hoạn ở làng Dọc. Bà được tông-học từ thừa nhỏ, mười tuổi đã biết viết văn mà nhất là hay viết văn nôm. Khi còn nhỏ có cậu ấm người làng mon-men đến ghé, cô Du ngâm ngay lên rằng:

*Xá chi vàng đá hôn-hào,
Thoảng đem cánh phượng bay cao
[thạch-thành.*

Cậu ấm ta xấu-hổ quá. Năm 20 tuổi, bấy giờ vua Lê-Thế-tôn với chúa Trịnh về khôi-phục được thành Thăng-long. Nhà Mạc chạy lên giữ Cao-băng, trong nước nhiễu-loạn. Ông thân đưa gia-quyển tị-loạn lên Cao-băng ở. Đi đường có câu:

*Đành thay là kẻ có mình,
Che trên đã có trời xanh phù-trì.*

Ở Cao-băng, ông thân tiếc cái tài thông-minh của cô nên lại cho cái ra nam-trang theo thầy đi học. Bấy giờ cả vùng đông-bắc nước ta còn thuộc về chúa Mạc, chúa Mạc mở khoa thi, cô vào thi đỗ đệ-nhất, thầy dạy đồ thứ hai. Lúc vào ăn yến chúa Mạc thấy người cực đẹp mà dong-quang ra vẻ tươi-lĩnh nhu-mi, hay hồ người, bèn hỏi căn-văn, Trạng-nguyên phải thú thực, bấy giờ thầy dạy mới

biết trạng là nữ-tử. Chúa Mạc bèn nạp vào hậu-cung, gọi là bà Sao-sa, nghĩa là đẹp như cái sao trên trời sa xuống. Rồi dịch nghĩa ra chữ Hán gọi là Tinh-phi 星妃.

Sau Mạc mất, bà Sao-sa trốn vào trong rừng, bị quân chúa Trịnh bắt được. Bà tay cầm thanh gươm chống xuống đất mà bảo bọn quân-sĩ rằng : « Bay bắt được ta, phải đưa ta vào chỗ chùa bay, nếu bay vô-lẽ thì gươm này ta tự-tử. » Bọn quân-sĩ biết là vợ chúa Mạc, bèn đưa vào nộp chúa Trịnh là Nghi-vương. Chúa Trịnh lễ-trọng lắm, sau bà xin ra tu ở chùa Vụ-nông hạt Gia-lâm.

Nghi-vương mất, Dương-vương nối ngôi lại mời bà vào cung làm nữ-giáo-sư dạy cung-nhân học, ban hiệu là Lê-sư.

Hai đời chúa Trịnh đều trọng về tài văn-học của bà. Phàm văn thi đình cùng các biểu sớ đều đến tay bà xét lại cả. Một khoa thi đình kia có Nguyễn Thọ-Xuân 阮壽春 là người làng Lạc-sơn, huyện Chi-linh về họ ngoại của bà, viết văn rồi nói với người ta rằng : « Văn này chỉ có bà chị tôi chấm không ai hiểu hết nghĩa, chúa Trịnh đem vào hỏi bà thì bà cắt nghĩa được hết. Chúa Trịnh bèn lấy quyền ấy đỡ đệ-nhất. Bà lập cho học-trò huyện Chi-linh một cái văn-hội, cứ tháng hai ngày rằm và mồng một hội ở nhà thờ họ nhà bà ở làng Kiệt-đặc, rồi đợi đầu bài của bà ra ở kinh chạy ngựa trạm đem về, thì học-trò làm văn, xong lại đóng hòm đệ về kinh, bà chấm xong lại cho đưa về. Bà đã giao cho người trưởng họ một khoản tiền để ngày làm văn thì biếu cơm nước cho học-trò. Vì vậy huyện Chi-linh một hồi văn-học đã suy, nay lại thịnh lên là công của bà.

Bà có viết một quyển « Tự-truyện » bằng quốc-ngữ thể văn vần, trong có câu : « Hiềm vì một chút đảo-điên, song-

le Bạc-thị vốn duyên Hán-thần », nghĩa là bà tự ví với bà Bạc-hậu nhà Hán. Sách ấy còn truyền, đến gần đây rồi cũng mất. Còn văn-chương của bà nhiều lắm đều mất cả.

Bà mất, táng ở núi Tri-ngôi 池瀉山 địa-phận làng Kiệt-đặc, có xây một cái tháp lên trên mộ, đời sau gọi là « Tinh-phi cô-tháp » liệt vào Chi-linh bát-cổ 至靈八角, nhưng tháp ấy nay cũng không thấy. Duy một cái chùa nhỏ làng Kiệt-đặc có thờ tượng bà. Trên ban có bức hoành đề hai chữ hoa-am 花庵 và một đôi câu đối :

Giáp khoa tiên chiếm Cao-bình bảng ;

甲科先占高平榜

Đại bút do truyền Bát-cổ bi.

大筆猶傳八角碑

Lại có một cái bia của chúa Trịnh tặng phong là 王府侍內宮嬪德老禮師 Chính-vương-phủ thị-nội cung-tần đức-lão lê-sư, và cấp ruộng hương-hòa thờ bà.

Trong bia Chi-linh bát-cổ có bài thơ đề vào Tinh-phi cô-tháp rằng :

Ngọc thủ chiết cao chi,

玉手折高枝

Kính nhan lưu cố tháp ;

鏡顏留故塔

Tùng cổ thử giang-sơn,

從古此江山

Chi kim kỷ minh giáp ;

至今幾薨莢

Hoa thảo tự khai tạ,

花草自開謝

Ngư tiêu tương vấn đáp ;

漁樵相問答

Sơn sắc chính thanh thương,

山色正青蒼

Thu thanh hà tiêu tạp.

秋聲何蕭颯

Đại-ý — Một cái tay ngọc-ngà vịn bề cảnh đan-quế thứ nhất khi xưa kia,

nay thì trên cái kiêu đất « hình mặt gương » này còn lưu lại với đời một tòa tháp cổ. Giang-sơn này từ bấy đến nay trải bao năm tháng, mà đối với cái cảnh cũ-tháp này, chỉ có cỏ hoa kia cứ tự khai-khải tạ-tạ, cùng ông ngư-phủ chú tiên-phu khi qua tới mà cùng nhau trò-chuyện mà thôi. Đàng khi ta viếng cảnh nhớ người, núi non xanh ngắt một màu, bỗng đâu xào-xạc tiếng gió thu, giục lòng khách thườn-kim tư-tích.

Ông Nguyễn Thế-Nghi

Nguyễn Thế-Nghi sinh ở thôn hạ làng Mộ-trạch, phủ Bình-giang, Hải-dương đời Lê. Chi-khi thì cao mà tính thì phóng-phiếm không giữ lễ-độ, 15 tuổi đỗ Cử-nhân. Bấy giờ anh là Nguyễn Thế-Ân làm đến Ly-quốc-công 莅國公, chú là Nguyễn Thế-Tử là Phò-mã. Thế-Nghi theo các Cống-sĩ tân-khoa vào yết quan tràng, ai nấy theo lễ đều mặc áo thụng mùi thanh-cát, đội mũ ô-xa, duy Nguyễn Thế-Nghi thì áo dùng mùi hồng, mũ mã-vĩ, song quan tràng nề anh và chú của ông ta mà không bắt bẻ gì. Ông ta thường chơi thân với Mạc Đăng-Dong lắm. Đến niên-hiệu Thống-nguyên Mạc Đăng-Dong cướp ngôi nhà Lê, Nguyễn Thế-Nghi chịu thất-thế vào ở chùa Tràng-sinh trong kinh-thành mà không cho ai biết mình.

Mạc Đăng-Dong bỗng nhớ đến bạn cho đi dò-la mãi mới thấy ở đây thì bách mới ông ta mới phải vào yết. Mạc Đăng-Dong muốn cho ông làm quan-chức gì to cũng được. Nhưng ông cố từ mãi, sau Mạc Đăng-Dong này phải nhận một danh-tước gì gọi là có mới được. Nguyên cửa chính hoàng-thành từ đời Lê vẫn đề là « Đại-hung môn 大興 ». Ông bèn xin lấy hai chữ tên cửa thành ấy đề phong tước. Mạc Đăng-Dong bèn phong cho là « Đại-hung-hầu ».

Ông được thế rồi thì lấy làm thích lắm, thường ngâm rằng: « Anh-hùng ai nấy hung-hàng, nào ai đến cửa Đại-hung không luồn ». Lại đem viết câu ấy lên mé tả cửa Đại-hung mà tự khoe ai cũng phải chui ở dưới mình.

Ông thọ đến cuối đời nhà Mạc hãy còn, bấy giờ vua tự-quân Mạc hoang-dâm lười-biếng, không chăm chính-sự. Ông bèn làm một quyển văn quốc-âm đề là « Nhạc-xương phân kính 樂昌分鏡 », nói về những việc xa-hoà rồi đến mất nước của hai đời Trần Tuy bèn Tàu đề ngụ ý răn bảo, song vua Mạc cũng không hiểu gì cả. Ông lại viết một bài phú nôm đề là *Huyền-quang tống cung-nữ 玄光送宮女*, bài này hay lắm, nhiều người truyền-tung.

Đến khoảng niên-hiệu Dương-dức (1672) đời vua Gia-tôn Hậu-Lê, có sứ Tàu sang, nghe nói hai chữ tên cửa Đại-hung là phong-hiệu của một kẻ thần-lử nước ta, nên khi vào đến trước cửa ấy, người sứ Tàu ấy dừng lại không vào nữa, yêu-cầu phải lấy thang bắc cho người ấy trèo lên qua cửa ấy đề vào thành. Bấy giờ có Vũ Duy-Đoán là Thượng-thư đi tiếp sứ, ông giả-cách vàng lời sứ Tàu, rồi bèn mật sai cho voi xồng tàu ở ngoài chạy vào thành, gần đến cửa ấy, voi bõ thúc dau ở đằng sau kêu rống lên chực sẵn vào chỗ đám đông người đang si-sò bàn nói mà bõ vào, bọn sứ Tàu mê-hoảng, vội-vàng chạy thụt ngay vào trong thành, thì mới nghĩ ra là mắc lừa, sự đã nghiệp-kinh mất rồi, họ xấu-hổ với ta về việc ấy lắm. Câu truyện còn truyền đến nay.

Ông Trần Vi 陳瑋

Trần Vĩ sinh ở làng Hoạch-trạch, phủ Bình-giang, Hải-dương đời Lê. Đỗ tiến-sĩ niên-hiệu Hoảng-định (1600) đời Lê Thế-tôn. Khi làm Hiến-sát xứ Nghệ-an, ở đây có viên quốc-cửu của chúa

Trịnh ý-thể hà-hiệp, dân-tình khờ-sở, đưa đơn kiện viên ấy nhiều lần, nhưng tiền-quan sợ nề, không ai dám xét xử gì cả, chỉ xếp đơn vào thành đồng ở bên án. Ông Trần Vĩ về nhận chức, xem các đơn cũ liền mật sai lính bắt viên quốc-cử ấy về tra ra thì là sự thực cả, bèn đánh một trận cực đau, thế nào viên ấy chết. Ông xuống ngay thuyền đánh cá đi gấp về kinh, vào lay tạ chúa Trịnh mà rằng: «Thần làm sung chức Hiến-tư, giữ phép của Triều-dinh, nay quốc-cử khinh phép làm ngang, thần tức giận quá, không ngờ chót lỡ tay mất rồi, vậy xin chịu tội chết.»

Bấy giờ chúa Trịnh cũng đã hiểu cái tệ của quốc-cử rồi, bèn nói: «Hiến-tư giữ chức đàn-hặc, vì dân trừ hại, thế mới là xứng chức, còn việc gì mà có tội.» Ông lại lay tạ rồi lại về làm việc. Từ đó những kẻ hào-cường khiếp-sợ, trong hạt đều được hòa-bình. Sau ông Trần Vĩ đi sứ Tàu, về làm đến Hương-Quận-công, tặng Thượng-thư Thiếu-bảo.

Ông Mai Duy-Viên 枚惟垣

Mai Duy-Viên, sinh ở làng Lai-cách, huyện Cẩm-giang, Hải-dương đời Lê. Ông võ-ngệ cực tài, đứng trên mình ngựa mà cho ngựa phi được. Lại bắn rất hay. Đạn chim đang bay, có người đỡ ông bắn tin con thú ba, thế mà quả-nhiên ông bắn tin thật. Khoảng năm Dương-hòa nhà Lê, ông làm đến Đại-tư-dồ Quận-công, người trong họ là Duy-Dũng, Duy-Cán cũng tài võ-ngệ đều làm đến Quận-công đồng-thời bấy giờ. Vì thế làng ấy rất thịnh cái phong thượng-võ, đến nay nghề đánh «thiết-lĩnh» của người làng Lai-cách thì hai hạt đông-bắc ai cũng biết tiếng.

Đinh Văn-Tả 丁文左 Bà mẹ và họ «Hàn»

Đinh Văn-Tả sinh ở làng Hàm-giang, tục gọi Hàn-giang, huyện Cẩm-giang, Hải-dương, đời Lê. Nhà nghèo, mẹ làm nhà ở bến đò «Hàn» để bán hàng cho khách trọ. Một hôm chiều tối có một người vào trọ, sáng mai đi sớm, vội-vàng bỏ quên mất túi bạc ở đầu giường. Người khách ấy đi đã được vài dặm đường mới nhớ ra mà chạy lại, thì bà đưa ra trả không thiếu đồng nào, người khách xin phân đôi để biếu bà một nửa, bà nhất-định không nghe.

Đinh Văn-Tả lớn lên hay bè đảng, ngông-nghênh ngao-xược đến bị tù ở kinh. Một hôm tù đi làm qua tràng tập võ, ông thấy lính đang bắn thi, ông cười mà rằng: «Đồ tôi này chỉ ăn hại của nước mà thôi!» Khảo-quan nghe thấy nói bèn dòi vào bắn thử. Ông ra bắn một cách cực lanh-nhẹn, phát nào cũng trúng. Khảo-quan khen là kỳ-tài, bèn tâu lên chúa Trịnh, chúa liền tha tội, bỏ vào ngạch võ-gia, rồi làm đến Điện-binh, đi đánh dẹp có nhiều kỳ-công, tước đến Quận-công, đặc-cách sinh-phong Đại-vương.

Từ đó họ Đinh làng Hàn kế-thế tài võ làm quan to, như Đinh Văn-Cần nghề grom mộc vô-dịch, làm đến Quận-công, nên đời có câu: «Đánh giặc họ Hàn» đối với «Làm quan họ Đặng» tức là họ ông Đặng Tướng ở Hà-đông. Cuối Lê thì Đinh Tích-Nhượng phủ-tôn chúa Trịnh, các người khác nữa thì theo vua Lê Chiêu-Thống sang Tàu. Con cháu vẫn có phong nghĩa-dũng.

(Còn nữa)

Đ. N.

NGÔ-VƯƠNG QUYỀN

吳王權

Nước ta tự đời Hồng-bàng trở về sau, nội-thuộc nước Tàu gần nghìn năm, dân cũng có một hai vị anh thư anh-hùng nổi bình phản-kháng. Sự phản-kháng ấy bách vì cứu-thù mà phải làm, hoặc là nhân về ức chế mà phải làm, nhưng thế-lực không đủ đương, tài-năng không đủ chống, thành ra cái chủ-nghĩa tự lập không có hiệu quả chi. Đến quãng thế-kỷ 939 mới có Ngô-vương Quyền xuất-hiện, một trận Bạch-dăng áp-đảo quân Nam-Hán. Tự đẩy nước ta mới tự chủ. Thế thời ông Ngô vương Quyền là một tay xây nền đắp móng gây nên cái cơ-sở độc-lập cho nước ta vậy.

Hoặc bảo trước vua Ngô-vương Quyền lập thành quốc-liệu, có vua Kinh-dương làm đầu, sau vua Ngô-vương Quyền khôi-phục được quốc-thống mà tự-chủ có vua Đinh Tiên-hoàng làm trước. Kể đến công tự-lập Ngô-vương Quyền vị-tất đã được là tiên-phong. Tuy vậy Kinh-dương đương lúc hồng-hoang thời-dại, giữ lấy đất, trị lấy dân, sự ngoại-giao không can-thiệp gì đến các nước, nên hưởng nước hơn hai nghìn năm mà chỉ đóng đô ở Phong-châu, chưa nói đến thiên-lĩ đầu cả, chẳng qua chiếm-linh một giải Tây-sơn đó mà thôi. Trong nước lấy thất giáng làm trị, thời tự-cách cũng chưa đủ tự-cường, tục dân lấy đánh cá làm nghề, thời kinh-lễ chưa đủ tự-lập. Đến như vua Đinh Tiên-hoàng bình được mười hai sứ-quân mà tự xưng-đế, cũng là nhờ được cái thanh-thế của Ngô-vương Quyền, đuổi được Nam-Hán, tự đẩy giặc Tàu không dám bề-nghe nước Nam. Rồi sau vua Đinh mới hay nhất-

thống, mà tự-trị được nước Nam, nhưng còn phải sợ uy-thanh nhà Tống, mới sai sứ vào cống để cầu phong, thế thời cái quyền-lực cũng chưa hẳn được là tự-lập. Khen thay vua Ngô-vương Quyền đã bình được loạn bên trong, đề báo thù cho chúa, lại dẹp được giặc bên ngoài để rửa hồ cho nước. Không những thế, bình được nước mà không cầu phong nước nào, tự-lập lấy quan-chế triều-nghị, nghiêm-nhiên thành một nước tự-chủ ở phía Nam-hải, chẳng đáng nên sùng-bái, nên kỷ-niệm dư?

Thần đời nước ta bị nước Chi-na ức-chế đã hơn một nghìn năm, nếu không có Ngô-vương Quyền thì nước ta biết bao giờ thoát được cái vòng ky-ách mà tự-chủ lấy sơn-hà. Nay qua sông Bạch-dăng tưởng thấy uy-phong lâm-liệt như trận gió gào, như cơn sóng vỗ, ầm-ầm bên tai, mà ta lại thêm một mối cảm-tưởng vô-hạn.

Hương thế-kỷ thứ chín, ngang đời Ngũ-qui nước Tàu, nước ta thuộc nhà Đường nhà Tống, rồi lại thuộc nhà Lương, Nam-Hán, chẳng khác gì một cái chợ lớn để cho các phường lái buôn họ đến họ tranh lợi vậy. Nhưng lúc ấy cơ-quan nước mình còn hay mất không ở nước Lương mà chú-trọng ở Nam-Hán; vì là nước mệnh đối với nước Lương là gián-tiếp, đối với Nam-Hán là trực-tiếp, Chúa Nam-Hán là Lưu Cung là một tay kiệt-hiệt, chiếm giữ Lĩnh-nam, tự khi bắt được Thừa-Mỹ, thế lực ngày mạnh, có chí tâm-thực cõi Nam, Lưu Cung thường nói ta coi vua Trang-tôn nhà Đường như là một chức Thứ-sử vậy, mà nhà

Đường cũng không dám gia-binh, thế thời biết Nam-Hán quật-cường, Giao-châu cũng chưa dễ mà địch được. May mà lòng trời a-hộ khiến nước Việt-Nam được tự-chủ, mới có Ngô-vương Quyền ra đời, Ngô-vương Quyền là một quí-phái ở huyện Đường-lâm (nay thuộc Cam-lộ, tỉnh Phú-thọ) cha là Ngô Mân làm quan mục, khi sinh ra ông Quyền có bóng hào-quang sáng rực đầy nhà, đàng sau lưng có ba nốt ruồi, người đều khen có tướng lạ, ngày sau tất cũng được tự-chủ một phương, nên mệnh-danh là Quyền. Kịp lớn tuổi có trí khôn, có sức mạnh, cất nổi được cái vạc, có tài địch được nghìn người. Khi vào yết-kiến, ông Dương Đình-Nghệ người châu Ái (nay huyện Đông-sơn tỉnh Thanh), ông Nghệ thấy người diện-mạo khác thường, lại có mưu-lược, liền đem con gái gả cho, rồi trao cho chức nha-tướng ở quản-trị châu Ái. Bấy giờ nha-tướng ông Dương Đình-Nghệ là Kiều Công-Tiên người Phong-châu nổi binh giết Đình-Nghệ, thay chức Tiết-độ-sứ. Quyền nghe tin khảng-khái mà nói rằng: « Công-Tiên là gia-thần họ Dương mà lại nhẫn-tâm bội-đạc, tội trời không sá dung, quyết lấy đầu Công-Tiên để tạ trước linh-hồn họ Dương, thời ta mới yên lòng ». Bèn kéo binh tự châu Ái đến đánh Công-Tiên, Công-Tiên biết thế mình không đương nổi, bèn sai sứ đem của sang Nam-Hán để cầu-cứu, nói rằng: « Nha-tướng Đình-Nghệ là Ngô Quyền mới nổi binh ở châu Ái, nếu không sớm liệu đem binh liền-trừ sau này lại sợ họ Ngô thành một nước địch-quốc nữa. » Chúa Nam-Hán cau mày nói rằng: « Thế-lực như họ Khúc kia đánh một trận cũng đủ tan, ta còn chẳng sợ, phương-chỉ như Ngô Quyền. » Liền sai con là Hoảng-Thao làm chức Tiết-độ-sứ lĩnh hải-quân, đem binh đi đánh. Bên ngoài mượn tiếng đem binh giúp Công-Tiên, bên trong có ý thừa-cơ họ Dương nội-loạn, chiếm-cướp lấy đất

Giao-châu. Khi quân Nam-Hán chưa đến nơi, thời Ngô Quyền đã đánh được Công-Tiên, chém lấy đầu đem trước mặt họ Dương tạ mà nói rằng: « Họ Dương có thiêng tất cũng cười thắm ở dưới chín suối. »

Rồi mà quân chúa Nam-Hán đóng ở ngoài cửa bể để làm ngoài viện, mà quân Hoảng-Thao định kéo qua sông Bạch-dăng để làm tiền-phong. Lúc tiến-binh chúa Nam-Hán hỏi Tiều Ích rằng: « Nay ta cùng với Ngô Quyền quyết-chiến một phen, thế thời tiến-thoái công-thủ nên như thế nào, người nói cho ta nghe? » Tiều Ích nói: « Nay trời mưa dầm đã gần một tháng, đường đi bãi bể rất là nê-ninh, sợ xảy ra nhiều sự khó-khăn, nghĩ nên chọn người nào am-hiểu đường lối, chỗ nào hiểm, chỗ nào dị, để biết trước mà đề-phòng. Vả tôi nghe Ngô Quyền cũng là tay địch-thủ, đừng coi là thường, việc quân cốt phải thận-trọng mới được. » Chúa Nam-Hán không nghe, sai Hoảng-Thao lập-tức suất tướng-sĩ và chiến-thuyền, đi tự cửa sông Bạch-dăng kéo thẳng vào Giao-châu. Ngô Quyền nghe quân Hoảng-Thao kéo đến nơi, ai cũng lấy làm kinh-ngạc, Ngô Quyền nghiêm nhiên thần-sắc không động, gọi tướng-lá bảo rằng: « Chúa Nam-Hán có linh kiêu-cãnh, việc binh lại thậm là khinh-suất. Sách có chữ: « Làm sự nhĩ-cụ, hiều-mưu nhi thành » nghĩa là tới việc lo sợ, muốn mưu thời việc mới thành. Chúa Nam-Hán không hiểu nghĩa ấy, việc gì cũng tự-quyết, chứ không chịu nghe ai cả, mong thế nào được thành-công. Vả Hoảng-Thao là một đứa trẻ con, binh-cơ chưa am-hiểu chi cả, nên ta không đủ lo, phương-chỉ quân họ trèo non vượt bể mới tới đây, lâu ngày tất mỏi-mệt. Nay lại nghe thấy Công-Tiên chết, bèn trong không có quân ứng-viện, thời quân họ cũng đã nổi-khi rồi, ta không phải cần đánh vội. Tuy vậy, quân họ giỏi về nghề đánh thuyền,

ta phải dùng bí-kế để lừa họ, thời không đợi giao-chiến mà cũng thành-công. Sông Bạch-dăng giáp cửa bể, bên tây tự huyện An-dương, bên đông đến huyện Nghiêu-phong, bãi sa một giải chạy dài, chiều nước xuống thời thấy những cát, chiều nước lên thời thấy những nước, ta nên dự-bị những chông gỗ với nhọn đầu bịt sắt, cắm ở cửa bể, làm cho cần-mật, đàng lộ cho quân họ biết, thời việc mới thành.» Nửa đêm hôm ấy sai quân-sĩ đem chông đến cắm, đầu đũa đã được vũng-vàng rồi, sai đem mấy chiếc thuyền thừa lúc thủy-triều lên, khiêu-chiến với quân Hoảng-Thao, rồi giả-cách thua chạy. Hoảng-Thao tưởng là thua thật, mới thừa-thắng hô quân chèo thuyền đuổi đánh, không ngờ nước triều đã hạ, thuyền bị chông sắt, muốn vào cũng không vào được, muồn ra cũng không ra được, bắt sống được Hoảng-Thao chém ở trận-tiền, còn quân-sĩ bị chết đẫm quá nửa. Chúa Nam-Hán nghe tin thua trận than rằng : « Xưa nay ta không bị ai, nay lại bị Ngô Quyền, không ngờ người Đường-lâm lại có tài thao-lược như vậy.» Bèn thu-thập đảng-tốt trở về, tự đốc quân Nam-Hán kinh-sợ, không dám quấy-nhiều Giao-châu nữa.

Vua Ngô đã bình được Nam-Hán, tự xưng vương, đóng đô ở Cổ-loa (thuộc huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh) dựng họ Lương là con gái ông Tĩnh-Nghệ làm bà Hoàng-hậu để giúp việc trong cung ; lại đặt trăm quan để giữ việc nước ; lại dựng triều-nghị, định phẩm-phục, khiến trên dưới phải có trật-tự, tuy chế-độ chưa được hoàn-toàn, nhưng quy-mô đế-vương, cũng đã phôi-thai từ đây trước. Xem thế đủ biết vua Ngô cũng là bậc anh-hùng khoáng-thể, không những kế được cái chí bà Trưng bà Triệu, vừa được cái hồ hơn nghìn năm trước, mà dựng cờ tự-lập, đáng làm gương cho Đinh, Lê, Lý, Trần muốn đời sau vậy.

Tiểu thay vua Ngô ở ngôi được sáu năm thời mất, khi vua Ngô bệnh kịch, di-chức em bà Dương-hậu là Tam-Kha, giúp con trưởng là Xương-Ngáp nối ngôi, ngò đầu Tam-Kha đem lời g phồn-trắc, cướp lấy cơ-nghiệp nhà Ngô ở tay người cô-quả vậy. Không bao lâu tiếm-hiệu là Bình-vương, Xương-Ngáp kinh-sợ chạy ra Nam-sách, nghe tiếng ông Phạm Lệnh-Công ở làng Trà-hương (thuộc huyện Kim-thành) vốn nhà phú-hộ, có lượng bao-dung, tìm đến để lánh nạn, nói với Phạm-công rằng : « Nay vì họ Dương thoán-nghịch, nên phải đem mình đến đây nương náu, nhờ ngài hết lòng giúp đỡ, mong sau thoát khỏi cái vạ ngoại-thích, tôi xin cảm tạ vô-cùng » Phạm-công nghe nói cảm-động lương-tâm, bèn lưu ở một nhà riêng rất là tinh-mịch, đồ ăn đồ dùng, khoản-đãi như một vị vương-tôn công-lữ, ngày đêm sai người canh gác bên ngoài, không dám thanh-tích cho ai biết. Xương-Ngáp thấy Phạm-công đôi với mình có cái cảm-tình thân-mật, cảm tạ nói rằng : « Tôi không may gặp bước phong-trần, nên phải lánh mình tới đây, may được Phạm-công có lòng nhân-tuất, nhà cho ở, cơm cho ăn, áo cho mặc, cái ơn tái sinh coi như trời bể, không biết sau này lấy gì mà báo đức đền công được ». Phạm-công đáp rằng : « Xin tự-quân đừng nghĩ chi sự đó, chính là bản-phận của tôi đối với tự-quân, nên phải như vậy, dầu liên-quân hồn về chín suối, mà cái công-nghiệp của tiên-quân vẫn còn ghi tích ở trên sông Bạch-dăng, nên không nhờ được tiên-quân thời không những là Nam-sách, Trà-hương, cho đến cả đất Giao-châu đã về tay cha con Hoảng-Thao chiếm-cử mất rồi, còn đâu đâu ngày nay. Lão-phu lại gặp được tự-quân nữa, xin tự-quân yên lòng ngời-nghĩ, để đợi xem Tam-Kha nó xử-lí với lớn-thống nhà Ngô ta thế nào.»

Đoạn rồi Tam-Kha lấy con thứ hai vua Ngô là Xương-Văn làm con nuôi, lại sợ Xương-Ngập trốn đi đâu mất hoặc có chi mưu chực báo-phục chăng, rồi sai Dương Cát-Lợi là người cùng họ và Đỗ Cảnh-Thạc đem quân đi dò xét Xương-Ngập trốn ẩn ở đâu, thời bắt cho được, hiện đã đem quân vây làng Trà-hương ba lần, nhưng không bắt được, may mà trên nhờ giáng-sơn a-hộ, dưới nhờ có Phạm-công hết lòng che chở, lại thoát được cái nạn ngoại-thích này, chả là đại-hạnh lắm dư?

Không bao lâu Lệnh-công mưu với Xương-Ngập rằng : « Nay tự-quân ở đây được ngày nào tạm yên ngày ấy, chứ không phải là kế lâu dài, bất-nhật nó lại đem binh đến vây thời thoát thế nào cho khỏi, không gì bằng tìm chỗ sơn-lâm linh-mịch, xa cách dân-cư, thời mới có thể dung thân được ». Một hôm trời tối canh khuya, Phạm-công thân-hành dẫn Xương-Ngập đến một cái động ở trong núi, và cho một người nhà cần-tín theo đến đây hầu-hạ cơm nước cũng như lúc ở nhà vậy. Rồi Phạm-công từ-biệt ra về, nhưng vẫn tháng hai lần, tháng một lần, tiền lương gạo đốn, cung-cấp không thiếu thứ chi, cũng có khi lên lối tắt, trèo sườn núi, lặn bậc khe, đi lại cực là gian-hiêm, mà Phạm-công vẫn coi là thường. Một hôm Xương-Ngập lấy làm ái-ngại cho Phạm-công, nói rằng : « Lâu nay Lệnh-công vì nỗi quả-nhân này, đeo lấy những sự gian-nguy, sự lo nghĩ, sự tổn kém biết là đường nào, biết lấy gì báo-đáp cho khỏi phụ cái lòng tốt của Lệnh-công. » Phạm-công nói : « Tuy vậy trọng-nghĩa, và tự-quân đối với tôi là cái ơn riêng, tôi đối với tự-quân là cái nghĩa chung, ơn riêng là nhỏ, nghĩa chung là lớn, xin tự-quân đừng lấy sự đó làm quan-hoại, tôi chỉ cầu-nguyện cho tôn-xã nhà Ngô có khôn-thiêng nữa, thời bang-hộ cho tự-quân được toàn cái

tinh-mệnh để đỡ khôi-phục sau này, khiến tôi được trông thấy uy-nghi đường-bệ của nhà Ngô, chính là cái lòng nguyên-vọng của tôi vậy. »

Lúc ấy Xương-Ngập trốn ẩn ở đó một thày một tớ, lấy cây cỏ làm vui, lấy yến-hà làm thích, lần lần lữa lữa, cho qua ngày ấy tháng khác chứ còn có hi-vọng gì đến cái thân thể của mình, nhưng nghĩ đến cái hoàn-cảnh của mình bao nhiêu lại càng đau xót biết bao, ngày thời thấy cỏ biếc non xanh mà cái lòng tự-gia vẫn còn bồn-chồn tác đạ ; đêm thời nghe chim kêu vượn hót mà tiếng vọng-quốc như là rầu-rĩ bên tai, lắm khi thanh-vĩnh một mình hồi-tưởng đến cái vận-mệnh của mình lo âu muốn tự-lử cho yên cái thân mình và khỏi lụy đến người, nghĩ đi nghĩ lại cái thân-1) ẽ của mình đã đành vậy, nhưng còn xã-tắc của nhà Ngô, không có lẽ khiết-nhiên chịu vậy, thôi cũng đành nung nấu ít lâu, đợi xem cơ tạo thế nào, ta sẽ định-liệu. Rồi mà chợt thấy Phạm-công sai người nhà đến báo rằng : « Tam-Kha đương cho người đi dò thám các nơi núi động ». Nghe nói rợn cả tóc gáy, như là sét đánh bên tai, nghĩ thân mình chẳng khác gì voi giấu đụn ru, thoát làm sao cho qua được cạm giò, lại không khác gì lác bỏ rỏ cáy, tránh làm sao cho được lưới dầy. Nhiều khi nằm xó trong hang, trải hai ba tuần, mắt không được trông thấy ánh sáng và cũng không được hấp cái không-khí ở nhân-gian, cái cảnh-tượng tịch-liêu không biết đâu mà kể cho xiết. Không bao lâu quân Tam-Kha kéo đến chỗ động mình ở, bên cái động ấy, nhờ có khóm cây rậm-rạp, lên ngồi vào trong giữa khóm cây, nhìn hơi không dám thở, thấy quân ở ngoài kéo đến tưởng là cái mệnh mình đã gửi ở ngọn giáo Tam-Kha rồi, ngờ đâu lại được vô-sự, cũng là hú vía.

Rồi mà Tam-Kha sai Xương-Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi & Đỗ

Cảnh-Thạc đem quân đi đánh Hoàng Nguyễn hai thôn (nay thuộc phủ Quảng-oai, phủ quốc-oai, tỉnh Sơn-tây), quân mới đi đến đất Từ-liêm, Xương-Văn bảo hai quan sứ rằng : « Ôn-đức của tiên-hành ta thắm khắp lòng dân, nên thi-hành chính-lệnh, đầu đầy lấy làm hoan-ngheh, không may tiên-quân ta tạ-thế, Bình-vương bất-nghĩa, nhân làm những việc thoán-nghịch, tội không gì lớn hơn, hiện nay anh ta là Xương-Ngáp đã danh trốn ở một nơi, thế mà Bình-vương vẫn còn sai người thám-thình, quyết bắt chưa tha, như thế thời ta đây dù có được phú-quí, lòng ta cũng không yên. Nay lại sai ta đi đánh những dân không có tội, may được thành-công đã vậy, không được thời lữ ta biết xử-trí thế nào? » Hai quan sứ nói : « Ông nghĩ sao anh em chúng tôi cũng xin tuân mệnh. » Xương-Văn nói : « Hai ông còn nhớ đến cái công-nghiệp của tiên-quân ta ngày trước, thời xin hai ông vì ta hết lòng báo-phục, khiến bảo-lồn được cái tôn-xã nhà Ngô, thời ta cũng xin bội-phần cảm-tạ ». Hai quan sứ nói : « Quả như vậy chính hợp với bản-lâm của anh em chúng tôi », Xương-Văn bèn kéo quân về đánh bắt Tam-Kha, rồi đem tuyền cái tội thoán-nghịch của

Tam-Kha cho tam-quân đều biết. Lúc ấy quân-sĩ loan giết Tam-Kha đem trước mộ vua Ngô đề tạ tội, Xương-Văn can rằng : « Bình-vương đối với ta có một cái ơn riêng, nên ta không nỡ gia-hình, nay sẽ cô-thứ một lần, thời ta trao cho một chức để cùng ta giúp việc nước ». Bèn giáng Tam-Kha làm chức Trương-dương-công, nhân lấy đất Trương-dương tức là dò Trương-dương thuộc Thượng-phúc Hà-nội cho làm thái-áp, rồi lên ngôi vua, xưng là Nam-tấn-vương, sau khiến quan sứ rước anh là Xương-Ngáp ở động về, cùng coi chính-trị trong nước. Xương-Ngáp là Thiên-sách-vương, đương khoảng lấy-lịch 95 ngàn năm nước Tàu nhà Chu năm Hiền-đức nguyên-niên. Xương-Ngáp chết, vua Nam-tấn đem quân đi đánh thái-bình hai thôn (thôn Đường thôn Nguyễn) nhân bị mũi tên giặc bắn phải, chết ở trận-tiền, ở ngôi được mười-lăm năm, hiệu là Hậu-Ngô, nhà Ngô mất đầu đầy thổ-hào nổi lên, mỗi người cát-cử mỗi chỗ, gọi là mười hai sứ-quân.

THIỆN-ĐÌNH



GƯƠNG ĐỨC-DỤC

XI

5. Tỉnh-khắc

— Tiên-sinh răn học-trò thường bảo rằng: Lũ chúng ta tập tục đã sâu, bnh-nhật làm điều gì đều là ác cả, chứ không phải là lầm-lỗi mà thôi. Kẻ học-giả phải cần bỏ điều ác đi mới được, chứ chỉ dụng công đòi lỗi đi cũng chữa xong. Lại rằng: Làm điều bất-thiện mà mình lại tự tha-thứ cho mình bảo rằng không hại gì. Không biết rằng vũ-trụ dẫu khoan-dung, dung cho cả vạn-vật, nhưng không thể nào dung cho một người mình làm ác được.

— Chúng ta chợt mắc phải một điều lỗi, người ta cho rằng không can sao. Nhưng không biết cứ một điều lỗi ấy mà xét ra, trước kia lại còn có mấy mươi tầng lỗi nữa; lại theo một điều lỗi ấy mà khám xét ra, sau này lại còn có mấy mươi tầng lỗi nữa. Vậy nên làm điều lỗi mãi mà không thôi thì tất thành ra ác, nó phát ra từ đầu nguồn rồi trôi mãi ra vô-cùng. Nếu hay thật chuyên-chí về điều nhân không có ác-niệm nữa, rồi mới hay dụng-công đòi lỗi được.

— Kẻ học-giả lập-thần không nên tự phóng-túng ra một tí gì.

— Hoặc kẻ hỏi: Đòi lỗi có phải trước đòi cái lỗi tự trong tâm phải không? — Tâm sao lại có lỗi, tâm mà có lỗi, tức là ác rồi.

— Người ta cứ nên theo cái sơ-niệm mà làm đi mới phải, thầy Mạnh sở-dĩ bảo phải giữ lấy cái bản-tâm; nguyên cái sơ-niệm nó như thế, lúc nó chuyển-niệm đi lại sinh ra một cái tâm-niệm nữa, nhưng vẫn hợp với cái sơ-niệm trước, cái lòng biết phải

biết trái vẫn hãy còn. Nếu chuyển-niệm mãi đi không thôi, rồi tất thành ra cái tâm tư-tú, không thể cứu chữa được nữa.

— Hễ nhận cho mình không có điều gì là chẳng phải, thì càng ngày càng kém, thành ra đũa phàm-phu; nếu nhận cho mình còn có chỗ không phải, thì càng ngày càng tấn-tới lên, thành ra bạc thánh-nhân.

— Cái tâm là một chức quan giám-sát, tức là cái lương-tri, nó rất có quyền, nếu súc-phạm tới nó thì hỏng ngay. Nhưng vì người ta chỉ theo thói quen làm can, nếu có điều gì làm không được thỏa lòng, cái tâm mình giám-sát đều biết rành hết cả, nhưng mình đã tự không làm chủ-trương được; giám-sát đã vô-chủ, thì chỉ toàn là huyết-khi dụng sự, không điều gì là chẳng làm; một việc đã không tự làm chủ được, rồi đến việc gì cũng không làm chủ được cả, cái tâm-khiếu kia thành ra hoảng-hốt chỉ là hư-vị mà thôi.

— Trời phú-mệnh cho muôn vật đều cho lấy một cái vô-vọng 无妄 (không-càn) người ta cũng được cái vô-vọng ấy để làm bản-tâm, thế thì tâm người ta vốn không có vọng, mà hốt-nhiên lại sinh ra có vọng, rất là tế-vi không biết đầu mối nó ở đâu, đó còn là cái lỗi nhỏ chỉ một mình mình biết; đã có lỗi nhỏ rồi thành ra cái lỗi ẩn ở trong thất-tình (bảy mối tình), đã có lỗi ẩn ở trong thất-tình rồi thành cái lỗi tỏ ra cứu-dung (chín cái dung-nghi), đã có lỗi tỏ ra rồi thì thành ra cái lỗi lớn phạm đến cả ngũ-luân, đã có lỗi lớn rồi nó tua-tủa sinh ra đều

cả trăm nét, đều là vọng cả. Ví như cây từ gốc đến rễ đến thân cây rồi đến cả ngọn cây; lại ví như nước tự đầu nguồn rồi chảy ra các chi-lưu, đầy tràn rồi chảy ra đến bể. Vậy nên có câu rằng: Nước suối lúc mới chảy ra lách-tách mãi không thôi rồi thành ra dòng sông to; cái cây con nó dần dần mọc lên mãi rồi đến phải dùng búa rìu mới chặt đi được. Cho nên người quân-tử cốt phải đề-phòng từ trước, là phải cẩn-thận lúc một mình. Cẩn-thận lúc một mình thì thường biết hối-cải, trong tâm có lỗi nó ẩn ở đó, thì phải tâm-niệm mà đổi đi; thân mình có lỗi nó tỏ ra đó, thì tự thân mình phải đổi đi ngay; cái cảnh mình xử mà mắc phải lỗi lớn thì đương cái cảnh ấy phải đổi đi ngay; cái việc mình làm mà sinh ra nhiều lỗi, thì tùy việc mà đổi đi ngay; đổi mãi đi cho đến không có lỗi nữa thì mới đáng mừng. Nếu mà mình không biết hối-cải thì thành ra có lỗi, lại chẳng nên đổi đi ư? Đó là cái cách học bỏ điều mau-vọng mà giữ lấy chân-thực, công-phu thứ-đệ phải như thế. Ví như bắt giặc bắt ngay được ở trong nhà thì càng hay, không thì phải đuổi ra đến ngoài thềm, nếu không bắt được ở thềm thì phải đuổi bắt ra ngoài ngõ, ngoài đường, ngoài cõi, cho đến bắt được mới thôi. Đức Khổng-tử tuyệt hẳn không có bốn điều là không tu-ý, không kỹ tất-hẩn, không cố-chấp, không tu-kỷ, giữ được như thế mới là hay cẩn-thận lúc một mình. Thứ đẽ hạng người không hiểu - lạng, không khoe - khoang, không oán-giận, không tham-muốn, thì cũng đã là khá vậy. Cổ-ngữ có nói: « Lúc đi một mình không thẹn bóng, lúc nằm một mình không thẹn chân. » Đó là lúc một mình mà vẫn coi như có người xem xét vậy. Tư-Mã Ôn-công nói rằng: « Ta thuở bình-sinh không có cái gì hơn người, chỉ có một điều là không có việc gì là ta phải giấu-

giếm, việc gì cũng có thể đối với người mà nói được, may ra khỏi mắc phải lỗi lớn chẳng? » Còn như Hình Thử trong một ngày phải ba lần điềm-kiềm xét mình, đó là cái phép phải xem xét luôn sợ mắc phải nhiều lỗi vậy.

— Người ta nói rằng: « Người nào hữu-tâm làm xứng là ác, vô-tâm mà lỡ ra là lỗi, điều lỗi thì có khi không kịp biết, nên mới không kịp đổi vậy. » Nói thế thì không phải. Cái tâm người ta không có ư gì cái lỗi, nếu hơi một tí lỗi thì hình như có cái vật gì nó vướng mắc, phải khai-thông nó đi rồi mới sưng; cho nên chữa ai là có lỗi mà chẳng tự biết, chỉ tại mình không chịu nhận là biết đó mà thôi. Thế thì điều lỗi nó bởi đâu mà sinh ra? — Chỉ tại cái chỗ mình không chịu nhận là biết, nên nó bị che lấp đi nhiều, mới thành ra nhiều lỗi, mà vẫn bỏ qua đi không biết mà thôi. Thầy Mạnh nói rằng: « Người quân-tử mà có làm-lỗi cũng như mặt trời mặt trăng bị xâm che tối đi. » Xem như lời nói ấy thì biết tâm người ta là một vàng linh-minh, cũng có khi phải bị tối về điều làm-lỗi, thế thì chỗ sáng là cái tâm, chỗ tối là điều lỗi, trong chỗ sáng có tối, trong chỗ tối có sáng, cái tối ở trong chỗ sáng tức là cái lỗi, cái sáng ở trong chỗ tối tức là mình biết đổi đi. Chỉ tại cái tâm người tầm-thường, chợt lúc sáng chợt lúc tối, thay-đổi bất-thường, không hay giữ cho toàn được cái thể linh-minh, nên mới không khỏi nó nhòa-tối đi mất cả. Người quân-tử thì hay lấy cái sáng ở trong chỗ tối, dụng-công làm cho sáng dần mãi ra, tức như sách *Luận-ngữ* bảo rằng hề mà có lỗi phải kiện cho ra, như hai bên nguyên bị đương-đình đối-chất, phải biện-bạch cho rõ phân-minh ra mới thôi, hề biện cãi ra được minh-bạch rồi thì mới khỏi bị lỗi. Nếu một sự mà có lỗi, thì phải xét cho cùng đến cái tâm trước khi chưa làm sự ấy nó như thế

nào; một niệm mà có lỗi, thì cũng phải xét cho cùng đến cái sự sau khi khởi-niệm ra sự ấy nó như thế nào; cứ xem xét đi xem xét lại mãi như thế, thì không còn giấu-giếm được nữa, dẫu đến một tí lỗi như cái bụi cũng không còn, ấy cái công nhu điềm-kiểm kỹ càng là phải như thế. Kinh *Dịch* có nói đến cái nghĩa bỏ quá 掃過 là và điểu làm-lỗi lại, nghĩa là cái tâm mình có lỗi là đã bị khuyết-hãm, thì phải lập-tức làm viên-mãn cái tâm linh-minh ấy lại. Nếu chỉ che đậy vá-viu lật-vật, đau đầu chữa đấy, thì cái chỗ tâm mình khuyết hãm kia vẫn không che được, mà chỉ càng nhọc về vá-viu che đậy, như thế gọi là vẩn-quá, nghĩa là chỉ vẩn-sức che giấu điểu lỗi đi mà thôi. Lại còn kẻ có lỗi mà tự mình vẫn không biết, song thầy Tử-Lộ thì ai bảo cho có lỗi thì mừng. Khổng-phu-tử có nói rằng: « Khâu này may lắm, nếu có lỗi thì người ta tất biết mà bảo cho ngay. » Thế thì kẻ học-giá cốt là tâm phải hư chí phải nhún, thường phải xem xét: lời nói nét mặt xem có điều gì làm lỗi thì sửa đổi đi, không thể trê-biếng được. (Lưu Chấp-sơ).

— Ta nhớ lại từ năm tân-mão đổi tên hiệu là *Dịch-sinh* 濼生, *dịch* nghĩa là rửa cho sạch những cái bản-thủ nó tiêm-nhiễm đã lâu; *Sinh* nghĩa là sống, là nói những điều về trước vì như ngày trước đã chết đi rồi; những điều về sau vì như ngày nay lại mới sống lại.

— Tài trai nghĩ đến lúc đau-dớn rõ nước mắt thì phải nên chừa hẳn bụng dục đi; đời người nghĩ đến khi thoi-thóp gần chết thì cũng chẳng nên gian ai làm gì.

— Thầy Mạnh nói rằng: « Miệng đối với sắc đẹp, tai đối với tiếng hay, mũi đối với mùi thơm, hai chân hai tay đối với sự yếu rồi, tính người ta ai chẳng muốn những điều ấy, nhưng có người được hưởng, có người không

được hưởng là bởi có mệnh trời vậy. Người quân-tử cũng không cho những sự muốn ấy là vốn tính mình mà câu cho lấy được. » Tính người ta bản-thiện, chỉ vì bị cái khí-bẩm nó câu-thúc, vật-dục nó che đi, nên mới làm mất cả bản-tính, cho nên phải học để đem lại cái bản-tính; nếu nó tệ quá thì phải cố gắng mà học, mà phải giữ lại lấy cái bản-tính cho hoàn toàn. Gặp việc tang là phải thương, không thể làm giả-cách được; nhưng trông thấy đồ sớ gai mà sinh lòng đau đớn, nghe thấy người thương khóc mà cũng phải xụt-xùi, thế là cũng có thể miễn-cưỡng mà hết lòng thương được. Gặp việc tế là phải kính-cần không thể làm giả-dối được; nhưng đem tâm kính-cần từ lúc quán-tây cho đến lúc hiến-tửu, đem sức gắng-gượng từ buổi sớm cho đến non trưa, thế là cũng có thể miễn-cưỡng mà hết lòng kính-cần được. Giao tiếp với người phải hòa-nhã, không thể làm trá-ngụy được; song đối với người có lúc phải vại nhường để nhún mình, bày ra lễ có lúc phải vẩn-hoa để tỏ ý, thế là có thể cố gắng mà giữ cho tri-hòa được. Phạm người có khí-huyết tất là có lòng tranh-cạnh cái tính hiếu-thắng của người ta cũng như mình, cái điều gì mình đã không muốn thì cũng chớ đem gia cho người, đó là cái lòng biết lượng-thứ suy bụng ta ra bụng người, một ngày cố miễn-cưỡng mà làm rồi hàng ngày càng cố mãi; cứ theo về cái lòng lượng-thứ ấy mà làm, lâu rồi nó thành ra tự-nhiên, bởi đó sửa mình cũng thuận mà yên, đem ra giao-thiệp với đời cũng êm mà tốt; vậy nên đức Khổng-tử bảo thầy Tử-Cống, Trọng-Cung đều dạy phải cố-gắng theo về điều thứ; ông Mạnh-tử nói muốn cầu giữ lấy đạo-nhân, thì trước phải theo đạo thứ; nếu không biết tự cố-gắng, lấy cái tư chất ngoan-độn mà lại muốn sánh bằng bậc sinh-tri thì sao thể được.

— Cái khí cường nghị quyết không uên không có, cổ-ngữ rằng: Tự thắng được mình gọi là cường, như là cường-chế, cường-thứ, cường vi thiện, đều là mình cố gắng tự-cường, tức là cái nghĩa tự-thắng được vậy. Như là mình không quen dậy sớm, mà cố gượng mở sáng đã dậy ngay; không quen tập cung-kinh, mà hằng ngày phải miên-cưỡng ngồi nghiêm-trang, đứng yên-lặng; không quen khó-nhọc, mà phải cố gượng cùng cam-khổ với quân-lính, cố gượng cần-lao mà không mỏi, như thế tức là cường. Không quen giữ cho thường, mà cố gượng giữ cho có thường mãi được, như thế tức là nghị.

— An-ly-vương nước Ngụy hỏi Tử-Thuận rằng: Nay trong thiên-hạ ai là người cao-sĩ? Tử-Thuận thưa có Lỗ Trọng-Liên. Vua nói: Lỗ Trọng-Liên là người miên-cưỡng làm ra, chứ không phải là tự-nhiên. Tử-Thuận nói: Người ta đều phải miên-cưỡng mà làm, học làm mãi không thôi mới thành ra người quân-tử; làm quen mãi mà không biến-đổi rồi nó thành ra thế tự-nhiên.— Ta xem các bậc thánh-hiền hào-kiệt từ đời xưa đến nay, phần nhiều là trước còn phải miên-cưỡng mà làm rồi mới thành ra bậc tuyệt phẩm được. Hoài-nam-tử có nói rằng: « Công có thể làm cố mà thành được, danh có thể làm cố mà lập được. » Sách Trung-dụng rằng: « Có người miên-cưỡng mà làm theo mãi rồi cũng học đến nơi, thành-công cũng là một cả. » Đời nay bình-luận mọi người, hoặc kẻ bảo rằng người ấy cách hành-vi ngày trước không được như thế, nay miên-cưỡng làm ra như thế, không thể tin được. Nói như thế thì làm ngăn-trở mất cái đường hối-quá tự-lân của người ta, mà lại càng thêm cái thói lười-biếng của người ta ra không gì tệ bằng thế. Ta trước xét người cũng thường vi thế mà bỏ mất người hiền tài, nên ta nói ra đây

để ghi cái lỗi của ta. (Tăng Địch-sinh)

Xét.— Trở lên là biên-lục những lời học-thuyết nói về cái công-phu khắc-trị của các nhà tiên-nho. Hậu-quan Nghiêm-thị có dịch cái bài luận thiên-diễn của Hách-tư-lê nói rằng: « Người ta có công tự-trị là hay làm trái lại cái sự thiên-hành. » Lại rằng: « Cái khí người ta gia sức tự-trị, thì cái sự thiên-hành nó vẫn thường muốn làm cho hủy-nguyên như cũ. Nếu không hết sức giữ-gìn luôn luôn, thì chẳng bao lâu cái thành-công của mình cũng là hỏng mất cả. » Lời nói ấy những người đã thiệp-liệp tân-học ai cũng đều biết cả. Ta bảo rằng cái đạo tu-trị tâm thân của người ta là tóm hết ở lời nói ấy vậy. Các đấng tiên-nho bảo kẻ học giả phải hết sức dụng công mà cốt nhất phải « khắc kỷ 克己 », kỷ là sự tự-kỷ thuộc về thiên-hành; khắc là phải nghiêm-khắc tự-trị thuộc về nhân-trị. Nói về xã-hội nếu để phần riêng thiên-hành nó tự-ngược, mà không gia lấy cái công nhân-trị, thì tất trở lại đời dã-man. Nói về nhân-thân nếu để phần riêng thiên-hành nó hoành-lưu, mà không nghiêm lấy cái công nhân-trị, thì lại gần ra loài cầm-thú. Song không phải cái công nhân-trị một lần mà toàn-thắng ngay được. Vì cái sức thiên-hành nó nặng đến vạn cân, ngày đêm nó áp-bách ở bên mình ta, tất phải lúc nào cũng coi như chống nhau với giặc, thì mới hay ngăn giữ được nó. Sách Tá-truyện có giải nghĩa về chữ « khắc kỷ » bảo rằng như vua nước họ khắc-trị được vua nước kia thì rất là khó lắm. Cái cách dụng-công thì cốt nhất là phải tri-lương-trị; ông Bạch-sa bảo rằng: « Hễ biết được bệnh thì tức là thuốc ở đấy. » Thầy Chu bảo rằng cái tâm mình đã muốn trừ bỏ đi tức là cái thuốc hay chữa được đấy. Song sau khi đã tỉnh-gác rồi, đã chắc là chưa hẳn được cái bệnh ấy không? Thì chỉ trông về cái

quyết-làm và cái dũng-khí của mình. Ông Tiên-Tự-sơn bảo rằng chỉ tại người ta hay có cái tính dùng-dùng không quyết, thường lưỡng-lự bảo rằng: « Ta làm việc ấy tuy sai lầm nhưng cũng chẳng việc gì hại đến lẽ phải, may ra cũng có thể hòa-đồng với tục được chăng, có thể lừa người ta không biết được chăng? Cứ lần lừa rồi sau này sẽ chữa hẳn đi cũng được. » Ấy cái thói cứ hay lần lừa dùng-dùng không chịu chữa hẳn như thế, tuy có công tính-sát biết mình có lỗi đấy mà vẫn không chữa ngay đi được, ta xem ra không mấy người là không mắc cái thói ấy, chỉ tại cái tâm-niệm mình nó hay nhân-tuần lần lừa nó làm hại lẽ lắm. Thầy Mạnh nói vì có kẻ ăn trộm gà, bảo chữa không chữa, lại còn xin đợi đến sang năm mới chữa, là bởi tại mình không có dũng-khí hay làm quả-quyết đi vậy. Gặp như những lúc ấy thì mình phải nghĩ ngay rằng không kể gì cái lỗi ấy phải đổi hay không, và ngày nay chẳng đổi, ngày mai hay đổi đi hay không; song trước kia cái lương-tri ta nó chẳng từng bảo ta phải đổi đi ư; trước kia ta phát-tâm chẳng từng bảo rằng phải theo cái mệnh lệnh của lương-tri ư; mà nay lại lần-lừa như thế, thì thực là mình không tự làm chủ-nhân mà làm nô-lệ vậy. Cái ác khác còn vừa, chứ như cái ác làm nô-lệ thì to lắm, cứ xét mình như thế thì tất là chột dạ không hay tự yên được. Vả lại khắc-trị cái lỗi lớn vốn là không dễ, mà khắc-trị cái lỗi nhỏ lại càng khó; cái lỗi lớn thì mình phải dụng toàn-lực cố-trì nó đi còn sợ không nổi, còn như cái lỗi nhỏ thì mình hay coi thường lần-lừa không chịu hết sức chữa đi, cứ thường bảo rằng cái sự nhỏ mọn ấy chẳng đủ làm lụy ta, xem như lời nói ông Lưu Chấp-sơn thực là thâm-thiết lắm, ông bảo rằng: « Từ cái lỗi ấy mà xét ra, thì trước kia hãy còn đến mấy mươi từng lỗi nữa; lại từ cái lỗi ấy mà xem ra, thì sau này lại còn mấy mươi từng lỗi nữa. » Lời nói ấy thực

là tỏ cái nguyên-lý về luật nhân quả. Vậy nên lấy cái con mắt khách-quan mà xét, so sánh mà phân-biệt ra thì còn có điều kia là lỗi lớn điều này là lỗi nhỏ; nếu lấy cái phần chủ-quan mà xét, thì hai đàng đều là cực-đoan tuyệt-đối cả chứ không còn phải so sánh gì nữa, không phải thiện thì là ác, không phải ác thì là thiện, vì như kẻ quan-lại mà tham-tang, ăn hàng vạn là tang, ăn một đồng cũng là tang, tuy cái số tham-tang khác nhau, mà cái tâm nở ăn tham-tang là một cả. Vậy nên lấy cái phạm-vi pháp-luật mà nói, thì quá ác có phân ra điều lớn điều nhỏ; song lấy cái phạm-vi đạo-đức mà bàn, thì quá ác không có thể phân ra lớn nhỏ được; con sư-tử muốn bắt hổ phải dụng cả toàn-lực, mà muốn bắt con thỏ cũng phải dùng cả toàn-lực, cái công tự-trị của kẻ học-giả không cứ gì là đại-quá tiểu-quá đều phải dụng toàn-lực mà khắc-trị đi mới được.

Lại xét: Tăng Văn-Chính bảo rằng ta lấy cái công khổn miễn, cố-chỉ mà theo học bậc đại-nhân; vậy nên suốt đời vẫn dề-xương cái nghĩa cố-gắng, phạm sự nghiệp gì cũng cốt phải cố-gắng mới nên. Song vì người ta hay bị phải cái thói tập-nhiêm nó làm khổn-ách, mà lại phần nhiều là kẻ trung-tài, không trải qua một phen sắt lửa rèn đúc thì cũng khó lòng mà hay tự chấn-bạt lên được. Lưu Chấp-sơn bảo rằng tâm mình thì cốt phải vui mà cái nết thì cốt phải chịu khó, người có công học-vấn không ai là không tự trong khổ-sở ra vậy. Người ngày xưa thường bảo cái học của ông Ngô Khang-trai là được tự trong chốn mồ hôi nước mắt vất-vả suốt năm canh. Kẻ học-giả nếu xem đến những sự nhật-ký của ông Khang-trai và ông Văn-chính, thì ai cũng phải giật mình mà tự phấn-chấn lên, cũng là một lẽ thuộc hay hưng-khởi lòng người vậy.

(Còn nữa)

ĐỒNG CHÂU dịch

Á-ĐÔNG CẬN-THẾ SỬ

II

THỜI-KỲ THỨ NHÌ

(Thời-kỳ các nước Âu-tây sang xâm-chiếm các đất Á-đông 1795-1900).

CHƯƠNG THỨ V

Nói về sự cạnh-tranh của nước Hà-lan, nước Anh, nước Pháp ở Đông-Ấn-độ

1) Các hội buôn ở Đông-Ấn-độ. — Từ khoảng năm 1500 cho đến năm 1600, người nước Bồ-đào-nha một mình chiếm giữ cái thế-lực buôn bán ở Á-đông rất là hùng-lẫy, nhưng từ đấy về sau, các nước Âu-tây đều đua nhau theo cuộc buôn bán ở Á-đông, cái kết-quả sự cạnh-tranh ấy, là các nước đều đặt ra các hội buôn ở các nơi Đông-Ấn-độ để làm nơi căn-cứ.

Hội buôn của nước Anh, mở ra từ năm 1600;

Hội buôn của nước Hà-lan mở ra từ năm 1602;

Hội buôn của nước Pháp mở ra từ năm 1601.

Hội buôn của nước Đan-mạch mở ra từ năm 1612;

Hội buôn của nước Úc-đại-ly mở ra từ năm 1622.

2) Sự buôn bán của người Hà-lan. — Người nước Hà-lan, nguyên thuộc với nước Tây-ban-nha, do người Tây-ban-nha cùng người Bồ-đào-nha, sang Á-đông mua các sản-vật về bán cho các nước ở phía bắc Âu-châu, sau nhân sự tôn giáo cạnh-tranh, nước Hà-lan bèn lìa nước Tây-ban-nha mà độc-lập, phải tự trực-tiếp sang mua các sản-vật Đông-phương mang về mà dùng, là một sự tất-yếu. Năm 1596 người Hà-lan tên là Hồ-đức-mãn mới đầu sang

nước Ấn-độ, từ đấy người nước Hà-lan đua nhau theo việc buôn-bán ở Đông-phương, sau vài năm thì mở hội buôn của Hà-lan tại Đông-Ấn-độ, lại từ bản-quốc phái bao nhiêu hạm-đội sang Đông-phương, đến đâu đánh cướp các thực-dân-địa và tàu buôn của các nước, bèn chiếm-cứ được đảo Tích-lan, đất Ma-lac-kha, đất Tô-ma đứ-lạp, dựng phủ thành Tế-á-ba làm cho đất căn-cứ, dần dần cướp lấy các lĩnh-địa của Bồ-đào-nha tại miền bẻ Ma-lạp-bá-nhĩ, lại đến nước An-Nam nước Tàu và nước Nhật, mượn cách thông-thương buôn bán, nhưng bị người Bồ-đào-nha làm ngăn-trở, chỉ chiếm-cứ đất Đài-loan, kinh-doanh sự buôn bán với tỉnh Quảng-dông. Khi ấy nước Hà-lan đến ta, xin mở hiệu buôn bán, chúa Trịnh cho mở hàng buôn tại Phố-Hiển (Hưng-yên), buôn bán cũng thịnh-đạt lắm. Hà-lan đến buôn bán với Nhật-bản, gặp thời Trương-quân là Đứ-xuyên-gia-quang nghiêm-cấm Thiên-chùa-giáo, các nước Âu-tây buôn bán đều bị cấm, người Hà-lan vì có cái công giúp quân Mạc-phủ đánh dẹp cái loạn Đảo-nguyên, được Chánh-phủ nước Nhật cho ở lại buôn bán, cho hòn Xuất-đảo ở quận Trường-khi làm chỗ đất trú-ngụ, ở luôn buôn bán tại đấy.

3) Sự buôn bán của người nước Anh. — Người nước Anh từ năm 1579 mới đầu đến Ấn-độ, rồi mở nhà buôn ở lại đấy, nhưng bị người nước Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha làm ngăn-trở, cho nên sự buôn bán cũng không được phát-đạt cho lắm. Đến năm 1588 quân nước Anh đánh phá được hạm-đội nước Tây-ban-nha, liền cầm được cái bá-quyền buôn bán ở Ấn-độ-dương. Đến

năm 1600, Nữ-chúa nước Anh, cho phép mở hội buôn tại đấy, cầm cái độc-quyền buôn bán ở Ấn-độ, thế-lực của người nước Anh, càng ngày càng thịnh thêm lên.

Năm 1614, đem quân đánh đuổi người Hà-lan, được người bản-xứ đó tin cậy, lại chiếm lấy đất Tô-lạp-đức, và đất Mạnh-mãi, thế-lực lại ngày càng thịnh lên. Sau cũng có đến nước ta, và nước Nhật, nước Tàu, đến nước ta thì mở cửa hàng tại đảo Côn-lôn, đến Nhật-bản thì mở cửa hàng tại đất Bình-hộ, ở Tàu thì mở cửa hàng buôn tại Quảng-đông và Hạ-môn, nhưng ở Tàu thì bị người Bồ-đào-nha, ở Nhật thì bị người Hà-lan ngăn-trở mọi việc, buôn bán không thấy gì phát-đạt, ở Côn-lôn ta cũng không phát-đạt gì, nhân vậy mới chuyên ý kinh-doanh về phương-diện nước Ấn-độ.

4) *Hội buôn của người Pháp.* — Các hội buôn của Đan-mạch và Úc-đại-lợi-á, đều không có tiến-bộ gì, còn hội buôn của nước Pháp, thì thấy mở lên đấy rồi lại sụp xuống, không thấy có công-hiệu gì, nhưng đến năm 1664, lại thấy mở hội buôn, lấy chỗ đất Bôn-di-chu (1) làm nơi căn-cứ.

5) *Sự người Anh với người Pháp xung-đột ở Ấn-độ.* — Đương thời-kỳ ấy, ở nước Ấn-độ, triều vua Mạc-khắc-nhĩ đã suy-vi, ở về phía nam núi Tân-đức-da có bọn đồng-minh nổi lên làm rối-loạn trong nước, sự buôn bán của các nước, bị nhiều bề tồn-hại, bọn hội buôn của nước Anh ở Ấn-độ, thăm mưu chiếm-lĩnh các nơi, làm cái phạm-vi thế-lực của mình, để bảo-hộ cho sự buôn bán được an-toàn; vừa gặp có một việc mở ra cái hấn-khích là nơi đất căn-cứ của người nước Anh cùng nơi đất căn-cứ của người nước Pháp, hai bên tiếp gần với nhau, gây nên sự

xung-đột của người hai nước. Lại ở tại Âu-châu, nước Úc-đại-ly, nhân sự ngôi vua tự-tục, gây nên nội-loạn, sự bình-hòa của nước Anh với nước Pháp, vì vậy vỡ toang ra, người hai nước ở Ấn-độ lại càng ghen-ghét với nhau một cách dữ-dội. Khi ấy cái oai-thế của đế-quốc triều Mạc-khắc-nhĩ đã trụ-lạc hết cả, và hội buôn của người Hà-lan cũng nhân thất-bại đóng cửa, nước Ấn-độ bèn thành một nơi cạnh-tranh-trường của người Anh với người Pháp. Khi ấy quan tổng-đốc nước Pháp là Diu-bu-rê (Dupleix), có cái hùng-lực, muốn xâm-lược các nước, thừa-cơ các chư-hầu Ấn-độ đương đánh cướp lẫn nhau, chiếm-lĩnh các nơi phụ-cận đất Bôn-di-chu, nắm cái chủ-quyền ở phía nam nước Ấn-độ, có cái thanh-thế muốn lần đến thực-dân-địa của nước Anh, nhân vì cái phương-châm của bản-quốc chánh-phủ không nhất-định, cho nên kế-hoạch ấy bèn không thành được.

6) *Sự người nước Anh đánh trận được thắng-lợi.* — Khi ấy người thổ-kỵ của hội buôn Đông-Ấn-độ của nước Anh, tên là Khu-ray-bu hăng-hái nổi lên, xin lấy súng ống cùng nước Pháp đánh nhau, quyết cuộc hơn thua.

A) Trận đánh ở A-ru-cốt. — Khu-ray-bu trước nhất đem binh đánh đất của Hầu-tước Ca-ra-na-chit, là người thông-mưu với nước Pháp, để cứu ông Hầu-tước A-ru-cốt, dịp khi nước Pháp đem đại-quân sang vây đánh, Khu-ray-bu hết sức xông đánh được thắng-lợi, chiếm-lĩnh đất Bôn-di-chu, nhân vậy cái dũng-cảm của Khu-ray-bu rung-động cả thiên-hạ, mà nước Pháp từ ấy về sau, cũng không thể nào bành-trướng thêm cái thế-lực lên nữa.

B) Ông Diu-bu-rê về nước. — Tổng-đốc nước Pháp là ông Diu-bu-rê, rất

(1) *Pondichéry.* — Bài này là khảo theo sách Nhật-bản, nên các tên tây đọc theo tiếng Nhật cả. Tên nào biết đích thì sẽ biên tên tây cho rõ.

được các nước chư-hầu Ấn-độ sợ phục, khuếch-trương ra thêm lãnh-địa ở về phía bắc đất Ma-dô-lap-tư, nhưng bị bản-quốc Chính-phủ đòi về, cho nên các sự kinh-doanh của nước Pháp đều phải thất-bại, các nơi thực-dân-địa của nước Pháp, gần phải người Anh chiếm-cử hết cả.

C) Trận đánh ở Bu-rát-xi. — Đến năm 1756, người nước Pháp ở tại xứ Nan-da-na-ga (*Chandernogor*), thông mưu với ông Xu-ra-di-đơ-ra là phó-vương nước Bê-n-ga-ru, phản-kháng cùng người nước Anh, ông Khu-ray-bu sai quân đánh đuổi tan hết cả, chiếm-lĩnh được những nơi phụ-cân đất Ca-ru-cát-ta, liền bỏ truất phó-vương ấy. Sau phó-vương khác nổi ngôi, lại đồng-minh với các nước chư-hầu khác, muốn cùng quân nước Anh đối-dịch, ông Khu-ray-bu lại mang quân ra đánh, được đại-thắng-trận, khi ấy chính vào năm 1757. Người nước Anh từ trận đánh ấy được đại-thắng-lợi, giữ được quyền tài-chính và dân-chính của nước Bê-n-ga-ru (*Bengale*), mà cái cơ-sở nước Anh chiếm-lĩnh Ấn-độ, từ khi ấy đã bền vững lắm rồi.

CHƯƠNG THỨ VI

Nước Anh chiếm-lĩnh nước Ấn-độ

1) Công-nghiệp to-tát của ông Khu-ray-bu. — Từ sau trận đánh Bu-rát-xi, ông Khu-ray-bu do thư-ký hội huân Đông-Ấn-độ, nhiệm chức Tổng-đốc nước Bê-n-ga-ru, do triều-đình nhà vua Mạc-khắc-nhĩ, ban thưởng tước - vị, ngang hàng quý-tộc của Ấn-độ đế-quốc, sau cái thế-lực của Khu-ray-bu càng ngày càng thêm mạnh, chiếm-đoạt một bộ-phần thuộc phía bắc thuộc-địa nước Pháp, bởi vậy thế-lực của nước Anh ở Ấn-độ càng ngày càng thêm bành-trướng.

A) Cái phương-sách chinh - phục nước Ấn-độ. — Nước Ấn-độ về thời-

kỳ ấy, hề có sự nội-loạn gì, thì người nước Anh tất ra mà can-thiệp, cách đòi các phó-vương ở các nước chư-hầu, dần dần được người bản-xứ tin-phục, cái quyền thu thuế cũng dần thuộc vào tay hội buôn Đông-Ấn-độ thu hết, không bao lâu cái thực-quyền về lưu-vực sông Gan-ga (*Gange*=Hàng-hà) đều thuộc về tay hội buôn người Anh ở Đông-Ấn-độ cả.

B) Trận đánh ở đất Ba-khu-xa-ru. — Từ trước vua Ấn-độ là Mạc-Khắc-nhĩ, có liên-hợp với các phó-vương các nước chư-hầu phản-kháng với người nước Anh, nhưng từ năm 1761, bị binh của hội buôn Đông-Ấn-độ đánh phá tại đất Ba-khu-xa-ru, rồi cái thực-quyền thu thuế của xứ Bê-n-ga-ru và các nơi khác, đều là do cái kết-quả trong một trận đánh ấy cả.

2) Các trận đánh ở Ấn-độ. — Sau ông Khu-ray-bu, có ông Hê-xu-chin-khu nổi làm chức đại-tổng-đốc thuộc-địa của nước Anh ở Ấn-độ, kiêm chức Tổng-đốc Mạnh-mãi và Ma-dô-ra-xư. Ông Hê-xư-chin khu là một người có tiếng bày đầu các việc hành-chánh ở Ấn-độ, ông làm tổng-đốc có đánh dẹp được bọn đồng-minh Ma-ra-tơ là một bọn rất có thế-lực, và khuất-phục được nước Ô-đô, làm nước bảo-hộ, oai-phục triều vua Mạc-Khắc-nhĩ, càng khuếch-trương thêm cái thế-lực cho nước Anh.

A) Sự binh-đình bọn đồng-minh Ma-ra-tơ. — Trước đây ở về nước A-phu-ga-ni-sư-than, có người tên là A-ma-đô nổi lên, xâm-chiếm phía bắc Ấn-độ, cậy cái thế vua Mạc-Khắc-nhĩ đánh dẹp bọn đồng-minh Ma-ra-tơ, sau khi A-ma-đô mất, nội-loạn lại nổi lên, nước Ấn-độ không thể còn có thế-lực làm gì được nữa, mà bọn đồng-minh Ma-ra-tơ lại phân ra làm nam-bắc hai đảng, cùng đánh hại lẫn nhau, sau có vua Nã-phá-luân đệ-nhất-thế nước Pháp, giúp bọn đồng-minh Ma-ra-tơ về đảng phía bắc

toan muốn khôi-phục lại cái thế-lực của người Pháp ở Ấn-độ cho được như xưa, nhưng vì khi ấy người làm đại-tổng-đốc Ấn-độ của nước Anh là ông Nê-ru-xu-ri, là một người có phương-lược giỏi, hay thao-túng được bọn đồng-minh, cho nên cái âm-mưu của Nã-phá-luân nhất-thế, đều phải thất-bại. Từ đây người nước Anh bèn ứng-đại vua Mạc-khắc-nhĩ, chiếm-cứ cả miền bắc núi Bin-dô-da, dẹp yên cả bọn đồng-minh Ma-ra-tơ nam bắc hai phái, sau ông Ê-ren-bô-rô nổi làm quan đại-tổng-đốc Ấn-độ lại hàng-phục được các bọn giáo-dồ ở tây Ấn-độ và bắc Ấn-độ, đến ông Đa-ru-phu-di nổi làm tổng-đốc, trấn-định được các nước chư-hầu bán-loạn, bèn kiểm-tính cả toàn-quốc.

B) Ông Đa-ru-phu-di. — Ông Đa-ru-phu-di là một người làm đại-tổng-đốc ở Ấn-độ mà có danh-vọng nhất, ông lại lấy được một nửa phần đất nước Diển-điện làm thực-dân-địa cho nước Anh, chăm-chỉ đổi cái tục xấu cái thói hư của người Ấn-độ, cấm cái tục lấy con nuôi làm con nối, những người không con thì nhà-nước thu lấy ruộng nương làm của công; lại sửa đường-sá, mở đường xe lửa, đặt nhà thơ nhà giầy thép. Chỉ vì ông cải-cách quá cấp-bách nên có nhiều điều trái với tập-quán người Ấn-độ, người bản-xứ không bằng lòng, vả lại các chư-hầu bản-xứ còn đơng có cái ý hăng-hải muốn nổi lên để khôi-phục lại linh-thở của mình, vì vậy năm 1857, binh bản-xứ nổi lên, gây thành một cuộc biến-loạn rất dữ-đội.

3) *Triều vua Mạc-khắc-nhĩ diệt-vong.* — Cuộc biến-loạn của binh bản-xứ nổi lên, những dân Ấn-độ ở miền sông Gan-ga đều hưởng-ứng theo, những người Anh ở tại các miền ấy đều bị giết hại cả, toan muốn dựng lại cơ-đồ Mạc-khắc-nhĩ đế-quốc. Ông Đa-ru-phu-di gặp khi binh bản-xứ chưa nổi loạn,

đã phải triệt về, ông Gan-nin-khu nổi chức tổng-đốc, hết sức đánh dẹp, đến sau hai năm mới dân yên được. Vua triều Mạc-khắc-nhĩ là ông Ba-ha-chu-ru nhân có dự vào việc biến-loạn ấy, phải bị phế vị, tù giam tại nước Diển-điện, cho bằng hằng năm cung-đường chung-thân, mà triều vua Mạc-khắc-nhĩ từ đây phải diệt-vong. Kể từ vua thủy-tổ triều Mạc-khắc-nhĩ là vua Ba-bê-ru đại-đế cho đến đây, hưởng nước được 362 năm, chính-quyền nước Ấn-độ cũng từ đây vào tay hội buôn của nước Anh ở Đông-Ấn-độ, sau thuộc về chính-phủ nước Anh, đến năm 1876, nữ-đế nước Anh là bà Vức-đại-ly-á (VICTORIA), xưng hiệu là Ấn-độ-nữ-đế, chức tổng-đốc Ấn-độ làm một vị đại-thần ở nước Anh, giữ quyền cai-trị cả nước Ấn-độ.

4) *Diển-điện làm thuộc-địa nước Anh.* — Nước Diển-điện từ năm 1781, ông Bu-ra lên ngôi vua, xâm chiếm đất nước A-ra-khan, sau lại cử binh đánh nước Xiêm-la, bị thua, dân nước A-ra-khan muốn thừa cái cơ-hội ấy cử binh đánh nước Diển-điện mà độc-lập, nước Diển-điện lại đánh đuổi tan hết, dân A-ra-khan phần nhiều tránh nạn chạy sang nước Bê-n-ga-ru, quân nước Diển-điện đuổi theo, kéo quân lấn vào trong địa phận nước Bê-n-ga-ru, nhân cùng chính-phủ nước Anh, sinh sự giao-thiếp rắc-rối, vua nước Diển lại nhân nước A-sa-mu có nội-loạn, kéo binh đến can-thiệp, chiếm-lĩnh đất nước ấy, nước A-sa-mu bèn cầu-viện với chính-phủ nước Anh, năm 1824 quan tổng-đốc Ấn-độ là ông A-ma-xu-tô đem quân đánh nước Diển-điện được thắng-trận, vua nước Diển liền xin đầu-hàng, làm một bản điều-ước gọi là điều-ước Đan-đa-bô, trong điều-ước có hai điều trọng-yếu: một là những điều-kiện nước Diển yêu-sách nước A-sa-mu đều phải thủ-tiêu cả; hai là nước Diển phải cắt nhượng đất

xứ A-ra-khan và xứ Tê-na-xê-ri cho nước Anh. Nhân vậy người nước Diến oán hận người nước Anh lắm, thường không giữ theo các điều-kiện trong điều-ước thông-thương, mà ngược-đãi những người buôn bán của nước Anh; năm 1852, cuộc hòa-bình của nước Anh và nước Diến, lại phải vỡ tan ra, quân nước Anh sang đánh nước Diến, chiếm-lĩnh đất Bê-khu; năm 1878 ông Chi-bô lên ngôi vua nước Diến, lấy những thủ-đoạn hung-dữ đối-đãi với người nước Anh, năm 1885 vua nước Anh bèn sai binh sang đánh nước Diến, hãm lấy được đất Man-đa-rê (Mandaley), vua nước Diến là ông Chi-bô bị phế-vị, nước Diến bèn thành một xứ thực-dân-địa của nước Anh.

CHƯƠNG THỨ VII

Sự giao-thiệp của nhà Thanh với nước Anh, và cuộc Hông-Dương khởi-nghĩa

1) Trận nha-phiến chiến-tranh. — Người nước Anh từ thuở triều Minh đã thông-thương với nước Tàu, đến đời Khang-hi, Ung-chính nhà Thanh, người Anh có mở cuộc buôn bán ở Quảng-đông, mà hội buôn Đông-Ấn-độ của nước Anh, đã do chính-phủ nước Anh giao cho một cái đặc-quyền, mua nhiều nha-phiến sang bán cho nước Tàu, làm độc-hại cho miền nam nước Tàu đã lâu ngày lắm; triều-dinh nhà Thanh rất lấy làm ghét, thường có hạ-lệnh cấm không cho được mang nha-phiến đến bán, nhưng người Anh thường không chịu tuân theo ước-thức ấy, về đời Kiền-long Gia-khánh, nhà Thanh đã một-thư có đến vài nghìn rương nha-phiến của người Anh mà tiêu đốt đi, nhưng sự buôn bán nha-phiến của người Anh không hề chịu thua thiệt chút nào, càng cấm lại càng mang đến buôn bán rất nhiều; đến đời vua Đạo-quang nhà Thanh, thì hàng năm số buôn bán nha-

phiến có đến ba vạn bốn nghìn rương. Khi ấy quan ngoại-tướng nước Anh là ông Ba-ru-ma-xu-thôn, có ý muốn thân-trưng cái oai-quyền ra ngoại-quốc, không cho hội buôn Ấn-độ lại được có đặc-quyền nữa, và lại phái sứ thần sang làm giám-độc cuộc buôn bán ở Đông-phương, bọn sứ-thần có giao-thiệp với triều-dinh nhà Thanh, làm một bản thông-thương điều-ước, nhưng kết-cục cũng chưa thành-lập được, mà hàng buôn thuốc nha-phiến chỗ đến càng ngày càng nhiều, bởi vậy tổn-hại tinh-mệnh và tiêu-hao tài-sản của người Tàu hết nhiều lắm, ông Lâm Tắc-Từ có dâng điều-trần, cực-luận nha-phiến là một thứ độc-hại thứ nhất, vua Đạo-quang bèn cho Lâm Tắc-Từ làm tổng-độc Lương-Quảng, cho được tiện-nghỉ làm việc.

A) Chánh-sách cương-ngạnh của ông Lâm Tắc-Từ. — Ông Lâm Tắc-Từ đến Quảng-đông, hạ-lệnh bảo những người buôn bán của nước Anh ở đấy, phải đem hết những nha-phiến đã thu-trữ ở đấy trình ra cho quan biết, người Anh rất lấy làm sợ-hãi, đưa ra trình quan hơn một nghìn rương, Lâm Tắc-Từ bảo có bao nhiêu phải trình cho hết, người Anh không chịu tuân theo, nhân hạ-lệnh cấm nhân-dân ở đấy không được cung-cấp những đồ vật-thực cho người Anh, người Anh cũng-quần không biết làm thế nào, phải chịu mang hết nha-phiến trình ra, toàn-số có đến hai vạn hai trăm chín-mươi-mốt rương, Lâm Tắc-Từ hạ-lệnh đốt tiêu đi hết, và cấm không cho được buôn bán ở đấy nữa, chính-phủ nước Anh bách cầu phải cho buôn bán như xưa, Lâm Tắc-Từ quyết-ý không cho.

B) Cuộc chiến-tranh. — Khi ấy chính-phủ nước Anh cầu thông-thương như xưa không được, nhân sai tướng là ông Bu-rê-mê-ru mang 15 chiếc tàu binh, thẳng đến Áo-môn, chiếm-lĩnh đảo

Chu-son, lại phong-tỏa các cửa bể Quảng-đông và Hạ-môn, bao vây đất Ninh-ba, lại sai một tướng-quân kéo quân sang miền bắc, thẳng đến Bọt-hải-loan, dâng thư với chính-phủ Bắc-kinh nghị-hòa, lại thường đi rình xét cái tình-thế đất Liêu-đông. Vua Đạo-quang nhà Thanh, bèn sai tổng-đốc Trục-lệ là Kỳ-Thiện, tổng-đốc Lương-giang là Y-lý-bổ đến Quảng-đông, đề thương-nghị về việc ấy, và hạ lệnh bãi-chức Tổng-đốc của Lâm-Tắc-Từ. Bọn Kỳ-Thiện cùng tướng nước Anh hội-nghị tại Quảng-đông, nhưng không nghị xong điều gì cả, mà ở tại Bắc-kinh thì phải chủ-chiến của Lâm Tắc-Từ vẫn có thế-lực, vua Đạo-quang lại có ý muốn cùng quân nước Anh đánh nhau, quân nước Anh lại vào xâm-chiếm Lương-giang, vua Đạo-quang tức giận, bèn cách chức Kỳ-Thiện, lại cử Lâm Tắc-Từ và sai Hoàng-đệ là Miên-khải thân-vương làm tướng đem binh đến Quảng-đông; lại có tướng nước Anh là Gô-phu suất viện-binh đến, chiếm-lĩnh tỉnh Quảng-đông, liền lại đánh hạ được đất Định-hải, đất Trấn-hải, đất Ninh-ba, đất Sa-phủ, quân nước Anh lại được cái mệnh-lệnh của quan tổng-đốc Ấn-độ, kéo quân vào Dương-tử-giang, đánh hạ đất Ngô-tùng và đánh thành huyện Thượng-hải, giết đấng-tướng là Trần Hóa-Long, xâm-lược đất Trấn-giang, bách thành Nam-kinh. Vua Đạo quang nghe tin rất lấy làm kinh-hãi, phái Kỳ-Anh, Y-Lý-Bổ, Bô-Giám ba người làm đại-thần thẳng tới Nam-kinh cùng Toàn-quyền công-sứ nước Anh nghị-hòa, năm 1842, kết xong một bản điều-ước, gọi là Nam-kinh điều-ước.

Nam-kinh điều-ước có mấy điều trọng-yếu như sau này :

1^o Chính-phủ nhà Thanh phải xuất ra hai nghìn trăm vạn lượng đề bồi quân-phí và nha-phiến cho nước Anh ;

2^o Nhà Thanh phải mở Quảng-đông, Hạ-môn, Phúc-châu, Ninh-ba, Thượng-hải năm nơi làm lối thông-thương ;

3^o Nhà Thanh phải cắt nhượng Hương-cảng cho nước Anh.

Sau trận chiến-tranh ấy, nhà Thanh mới biết sức mạnh của người ngoại-quốc, cái khí kiêu-ngạo tôn-đại mới bớt đi, mà học theo cái lợi-khi của các nước văn-minh, nời đắp ra pháo-dài, chế ra quân-hạm, theo lối võ-bị Âu-tây.

2) Cuộc loạn Hồng-Dương. — Đất Quảng-đông chính là một nơi yếu-xung của người buôn bán các nước Âu-tây, nhân vậy cho nên bọn giáo-dồ của người Anh đến đây rất nhiều, sau trận nha-phiến chiến-tranh, oai-vũ của nhà Thanh trụy-lạc xuống hết nhiều, nhân-dân không còn biết tôn-trọng nhà vua nữa. Vừa gặp khi ấy ở miền Lương-Quảng mùa-màng mất sạch, giặc-giã nổi lên khắp cả mọi nơi, có người huyện Quế-bình lĩnh Quảng-tây tên là Hồng Tú-Toàn, mượn cái danh theo đạo Thiên-chúa, khuyến-dụ đồ-đệ, năm 1849, khởi-binh tại đất Kim-diên huyện Quế-bình, Tú-Toàn hạ-lệnh cấm không cho dân được cao tốc theo nhà Thanh, đòi nhân gọi là giặc dài tóc. Hồng Tú-Toàn tự-xưng là Thiên-phủ, gọi đức Gia-tổ là con lớn đức chúa Trời mà mình là con thứ ; lại làm ra những sách tên gọi là *Chân-ngôn bảo-cáo*, đề dụ-đỗ ngu-dân, có bọn hào-kiệt như Phùng Văn-Sơn, Tiêu Triều-Quý, Dương Tú-đanh, Vi Xương-Huy, Thạch Đạt-Khai làm trảo-nha cho mình, dân các nơi đến theo rất đông, thanh-thế ngày càng lừng-lẫy, đến năm Hàm-phong thứ nhất (1851) đặt quốc-hiệu là Thái-bình thiên-quốc, tự xưng là Tiên-vương, vua Hàm-phong sai Lâm Tắc-Từ đem quân ra đánh, Tắc-Từ bị bệnh mất ở giữa đường, vua lại sai Lý Tinh-Kháng, Trại Thượng-A ra đánh ; khi ấy quân

Chu-son, lại phong-tỏa các cửa bể Quảng-đông và Hạ-môn, bao vây đất Ninh-ba, lại sai một tướng-quân kéo quân sang miền bắc, thẳng đến Bọt-hải-loan, dâng thư với chính-phủ Bắc-kinh nghị-hòa, lại thường đi rình xét cái tình-thế đất Liêu-dong. Vua Đạo-quang nhà Thanh, bèn sai tổng-đốc Trục-lệ là Kỳ-Thiện, tổng-đốc Lương-giang là Y-lý-bổ đến Quảng-đông, đề thương-nghị về việc ấy, và hạ lệnh bãi-chức Tổng-đốc của Lâm-Tắc-Từ. Bọn Kỳ-Thiện cùng tướng nước Anh hội-nghị tại Quảng-đông, nhưng không nghị xong điều gì cả, mà ở tại Bắc-kinh thì phải chủ-chiến của Lâm Tắc-Từ vẫn có thế-lực, vua Đạo-quang lại có ý muốn cùng quân nước Anh đánh nhau, quân nước Anh lại vào xâm-chiếm Lương-giang, vua Đạo-quang tức giận, bèn cách chức Kỳ-Thiện, lại cử Lâm Tắc-Từ và sai Hoàng-đệ là Miên-khai thân-vương làm tướng đem binh đến Quảng-đông; lại có tướng nước Anh là Gô-phu suất viện-binh đến, chiếm-lĩnh tỉnh Quảng-đông liền lại đánh hạ được đất Định-hải, đất Trấn-hải, đất Ninh-ba, đất Sa-phủ, quân nước Anh lại được cái mệnh-lệnh của quan tổng-đốc Ấn-độ, kéo quân vào Dương-tử-giang, đánh hạ đất Ngô-tùng và đánh thành huyện Thượng-hải, giết đấng-tướng là Trần Hóa-Long, xâm-lược đất Trấn-giang, bách thành Nam-kinh. Vua Đạo quang nghe tin rất lấy làm kinh-hãi, phái Kỳ-Anh, Y-Lý-Bổ, Bổ-Giám ba người làm đại-thần thẳng tới Nam-kinh cùng Toàn-quyền công-sứ nước Anh nghị-hòa, năm 1842, kết xong một bản điều-ước, gọi là Nam-kinh điều-ước.

Nam-kinh điều-ước có mấy điều trọng-yếu như sau này:

1^o Chính-phủ nhà Thanh phải xuất ra hai nghìn trăm vạn lượng đề bồi quân-phí và nha-phiến cho nước Anh;

2^o Nhà Thanh phải mở Quảng-đông, Hạ-môn, Phúc-châu, Ninh-ba, Thượng-hải năm nơi làm lối thông-thương;

3^o Nhà Thanh phải cắt nhượng Hương-cảng cho nước Anh.

Sau trận chiến-tranh ấy, nhà Thanh mới biết sức mạnh của người ngoại-quốc, cái khí kiêu-ngạo tôn-đại mới bớt đi, mà học theo cái lợi-khí của các nước văn-minh, nời đắp ra pháo-dài, chế ra quân-hạm, theo lối võ-bị Âu-tây.

2) Cuộc loạn Hồng-Dương. — Đất Quảng-đông chính là một nơi yếu-xung của người buôn bán các nước Âu-tây, nhân vậy cho nên bọn giáo-dồ của người Anh đến đây rất nhiều, sau trận nha-phiến chiến-tranh, oai-vũ của nhà Thanh trụy-lạc xuống hết nhiều, nhân-dân không còn biết tôn-trọng nhà vua nữa. Vừa gặp khi ấy ở miền Lương-Quảng mùa-màng mất sạch, giặc-giã nổi lên khắp cả mọi nơi, có người huyện Quế-bình lĩnh Quảng-tây tên là Hồng Tú-Toàn, mượn cái danh theo đạo Thiên-chúa, khuyến-dụ đồ-đệ, năm 1849, khởi-binh tại đất Kim-diên huyện Quế-bình, Tú-Toàn hạ-lệnh cấm không cho dân được cao tốc theo nhà Thanh, đòi nhân gọi là giặc dài tóc. Hồng Tú-Toàn tự-xưng là Thiên-phủ, gọi đức Gia-tổ là con lớn đức chúa Trời mà mình là con thứ; lại làm ra những sách tên gọi là *Chân-ngôn bảo-cáo*, đề dụ-đỗ ngu-dân, có bọn hào-kiệt như Phùng Văn-Sơn, Tiều Triều-Quý, Dương Tú-i hạnh, Vi Xương-Huy, Thạch Đạt-Khai làm trảo-nha cho mình, dân các nơi đến theo rất đông, thanh-thế ngày càng lung-lẫy, đến năm Hàm-phong thứ nhất (1851) đặt quốc-hiệu là Thái-bình thiên-quốc, tự-xưng là Tiên-vương, vua Hàm-phong sai Lâm Tắc-Từ đem quân ra đánh, Tắc-Từ bị bệnh mất ở giữa đường, vua lại sai Lý Tinh-Khang, Trại Thượng-A ra đánh; khi ấy quân

của Hồng Tú-Toàn đã đánh Trường-sa, lại kéo đến Động-dinh, vây lấy Nhạc-châu, liền xông tới đốt Hán-dương, hạ thành Vũ-xương đánh đuổi tướng nhà Thanh là bọn Từ Quang-Tấn, Kỳ-Thiện, Hưong-Vinh, theo dòng sông Trường-giang, kéo quân đông-hạ, hãm thành Cửu-giang, Yên-khánh, Vu-hồ, lại hãm được thành Nam-kinh, chiếm-cứ đây làm nơi căn cứ, Tú-Toàn để một quân đóng tại đây, để giữ Giang-nam, còn mình tự suất đại-quân muốn xông thẳng đến Bắc-kinh, không may việc không xong lại phải quân đánh lấy Trấn-giang và Dương châu. Tú-Toàn bèn cử Kim-lăng (Nam-kinh) hiệu là Thiên-phủ, đặt đủ cả văn vũ các quan, lại bách người phải theo đạo Gia-tô, thờ đức chúa Trời. Vua Hàm-phong hạ chiếu khuyên thiên-hạ mộ binh cần-vương. Khi ấy Tăng Quốc-Phiến đương có tang cha, về nghỉ ở tại đất Trương-bương, được tiếp đạo chiếu của vua, bắt sức quân dưng ở Trương-bương, giúp yên hết quân Thổ-phỉ, khôi-phục lại tỉnh Hồ-nam, lại hội các quân thủy-lục cần-vương, đánh lấy đất Vũ-xương, nhưng lại bị tướng giặc là Dương Tú-Thanh đánh lấy lại ngay, lại có tướng giặc là Thạch Đạt-Khai suất đại-quân từ Nam-kinh tới Vũ-xương, giữa đường bị quân của Hồ Dục-Lâm đón đánh tại Hồ-bắc, quân giặc phải thua tan, quân cần-vương lại khôi-phục lại được đất Vũ-xương.

Khi ấy em Tăng Quốc-Phiến là Tăng Quốc-Thuyền và Tả Tôn-Đường, Lý Hồng-Chương đều khôi-binh tại số-tại để đánh giặc, quan-quân lần đặc-thể, khôi-phục lại các thành, nhưng thanh-thể của quân giặc, không kém chút nào, có cái thể muốn định được miền Giang-nam rồi, lại dẫn binh xâm-lược các nơi ở Hà-bắc.

3) *Việc hiệu thuyền A-rô.* — Đương thời nhà Thanh lại có cuộc giao-thiệp với nước Anh nước Pháp, trong lúc

nội-uru, lại thêm ngoại-hoan, thật là gian-nan. Nguyên lúc đầu nhà Thanh mở năm cửa bể, để cho ngoại-quốc thông-thương, sự thông-thương ngày càng náo-nhiệt, những người Tàu có tội, thường trốn xuống ở tại thuyền ngoại-quốc, để khỏi sự bắt bớ. Năm 1856, có người lai-viên ở phủ Quảng-châu, chưa được quan trên tư tở chiếu-hỏi, tự-tiện xuống hiệu thuyền A-rô là thuyền nước Anh, bắt 12 người tội-nhân của Tàu trốn ở trong thuyền ấy, quan Tổng-đốc Hương-cảng là ông Ba-khu-xu cho như vậy là trái phép quốc-tế tư tở sạn hỏi quan tổng-đốc Lương-Quảng, kết-cuộc không có hiệu-quả gì, người Anh bèn đem quân đánh phá các pháo-dài ở tại Hoàng phố, và đốt phá thành-phố Quảng-dông.

4) *Sự giao-thiệp của nước Tàu với nước Pháp.* — Khi ấy tình cờ lại có dân tỉnh Quảng-tây, giết hại các cố-đạo nước Pháp, vua Nã-phá-luân tam-thế nước Pháp bèn nổi binh cùng người nước Anh hợp sức, trước đánh hãm tỉnh-thành Quảng-dông, lại kéo quân ra mạn bắc vào cửa bể Bột-hải, đánh phá pháo-dài Đại-cô, thẳng vào cửa Thiên-tân, bách phải làm tờ điều-ước, nước Tàu vì đương có sự loạn Hồng-Dương, triều-dinh nhà Thanh không còn có thì giờ nào để lo sự ngoại-cố, năm 1858, nhân cùng nước Anh nước Pháp kết tờ điều-ước Thiên-tân, quân hai nước ấy dần dần triệt về. Đến năm sau hai sứ-thần nước Anh và nước Pháp, vì sự giao-hoán và phê-chuẩn tờ điều-ước năm trước, sang Bắc-kinh, đường đi do sông Bạch-hà thẳng vào cửa Đại-cô, bị quân thú-binh ở pháo-dài ấy, nổi súng bắn ra, ngăn không cho vào, binh hai nước ấy lại hợp lại ứng-chiến, hãm đất Đại-cô, lại tới hãm lấy đất Thiên-tân, thẳng tới đánh đuổi quân của

tướng nhà Thanh là Tăng-cách-lâm-tám tại đất Bát-lý-câu, rồi xông vào thành Bắc-kinh, nổi lửa đốt Hạ-đài và Viên-minh-viên. Vua Hàm-phong tị-nạn tại đất Nhiệt-hà, nghe có sự biến nguy-cấp, sai hoàng-đệ là Cung - thân - vương cầu-hòa với hai nước, quan Công-sứ nước Nga là ông Y-cu-na-chê đứng giữa làm người điều-đinh, năm 1860, bèn định kết điều-ước gọi là Bắc-kinh điều-ước. Nội-dung điều-ước ấy như sau này :

A) Nhà Thanh phải đền cho nước Anh một nghìn hai trăm vạn lạng, phải đền cho nước Pháp sáu trăm vạn lạng ;

B) Trừ ngoài năm cửa bể đã mở thông-thương ở trong điều-ước Nam-kinh, lại phải khai-phóng bảy cửa bể kể sau này :

Ngru-trang, Đãng-châu, Triều - châu, Đài-loan, Quỳnh-châu, Cửu-giang, Hán-khâu.

C) Anh, Pháp hai nước được đặt Công-sứ và Lãnh-sự phải sang trú tại nước Tàu ;

D) Nước Anh được bá-giáo tự-do,

5) Sự trấn-định xong cuộc loạn Hồng - Dương. — Nhà Thanh đã cùng Anh Pháp hai nước giao-hòa, mời chuyên sức theo việc đánh dẹp cuộc loạn Hồng Dương được. Năm 1861 vua Hàm-phong mất, vua Đồng-trị lên ngôi, thanh-thế Hồng-Dương càng ngày càng mạnh thêm, hoặc đánh lấy Chiết-giang, hoặc vào bách đất Thượng-hải, cho nên vua Đồng-

trị bất-đắc-dĩ phải mượn sức của người ngoại-quốc để đánh dẹp loạn ấy;

A) Sự tổ-chức đội linh Dương-thương (tổ-chức và sủng-ống theo phép Âu-tây). Người Pháp, người Anh, người Mĩ, nghe theo lời của các chính-phủ bản-quốc khuyên bảo, giúp Tàu tổ-chức một đội quân. Người Mĩ là ông Qua-đăng đứng lên tổ-chức dùng người Tàu và người các ngoại-quốc làm một đội linh Dương-thương, trận-pháp chiến-pháp theo lối Âu-châu, từ đây đánh trận cứ được hơn luôn, nhân danh cho là quân Thường-thắng.

B) Ông Qua-đăng mất, lại có ông Gô-nhi-đôn nối theo, làm tướng cho quân Thường-thắng, thường lập được kỳ-công, thế giặc nhân vậy ngày càng kém đi, quan-quân lại càng mạnh thêm lên. Vả trong đảng giặc nổi lên nội-loạn, các dũng-tướng của Hồng-Dương như bọn Thạch-đạt-khai lại phải quan-quân bắt được cả, thế-lực của quân giặc ngày càng suy hẳn, ông Tăng Quốc-Phiên bèn suất các đạo quan-quân, đến vây thành Kim-lãng, trong thành lương-thực đã hết, không thể còn chống cự được. Hồng Tú-Toàn bèn ăn thuốc độc mà tự-sát, dư-dãng đều yên định cả, năm ấy chính vào năm Đồng-trị thứ ba (1864). Cái cuộc loạn này trước sau đến 16 năm, bị tổn-hại khắp cả đến 16 tỉnh, chính là một cuộc biến-loạn to nhất trong lịch-sử triều Thanh vậy.

ĐINH-LINH-UY



SINH-LỢI PHÂN-LỢI (1)

Nước Tàu có phải là nước nghèo không? Cứ như sách *Hai-học* nói rằng: «Đã có nhân-dân thì tất là có thổ-địa, có thổ-địa thì tất có sinh ra tài-sản.» Chứ khi nào đã có cái đất vuông vại mười vạn dặm, có số dân vài mươi vạn người mà lại còn phải lo nghèo bao giờ. Nước Tàu có phải là nước giàu không? Xét trong công-khố thì sạch-sanh không còn gì cả, xét chốn lư-diêm thì tiêu-tuy không còn sống được nữa. Dầu muốn giấu cái nghèo cũng không thể được, mà nguyên nhân cái nghèo không phải là một mối, nay hãy trước nói về dân-sự.

Sách *Hai-học* rằng: «Sinh của ra phải cho nhiều, mà ăn-tiêu đi thì ít chứ.» Lời nói ấy thật là chí-lý, đời sau các nhà sinh-kế-học bàn về cái thuật sinh-tài cũng không hay ngoài cái lẽ ấy. Cái số sinh-sản hằng năm trong một nước, tức là cái tổng số sinh sản của nhân-dân trong một nước làm ra. Tóm cả dân trong một nước, không kỳ người lao-lực hoặc người không lao-lực, trong bọn lao-lực lại có kẻ hay sinh-lợi, có kẻ không hay sinh-lợi, mà đều phải trông nhờ về cái thổ sản của đất và cái số xuất-sản của người làm ra, ai cũng phải nhờ nuôi về đấy cả. Cái số sinh-sản trong hằng năm của một nước chỉ có chừng ấy, nếu phải nuôi những kẻ ăn không ít, thì mới hay còn thừa để sinh-lợi ra nhiều, hoặc kẻ sinh-lợi ra được nhiều, thì cái số sinh-sản trong một nước mới hay tăng-tiến lên được; nếu không thế thì nước phải đến tiêu tụy.

Nhà sinh-kế-học nói sở-dĩ sinh ra tài-sản có ba cái: Một là thổ-địa, hai là tư-bản, ba là lao-lực; ba cái ấy đều phải cần-nhu với nhau rồi mới làm thành ra của được. Song cùng là một thổ-địa, mà ở về tay người dã-man thì là ruộng hoang, mà ở về tay người văn-minh thì là của báu, là tại có sao? Là chỉ tại người văn-minh hay lợi-dụng được tư-bản và lao-lực để khuếch-sung cái địa-lợi ra, chứ như người dã-man thì không hay làm được thế. Thế nào là hay lợi-dụng được tư-bản và lao-lực? Nghĩa là dụng nó ra mà lại hay khiến nó trở lại. Thế nào là hay khiến nó trở lại? Ví như dụng sức mình ra để cấy cấy hoặc để chế-tạo, thì cái công mình dụng ra cho các tài-vật, đến khi đã thành công rồi, thì cái giá nó lại hơn, những vật làm thành ra còn để được lâu mãi, có thể đem vận-tải đi để giao-dịch được; ngày nay lấy công mình làm thành đồ-vật, sau này lại do cái đồ-vật ấy đền công lại cho mình; như thế là lao-lực trở lại vậy. Lại như bỏ vốn mình ra để sắm tài-liệu thuê người làm, những đồ tài-liệu vốn là sinh-hóa (2) lại làm chuyển thành thực-hóa (3), đều phải cần thuê đến sức người và sức vật chế tạo ra; cái hàng-hóa đã chế rồi với các vật đã có đủ sức, thì cái giá nó hẳn là hơn cái vốn của mình xuất ra trước, vốn mình vẫn không hụt mà lại có thừa, như thế là tư-bản mình lại trở lại vậy. Cái tư-bản trở lại nhiều thêm lên một lần nào, thì cái giá-trị tài-sản nó lại tăng lên một cấp là tại có sao? Nghĩa là khi

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siên.

(2) Hóa-vật còn sống chưa chế-tạo. (3) Hóa-vật đã chế-tạo thành-thực rồi.

tiền vốn nó trở lại, thì nó lại thêm lên một số lãi nữa, vì thế mới nổi lên giàu, công việc một người như thế, một nước cũng như thế vậy.

Nay tóm cả tư-bản và lao-lực hằng năm trong một nước chỉ có cái số là chừng ấy, nếu năm nay đem cái số tư-bản lao-lực ấy mà dùng về việc sinh-lợi cho nó được thêm ra, thì sang năm nó lại thêm ra được bao nhiêu suất, sang năm nữa nó lại thêm ra bao nhiêu suất nữa, thêm mãi lên rồi thành ra cực giàu. Nếu năm nay đem cái số tư-bản và lao-lực ấy ra mà dùng vào những việc hao mất đi không hay sinh-lợi được, thì sang năm nó giảm đi mất bao nhiêu suất, sang năm nữa lại giảm đi mất bao nhiêu suất, giảm mãi thành nghèo. Vậy nên cùng một tư-bản, cùng một lao-lực trong năm nay, mà một đảng dùng về sinh-lợi với một đảng không sinh-lợi được, cái kết-quả nó khác nhau như thế; so sánh trong một năm đầu một phần giảm đến bốn phần; sang năm thì bốn phần giảm đến mười sáu phần; sang năm nữa thì mười sáu phần giảm đến sáu mươi tư phần, than ôi! thực đáng sợ thay! Sao lại biết được cái suất số nó tăng giảm như thế, nếu xét về tư-bản thì còn dễ biết, chứ xét về lao-lực thì thực là khó biết được. Tổng-kế cái số trong một năm sinh sản mà đem ra tiêu-dùng có hai đường: Một là đem hưởng-dụng đi mất mà không trở lại được, gọi là cái số tiêu-phí 消費; hai là bỏ của ra để làm lấy lời mà cầu cho nó trở lại được, gọi là số mầu-tài 毋財 (tức là tư-bản). Nay có người năm nay bỏ ra một nghìn tư-bản, làm sinh lãi thành ra một nghìn năm trăm; nếu người ấy về cái suất tiêu-phí trong một năm chỉ độ năm trăm mà thôi, thì vừa tiêu hết cái số tiền lãi; sang năm vẫn chỉ còn cái số tiền tư-bản một nghìn, lại thành ra một nghìn năm trăm, trừ tiêu đi rồi còn cái số tiền

vốn vẫn không chồi không chọt, giá mà gặp được thời-cơ làm lãi ra bội-thường, thì cái số tư-bản lại tăng lên. (Nếu gặp phải một năm lỗ vốn thì tất phải ăn làm đến tiền vốn; vậy nên phải làm cho lãi ra, nếu đứng vậy thì cũng đã lo, chụt xuống thì hỏng.) Nếu cái suất tiêu-phí của người ấy hằng năm chỉ độ ba trăm, thì đem cái lãi còn thừa năm ấy hợp với tiền vốn, thì sang năm tiền vốn thành ra một nghìn hai trăm, lại làm thành ra được một nghìn tám trăm; trừ tiêu đi rồi lại đem cái số lãi còn thừa ấy hợp với tiền vốn, thì sang năm tiền vốn thành ra một nghìn năm trăm, lại làm sinh lãi ra được hai nghìn hơn hai trăm. Trái lại thế, nếu cái suất tiêu-phí hằng năm đến bảy trăm, thì trong năm ấy làm lãi ra không đủ cung, phải ăn làm vào đến tiền vốn, sang năm tiền vốn chỉ còn tám trăm, làm sinh lãi ra được chỉ độ một nghìn hai trăm; đến sang năm lại ăn làm vào vốn, thành ra tiền vốn chỉ còn hơn năm trăm, làm sinh lãi ra gồm cả vốn chỉ còn hơn bảy trăm, năm ấy nữa là ăn hết cả vốn mà lãi cũng không có nữa, chẳng đầy ba năm cái số tiền vốn một nghìn ấy hết sạch, sự ấy thì ai cũng dễ hiểu. Ôi, những sự tính-toán lỗ lãi ấy các ông quan-tử thường không muốn nói, nhưng không biết suy ra trị nước cũng vậy. Tài-sản trong một nước nếu phần sinh-lợi nhiều thì nước mới thịnh, nếu phần sinh-lợi kém thì nước phải đến suy. Song cái cách lãng phí trong một nước cùng với cái cách lãng phí của một người, cái lẽ có giống nhau mà tình-hình thì khác, cái cách trong một nước lãng-phí có hai điều: Một là tất cả người trong một nước hằng năm tiêu phí đều quá cái số sinh-sản trong một năm, hợp cả những người tiêu-pha phung-phí ấy mà cùng tập-hợp lại thành một nước, thì cái tổng-số tuế-phí của nước

ấy tất phải tiêu quá cái tổng-số sinh-sản; như thế thì nước ấy không được vài năm tất phải đến diệt-vong. Nhưng trong thiên-hạ chưa từng có dân nước nào như thế bao giờ. Trong một nước có người dân hay tiêu hoang, tất lại có người dân tài sinh-lợi để cứu đỡ lại, vì thế nước mới hay duy-trì không đến nỗi đồi-tệ vậy. Hai là người trong nước tuy có người hay tiêu hoang-phi, có người hay tài sinh-lợi, nhưng cái số người sinh-lợi không bằng cái số người tiêu hoang, và cái số phí của một người về bên tiêu-phi lại quá cái số sản của một người về bên sinh-lợi, thừa-trừ mà tính tổng-cộng lại xem, thì cái tổng-số tuế-phi trong một nước vẫn tiêu quá cái tổng-số sinh-lợi trong hằng năm, nay các nước bên yếu đều như thế cả; cái số tổng-phi trong nước đã quá cái số tổng-trì, thì cái thế phải tiêu lạm vào đến tiền vốn của nước, tiền tư-bản của nước được là bao nhiêu, tiêu lạm vào vốn mãi thì sao thể kham được; ấy cái lệ so-sánh tư-bản tăng hay giảm là như thế.

Còn lao-lực tăng hay giảm cũng có quan-hệ với tư-bản, nghĩa là tư-bản dùng ra, một phần để sắm-sửa tài-liệu, một phần để cấp phát tiền lương; cấp tiền lương tức là để nuôi những người lao-lực. Nhưng phải có tư-bản nhiều rồi sau trăm nghề-nghiệp mới chấn-hưng lên được, trăm nghề hưng-khởi lên thì càng phải cấp lương nhiều, cấp lương nhiều thì những kẻ lao-lực đều được cấp-dưỡng, mà đem dùng sức ra để chế-tạo các vật, lại làm thành ra tư-bản càng ngày càng tăng-tiến lên, như thế thì mới là dụng được hết sức. Nay nếu tư-bản bị ăn lấn vào không còn có tiền dư-dụ nữa, thì dân tuy có sức-lực mà thành ra vô-dụng, rồi cái sức-lực ấy cũng đến tiêu mòn đi hết. Nhà sinh-vật-học cho rằng phạm cái năng-lực gì nếu bỏ lâu mà không dùng đến, thì cái năng-

lực ấy cũng đến hư-hồng đi mất.) Tư-mật-á-dan thường nói rằng: « Dân nước Anh ta ngày nay cần-mẫn hơn ngày trước, vì ngày nay của trong nước bỏ ra làm vốn để nuôi những kẻ lao-lực nhiều hơn ba trăm năm trước. Dân ba trăm năm trước khờ-nhọc mà chẳng được gì, nên nhiều người lười-biếng, họ có nói rằng: « Nếu làm khó nhọc mà không được gì, thà rằng chơi giọng mà chịu thiếu. » Phạm những nơi công-nghệ thương-nghiệp mở-mang ra nhiều, thì nhân-dân đều được nhờ về số tiền tư-bản thuê mướn cấp nuôi cho, vậy nên dụng-lực lại càng siêng-năng, mà những sự say-sưa cờ-bạc tự-nhiên hết đi dần. Nếu ở một nơi đô-hội nào người nuôi dân không biết dùng tư-bản để sinh-lợi mà chỉ chơi hoang-phi, thì khi dụng đều xấu-xa cả; thế thì tư-bản tăng hay giảm cùng với lao-lực tăng giảm đều là một lệ cả. Hướng-chi là giạt lấy miếng ăn của người làm sinh-lợi mà đem nuôi cái người chỉ tiêu hoang-phi, thì người làm sinh-lợi dần không lười-biếng, nhưng cũng không thể đứng vững được nữa, có khi đến phải lưu-vong chết đói không thể nuôi được vợ con, phần lao-lực hao-tồn đi không thể tăng thêm được nữa, xem đó thì ai cũng hiểu biết vậy. Tư-bản đã hao, lao-lực lại mòn, trong ba điều yếu-lố để sinh ra của, đã hủy hoạt mất hai; tuy còn có thổ-địa thì còn nhờ vào đâu mà làm sinh sản ra trăm vật được nữa. Nước nào có đất rộng dân nhiều mà vẫn không khỏi nghèo túng, đều là bởi cái cơ như trên cả.

Nói rút lại trong nước thịnh hay suy đều coi về cái số tổng-tư-bản và tổng-lao-lực kia đem dùng ra có trở lại được, hay không trở lại được mà thôi. Tiền vốn dùng đi mà lại hay trở lại là tại nhờ về mẹ nó lại sinh ra con, tức như sách Đại-học bảo là « sinh chi

「**sinh-lợi** 生之者」 nhà sinh-kế-học gọi là «sinh lợi 生利». Tiền vốn dùng ra mà không trở lại được, là tại ăn làm vào vốn rồi đến mất cả lãi, tức như sách *Hại-học* bảo rằng: «Thực chi giả 食之者», nhà sinh-kế-học gọi là «phân-lợi 分利»; ta nay phân-biệt cái hạng người sinh-lợi với phân-lợi như sau.

Ta nghe nhà sinh-kế-học nói rằng người sinh-lợi có hai hạng: Một là hay trực-tiếp để sinh-lợi, như là các nhà nông công. Hai là gián-tiếp để sinh-lợi, như là nhà buôn nhà quản, nhà chính-trị, nhà giáo-dục. Cái sức sinh-lợi cũng có hai hạng: Một là thể-lực, hai là tâm-lực. Tâm-lực lại phân-biệt ra hai hạng: Một là tri-lực, hai là đức-lực. Kể về cái sự-nghiệp sinh-lợi thì lại phân ra có sáu hạng.

1) Mới phát-kiến hoặc mới phát-minh ra được một vật gì. (Phát-kiến là mới tìm thấy được một vật thiên-nhiên gì hoặc mới xét ra được một vật gì hay lợi-dụng, như là ông Kha-luân-bổ mới tìm được châu Mĩ, lại như ba trăm năm trước có người xét trong loài ư-thảo (thuốc lá) có một đặc-chất để cho người ta dùng. Phát-minh là đem cái vật thiên-nhiên mà chế-hóa theo một phép mới để cho lợi-dụng được nhiều, phép ấy xưa nay chưa ai biết bao giờ, như là mới phát-minh ra vô-tuyến-điện.)

2) Chiếm lấy được trước. (Những sản-vật gì chưa thuộc về chủ-quyền người nào, mà mình tìm ra thu-thái lấy trước, như là những việc khai mỏ, đốn cây, săn muông, đánh cá.)

3) Dùng lao-lực để tìm ra các đồ sinh-hóa 生貨. (Sinh-hóa là những nguyên-liệu chưa từng chế-tạo, như là Nông-nghiệp, lâm-lâm-nghiệp, mục-súc-nghiệp v. v. Những tài-liệu dùng để chế-tạo ra các phẩm-vật, đều bởi cái lao-lực ấy làm thành ra.)

4) Dùng lao-lực để chế ra các loài thực-hóa. (Như là chế thóc gạo làm bột mì, chế gỗ làm đồ dùng, nung đất làm đồ sứ, chế ngũ kim làm các đồ máy móc, chế bông tơ làm ra vải lụa, v. v., đều là các loài thực-hóa, đã từng chế-tạo mà làm thành ra rồi.)

5) Dùng lao-lực về việc giao-thông. (Như là thay đổi cái vị-trí của các đồ hóa-vật, để chuyển vận giao-thông chỗ nọ ra chỗ kia, cho tiện người mua dùng, tức như là thương-nghiệp.)

6) Dùng lao-lực về việc bảo-trợ. (Như là quan-lại, quân-nhân, y-sinh, đều là những người bảo-hộ cho việc sinh-lợi; tuy không hay trực-tiếp sinh-lợi, nhưng cái chức-trách cũng như một nhà bảo-hiêm công-ty, nên không phải là phân-lợi. Lại còn như nhà giáo-dục nhà văn-học, cũng là giúp ích cho việc sinh-lợi; tuy không hay trực-tiếp sinh-lợi, nhưng cũng nhờ về đó mà hay khiến người trí-thức tăng lên, tinh-chất cải-lương, có bổ-ích lớn cho việc sinh-lợi, nên cũng không phải là phân-lợi.)

Trở lên sáu hạng người đều có cái sự-nghiệp sinh-lợi, còn ngoài ra không phải là những hạng trên, thì đều là hạng người phân-lợi. Tư-mật-á-đan rằng: «Ai hay thuê dùng được nhiều người làm công thì giàu; nếu chỉ dùng nhiều kẻ biền-tích để sai khiến hầu-hạ thì phải nghèo, là tại có sao? Là tại những kẻ chỉ dùng để sai-khiến, thì không hay sinh được lợi gì, việc xong là sức kiệt, không thể trở lại được nữa.» Tư-mật-thị lại suy cho cùng cái nghĩa ấy ra bảo rằng: Những hạng người phân-lợi không những chỉ là kẻ biền-tích sử-linh hèn-hạ mà thôi; trên từ các vị vương-hầu công-khanh cho đến các quan-lại chấp-pháp tư-lý, và những kẻ vác giáo đeo gươm, đều là loài phân-lợi cả. Ông ấy nói rằng: «Thượng-phẩm như các bậc quan-lại,

các vị sư-nho, các thầy cúng, thầy thuốc và các khách văn-chương; hạ-phẩm như các con xướng-hát, và chú lùn ra hề, anh đưa sức chạy ngựa, đưa đầy-tớ sai khiến, tuy dùng lao-lực có kể quá người tiện, kể khinh người trọng khác nhau, mà đều bỏ cái sức vào chỗ không thể trở lại được, sinh ra lại hủy ngay liền, đều là các hạng người phân-lợi mà làm cho đến nghèo khó cả. » Lời nghị-luận của Tư-mật như thế, nhiều người biện-bác không kể xiết được. Nay ta đem những hạng người phân-lợi trong nước kể ra như sau này.

Những hạng người phân-lợi đại-biệt chia ra làm hai: Một là hạng không lao-lực mà phân-lợi; hai là hạng có lao-lực mà vẫn là phân-lợi.

1. — Hạng người không lao-lực mà phân-lợi

1) *Hạng người ăn mỳ.* — Hạng người này không già không trẻ, không có tàn-tật, đường-đường cai thân bầy thóc mà không tự làm để nuôi mình, phải đi ăn mỳ ở đường, thế thì không phải dựa du-đăng tất là dựa lười-biếng, già mà gặp người thương mà thí cho, cũng là một dựa làm một ở trong nhân-quần, những hạng người ấy không đáng thương mà lại đáng ghét. Còn như gặp lúc trên vua làm cần, dưới dân bị phải thiên-tai lưu-hành, can-qua cướp bóc mà nhân-dân bị phải lưu-ly thì không kể.

2) *Cướp trộm.* — Kẻ cướp cũng phải dụng đến thể-lực, mà kẻ trộm cũng phải dụng đến tâm-lực, nhưng không cho là lao-lực được, vì nó dụng-lực không dám cho người ta biết, thì bọn ấy thực rõ là phân-lợi không phải bàn nữa.

3) *Bọn côn-biến.* — Côn-biến là bọn tay chơi đi lừa-đảo, cũng là một bọn trộm cướp, nhưng cái thuật nó tinh

hơn, mà biết vỡ ra được cũng hơi khó, cho nên cái độc-hại nó tệ hơn, mà nó phân-lợi thường được những món to; loài côn-biến thì có nhiều hạng lắm không kể xiết được, đại-khái như những bọn cờ-bạc, ông đồng, bà cốt, và những anh đi xem đất, xem số, xem tướng, xem bói, đều là loài ấy cả; lại còn cái anh không biết thuốc mà cũng mạo làm thầy thuốc để kiếm cơm ăn áo mặc, đều là loài côn-biến cả.

4) *Bọn tăng-đạo.* — Tăng-đạo là những bọn thầy tu, như những người mục-sư thần-phụ trong các giáo-hội bên Âu-châu, người thúc-giả cho bọn ấy là con một lớn ở trong nước, trên kia dẫn lời của Tư-mật-á-đan nói về sư-nho là trở về những bọn ấy; đến đời gần đây cách-mệnh thường khởi lên, mới đoạt bớt cái đặc-quyền của bọn thầy tu cho bằng với kẻ binh-dân, bấy giờ trị-quyền mới được thăng-bằng. Tuy vậy, nhưng giáo-hội bên Âu-châu dẫu rằng vô-thực, nhưng còn có cái danh là dạy dân, chứ như cái bọn tăng-đạo bên Trung-quốc, thì cả danh cả thực đều không ra gì cả.

5) *Bọn công-tử khố-lạ.* — Thói người Tây sinh con ra nuôi cho đến trưởng-thành, rồi dạy cho lấy học-nghiệp, khiến cho đủ biết tự-doanh tự-hoạt, trách-nhiệm cha mẹ như thế là xong. Đến lúc người con đã biết tự-doanh tự-hoạt rồi, thì cho ra ở riêng, sau này cái di-sản của cha mẹ có thuộc về mình hay không cũng không có trông mong vào đấy. Cho nên con em các nhà cố-gia tuyệt không có cái tính ý-lại, không dám chỉ mong nhờ về cái di-đạm của tiền-nhân mà chỉ chơi giông lêu-lồng. Thói người nước Tàu thì không thế, nhà nào có độ vài mẫu bạc-điền, thì các con em đã kiêu-xa dám-dắt, không còn chịu làm sinh-nghiệp gì cả, không kể chi những nhà làm quan đi buôn giàu có xa-hào. Lại còn cái thói

quen cứ lấy đồng-cư không chia của làm hay, cố bắt-chước nhau mà làm, thường có nhà đồng-cư đến vài trăm người, nếu nhà ấy có của đến hàng vạn, thì cái số con em hàng trăm người ấy đều hơn-hở bảo rằng: Nhà ta là nhà phong-lưu giàu có đến hàng vạn. Không biết rằng cái số hàng vạn ấy chia ra cho hàng trăm con người, mỗi người chiếm được một phần thì có là bao nhiêu, mà hàng trăm người ấy đều tự-phụng như cái cách nhà có của hàng vạn cả, sinh kế trong nhà không ai chịu đảm-đương lấy trách-nhiệm một tí gì cả, ta thường thấy những nhà gọi là cố-gia đại-tộc đều như thế cả. Không kể chỉ những nhà cố-gia, xem như những nhà tầm - thường, trong một nhà làm sinh-lợi ra chẳng qua độ một hai người, mà ngồi ăn không phân-lợi đến hàng mười người. Nếu lấy cái tư-bản và lao-lực của một người làm ra mà tự nuôi lấy mình, đâu lấy cái tài người trung-thường mà làm mới khỏi đến nổi thiếu; nếu lấy cái tư-bản và lao-lực của một người làm ra để nuôi vài mươi người, đâu cái người tài-trí đến đâu cũng khó lòng giữ cho thiện-hậu được, rồi hằng năm phải tiêu mòn đến tư-bản, hăm đến khốn-quần mới thôi. Cái số sinh-sản tổng-cộng trong hàng năm của quốc-dân ta, số-dĩ không hay lưu-dụng làm tư-bản để lại sinh-sản ra, nguyên nhân là tại cái chế-độ gia-tộc không được thích nghi, nên mới đến nổi thế. Tục-ngữ có nói rằng: « Không ai giàu ba đời » Nếu khéo dùng tiền mà làm giàu ra thì có thể giàu được đến mười đời trăm đời cũng được, thế mà người Trung-quốc chữa mấy ai đã giàu được quá ba đời, là tại có sao? Là vì làm sinh-lợi ra có một người, mà ăn tiêu đi đến hàng trăm người; làm sinh-lợi ra có một ngày, mà ăn-tiêu đến hàng trăm ngày; như thế thì đâu có tư-bản to đến đâu, sao hay lại sinh lời ra mà

sống mãi được. Pháp-luật bên Tây số-dĩ phải bảo-hộ cho người dân giàu, là vì những hạng người giàu hay vị nước mình mà chứa-tích được nhiều tư-bản, tích-tụ càng lâu thì cái số nó lại càng to ra, rồi bỏ cái tiền vốn ấy ra để mở-mang công-nghiệp, làm cho người với mình đều lợi, cái số sinh-sản trong nước càng tiến mãi lên, số-dĩ thế mới quý những người thế-thần kiểu-mộc. Nước Tàu thì cái nghiệp nghèo vẫn thấy nhiều nhà nổi đời, còn cái nghiệp giàu thì chữa thấy mấy nhà đã hay được thế-tập, đó là cái chứng-nghiệm rõ ràng bởi tại tư-bản làm tiêu-mòn đi mất, mà cái cữu ấy thực bởi tại các công-tử khó lựa chỉ ngồi ăn bảm mà nên ra thế. Các cậu công-tử khó lựa tức là những hạng ám vòi ám sứt con nhà quan, và các cậu cả đàn hai ngàn con cụ bá, thực là một bọn sáu một lớn trong một nước. Tuy rằng thế, nhưng xét cho cùng ra cái cữu ấy cũng không những bởi tại các cậu công-tử ấy, cũng là bởi tại các phụ-huynh; các bậc phụ-huynh đã tự làm lụy vào mình, (nghĩa là mình làm sinh-lợi ra bao nhiêu thì để cho con em ăn bảm đi hết) lại làm lụy đến cả cho con em (nghĩa là để cho con em quen thói lười biếng không biết đường làm sinh-lợi ra.) Như thế thực là ngu lắm vậy.

6) *Bọn lãng-tử.* — Lãng-tử là những anh ăn chơi lêu-lộng, bọn ấy già nửa phần là các cậu công-tử khó lựa, cũng có kẻ không phải là cậu công-tử khó lựa mà cũng là anh lãng-tử, tuy chữa đến là hạng khát cái, chữa đến nổi là hạng đạo-thiết hạng cón-biền; nhưng cái cách sinh-nhai của bọn ấy chỉ là uống rượu chơi hoa, chớ sẵn gà chọi, đua ngựa nhầy quần, đánh bài đánh bạc, nghiện thuốc phiện, chơi gái dĩ, ngoài những việc ấy ra không chịu làm việc gì cả; thế mà áo thì phải mặc cho đẹp, ăn thì phải kén cho

ngon, những hạng người ấy sau này kết-cục chẳng là hạng đạo-thiết, hạng còn-biến, rồi cũng thành ra hạng khất-cái.

7) *Hạng binh-dũng*. — Nhà sinh-kế bàn về tư-cách quân-nhân, có người cho là bọn sinh-lợi, có người cho là bọn phân-lợi. Ta bảo rằng các nước văn-minh đời nay các hạng quân-nhân không cho là phân-lợi được, tại sao vậy? Nghĩa là không có quân-bị dễ làm quốc-phòng, thì hoạn-nạn hay khởi lên, dân không được yên nghiệp; thế cho nên quân-nhân thực là bảo-hiêm cho dân sinh-lợi. Nếu cho là phân-lợi thì cũng thuộc về một hạng lao-lực mà phân-lợi. Nước Tàu thì không thế, phàm các binh-dũng thực chẳng có lao-lực gì mà vẫn phân-lợi; binh-dũng nước Tàu thực là kiêm cả cái tài giỏi của những hạng lãng-tử, đạo-thiết, còn-biến, khất-cái, chỉ là phân-lợi mà thôi.

8) *Già nửa phần quan-lại*. — Quan-lại nước Tàu đều là hạng phân-lợi cả. Nhưng cái hạng lao-lực mà phân-lợi độ non một phần, cái hạng chẳng lao-lực mà phân-lợi đến già nửa phần. Hạng chẳng lao-lực mà phân-lợi, như quan kinh thì ngoài vị quân-cơ đại-thần ra, còn các quan khác đều là phân-lợi cả. Quan ngoài thì như các nhân-viên hậu-bổ và các nha-lại phủ huyện; những tính chất và vị-trí các hạng người này giống như hạng người học-trò sẽ nói ở điều thứ ba mục phân-lợi. Còn đến như hạng quan-viên có lao-lực mà vẫn là phân-lợi sẽ nói ở mục phân-lợi đoạn sau này.

9) *Những hạng người phụ thuộc về quan-nhà để nuôi mình*. — Hạng người này nhiều lắm, như là thân-thuộc với quan, làm gia-khách nhà quan, kẻ tơ-lại, kẻ đầy tớ, kẻ lính-tráng hầu quan, và kẻ thầy cô thầy kiện, những hạng người ấy tính-chất cũng hơi giống

nhau, nên ta gọi chùm cho một cái tên trên ấy; kể những loài người ấy dựa vào khỏe mạnh mà kiệt-hiệt thì như con hổ lang, dựa vào yếu mà ngây-ngơ thì như con sấu bọ; tóm lại đều làm hại cho dân cả. Trong một quan-nhà phủ-huyện mà có khi nuôi lũ ấy đến vài trăm người, thì các nơi khác khá biết. Tinh cả toàn-quốc những bọn chỉ kiếm ăn ở trong chốn quan-nhà, có khi đến vài trăm vạn người, cứ một hạng người ấy đã cơ-hồ như một nước rồi.

10) *Hạng người thổ-hào hương-thân*. — Hạng này đều là hạng công-tử khó lựa và hạng học-trò, và quan-lại cùng những kẻ phụ-thuộc về các quan-nhà, bốn hạng người ấy nó biến-tướng ra thành là hạng thổ-hào hương-thân. Tuy vậy mà cũng có kẻ không phải là bốn hạng người trên biến-tướng, nên phải gọi riêng là bọn thổ-hào hương-thân. Vả cũng có kẻ thuộc về bốn hạng người trên, nhưng nó đã biến-tướng khác đi rồi, thì cũng nên biệt ra làm một nghiệt-chủng, mà gọi là hạng thổ-hào hương-thân, hạng người này rất có sức khỏe ở trong bọn phân-lợi.

11) *Già nửa phần đàn bà con gái*. — Có người cho đàn bà con gái là toàn thuộc về hạng người phân-lợi cả, nói thế không phải. Đàn bà có cái công-việc sinh nuôi con cái, là một nghĩa-vụ thứ nhất đối với nhân-quần; lại còn có kẻ hay chủ-trì gia-kế trông coi các công-việc trong nhà, cũng là có phần trách-nhiệm khó nhọc hợp về cái lẽ sinh-kế; nếu không có đàn bà thì đàn ông phải kiêm coi cả việc trong nhà, không chuyên tâm về nghề-nghiệp thì cái công-hiệu sinh-lợi cũng kém đi mất, vậy nên cho tất cả bọn đàn bà con gái là thuộc về hạng người phân-lợi thì không phải. Tuy rằng thế, nhưng bọn đàn bà Tàu trong mười phần đến sáu bảy phần là hạng người phân-lợi,

chỉ độ ba bốn phần là hạng người không phân-lợi, sao hay biết như vậy? Phạm người ta nếu dụng hết tài-năng, thì cái năng-lực của đàn bà tuy có chỗ kém đàn ông, mà cũng có chỗ hơn đàn ông, nếu hay lợi-dụng mà phân-phát làm ra, thì cũng có ích cho sinh-kế trong bọn nhân quần nhiều lắm, xem như các cô nữ giáo-sư và các người nữ kế-toán ở bên Tây, dùng đến già nửa đàn bà thì biết. Tổng kể tất cả đàn bà trong một nước, trong mười phần đến sáu phần giúp về việc sinh-lợi trong nhà, như là nuôi con cái, trị gia-kế, vân-vân. Còn bốn phần trong mười phần đàn bà thì giúp về việc sinh-lợi ở ngoài, như là những con gái chữa lấy chồng thường đi làm việc các sở và làm sinh-lợi buôn bán ở ngoài, con gái bên Tây đều như thế cả. Đàn bà Tàu thì chỉ có hạng giúp việc ở trong mà không có hạng người giúp việc ở ngoài, thế thì hạng người phân-lợi có đến bốn phần; mà những người giúp việc sinh-lợi ở nhà thì lại kém lắm không hay dụng hết được tài năng; phần thì không biết học, không biết chữ, không biết đường tính-toán, không biết phép dạy con, chỉ là bộ đi ỉa, không làm lung gi được, như thế đều là không hay làm sinh-lợi ra được; tóm cả đàn bà trong nước mà kể, thì mười phần đến sáu bảy phần phân-lợi, chỉ độ ba bốn phần không phân-lợi mà thôi.

12) *Hạng người phế-tật*. — Hạng người bị phế-tật mà phải phân-lợi thì ai cũng biết. Nhưng ở về nước văn-minh có nhà trường dạy kẻ thanh-manh, dạy kẻ cầm, dẫu bị phế tật mà vẫn sai làm các công-nghệ để tự nuôi mình được, vậy tuy phân-lợi mà cũng không bao nhiêu. Nước Tàu mà có

những hạng người phế-tật không biết trông nhờ vào đâu, thì đều là phân-lợi chứ không hay sinh-lợi một tí gì cả; không phải hạng người ấy nó muốn như thế, chỉ tại cái sự khuyết-hám của trời và chính-phủ thất chức, nên khiến chúng nó phải chịu khổ như thế vậy.

13) *Bọn tội-nhân*. — Người nào mà đã phạm đến công-tội bị giam cầm, thì hẳn là có xâm-hại đến lợi-ích trong một đàn, vậy kẻ tội-nhân trong mười phần đến tám chín phần là thuộc về phân-lợi (1). Khi đã phạm tội rồi, vì việc trị-an trong một đàn thì phải giam cầm trong ngục để làm rầu; đã phải giam rồi thì chỉ đành chịu áp-chế, chứ không cho làm việc gì cả, thì lại càng thêm phần phân-lợi; giam đến mười năm thì phân-lợi mười năm, giam đến trăm người thì trăm người phân-lợi, mỗi ngày hao-tốn của nhà nước để nuôi, thì lại làm một cho đàn lắm. Đời nay các nước văn-minh giam kẻ tù tội không bắt phải chịu ngược-bình mà bắt phải chịu khổ-dịch, nghĩa là phải khổ-sai đi làm, thì thực là phải. Nước Tàu thì tù-ngục đầy dẫy, bọn bị giam ấy đã phải chịu khổ lại không lấy gì tự-cấp nuôi được, cái thể phải trông nhờ về tiền hàng tỉnh cấp nuôi cho, và người thân-thuộc cấp-dưỡng, thực là một bọn người phân-lợi.

Trẻ con không làm được việc lao-lực, sao lại không phải là phân-lợi? — Vì trẻ con nó chưa đến tuổi làm sinh-lợi, còn phải nuôi sẵn cái sức nó để dùng về việc sinh-lợi sau này, trẻ con thực là một cái tư-bản lớn về tương-lai của một nước (nhà sinh-kế-học cho những cái đức-tốt trí-khôn của người ta cũng là một giống thuộc về sức sinh-

(1) Đời nay pháp-luật văn-minh chữa chắc đã hoàn-toàn, kẻ phạm tội chữa chắc thực là có tội, chữa chắc đã toàn là làm hại việc công-ích trong nhân-quần.

sản, mà tức là cái tư-bản vô-hình, cho nên trẻ con là cái tư-bản vô-hình của một nước.) Người già không thể làm được việc lao-lực, sao lại không phải là phân-lợi? — Người già đã qua cái tuổi làm sinh-lợi rồi, trước kia còn đương tuổi trẻ đã làm sinh-lợi ra, hãy còn trừ-bị sẵn đó, nay được hưởng-dụng không phải là chia lợi của người khác vậy. Sách *Lê-kỷ* có nói rằng: « Mười sáu tuổi trở xuống, người trên phải trọng, sáu mươi tuổi trở lên, người trên phải nuôi. » Vì rằng người già ở về cái địa-vị trong một đàn phải nên tôn trọng như thế. Còn như đương lúc còn thiếu-niên mà chỉ dong chơi không chịu học hành, không nghĩ cách dự-bị sau này để báo-hiệu cho quốc-dân, đến khi trưởng-thành lên không còn làm được một nghề gì cả, như thế thì dẫu chưa đến tuổi thành-niên cũng gọi là hạng người phân-lợi. Lại như những kẻ đương lúc tráng-niên mà du-thú du-thực không có dùng sức một tí gì về một nghề nghiệp, để cống-biến cho đàn, đến khi già ngồi xó phải trông nhờ về của công nuôi cho, như thế thì dẫu đến tuổi già tám chín mươi, cũng gọi là hạng người phân-lợi. Những hạng trẻ con người già trong nước Tàu mười phần đến sáu bảy phần như thế, nên những hạng trẻ con người già trong nước Tàu, về hạng phân-lợi cũng đến sáu bảy phần trong mười phần vậy.

Những người địa-chủ đã chiếm có ruộng đất thường không phải lao-lực sao nhà sinh-kế học không gọi là hạng người phân-lợi? Vì rằng người ấy sở dĩ được có cái đất ruộng là tại trước kia phải dùng lao-lực mới được, nay được ngồi hưởng tức là hưởng dụng cái lao-lực trước kia hãy còn để dành lại mà dùng chữa hết vậy. Còn như cái người chỉ nhờ về cơ nghiệp của cha anh, mà được cái quyền sở-hữu về ruộng đất, đã không phải bởi cái

lao-lực của mình làm ra được, mà lại chỉ ngồi ăn không chẳng làm việc gì, quanh năm chỉ hưởng lấy tô thuế đề tự hoang phí, như thế thì tức là hạng người phân-lợi. Những nhà địa-chủ trong nước Tàu, mười phần đến sáu bảy phần là hạng người phân-lợi, những hạng người ấy tức là bọn công-tử khổ lụa đã nói ở trên không phải phân riêng ra nữa.

II Hạng người lao-lực mà vẫn là phân-lợi

1) Hạng nô tỳ. — Hạng nô tỳ thường dùng lao-lực có khi phải gặp bới người thường; nhưng cái sức nó dùng về việc khó nhọc ấy, chỉ để hầu ông chủ sai khiến, nịnh ông chủ nói cười, cái sức nó dùng ra không có chút lợi gì đem trở lại được, nên bảo là hạng người phân-lợi, ai cũng đã biết.

2) Hạng gái đi con hát — Những hạng gái đi con hát có khi dùng sức lại rất là khó-nhọc, nhưng cái lao-lực nó dùng về chỗ bỏ hoài đi mất, và nó lại hay khiên-động đến cả người khác để cùng làm phân-lợi, cái cách nó phân-lợi lại rất là độc ác.

Trở lên hai hạng người ở trên nó phải đi làm việc phân-lợi, vị-tất đã thực là ý muốn của nó, có khi nó bị thể-bách mà phải làm, vậy cái tội phân-lợi không phải tại nó, mà tại kẻ áp-bách nó phải làm, phạm những kẻ nào bị thể-bách mà phải đi làm phân-lợi đều thuộc về hạng ấy cả. (Những kẻ lính lệ ở các nha-môn, tuy cũng giống như hạng nô-tỳ, nhưng là tự ý nó muốn làm, chứ không phải ai bách nó phải làm, vậy những hạng ấy đều là không chịu lao-lực mà phân-lợi).

3) Hạng người học-trò đọc sách. — Sĩ, nông, công, thương là bốn hạng dân trong nước, mà hạng sĩ cấp sách đi học lại đứng đầu. Cứ theo như lời bàn của Tư-mật thì bên Tây dẫu hạng

người đọc sách, ông ấy cũng cho là phân-lợi. Nhưng ta cứ bình-tâm mà xét, thì bên Tây những người đi học, mười phần chỉ độ một hai phần phân-lợi, còn bảy tám phần là hạng người sinh-lợi, có sao vậy? Nguyên là những người ấy sau khi học tốt-nghiệp, chẳng làm y-sinh thì là pháp-quan hay là luật-sư, không nữa thì đi truyền giáo, hoặc làm giáo-sư các trường; còn như người đi học nghề công nghệ thương, hay trực-tiếp đẻ sinh-lợi thì không kể. Cái thuyết của Tư-mật mà bảo cả những người đi học là phân-lợi thì ta không dám chắc. Song ở về nước Tàu thì cái thuyết ấy lại chi-đáng, cái cách những người Tàu đi học rất lạ có hai điều: một là không có kỳ tốt-nghiệp mà cũng chẳng biết bao giờ là tốt-nghiệp; hai là đi học được đến kỳ tốt-nghiệp mà vẫn không biết cái sở-học của mình để làm gì. Xem như khi xưa những người đi thi lao-đạo trường-ốc mãi cho đến già, ngày nay thì những người lẩn-lộn cổ thi lấy cái bằng tốt-nghiệp, may mà đỗ đạt lên, thì ti khỏe-khoang với hầu thiếp, hách-dịch với xóm làng, chỉ là con một ở trong chốn tang-tử, bảo là hay mở-mang được trí-thức cho dân, ta chỉ thấy nhiều người đi học mà dân nước càng ngày càng ngu. Bảo là hay khuyên dạy đạo-đức cho dân, ta chỉ thấy nhiều người đi học mà thói tục lại càng hỏng. Những kẻ học-trò dài lưng tốn vải, không hay phân biệt ngũ-cốc, không muốn cái nhấc chân tay, lười biếng nản việc, không có liêm sỉ mà lại thích ăn uống, hạng người học trò ấy thực là một loài ký-sinh-trùng, làm một cho dân và làm rạn cho nước. (Nay còn những nhà học về khảo-cứu, học về từ-chương, và những kẻ khinh-bạc sinh bàn việc thời thế, đều là những kẻ phân-lợi cả. Họ tự bảo rằng ta tuy không có ích cho dân, và cũng chẳng hại gì đến dân. Nhưng không biết

rằng họ xướng lên những cái thuyết cần đỡ làm cho hao mòn não-chất kẻ hậu-tiến, hư-bại đạo-đức của quốc-dân, thì cái hại đã tề lắm rồi. Huống chi là họ tự bảo rằng mình vô-ích mà không hại, mà họ chỉ ngồi không ăn hại của một nước, thì chẳng phải hại là gì; còn như những nhà hay giảng-minh đạo học, khuông-chính dân-đức, đề bồi đắp cho nguyên-khi quốc-gia, thì không phải như hạng trên; song tiếc rằng trong học-giới hàng ức vạn người chưa được một hai người như thế.)

4) *Các thầy giáo.*— Trong hạng người đi học có người đi làm thầy dạy học, thì tưởng rằng không phải là phân-lợi. Song dạy bảo mà thành-đạt được nhiều người giúp việc công-ích cho xã-hội, thì mới là hạng người sinh-lợi. Còn như dạy học mà chỉ thành-đạt được những kẻ chỉ làm một cho nhân-quần, thì gọi là hạng người phân-lợi. Ngày nay những người đi học tức là các bậc giáo-sư trước kia sản-xuất ra. Những người đi học sau này lại tức là những bậc giáo-sư ngày nay sản-xuất ra. Mỗi ngày chỉ dạy thêm được những bọn học trò dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, làm con một ăn đục của xã-hội, những các giáo-sư ấy chẳng phải là hạng người phân-lợi là gì.

5) *Non nửa phần quan-lại.*— Tư-mật-Á-đan cho cả quan-lại là hạng người phân-lợi đã nhiều người biện-bác. Song như quan-lại nước Tàu vô-luận là hạng lao-lực hay chẳng lao-lực, đều là hạng người phân-lợi cả. Quan-lại lao-lực ở kinh thì như chức quân-cơ đại-thần, và chức trưởng-ấn các bộ; quan ngoài thì như chức đốc-phủ, chức đề-chấn, chức tu-đạo và các chức phủ-huyện các lĩnh sự, đều là người có lao-lực cả; song những chức quan ấy vẫn bảo rằng mình tận-

tuy với việc vua, khó nhọc với việc quan; nhưng hỏi đến cái lao-lực của họ dùng về những việc gì, thì chẳng qua sắp hĩa cho ngay, cầm hết cho thẳng, cũng là vào sổ nhật-ký, mở kỳ hội đồng mà thôi, hỏi có làm được việc gì công-ích cho quốc-dân không? Thì chẳng làm được tí-hào gì lợi-ích cả. Người nước Anh là Biên-tấm có nói rằng: « Chính-phủ là một vật có hại, nhưng cũng phải đặt ra chính-phủ, là lấy cái vật hại nhỏ để chế bớt cái vật hại lớn mà thôi. » Người Nhật là Tây-thôn-mậu-thu lại giải thêm nghĩa ra rằng: « Chính-phủ nào mà ít cái việc hại dân, lại hay chế bớt cái hại lớn khác, thì gọi là lương-chính-phủ. Chính-phủ nào nhiều việc hại dân, mà không hay chế bớt được cái hại lớn khác, thì gọi là ác-chính-phủ. » Xem thế thì quan-lại là hạng người phân-lợi làm hại dân không thể nói gẫu được; chỉ xét xem là làm hại nhiều hay ít như thế nào mà thôi. Nếu người nào làm quan hay hết chức-phải mình vì dân chống-chế các tai hại lớn, thì nó lại hay gián-tiếp sinh-lợi đủ bù vào cái phần mình trực-tiếp phân-lợi mà lại có thừa, như những hạng quan-lại ở các nước văn minh thì không gọi là hạng người phân-lợi được. Những việc làm tai hại cho quốc-dân là những việc gì? Tức như những việc thủy-hục dịch-lệ lưu-hành, kẻ cường-bào áp-chế, kẻ tranh-kiện oan-ủng, quân trộm cướp tung-hoành; còn những điều tai hại lớn nữa thì như bị giặc ngoài vào lấn cướp làm mất chủ quyền mình, chiếm mất công-sản mình, gặp những việc như thế thì dân phải trông mong về chính-phủ cứu-giúp, chính-phủ mà hay hộ-vệ chống-chế được cho dân, thì dân dẫu đem hiến một vài phần quyền-lợi của huyết-hãn mình làm ra để cấp nuôi cho quan-lại, thì cũng chẳng qua như nhà doanh-nghiệp phải chịu tiền

bảo-hiêm, cái số đó không thể tiếc không thể tránh được. Còn như trong nước Tàu dân thì bị tai nạn chẳng ai thương, dân có oan-ủng chẳng ai xét, chết đói lẫn ra đường chẳng ai cứu, trộm giặc đầy các nơi chẳng ai dẹp, nếu có đụng đến việc binh mà bị tổn-nhục thì lại cắt miếng đất héo dề dền, sợ giặc như cạp cỏ khi lại áp-chế đồng-bào dề nịnh kẻ thù. Cứ theo như cái thuyết trên thì nước Tàu dẫu có quan-lại cũng như không có quan-lại vậy. Theo như cái thuyết dưới thì có quan-lại chẳng bằng không có quan-lại vậy. Có quan-lại mà không hay chống-chế tai hại cho dân, đã là hại rồi, huống-chỉ lại vì cái cơ có quan-lại mà tai hại cho dân lại càng tệ hơn. Thế thì hạng người khác phân-lợi là chỉ chia có một phần, mà hạng quan-lại này phân-lợi lại chia đến cả hai phần (hạng quan-lại có lao-lực mà phân-lợi, cái tội lại bị hơn hạng quan-lại không lao-lực mà phân-lợi) vậy nên quan-lại nước Tàu thực là kẻ tội-khó về hạng người phân-lợi, những hạng ngời khác mà phân-lợi đều bởi họ ấy mà ra cả.

6) Hạng người đi buôn cũng có phân-lợi. — Đã có nghề nghiệp buôn bán thì không nên cho là phân-lợi mới phải. Song tự-trung cũng có phân-biệt, xem như người Tàu mở các cửa hàng buôn bán trong mười phần thì có sáu bảy phần không phân-lợi, còn hai ba phần thì là phân-lợi, tức như những kẻ đi buôn mà hay đầu-cơ xạ-lợi, họ dụng mưu mẹo tinh quái hơn nghề cờ bạc, tằm-cơ hơn quán cờ-biêu, đề cầu lấy phân-lợi thì ai cũng biết. Còn như những nhà ca-lâu tửu-quán nó quyền đở người vào trong đờng phân-lợi, tuy rằng những người làm nghề ấy rất là khó nhọc mà cũng là phân-lợi cả. Lợi như những nghề buôn bán phân-lợi như là bán thuốc phiện, bán thuốc lá, bán rượu, và những đồ vật có hại về

vệ-sinh ; lại như những cửa hàng bán phần sấp làm đồ xa-xỉ trang sức cho đàn bà, và các cửa hàng bán hương sấp vàng pháo những đồ đồ cúng thần phật, nhà bán tranh vẽ và các đồ ngoạn-bảo và các sách từ-chương tiêu-thuyết vô-dụng cùng những đồ văn-mặc xa-hoa của học trò, phạm những nhà buôn bán những nghề ấy đều là phân-lợi cả. Song cái tội không phải tại người buôn mà tại người dùng các đồ ấy ; nếu không có người dùng mà bán ế, thì những nghề buôn ấy chẳng phải cấm cũng hết, đó thực là cái kết-quả phân-lợi chứ không phải là cái nguyên-nhân phân-lợi.

7) *Nghề nông công cũng có người phân-lợi.*— Nghề nông như giồng quả thầu, giồng thuốc lá ; nghề công như là chế ra các đồ vô-ích mà có hại đều là phân-lợi cả. Song xét cái tội những người ấy cũng giống như những anh lái buôn phân-lợi đã kể ở trên, không phải là trực-tiếp phân-lợi. (1) Lại như những nghề phân-công không được tinh-tế, thành ra đồ-vật lại chậm trễ, thì công dần nhọc mà cũng là phân-lợi (2). Lại như những việc gì không đủ khi-cụ mà phải chậm-trễ, thì công dần nhọc mà cũng là phân-

lợi (3). Suy cho cùng ra thì dầu các công-nghệ của các nước văn-minh đời nay, biết đầu sau này xem ra lại chẳng phải là phân-lợi đấy ư. Vày nếu lấy cái tội phân-lợi mà bắt tội cả những kẻ làm thuê thì không phải. Song lấy cái công-nghệ nước Tàu ngày nay mà so với công-nghệ các nước Âu Mỹ, thì công-nghệ Tàu đều là phân-lợi cả. Như thế thì không phải tội của một kẻ dẫu, mà là tội cả các quan ; không phải tội tại một người mà là tội cả một đoàn-thể vậy.

Xem thế thì những người phạm tội về phân-lợi phần nhiều là người trong thượng-đẳng xã-hội hoặc trung-đẳng xã-hội ; chứ những người về hạ-đẳng xã-hội thì ít ; vì người nào có cường-quyền thì mới hay chiếm lấy cái lợi của người ta làm sinh ra mà mình ngồi tọa-hưởng. Trên này kể ra các hạng người phân-lợi, trừ mấy hạng người như hạng khất-cái, nô-tỳ, tội-tù, phế-tật ra, còn toàn là những hạng người lấy một người mà phân mất cái lợi của mấy người vậy. Nay ta muốn tìm phương bổ-cứu khiến cho trong nước nhiều người sinh-lợi, mà ít người phân-lợi, trước phải tự mình ta chớ làm việc

(1) Nghề giồng quả thầu ai cũng biết là phân-lợi, nhưng khỏi phải mua ở ngoài, thì số tiền không lâu-chi đi được, hình như là làm sinh lợi ra không phải là phân-lợi. Song giồng thuốc phiện càng nhiều tại người hút lại càng nhiều, thì cái nghiệp ấy cũng là cái nguyên-nhân phân-lợi, nhưng không phải là trực-tiếp mà thôi.

(2) Như người làm kim, cứ lấy một người mà làm cả mọi việc, thì một ngày không thành được một cái kim. Nếu phân công ra cho mỗi người làm một việc, thì phải dùng đến 18 người một ngày làm thành được 8 vạn 6 nghìn cái kim, phải dùng đến 4800 người. Nếu lấy một người làm cả mọi việc thì bỏ đi mất 4679 người, những sức người ấy bỏ thành vô-dụng, chớ nên cũng là phân-lợi.

(3) Như có con đường chạy bằng xe hỏa thì ba ngày đến nơi, nếu không có xe hỏa thì phải đi đến 20 ngày mới đến nơi, thế là bỏ cái sức vô-dụng vào lúc đi đường mất 17 ngày, nên cũng bảo là phân-lợi. Lại như cái đồ hàng mười tấn chở bằng xe hỏa không cần đến sức người sức ngựa, thì chỉ độ vài ngày chở đến ngay. Nếu không có xe hỏa mà chở bằng mười cái xe kéo, phải đi đến nửa tháng. Thế là sức người ngựa đều bỏ về vô-dụng, cho nên cũng bảo là phân-lợi.

phân-lợi, lại giảng ra học-lý khuyên người trong nước biết lấy cái việc làm phân-lợi là xấu-hổ; lại giảng cầu lấy một chính-sách khiến cho những người đi làm phân-lợi khi trước đều có

đường tự-tàn hối-cải, mà biến thành ra người sinh-lợi cả, thì trong nước may ra mới có cơ giàu thịnh được.

Ng. H.-T. lược-dịch

PHEP ĐỌC SÁCH (1)

I. — Cần nên đọc sách

Muốn đem thân mình xử ở cõi đời này, không kỳ là làm nghề-nghiệp gì, đều phải có cái giáo-dục tương-đương. Song há những nhờ về giáo-dục tương-đương mà thôi đâu; lại phải tùy thời-thế tiến-bộ mà cố làm cho nghiệp học phát-dạt lên; muốn làm cho nghiệp học phát-dạt lên, phải nhờ về sách-vở.

Phàm các sự-vật trong thế-gian, không khỏi có lúc thịnh lúc suy; duy cái công-hiệu về sách-vở thì từ xưa đến nay không lúc nào suy kém cả; sau này thời-thế tiến-bộ, công-ích không biết chừng nào, xem như gần đây nhiều sách xuất-bản có ích thì biết. Nhà thi-nhân nước Ý bàn về cái công-dụng sách-vở có nói rằng: «Ta có người bạn tốt, là người thượng-cổ, hoặc người cận-đại, người ngoại-quốc hoặc người nội-quốc, cùng giao-chơi với ta rất là sướng-khoái, đều là những hạng nhân-vật có tiếng làm nên vĩ-nghiệp hiển-hách cả. Ta muốn nhờ bạn giúp đỡ, thì đều có giúp ích cho ta cả, hoặc khiến thần-chí ta vui-vẻ, hoặc khiến tâm ta cảm-khích đến giở nước mắt; không những là giải nghi-học cho ta mà thôi, lại hay đáp lời ta hỏi mà trở bảo cho ta;

hoặc nói về sự-tích đời cò, hoặc bảo lấy cái chân-lý trong vũ-trụ, hoặc dạy cho ta cái đạo sinh-tồn, cái tình cảm-tử, lắm lúc đàm-luận khoái-hoạt làm cho mất cái ưu-vật trong tâm ta lại hay có vũ thêm dũng-khí; lại được nghe những lời huấn-hối để chế hờ, lòng dục, và khỏi phát vạn-ban tri-thức, tùy-cơ ứng-biến đều đắc-nghị cả». Một nhà chính-trị nước Anh nói rằng: «Đương lúc ta đọc sách thì bình như ta được cùng với thành-biến cũng đàm-luận, ngoài lúc đọc sách ra thì không được gặp nữa.» Nhà thiên-văn-học nước Anh nói rằng: «Sách là một vật rất hiền, rất vui-sướng, rất thanh-thiết, rất cương-đững, mà lại là người bạn rất huân-túy khiết-bạch, cho nên ai hay hiểu được nghĩa-lý trong sách, thực là người rất là hạnh-phúc.» Một nhà tôn-giáo nước Mỹ nói rằng: «Thế-gian vật gì, hay có cái công-hiệu được bằng sách không? Sách là một diệu-phẩm hơn nhất hay yên-ủi ta lúc ở một mình, hay trừ được ưu-lự, giải được thống-khổ cho ta, hợp cả của giàu trong hai cõi đất liền, cũng không bằng cái sở-đắc lợi-ích về sách-vở là niền bền cả.» Nhà văn-học nước Pháp nói rằng: «Nếu có người đem cái mũ vua cho ta đội, mà muốn cầu lấy sách-vở của ta, và đòi lấy

(1) Nguyên-văn của Trạch-liều-chính-thái-lang người Nhật làm ra; người Tàu là Đại-vô-ý-sinh dịch ra chữ Hán.

cái tình ưa đọc sách của ta, ta cũng không thêm cái mũ ấy làm gì; liền hất bỏ đi.» Lại có nhà lịch-sử nói rằng: « Đọc sách là một đời sinh-nhai sướng-khoái của ta, lại rất có vinh-dự; nếu đem cái giàu cả nước Ấn-độ cầu đổi cho ta, ta cũng không thêm.» Ôi! đọc sách lợi-ích sung-sướng biết là chừng nào.

Xem các nhà danh-sĩ cực-lực tán-dương sự đọc sách như trên, thì biết sách-vở là có lợi-ích lắm, nhưng muốn được cái lợi-ích lớn-lao như thế có phải dễ đâu. Nếu cứ mạn-nhiên sách nào cũng đọc bừa đi, ta chắc là cũng vô-sở-dắc, những kẻ con em thiếu-niên đời nay có người lấy sự đọc sách làm lo, là tại có sao? Là tại mình không biết đọc sách, sớm ngày xem một quyển, chiều lại xem quyển khác; ngày hôm nay đọc qua quyển này, ngày mai đã tay cầm quyển khác, vì thế nên dẫu suốt ngày không buông quyển sách, mà vẫn không tiến-bộ được một việc gì, không sở-trường được một nghề gì, không phát-dạt được một nghiệp gì, chỉ là bỏ hoài bỏ phí mất ngày tháng thì giờ, chẳng đáng thương lắm thay! Tiếc thay cho những người có tài khả-vi, có cái học khá giỏi, có cái tháng ngày lợi-dụng học-hành được, mà bỏ hoài mất cái tài học về thời giờ vô-dụng, là tại mình không biết cái cách đọc sách mà thôi. Ngày nay cần nhất là phải làm sao cho cái vô-dụng đều thành ra hữu-dụng cả; những sách vở kia vẫn là hữu-dụng hữu-ích, nhưng không biết cách lợi-dụng, thì đều thành ra vô-ích cả; xem như những người học-trò ngày nay chữa có cái công-hiệu đọc sách, mà đã có cái tệ chỉ thích lý-luận suông. Tuy vậy, đó là cái lỗi người đọc sách thô-sơ hốt-lược, chẳng đủ trách làm chi. Người ta ai lại chịu tự bỏ mất cái tài, phí mất thiên-tư và bỏ hoài mất thì-giờ đi, ai

lại chẳng biết yêu cái thân mình, muốn nghĩ làm lợi cho nhà cho nước mình; nhưng chỉ tại mình không biết dùng thủ-doan tìm lấy một phương-pháp thích-dáng để mà học hành mà thôi. Ví như dùng tiền bạc, biết khéo dụng ra thì mới có công-hiệu; nếu không biết đường lợi-dụng thì mắc đến cái vạ tan cửa nát nhà. Cái việc đọc sách cũng thế, nếu biết cái phép nghiên-cứu cho thích-dáng thì mới là có ích. Nay các bạn thiếu-niên đọc sách mà không hay được ích-lợi đặc-biệt, là bởi tại không biết cái phép thích-dáng, nên mới thành ra hại. Vậy nay phải cần biết cái phép đọc sách mới được.

Phép đọc sách là phải có qui-tắc nhất-dịnh, phải nên giữ cho đúng cái phương-pháp, thì mới khỏi lao tâm-lực phí thì giờ, mới hay được ích-lợi nhiều vậy. Nếu không biết qui-tắc cứ bạ sách nào cũng đọc làm-nhàm cả, thì phí thời-giờ và lao tâm-lực nhiều lắm, mà chẳng được ích gì mấy, là bởi tại không biết cái cách đọc sách đó mà thôi. Thế-gian cũng nhiều người không biết cái cách đọc sách mà được lợi-ích cũng nhiều, nhưng đó là tại họ vẫn giữ theo cái qui-tắc tự-nhiên. Song không kể cái người biết đọc sách hay không biết, nếu người nào hay giữ theo như thế mà không được ích-lợi, hoặc người nào trái thế mà được công-hiệu, thì chữa có thể bao giờ. Những người cứ coi khinh cái phép đọc sách cho là vô-ích, là tại người ấy không biết cái phép đọc sách ra thế nào; hoặc coi thường cái phép đọc sách cho là vu-khoát, cũng bởi tại không hiểu cái phép học, nên mới đổ tội tại đọc sách. Sách vở cũng ví như một bộ cơ-khi lớn nó thác-tạp nhiều lắm, mà vẫn có cái cách hoạt-dụng thần-diệu, và cái công-năng rộng lớn; nếu chuyên-vận cái bộ cơ-khi thác-tạp thần-

điều lớn-lao kia, mà không có qui-tắc chắc-băng, lại muốn được cái công-biêu tốt, thì không khác gì lấy cái tay chữa từng tập-luyện, chữa từng kinh-nghiệm bao giờ, mà lại muốn chuyên-vận cái bộ cơ-khí chạy bằng máy hơi lớn-lao kia, thì chỉ làm diên-dào hỏng mất cả, mà lại sinh ra hại. Nay ta kể ra cái cách đọc sách lợi-ích và nói những điều cốt-tử như sau này :

- 1) Chớ làm nhọc tinh-thần suông ;
- 2) Chớ bỏ phí thì giờ hao ;
- 3) Không bỏ phí thì giờ và tinh-thần, thì nó hay tăng-tiến mở-mang thêm cho đường trí-thức ;
- 4) Đọc sách nó hay giúp thêm cho cái sức ghi nhớ ;
- 5) Lại được cái tư-tưởng xác-đàng rõ ràng ;
- 6) Phải lựa chọn sách vở mà đọc.

Sáu điều trên này là cái qui-tắc đọc sách, nếu muốn đọc sách mà được cho có ích-lợi lớn-lao, thì phải theo giữ cái qui-tắc đó.

II. — Cái lịch-sử và cái tinh-chất đọc sách

Nay muốn biết cái phép đọc sách thì phải xét xem cái lịch-sử nó duyên cách như thế nào, cũng không phải là vô-ích. Cái số sách vở đời xưa vẫn có hạn, mà cũng phải cần biết cái phép đọc sách, nhưng nó không hề-bộn lắm như ngày nay. Trước tây-lịch 350 năm về hồi văn-học nước Hy-lạp đương thịnh-vượng, khi bấy giờ đã có nhiều người danh-sĩ, trước-thuật ra cũng được nhiều sách, nhưng cũng chưa cần biết cái phép đọc sách cho lắm, từ khi Đền-mộc-tam-nghi-tư mới pháp-minh ra phép đọc sách là trước nhất. Song ta khi đi học chỉ cốt làm sao cho trí-thức tăng-tiến, tâm-lực phát-đạt, đem các sách ra mà chuyên công-nghiên-cứu, chứ không nghĩ phép-tắc gì cả, rồi cứ đọc đi đọc lại cho

thuộc, không những là đặng-tả ra hết cả, lại hình như nhớ lấy cả bộ sách ấy. Đến như các bậc danh-nho là người học-vấn rộng-rãi, biết hết cả nguồn gốc học-thuật, mà cũng chưa bàn đến cái phép đọc sách, những người tài-giỏi còn như thế, huống chi là những kẻ học-giả khác. Song phải biết cái phép đọc sách là cần, trước khi chữa phát-minh cái nghề in sách, thì cái cách đọc sách cũng chưa được tiến-bộ cho lắm, nhưng ngày nay đọc sách phải có qui-tắc mới được.

Đến thế-kỷ thứ 16, ông Bôi-côn cũng chữa bàn rõ ra cái cách đọc sách, nhưng ông đã chia sách ra làm hai thứ : Một thứ đọc qua đi một lần và một thứ phải đọc đi đọc lại đến hai ba lần cho thuộc, lại đem những sách lịch-sử, văn thơ, triết-học, lý-học, số-học ra mà so-sánh cái giá-trị từng quyển sách, ông ấy thực biết cái cách đọc sách là có ích và biết rằng cần phải đọc sách. Bạn ông là một nhà triết-học có nói rằng : « Nếu ta mà cứ đọc sách nhiều như mọi người, thì ta cũng là người vô-học như người ta vậy. » Ông nói như thế là bảo người ta phải kén chọn lấy vài bộ sách hay, mà đọc đi đọc lại ngâm-nghĩ cho kỹ, chứ không nên tham nhiều. Còn như những người không biết cái cách đọc sách, chỉ vụ đọc cho nhiều thì lại càng tỏ lam cho mệt-nhọc ký-tính, rối loạn cái lý-tính của mình, chẳng có ích cho thân-tri mình được tý nào vậy.

Một nhà thi-sĩ đời xưa là người học rộng nghe nhiều, ông ấy có bàn về cách giáo-dục, lại muốn cho những kẻ học-giả đều phải học thiệp-liệp cả hàng trăm quyển sách. Nếu như thế thì một là đọc nhiều quá mà không có quan-thiết gì, hai là chỉ chăm chú về các sách đọc qua đi một lần mà thôi thì cũng là vô-ích. Giá nay có một người sơ-học không biết kén lấy một

quyền sách mà học cho chuyên, chỉ bày ra đến hàng và mươi bộ sách mà học tạp-nhập cả, thì có thành-công gì đâu. Xem thế thì những người không biết cái qui-tắc đọc sách, chỉ tham đọc cho nhiều, thì cũng là có hại mà vô-ích. Nếu hay giữ theo qui-tắc mà đọc cho nhiều thì mới là có ích-lợi.

Xưa kia có một nhà triết-học làm ra quyển sách rất có giá-trị, tinh-thần quyển sách ấy cốt là bài-bác những điều hư-ngụy mà cầu lấy chân-lý, đề tiến lên con đường tri-thức đạo đức, trừ bỏ những điều sai lầm mêch-lệch. thực là một quyển sách đáng đọc; trong quyển sách ấy có nói về cái phép đọc sách rất là đích-đáng: Một là đọc sách phải hiểu biết cái ý-nghĩa của người làm sách; hai là những điều nghị-luận ở trong sách thì mình phải ngâm-ngẫm cho kỹ chớ có nhận sai.

Những điều trên ấy là những lời nói qui-báo cho những người đọc sách phải nên nhớ. Lại nói rằng: « Người đọc sách nhiều mà muốn cho thông-hiểu hết cả mọi sự-lý thì thực là nhàm.» Đọc sách chẳng qua là cái tài-liệu để giúp cho tri-thức mình mà thôi, chớ cái tài-liệu ấy không phải là tri-thức, nếu mình chỉ nhớ về cái công khảo xét mà không biết phân-loại chia nó ra, thì tri-thức vẫn không biết gì. Xem như ăn thức ăn cũng phải để cho nó tiêu-hóa thì mới hay bổ-dưỡng cho thân-thể, việc đọc sách cũng như thế vậy.

Đọc sách phải có mấy điều cần là lý-hội phải cho kỹ-lưỡng, và phải làm cho tri-thức phát-đạt lên, song đọc sách cũng thường làm trở-ngại cho cái tri-thức chân-chính. Nay muốn lý-hội cái học-thuyết của người khác, thì phải đề gác những câu văn-tự ra ngoài, chỉ cốt xét cho biết những ý nghĩa lý-thú, và những chỗ nghị-luận căn-cứ, những chỗ có quan-hệ phải biết cho rõ-ràng.

Đó là những lời nói về tâm-lý mà có ích lớn cho những người đọc sách vậy.

Lại có một quyển sách nói về cách đọc sách chia làm hai phần: Một phần nói về tri-thức phải cho minh-mẫn; một phần bàn về phép giáo-thụ. Quyển sách ấy phạm-vi cũng rộng, ngoài cái việc đọc sách ra lại bàn đến cả phép thảo-luận, thỉnh-giảng và quan-sát. Nhưng cốt ý là bảo phải kén sách hay mà đọc, và khi đọc sách phải ngâm nghĩ cho hiểu rõ, đừng để một điều gì nghi-ngờ, đó là một điều cốt-tử về phép đọc sách.

Người nước Mỹ cũng làm một quyển sách nói về phép đọc sách, xem thế thì biết việc học lại càng phức-tạp lắm. Song chưa được quyển sách nào nói về cách đọc sách cho tường-tận cả. Nhưng về cái vấn-đề đọc sách thì đã có người đem ra luận thuyết, hoặc diễn-thuyết để cốt là bảo cho những kẻ thiếu-niên thế nào thì nên đọc sách, lúc thì giờ nào để đọc sách, và qui-tắc đọc sách như thế nào, ba cái vấn-đề về phép đọc sách ấy ngày nay các nhà học-giả đã nghiên-cứu kỹ-càng, cốt là bảo cho những kẻ học-giả phải nên chú-ý về phép đọc sách.

Trở lên là kẻ đại-lược về cái phép đọc sách, sau này nói về cái tinh chất đọc sách. Người ta mỗi người theo một học-nghiệp, có người theo về pháp-học, có người theo về y-học, có người văn-học, có người toán-học, có người theo về nông-học, hoặc công-học, hoặc thương-học, mỗi người mỗi cách, cho nên mỗi người đọc một thứ sách khác nhau, nhà học về lịch-sử thì khác với nhà theo về lý-học, nhà đọc về tiều-thuyết thì khác với nhà theo về công-nghệ, cho nên mỗi nhà đọc một thứ sách khác nhau. Tuy vậy, trong các khoa học vẫn có cái phép phổ-thông thích-dụng có thể đọc các sách mà hay thông-hiểu được. Phép đọc sách

này chính là nói về cái phép phổ-thông thích-dụng, nếu hay thông hiểu phương-pháp mà đọc sách, thì không kỳ là theo về khoa-học nào, chuyên về nghề nghiệp nào, đều hay được có cá lợi ích cả.

Cái mục-dịch đọc sách là cốt cho được cái công hiệu xác-thực, nên cái vấn-đề đọc sách cốt tìm lấy cái phép thích-dụng về trên đường thực-tế, cho nên trước phải theo giữ qui-tắc để nhận lấy những điều cách-ngôn sự thực. Đời xưa các vị hiền-triết đã kinh-nghiệm về học-thức, có sưu-tập lấy những câu cách-ngôn vàng ngọc chia ra thứ-tự từng loại một, để cho những người xem để hiểu mà thực-hành được cái qui-tắc phổ-thông. Song những lời cách-ngôn cũng chữa được hoàn-toàn, hoặc người học sai lầm mà vội đem ra ứng-dụng, hoặc người học viên vông mà không có chứng-cứ nên không hay thì ra thực-tế được, cách đọc sách này là cốt trở bảo cho theo đường thực-tế mà giữ lấy cái qui-tắc hoàn-toàn vậy.

Trên này nói về cái vấn-đề đọc sách, một là nếu kén chọn sách mà đọc, hai là nên dùng cách gì để đọc sách. Lại phải chọn xem những lúc nào nên đọc sách cho thích-nghi, Nay những người học-giả phần nhiều là không biết định chọn lấy cái giờ đọc sách

III. — Những lúc thích nghi nên đọc sách

Đọc sách nên đọc về những lúc nào, mà lúc nào thì thích-nghi cho việc đọc sách? Đọc sách là để cho cảm-phát ý-chí, vậy phải nên chọn xem những lúc nào nên đọc thì đọc mới có ích, Nếu đọc sách mà ý-chí không hay cảm-phát được, chỉ thấy tinh-thần mỗi-mệt, cái sức chú-ý cũng kém; như thế thì thà đừng đọc sách đi làm nghề-nghiệp khác còn hơn. Những lúc nào trong người thấy chí-ý hăng-hái,

tinh-thần khoái-hoạt, gặp những khi ấy mà đọc sách được một lúc thì cũng có hiệu-ích nhiều lắm; không kỳ là năm phút mười phút, được thu-thả ra cũng nên đọc sách, những cơ-hội ấy cũng khó gặp được mà hay những bỏ qua, vậy nên phải chú-ý đừng để cho lỡ mất cơ-hội. Nhiều người cứ thường nói ta bận việc lắm không lúc nào đọc sách được, nói như thế thực là tỏ ra cái ý lười biếng mà bỏ mất cơ-hội đọc sách nhiều lắm; nếu đã có chí đọc sách mà lại không có cơ-hội nào học được, thì có thể bao giờ. Người ta đã kinh-nghiệm ra rằng không kỳ là người làm sự-nghiệp gì, ở về địa-vị nào, nếu có cái chí đọc sách, thì cũng có lúc rảnh mà đọc, nếu bảo rằng không có thì-giờ nào rảnh mà đọc-sách được, thì thực tỏ ra cái chí lười không muốn đọc sách. Lắm người thường nói ta không có thì-giờ rảnh rồi mà học được. Giá có thì-giờ rảnh rồi ta chắc rằng người ấy cũng không chịu học nào.

Đương lúc đọc sách phải chuyên để tâm-chí đừng nghĩ đến việc khác. Nếu đọc sách mà lại còn lao tinh-thần về việc khác, thì không những là đọc sách vô-ích mà lại có hại, thà rằng chẳng đọc sách còn hơn. Nếu muốn cho sung-túc cái thì-giờ đọc sách, thì trong hằng ngày phải định riêng cái thì-giờ đọc sách và có đặt ra qui-tắc nhất-định, cái cách ấy tuy rằng khó giữ theo được, nhưng nếu cố sức làm theo trong vài ngày rồi thành ra quen, cũng như cái thói quen trong hằng ngày lúc ăn lúc uống đã có giờ nhất-định; cái thói quen về phép đọc sách, cố gắng theo cũng dễ rồi nó cũng thành quen. Nay kể ra cái cách đã kinh-nghiệm về những lúc nên đọc sách như sau.

1) Những lúc thân-thể khỏe mạnh. — Tâm-thần người ta nó quan-hệ rất là

mệt-thiết, những lúc thân-thể nó khỏe mạnh, thì tinh-thần nó cũng được cường-tráng. Trái lại những lúc thân-thể suy-yếu, tinh-thần không thể nào hoạt-bát được; ta vẫn thường nói rằng cái tinh-thần tráng-khien, nó ở tại cái thân-thể tráng-khien. Muốn cho cái tinh-thần tác-dụng nó thường hoạt-bát, thì phải giữ làm sao cho cái thân thể tráng-khien. Nay mà muốn đọc sách cho có hiệu quả, thì đọc ở lúc tinh-thần nó hoạt-bát, tức là lúc thân-thể tráng-khien. Nếu những lúc thân-thể mỗi mệt, mà muốn đọc sách, thì phải chọn những sách giản-dị dễ hiểu mà xem, cho nó đỡ nhọc tinh-thần, và lại hay làm cho tinh-thần nó sảng-khoái, không thể mà đọc những sách khó hiểu thì thực là vô ích.

2) *Những lúc tinh-thần sảng-khoái.*

— Cái lúc thân-thể mệt nọc, phần nhiều là lúc tinh-thần bi-quyện, có lúc thân-thể không mệt nọc, mà tinh-thần cũng không được sảng-khoái, lúc ấy thì không phải là lúc đọc sách. Tinh-thần không được sảng-khoái, là lúc tâm-thần ưu-uất, thì phải gác bỏ sách vở đi, hoặc đi thăm bạn nói chuyện chơi, hoặc đi tản-bộ chỗ không-khoáng, chứ không nên đọc sách, lúc ấy mà còn đọc sách thì chẳng ăn thua gì cả.

3) *Những lúc tinh-tự an-tĩnh.* —

Đương lúc tinh-tự hăng lên, là những cái tình mừng giận thương vui nó đương bốc lên, thì không hay phán-đoán cho được chính-dáng, và không hay vận-dụng cái tư-tự cho được trấn-tĩnh, hoặc thiên về điều yêu ghét, lưu về đường thiên-lệch, cái trí-lực của mình nó tác-dụng không được dính-dáng chắc-chắn, những lúc ấy mà đọc sách thì không được ích-lợi gì; những lúc tinh-tự nó đương khích-ngang, không được yên-tĩnh, thì thà rằng đừng đọc sách. Thích-nghĩ về sự đọc

sách chỉ là những lúc thân-thể tráng-khien, tinh-thần sảng-khoái, và lúc tinh-tự yên-tĩnh; muốn đọc sách cho có công-hiệu thì trong một ngày phải để riêng những lúc ấy là lúc nên đọc sách, như lúc buổi sớm dậy đương lúc tâm-thần hoạt-bát sảng-khoái, mà tinh-tự cũng yên-tĩnh; tức là khi sớm ngày đã điêm tâm rồi thì rất là nên đọc sách, còn vài giờ sau là lúc nghỉ-ngoi; sau khi ăn cơm trưa độ hai ba giờ rồi thì tinh-thần lại hoạt-bát, dần dần cho đến chiều thì tinh-thần lại dần mỗi-một, đến lúc sau buổi cơm chiều rồi thì tinh-thần lại hoạt-bát, nhưng không kham nổi được những việc phiên-kịch như buổi sáng, vậy lúc đêm chỉ nên xem những sách giản-dị dễ hiểu. Còn như đêm đã khuya, mà cứ mãi đọc sách mãi, suốt đêm ngâm đọc mãi ở dưới ngọn đèn khuya, phép đọc sách rất lấy thế là m kiêng-ky. Song ban ngày thì huyên-náo hay làm rối ý mình đương khi chú-ý, ban đêm thì không hay bị nhiễu, nên người ta thường đọc sách về đêm, cho là hơn ban ngày. Song đó là cái biến-lệ, không nên tập cho thành thói quen, không chịu lao tinh-thần về buổi ban ngày, mà lại muốn dụng-lực bù về buổi ban đêm, thế là bỏ mất cái qui-tắc tự-nhiên, mà lại cố dụng-công về cái buổi có điều chất-ngại, thế mà mong được cái hiệu-quả đọc sách cho tấn-tới, thì sao thể được. Nếu đọc sách mà muốn mong được cái công-hiệu lớn-lao, thì không gì tinh-diện bằng lúc tâm-thần tráng-khien. Lại bản về trong một năm thì mùa đông tâm-thần mỗi-một ít hơn mùa hè, vậy mùa đông củnh là lúc nên gắng sức học-hành.

4) *Chuyên tâm đọc sách.* — Một là phải chuyên tâm mà đọc; thực là một điều cương-tĩnh về phép đọc sách, nếu hay theo giữ cho chuyên thì những điều qui-tắc nhỏ đều phải theo cả. Cái phép chuyên đọc thực là một

điều kim-khoa về phép đọc sách; nếu hay giữ qui-tắc cho chuyên cần thì chữa khi nào lại không có số-đắc, vậy phải nên giữ cho chuyên. Song xưa nay hay giữ qui-tắc mà chuyên-tâm đọc sách thì chữa thay được mấy người; vì rằng giữ được phép-tắc mà đọc cho chuyên thì rất là khó, tất phải cố-gắng tri-thủ, theo giữ mãi cho thành thói quen mới được.

Trước đã nói rằng người ta cứ mạn-nhiên bạ sách nào đọc sách ấy thì tha-rãng không đọc còn hơn. Nay nếu có thì-giờ rảnh mà hay chú-ý đọc sách luôn thì ví với những người chỉ đọc bữa lấy cho nhiều sách, vào trong khoảng một tuần hay một tháng, còn được công-hiệu nhiều hơn. Nếu một bài văn-chương hay một quyển sách, mà mình hay chú-ý đọc cho kỹ, thì sau này dầu bỏ sách, cũng hay khai-phát được tri-thức, cái công-hiệu nó còn được nhiều hơn cái người chỉ đọc lảm-nhảm cho nhiều sách. Nếu đọc sách mà không chú-ý cho chuyên, thì không những là vô-ích, mà lại phí mất thì-giờ, nhẹ thì h-thần hão, và hại đến cả tâm-tính phát đạt, thành ra ủy-mĩ lười-biếng, gây nên cái thói quen chỉ học lảm-nhảm vô-ích, chẳng khá sợ lảm ru!

Nay muốn chú-ý đọc cho chuyên để được cái công hiệu lợi-ích cho nhiều, thì phải bỏ cái thói quen đọc lảm-nhảm đi mà đọc cho kỹ, cũng đã nhiều người biết nghĩ mà bảo rằng đương lúc đọc sách phải nên cầm một ngòi bút mà chăm lấy những chỗ cốt-tử cho nhớ. Hoặc kẻ bảo rằng phải nên đọc đi đọc lại cho kỹ. Hoặc kẻ bảo rằng nên đem cái sách đã đọc qua rồi mà giảng bàn với người khác. Lại có kẻ bảo rằng nên phân giải cả những lời trong quyển sách ấy. Những phép ấy là để cho người ta chú-ý mà phấn-khởi tinh-thần. Song nói rút lại thì đọc sách cốt phải biết thú-vị, biết vui sướng, nếu không chú-ý thì cũng không thể nhớ được, mà cũng không có thú-vị khoái-lạc gì cả.

Thế thì đọc sách làm sao cho biết thú-vị? và làm sao cho được vui sướng? Đó thực là một cái vấn-đề cốt yếu trong phép đọc sách sẽ kể ra sau này.

Một là ta muốn cầu học thì phải đọc cái sách kỹ-thuật về một việc gì; muốn cho nó có thú-vị thì phải tự mình ngâm nghĩ; cái sách kỹ-thuật về một việc gì nó hay làm cho ta chú-ý; nếu chỉ đọc sách cho nhiều mà không biết thú-vị, thì cũng không có ích gì về tri-thức. Cho nên muốn có ích về đường tri-thức, thì phải nên đọc cái sách thích-đáng nó mới sinh ra chú ý mà mới có ích vậy. Cái công-hiệu đọc sách không cốt tại tham-da vụ-đắc, mà cốt tự mình tự-ta lấy học-thuật, mà cốt là phải xem lấy những sách quan-bệ về việc đời.

Hai là về phần nhiệm-vụ của mình nó có cái quan-hệ trực-tiếp hay gián-tiếp; đương lúc đọc sách mà mình hay so-sánh bàn-luận về nghiệp-vụ của mình, thấy nó có đôi chút thú-vị thì mới hay có sức chú-ý. Song đọc cái sách không quan-hệ gì đến chức-nghiệp của mình thì không hay sinh ra vui thú; nên phải kén lấy cái sách có quan-hệ đến mình mà đọc, thì mới không sinh ra cái thói cứ đọc bữa đi. Nếu người nào đọc sách mà không hay chú-ý, thì cũng không ích về đường kiến-vấn và cũng không hay khai-phát được tài-ti. Vậy nên đọc sách không cứ nhiều, chỉ cốt đọc lấy những quyển sách có quan-bệ về chức-nghiệp mình.

Ba là phải nên lấy cái mục-dịch xác-thực để mà đọc sách, nếu không có cái mục-dịch xác-đáng mà chỉ đọc bữa đi mỗi không thời thì cũng chẳng có ích gì. Nếu đã định cái mục-dịch xác-đáng mà đọc sách, mà cũng không thấy số-đắc gì mấy, thì mình lại nên tự hỏi mình rằng ta sao đọc quyển sách này? Sao bây giờ ta lại đọc quyển sách này mà chẳng đọc về lúc khác?

Cái câu nghi-vấn ấy mà mình không hay tự giải ra được, thì tất là bỏ quyển sách ấy mà không nhìn đến nữa. Xưa nay những người học-giả hay tự đọc sách mà chán-bat lên được, có phần nhanh hơn là học ở nhà trường, vì rằng cái mục-dịch của mình giảng học đã xác-thực rõ-ràng; chứ như học ở nhà trường thì chỉ theo cái qui-tắc nhà trường, bắt-dắt-dĩ mà phải làm, về cái mục-dịch giảng học không hay xác-định cho chắc-chắn, xem như những nơi thôn quê hẻo-lánh, không được thầy mà học và cũng ít sách hay để xem, thế mà những người hay tự tri-thủ học lấy, chỉ cốt là xác-định lấy mục-dịch cho rõ ràng thì tự-khắc là đọc sách có ích. Vậy những kẻ đọc sách lảm-nhảm thì không hay có ích gì, mà người nào xác-định cái mục-dịch để đọc sách thì có công-hiệu hay cả.

Bốn là phải chọn lấy sách mà đọc cho chuyên chở không nên hay thay đổi, nếu nay đọc sách này mai đọc sách khác, thì không biết thú-vị gì cả. Phỏng như đọc quyển ấy lúc mới thì không thấy khoái-lạc mấy tý, đến sau cố gắng đọc mãi, thì tự-nhiên thấy thú-vị bột-phát, mà sinh ra chú-ý suy-nghĩ.

Năm là đọc sách phải có lần-lượt, phải có qui-trình, phải định hẳn một cái mục-dịch nghiên-cứu về việc gì, tuy rằng mình chuyên đọc một quyển sách ấy, mà có mấy quyển sách khác cũng có quan-hệ về việc ấy thì bất-phương cũng đem ra so-sánh xem sao. Nếu muốn nghiên-cứu về nhiều việc thì cũng phải lần lượt việc này đến việc khác, chứ không nên làm mất cả thứ tự nghiên-cứu, việc kia đã xong rồi, mới xét đến việc khác; chứ nếu nghiên-cứu nhiều sách một lúc, chọt lại lạp-nhạp đọc những sách khác, thì rồi nó sinh ra cái tệ tán-mạn không hay chú-ý.

Sáu là đương lúc đọc sách cứ theo thế mà làm, cốt làm sao cho được lợi-ích mở-mang tri-thức, càng phải chú-ý mà đọc cho chuyên, thì mới được công-hiệu lớn-lao vậy.

Trên này là báo người ta đọc sách cốt phải biết thú vị, biết khoái-lạc rồi tự-nhiên nó hay chú-ý mà đọc cho chuyên, kẻ học-giả phải nên theo giữ lấy qui-tắc ấy thì chắc là có công-hiệu.

V) *Phải nên tuyển lấy sách nhất-định mà đọc.* — Phép đọc sách thì phải tuyển nhất định lấy những bộ sách nào mà đọc cho chuyên, thực là một điều cốt-yếu. Song những người học-sinh ngày nay không hay theo phép ấy thì đọc sách sao cho có ích được. Nếu tuyển lấy bộ sách nhất-định mà đọc mà không hay đọc kỹ, lại muốn phiến-dịch cả mấy bộ sách khác, thì tri-thức sao hay kiêm-thông được, thế là chỉ làm lạp-nhạp chứ không hay thích-dụng, mà chỉ học tư-tưởng hão mà thôi. Nay nếu muốn theo về một khoa học-thuật nào thì phải kén chọn lấy sách mà đọc cho chuyên cho hiểu thấu hết cả từ đầu đến cuối, tóm hết được cả đại-ý trong sách thì mới hay thông-hiểu được. Những sách nói về các khoa-học cũng nhiều sách tốt, nhưng không nên chỉ đọc thiệp-liệp qua rồi lại bỏ đấy; đương lúc chữa hiểu rõ cái đại-ý về khoa-học ấy, mà lại xem nhàm ra mấy quyển sách, thì chỉ làm rối loạn mất cái sức chú-ý, sao hay tư-tưởng được minh-xác. Vậy muốn chữa cái tệ ấy thì phải chọn nhất-định lấy sách mà đọc chứ không nên đọc nhàm. Phạm những điều tri-thức có ích đều rõ ràng xác-thực cả, mà đều có thống-hệ liên-kết với nhau cả, muốn cho có tri-thức thì cốt phải thâm-định lấy sách mà đọc cho chuyên; nếu cứ đọc lạp-nhạp cả, thì số-đắc về phần tri-thức cũng đều thác lạp mênh-mang, chỉ ly liệt-diệt, không hay đem ra hoạt-dụng được.

Tri-thức những kẻ học-giả đời nay số-dĩ đến nổi thác-tạp mênh-mông, la bởi tại không biết cách đọc sách. Nay muốn chữa cái tệ ấy để mong đọc sách cho có công-hiệu, ngoài cái cách tuyền-định lấy sách mà đọc cho chuyên, thì không còn phép gì hơn nữa.

Những phép đọc sách như trên kia ai cũng cho làm phải, nhưng không mấy người hay giữ theo được. Có người lại ch-ương muốn học cho rộng, muốn xem cho thực nhiều sách, nhưng cũng phải chuyên-công mà xem lấy cái sách mình số-thích, xem đi xem lại cho kỹ, thì mới không uế cái tệ đọc nhảm-nhi vậy.

Cùng là sách cả, song những sách về khoa-học thì cái thể-tài nó cứ theo thứ-tự mà luận-thuật, không khác nhau mấy, giá đồng-thời cùng đọc mấy quyển cũng không tệ hại mấy. Còn như những sách thuộc về chính-trị, pháp-luật, kinh-lễ, văn-học, thì nó phần-tập không có thống-hệ gì cả, cái thể-tài luận-thuyết đều do cái ý-kiến của tác-giả mỗi người một khác; nếu mà đồng-thời phiên-dịch thì nó hay khiến cái tâm người ta sinh ra thác-tạp, mê-mẩn bàng-hoàng ở trong đám mây mù. Vậy muốn nghề học cho hoàn-toàn mà lại chóng thành-công, thì phải theo một cái khóa-trình nhất-định, luyện tập đọc một bộ sách nhất-định, chuyên công giảng đọc, đừng dễ lảng mất cái sức chú ý, cứ theo một mục-dịch mà học cho chuyên đó thực là cái bí-quyết học cho tốc-thành và hoàn-toàn vậy.

Không cứ là học về khoa nào đều phải theo cái qui-tắc ấy mà học mới được, nếu theo cái phép học ấy mà trí-thức lại không được tinh-xác thì chữa có thể bao giờ. Học về cái khoa-học mà không định chuyên học về sách nào

thì tệ-hại còn vừa. Chứ nếu muốn học về các môn học khác thì phải theo cái qui-tắc ấy mà học cho chuyên mới được. Đến như tiêu-thuyết văn thơ cũng phải tuyền lấy sách nhất-định mà xem, theo thứ-tự mà lần-lượt kiểm- duyệt thì mới có ích, không thể thi số-đắc cũng sai-lầm. Vậy cái cách tuyền lấy sách nhất-định mà chuyên-tu, thực là thích hợp lắm.

Xưa kia những người học-thức cũng chưa thấy ai xướng lên cái cách chuyên đọc. Có người bảo đọc sách cứ tùy-tình lúc tùy ý mà xem, nhưng đó là nói về cái người đã học giỏi rồi, chứ không phải là người sơ-học đã hay như thế được. Lại còn những người danh-sĩ thích muốn xem rộng nghe nhiều, thường bảo rằng đọc được nhiều sách là có lợi. Tuy vậy, đọc sách mà không theo thứ-tự, lại không qui-tắc, thì đọc nhiều có ích gì. Nếu hay theo qui-tắc mà đọc nhiều thì mới có lợi nhiều, nên chẳng có phép-tắc gì mà đọc nhiều, thì không những là vô-ích mà lại có hại.

Trên này nói về cái cách tuyền sách mà học cho chuyên đã dần rồi. Song suy cho cùng ra, cứ chuyên công vào một quyển sách mà chẳng nhìn đến sách khác thì cũng không nên. Từ xưa đến nay sách vở cũng ít được quyền sách hoàn-toàn, nếu cứ câu-nệ mà đọc mãi một quyển, không khỏi là sai-lầm hoặc lưu về thiên-kiến. Bởi vậy đã đọc kỹ một quyển rồi, lại lựa xem những quyển sách nào cũng về một hạng mà hay, cũng nên xem thêm cho rộng, lấy cái trí-tuệ mình số-đắc mà nghiền ngẫm so sánh, để cùng phát-minh thêm ra, thì lại càng được ích lợi lắm.

(Còn nữa)

N. H. T. dịch

QUẦN-PHƯƠNG NÔNG-TUẾ KHẢO

羣芳農歲攷

Qua xứ Bắc-kỳ, buông con mắt vào thành-phố Nam-định, nhà cửa chen-chức, xe ngựa ồn-ào, diêm-xuyết ra được nhiều vẻ phồn-hoa náo-nhiệt tự-nhiên, có lẽ vị sơn-thần ở Gôi-sơn, vị thủy-tinh ở Vị-hoàng, lặng cho ta một bức ảnh ly-kỳ, không những tay vẽ kiệt-tác mà nước thuốc đậm-dà xinh-xắn, hùng-hồn hoạt-bát, đẹp-đẽ biết là đường nào!

Du-khách đã hưởng cái phong-thú ở đó ít lâu, đã hiểu cái tập-tục ở đó ít nhiều, chắc phải tò-chức một vài vấn-đề, cũng như bài học vấn-đáp nhà trường, hỏi về sự tiến-bộ tứ-dân, xứ đó chậm-chóng thế nào? công-phu thế nào? hiệu-nghiệm thế nào? Trả lời kỳ phải một nhà có học-thức, có lịch-duyệt mới thông-đạt được từng-đầu triệt-vĩ. Như hỏi về sĩ-giới, thì tất làng Hành-thiện bước một nước cấp-tốc hơn cả. Hỏi về thương-giới thì tất làng Cổ-bản không đâu là chẳng có nước chân. Công-giới thì làng Vũ-lao có nhiều thợ nề, làng Văn-tràng có nhiều thợ rèn, thợ đóng cối ở Đồng-quĩ, thợ dệt vó ở Hạ - đồng, làm muối ở Văn-lý, ở Quất-lâm, đan chiếu ở Nam-lạng, ở Lạc-quần. Còn như hỏi đến nông-giới thì ruộng-nương các làng duyên-hải, nơi tân-diền nơi cổ-nhương, bát-ngát mênh-mông, khó đem nhân-giới mà định hẳn được Giáp kia Ất nọ, đây là A mà đây là B.

Song phải biết, xem đời phải xem về bề tinh thần, chứ bề vật-chất là bề ngoài, cũng có nơi ruộng đất nhiều mà lúa mạ chịu xấu, cũng có nơi cấy có mùa tháng năm, còn mùa tháng mười phỏ mặc ngọn nước thiên-vũ nó khi

trong khi đục, khi can khi đầy, hoặc lại phỏ mặc ngọn nước hải-thần nó khi mặn khi nhạt, khi xuống khi lên. Tránh ngoài cái sản trường kịch-liệt đó, duy có xã Quần-phương về huyện Hải-hậu, trung-bình bằng chắc, hưởng được hạnh-phúc cả thiên-thời địa-lợi và nhân-hòa, đúc thành một bầu cảnh-sắc tuyệt lạ.

Quần-phương là một cái tên chung cả bốn xã : Quần-phương-thượng, Quần-phương-hạ, Quần-phương-trung và Quần-phương-đông. Nguyên trước chung là một xã Quần-anh, có bốn họ Trần, Vũ, Hoàng, Phạm ở làng Trương-đông, thừa mệnh triều-đình mộ dân xuống khẩn-diền lập-ấp. Triều Lê năm Hồng-thuận tam-niên, đối chiếu lịch Tây năm 1512, là năm đầu kỷ-nguyên xã Quần-phương.

Địa-phận xã trên dưới một vạn mẫu, trừ ra nơi hương-hóa các thần từ phát-tự là công-diền công thổ, còn thì nhất giai tư-diền tư-thổ, bờ xôi ruộng mật, đôi sâu đôi nông, một năm cấy cả hai mùa, tháng đại-hạn nhờ có thủy-trào từ con sông Múc con sông Trẹ, nhuận-trạch vào trời dội vào, tháng hồng-thủy nhờ có cống có cừ, làm một viện trang-sur đặc-biệt, vì dân chống chỏi với thiên-tai. Ấy chính nhờ về những sự may - mắn lạ - đường đó, nông-nghiệp ngày một phát-đạt một tấn-ích một phú-túc. Cái vũ-dài thóc gạo kia đã sản-xuất biết bao là tài-tử giai-nhân, vũ-lược văn-mưu, hô-hấp lấy phong-trào duy-tân, sánh cùng nhân-vật ba kỳ phi-dương trên thềm thế-giới văn-minh.

Tiền đây kể qua công-việc mười hai tháng trong một năm về nông-giới Quân-phương, và phụ thêm tiết-hậu của lịch-gia như sau. Nghĩa là tiết-hậu chính là phương-châm cho nông-gia, mà nông-gia chính là đại-bản cho thiên-hạ.

Tháng giêng

正月

Tháng giêng là tháng kiến-dần 寅 thuộc quẻ Địa-thiên-thái 地天泰 đầu mùa xuân, nên gọi là mạnh-xuân 孟春, trùng về luật Thái-thốc 太簇, đầu tháng tiết lập-xuân 立春, cuối tháng tiết vũ-thủy 雨水.

Tháng này là tháng tết, ngày mồng một, mồng hai, mồng ba, đốt pháo rên trời, kéo nêu rọp đất, ngoài ra những ngày lễ bài tổ-tiên, tết nhất cha mẹ thầy bà, nào là đồng tiền khi sắp khi ngửa, nào là cuộc rượy ngà-ngà, cung đàn réo-rắt, là bài nọ nước cờ kia, thời thi đủ ngón phong-lưu lịch-sự.

Ngày 15 là tuần thượng-nguyên 上元, trong ngoài ba ngày chính-đốn xôi lợn vàng nển, đầu đầy đều tới từ-đường làm lễ xuân-tế, gọi là kỳ tổ, gần xa nô-nức yển-anh, trước vì thần thánh tiên nhân, vì cổ-tục xưa nay, sau vì anh em họ-đương, kẻ làng người nước, có ảnh-hưởng với gia-đình, có ảnh-hưởng với phong-hóa hiện-thời.

Đệ-niên lại cứ ngày 22, là ngày chùa Phúc-lâm nhưng-tinh 禳星 (lễ sao giải hạn) nam La-hầu nữ Kế-dô 男羅喉女計都 là vị sao hung-tinh giáng-hạ, chiều theo niên-canh ai phải cái độc ấy chiếu vào, dốc lòng thành-kính, hôm đó tới chùa tụng kinh niệm Phật, dâng một tuần cúng "giải sao", một thẻ tâm-hương thâu đến cửu-trùng-thiên, tự-khắc được vô-tai thoát-nạn, phúc đặng hà-sa. Thế mới biết có câu có ứng, có cảm có thông, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm, đông-phương

cũng như tây-phương, âm-giới cũng như dương-giới vậy.

Tuần kia tiết nọ đã xong, thiề-quang chín chục, thắm-thoát đã ngoài hai-mươi ba-mươi, gió dòng phây-phây, bóng nhật dịu-dàng, trên cảnh đảo đã trang-điểm một vài bông hoa, hồng-hồng tử-tử, nùng-nùng đậm-đậm, hệt như vẽ ra nhan-diện một cô thiếu-nữ má phấn môi son, da ngà tóc phượng, lại lẫn có mấy tiếng chim hoàng-oanh riu-ra riu-rit, con lớn bay mà con bé đỗ, con đực xướng mà con cái họa. Đó là cảnh gì? là cảnh Đông-lai Phương-trượng ở cõi hồng-trần. Đó là tiếng gì? là tiếng chuông đánh thức bọn thiếu-niên phải đi học, bọn phụ-nữ phải dệt củi chần tằm, bọn nông-dân phải thăm ruộng mà chữa lúa vật cỏ.

Tháng hai

二月

Tháng hai là tháng kiến-mão 卯 thuộc quẻ Lôi-thiên-đại-tráng 雷天大壯, giữa mùa xuân nên gọi là trọng-xuân 仲春, trùng về luật Giáp-chung 夾鍾, đầu tháng tiết kinh-trập 驚蟄, cuối tháng tiết xuân-phân 春分.

Tháng này ruộng nương cần phải làm cỏ, nhất là giống cỏ rong cỏ đất khô chết hơn cả, nếu lỡ tay vương sót lại một vài nhè, nó tái-sinh ngay, cách một đêm một ngày lại xanh tốt như cũ. Mới biết câu cổ-nhân nói: "Nhỏ cỏ phải nhổ cả gốc 拔草則拔深根" là một đơn thuốc gia-truyền đã từng kinh-nghiệm. Muốn diệt hết cỏ sẽ thi-hành phương-pháp nọ? Tôi thôn Hữu-sản thương-thuyết cùng ông Y-Doãn hay sao? Tôi xóm Lịch-sơn chất-vấn cùng chùa Hữu-ngu hay sao? Hay cũng thế chủ-nghĩa tự-do khiến cỏ được sinh-trưởng man-diên, rồi sẽ học làm Tống-nhân mà trợ-trưởng cho lúa hay sao? Tóm lại sinh-sát tuy là quyền ở

trời đất, song người ta cũng có chốn được tham-dự, nước ta từ đời Hùng-vương dạy dân canh-giá đến nay, các nhà làm ruộng đã có thành-pháp, cỏ rong cỏ dất đã chế chiếc « kỳ » để trị. Kỳ, cán bằng tre dài 6,7 thước An-Nam, bản bằng gỗ dài 5 tấc, rộng 1 tấc 5 phân, dưới cắm một hàng tám chiếc răng sắt, giống như chiếc lược thưa hình bán-nguyệt, muốn trăn-trọng mà có giá-trị thì tặng cho cái tên là « Bát-xỉ tiên-sinh 八齒先生 », ruộng nào lấm cỏ, thỉnh tiên-sinh thân-hành ra diễn-thuyết một đôi lần, nước cuộn bùn tan, không những cỏ phải úy-tử, các giống cua cây cũng côi áo giáp, bỏ kiếm - kích mà chạy lấy phần hồn, nghĩa là bọn « Vô-tràng công-tử 無腸公子 » xuất ở sách *Bão-phác-tử*) chạy không kịp mà chết bỏ mai bỏ gong lại.

Gặp trời tạnh nắng, bớt chút thì-giờ làm việc ngoài đồng, ai nấy đều về sửa vườn-tục trồng các hoa-màu, như là trồng khoai trồng sắn, trồng đậu trồng cà, trồng ngô trồng dưa, v.v..

Ngày thượng-đỉnh 上丁 hàng tổng tế đức Văn - Tuyên - vương 文宣王 (năm Minh Gia-tĩnh cải xưng là Chí-thánh tiên-sư), gọi là việc tổng-thần 總紳. Ngày trung-đỉnh 中丁 hoặc hạ-đỉnh 下丁 mới đến các xã tiếp-tục tế, gọi là việc tư-văn 斯文. Ngày mậu 戊 các ông vũ-chức tế đức Vũ-Thành-vương 武成王 (ông Lữ Vọng triều Đường Túc-tôn dựng miếu thờ, truy-tôn là Vũ-Thành-vương), gọi là việc xã-bình. Ấy hai việc tế văn-đỉnh và vũ-mậu, chính là bảo-tồn quốc-túy bá-dẫn hoa-phong, mà kỷ-niệm hai ông tổ văn-minh trong hai-mươi thế-kỷ nay ở Á-đông ta.

Tháng ba

三月

Tháng ba là tháng kiến-thin 辰 thuộc quẻ *Trạch-thiên-quái* 澤天夫, cuối

mùa xuân nên gọi là quý-xuân 季春, trùng về luật Cô-tiểu 姑洗, đầu tháng tiết thanh-minh 清明, cuối tháng tiết cốc-vũ 穀雨.

Bát-xỉ tiên-sinh đối với tháng này vẫn còn nông-nàn đặc-chí, sáng nhảy lên vai nông-dân đi, tối ngồi trên vai nông-dân về, ai cũng một lòng kính-phục, mặc sức cho tiên-sinh tung-hoành, dẫu dãi nắng dầm mưa, vai mòn tay dạn, vẫn điềm-nhiên như khờ như dại như không biết, hết thấy không ngó lời oán-thán chi cả. Mặt trời mọc dậy đi làm, mặt trời lặn nghỉ trở về, tri-thức thanh-thiển, không phạm đến pháp-luật nhà vua, chẳng khác gì dân khang-cù đời Đào-Đường.

Đồng-dân ai cũng say về địa-lý, mồ-mả kỳ kiêu đất phải kiếm đủ tay hồ tay long, con kim con mộc, vì thế phong-phần linh-linh cả ruộng, không dùng nghĩa-trúng nghĩa-địa như dân mạn ngược.

Trong tiết thanh-minh hiếu-tử nghĩa-tôn từng đàn từng lũ kéo nhau ra đồng móc đất đắp mộ, rửa bi-chi, ngắm sơn-thủy, mũ hia ngựa giấy, giã ơn chư-vị thần-linh. Cái cảm-tưởng xuất ư lương-tâm nó biểu-lộ ra ngoài thái-trạng, ấy-này được, hôn-hở được, mùa được hát được, phỏng-sử linh-hồn cổ-nhân vẫn còn phảng-phất ở dưới suối vàng, đoái trông phù-thế, âu cũng khúc-khích ngâm cười.

Trước sau thanh-minh ba ngày, muốn nghìn khí-tượng, đổi một ngày thưng, trời thì khi mưa khi tạnh, không rét không bức, dất thì mờ-mả thanh-kỳ, đường-sá khang-trang; còn về phần người liêm-diêm ung-dung hơn cả, thường-thường ngọn gió đông-phong kắt-hiu tự chốn cò-thôn xa xa thổi về, như chạm vào óc, như giót vào tai, lồm-bồm nghe được câu hát pha giọng sa-mạc rằng:

..... trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo-mộ gọi là đạp-thanh.

Vừa nghe đến đây, gió đánh mạnh quá, tán-lạc hết cả nhĩ-quan, ngạc-nhiên không hiểu câu ấy sở-xuất sách nào, người hát là ai? Chợt thấy một đàn năm sáu con chim thước con chim lỏ, giương cánh giơ chân tránh người chạy đổ vào ngay ngôi mộ thấp đệt nhất. Nhân cảnh trước mắt, sực nhớ ngay câu :

Sẻ-sẻ nắm đất bên đường, . .

Và câu :

Thoi vàng bỏ rắc, than tiền giấy bay.

Mới biết người hát mới rồi là kẻ đồng-chí với mình, câu hát mới rồi là câu hát lầy trong truyện Kim-Vân-Kiều, mà trên đầu câu ấy còn thiếu hai tiếng là " thanh-minh " .

Ba năm một lần cứ trung-tuần tháng này lấy tiền công-dân bỏ tiền điền-mẫu, mở một trường hát chầu đưc Tống-hậu, khi tại từ khi tại đình, dài vắn trong mười đêm ngày, phi-tồn có tới hàng nghìn, lâu nay xã-hội cải-lương, tục đó đã giảm. Tế-văn như sau :

Tối thứ nhất

至	哉	莫	烈	日	月	齊	光
皇	宋	明	燄	爛	分	未	央
靈	聲	赫	濯	祀	典	規	煌
陰	騰	下	民	既	阜	旣	康
吉	獨	有	穰	春	祈	是	將
海	門	桂	棟	瞻	望	悠	長
滄	江	槐	市	斯	播	椒	堂
雲	旗	花	導	佳	期	夕	瓊
陳	以	花	酌	奠	以	瓊	浩
安	歌	燧	節	錫	瑟	浩	穰
神	之	燧	之	錫	福	穰	無
孔	辰	孔	頌	對	對	忘	

Dịch nôm

Nghìn thu anh-liệt, nhật-nguyệt cùng soi;
Đức nhà Đại-Tống, đầy-dẫy một trời;
Linh-thanh rờ-rờ, ăn-điền bồi-bồi;
Vi dân âm-chất, ân-phú hần-hoi;
Nhân gặp ngày tốt, tế xuân gặp hội;
Hải-môn cung quế, dâng-dặc xa coi;

Thương-giang chợ hòe, tiêu-đường là
Cờ như mây kéo, đêm tối thanh-thoi;
Hoa-chước rót rượu, quỳnh-tương
dâng lại;
Vui bề ca-tụng, kèn quyền thay lời;
Thần vậy ứng-giám, giáng phúc cho đời;
Rất thịnh rất lớn, đối-việt không thời.

Tối thứ hai

禮	有	春	祈	匪	日	敢	濱
音	以	荃	壇	遠	茲	星	燭
歌	管	再	陳	春	之	度	曲
格	思	無	遐	錫		景	燭

Lễ có liệt xuân, vì đầu dâm mạn;
Nhà là cao rào, đuốc sao lân-mãn;
Kèn-quyền lại bày, xênh-xang gió mát,
Thần-giáng không xa, phúc cho nghìn vạn.

Tối thứ ba

昭	昭	有	融	來	兮	如	雲
瓊	卮	三	獻	瑤	席	三	陳
歌	以	妥	侑	惠	此	蒸	民

Rờ-rờ đức tốt, lại như mây vần;
Rượu dâng ba lớp, tiệc mở ba tuần;
Hát cho yên-ổn, a-hộ muôn dân.

Tối thứ tư

惟	神	洋	洋	弗	可	射	思
功	參	四	序	德	配	二	儀
昭	事	款	止	春	席	四	之
載	歌	載	舞	以	祈	純	禱

Thần ngài dương-dương, chẳng hề chán-nản;
Bốn mùa là công, hai nghi là bạn;
Việc tế kinh-thành, bốn đêm xướng-hát;
Nào mùa nào reo, cầu cho khang-cát.

Tối thứ năm

至	哉	坤	德	陰	隴	下	民
多	受	福	祉	共	圍	長	春
几	筵	較	設	歌	管	五	揚
神	之	聽	之	錫	福	穰	穰

Lạ thay đức mẹ, âm-chất cho dân;
Dồi-dào phúc-chỉ, ai cũng trường-xuân;

Bàn ghế đã chỉnh, hát-xướng năm tuần;
Thần vậy nghe vậy, giáng-phúc như vần.

Tối thứ sáu

惟 瓊 恭 尚	宮 筵 陳 其	峻 六 輜 昭	倫 設 禮 格	藻 銅 合 永	駕 漏 奏 揚	來 方 諧 和	寧 清 聲 平
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Cung tiền tĩnh-mịch, khiếu thánh yên-lành;

Tiệt quỳnh sáu thứ, khắc lậu năm canh;
Lễ bái mọn mọn, nhạc hát thanh-thanh;
Ngõ hầu cảm-cách, cho được hòa-bình.

Tối thứ bảy

神 風 蔚 蔚 以 俾 俾 祀	之 夜 協 靈 燄 靈 寧	格 溫 羣 既 以 而 益	思 恭 心 升 歌 昌 康 虔	洋 彌 頌 笙 以 惟 惟 受	洋 深 宸 歌 格 神 斯	在 仰 七 載 以 默 靈 脢	上 望 唱 響 享 相 睨 饗
--------------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Thần ngài cảm-cách, dương-dương khôn dò;

Ngày đêm kính-cần, mong-mỏi càng lo;
Chúng tôi hiệp-lực, xin hát bảy tua;
Rượu men đã đặt, chiêm trống đã khua;
Múa di hát lại, nay được âm-phù;
Nào xướng nào xi, thần ngài ban cho;
Nào khưng nào thọ, nhờ thần không lo;
Tiết tế rất chỉnh, chịu phúc thơm tho.

Tối thứ tám

(Vũ-ban phụ-tế)

至 靈 矧 在 韶 藻 揚 敬 昭 式	哉 覲 茲 歸 且 駕 靈 陳 昭 克	坤 所 有 中 闕 光 罔 輜 未 歆	元 加 崇 吉 祥 臨 極 禮 典 馨	舍 地 武 默 太 宣 奏 敢 皇 景	弘 匪 服 相 和 遊 假 告 皇 福	光 不 是 神 吹 下 無 至 騰 脢	大 載 供 功 累 濟 尊 隆 饗
--	--	--	--	--	--	--	---

Đạo mẹ to sao l hàm-hoàng rộng-rãi;
Linh-hưởng đã cho, không đâu không trái;

Hương-chi lữ tới, tang-bồng tại ngoại;
Ngang dọc trong quán, nhờ thần mãi mãi;
Ba tháng thiêu-quang, bốn mùa hòa-thái;
Thánh giá song song, du-lung đã dãi;
Linh ứng vô cùng, tâu cách tự tại;
Lễ bực chỉnh-tề, kính dâng sợ hãi;
Thăm-thẳm trời cao, tung-bồng đi lại;
Chấn được phúc lành, hình-hương thừa-thái.

Tối thứ chín

(Các viên Bá-hộ phụ-tế)

至 品 遊 無 靈 皆 神 一 樂 伏 好 入	哉 物 示 荒 光 吳 明 筵 竟 望 德 至	坤 咸 度 陟 交 宰 之 春 舞 密 皆 仁	德 章 歌 降 相 之 德 宵 聲 此 日 之	厚 鸞 筵 皇 告 仁 是 刻 敵 微 富 普	載 鷁 九 皇 救 絲 用 值 玉 誠 以 施	無 光 唱 昭 光 粒 俯 金 願 賜 凝	疆 臨 周 依 華 皇 彈 普 將 之 祥	揚 夏 時 翼 帝 恩 下 暢 好 福 胞	和 謠 之 翼 旦 默 伺 禮 社 典	布 之 好 邇 資 相 敬 入 之 壽 皆	澤 一 樂 奉 生 仰 祭 之 虔 康 春
--	--	--	--	--	--	---	---	---	--	---	---

Lạ thay đức mẹ! che chở vô-cùng;
Dương hòa ấm-áp, phẩm-vật trùng-trùng;
Xa-dá xênh-xang, người Hạ bảo vua chơi có độ,
Sinh-ca rầm-rĩ, dân Châu khen chúa hát không ngừng;
Đề-huê lên xuống, nhân-nhã xa trông;
Được gần trong-náu, cùng cáo sắc rồng;
Đế-dân tỏ bày, năm tháng nhờ nhân chúa lễ,
Hoàng-ơn thí-chút, ngày đêm đội đức Thần-thông;

Vậy nay :

Lòng thành đã định, lễ bái thung-dung;
Đêm xuân khắc dất quà vàng, đồng-nhân vui-thú,
Khúc nhạc tiếng kêu như ngọc, hiếu-đức la-lùng;

Thụp lạy:

Lượng trên soi tới, ủng-hộ đều chung;
Trăm tuổi thọ-khang, phủ nguyện gồm năm cái phúc,

Muôn loài bào dũ, cảm ơn tạc một chữ đồng.

Tối thứ mười

神威以瓊羣神	之儀歌后生之	錫載以十仰聽	福舉舞獻望之	澤鸞鼓對三仰	普駕瑟越載惟	羣光鼓彌于降	心臨琴深今歆
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------

Thần-linh giáng phúc, dân thỏa lòng vâng ;

Uy-nghi bày-dặt, xa-giá nghênh-ngang;

Ca-vũ đủ điệu, cảm-sát nên xoang ;

Rượu quỳnh mười chén, đối-viết lại càng ;

Mọi người mong-mỏi, ba năm mà sang ;

Thần vậy nghe vậy, hâm-hưởng cho làng.

Trở lên là văn tế hát tại đình, không phải tại từ. Trương hát này phải phụng-ngheh thánh-giá ra nhà tế, đợi khi hát xong mới phụng-ngheh thánh-giá về an-vị như cũ. Tạ-văn như sau :

春江歌神節惟雲願	日間筵之以神宮車邀	遲月秩吊制靈稷迴多	遲霽秩矣度覲稷指福	孔草對命俾弗陟淑其	和際越日樂愆降吹昌	孔風皇無而弗未載其	陽光阜荒康忘央揚長
----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Châm-châm ngày xuân, ấm-áp bội phần;

Trưng in bề quẻ, gió cuốn dậm phần ;

Ca diên lớp lớp, đối viết lần lần ;

Thần vậy giáng vậy, bảo không lân-khân ;

Hạn cho chế-dó, mạnh-khỏe đồng-dân ;

Ôi đã cho phúc, không hạn không ngần ;

Cung tiên thăm-thăm, lên xuống trời gần ;

Song-song hồi-giá, văng-vẳng thiều-quán ;

Cầu lấy hạnh-phúc, xuong trường vân-vân.

Trừ ngoài những năm nào trương hát châu đức Tống-hậu, năm nào cũng

vọng-lẽ đức Liễu-Hạnh công-chúa. 柳杏公主 淸-phương-hạ 淸-phương-phương-trung thì tiểu-tế ; còn 淸-phương-phương - Thượng và 淸-phương-dông thì đại-tế, vào ngày 13 ra ngày 18, những phái đồng có cốt cẩu, các tỉnh tứ-xứ đổ về, bâng-khuâng đình Giáp non Thần, mơ-màng hoảng-hốt, còn ngờ cái thân con Hồng cháu Lạc nhà mình như còn trần-trọc mài-miệt ở trong giấc mộng.

Năm âm-niên phiến tế về 淸-phương-dông, năm dương-niên phiến tế về 淸-phương-thượng. Tế-văn như sau :

Tối thứ nhất

玉敕村仰孚功簡恭錫	陸降不荷於德編陟之	趨欽洸皇靈昭歷禮玄	陪承於恩跡昭歷新殿	蓬帝塵大保福茲尙	宮命踰同民善適鑿	屬雲詔匡謬禍春丹	籍葛願有慶淫天誠
-----------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	----------	----------

Xu-bồi bệ ngọc, ứng-đối cung sáu ;

Sắc chịn nhà trời, thôn Vân-cát bụi nào đen kit,

Chiếu vâng cửa chúa, phổ Đại-dồng miếu nọ trắng phau ;

Bảo nước hộ dân, lòng bìa ca tụng ;

Họa âm phúc thiện, dấu bút Xuân-thâu ;

Nay gặp ngày tốt, kính dặt trầu cau ;

Ngửa mong soi xét, cho được sang giàu.

Tối thứ hai

靈大遠春神	聲同茲祈之	赫顯是有聽	濯蹟燭稷之	祀雲歌昭錫	典葛管望福	焜燿載悠無	煌光張長顯
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

Tiếng thơn hách-dịch, lễ cúng tiên-nghiên ;

Đại-dồng xóm thánh, Vân-cát làng tiên ;

Sao sa về đức, gió thổi tiếng huyền ;

Tiết xuân là tốt, mong mỗi chửa yên ;

Thần vậy dáng vậy, cho phúc liền liền.

Tối thứ ba

崑 崑 春 瓊 惟	山 車 祈 卮 神	靈 陟 有 三 默	跡 降 恪 獻 相	雲 匪 昭 歌 福	葛 地 兮 箕 澤	神 靈 有 諸 無	蹤 通 融 同 窮
-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Non Gôi in ngọc, thôn Cát gieo châu ;
Xe loan lên xuống lừng-lẫy địa-cầu ;
Lễ xuân trai-khiết, sáng-sủa lâu lâu ;
Ba tuần rượu Địch, một khúc đàn Tâu ;
Nhờ thần mặc tướng, phúc-trạch dài lâu.

Tối thứ tư

洋 昭 載	洋 車 歌	在 敬 載	上 止 舞	弗 春 祈	可 席 以	射 以 純	思 之 禱
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

Dương-dương ở trên, chẳng gì chán
vậy ;
Việc tế kính-thành, đã bốn tuần đầy ;
Múa hát bày vui, cầu phúc đầy-dầy ;

Tối thứ năm

至 多 春 仰 四	哉 受 風 祈 民	坤 福 度 降 安	德 祉 曲 格 樂	陰 共 歌 眷 白	隴 圍 席 佑 福	下 長 重 駢	民 春 陳 仲 臻
-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------	-----------------------

Bức-trạch mẹ rộng, âm-chất dân nhiều ;
Vo tròn quả phúc, mở rộng cảnh thiền ;
Một bàn gió quạt, năm tối hát theo ;
Ngựa cầu giám-cách, quyển-hiệu mọi
điều ;
Bốn dân yên-đàn, trăm vẻ mi-miền.

Kính tạ-văn

神 陳 安 昭 鑒	之 以 歌 事 臨	吊 花 緩 敬 不	矣 酌 節 止 遠	春 奠 竿 敢 錫	祈 以 瑟 告 福	是 瓊 悠 收 穰	將 漿 揚 場 穰
-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Thần đã ứng vậy, lễ xuân ta dâng ;
Rượu hoa rót-rót, chén ngọc nâng-nâng ;
Quyển kêu thánh-thót, đàn gảy bâng-
khuông ;
Chi-thành lễ-bái, nay đã xong khàng ;
Giám-lâm gàn-gũi, phúc tới bằng bằng.

Tháng tư

四月

Tháng tư là tháng kiến-tị 巳 thuộc
quẻ Kiền 乾, đầu mùa hạ nên gọi là
mạnh-hạ 孟夏, trùng về luật Trọng-
lữ 仲呂, đầu tháng tiết lập-hạ 立夏,
cuối tháng tiết tiểu-mãn 小滿.

Từ lập-hạ mà đi hay có cơn gió ngát-
tây (tây-nam), đưa nhiệt-khi ở Hỏa-
diệm-sơn về, nóng-nảy nẫu-nực, gia-
dĩ xuân-hạ tương-giao, khí trời quai-
hòa; những người vô-học không biết
vệ-sinh, ăn liều ngô-khoai dưa đậu
quá-độ, buồng máy tiêu-hóa làm việc
không kịp, lưu-trữ lại thành ra không
khỏe, mời dựng ra khoa cúng kỳ-yên.

Đầu tháng làm ruộng mạ cho kỹ-
càng chỉnh-đốn, có trâu bừa trâu,
không trâu bừa người. Mồng 6 mồng 7
nót mạ, nghĩa là bỏ thóc vào xọt ngâm
xuống nước, ban ngày ngâm, ban
đêm vớt bỏ lên cạn, như thế độ 6, 7,
đêm ngày, gọi là 6, 7 góc. Mạ nứt
mộng đã đều, ngày 12, 13 đem ra ruộng
gieo, trong khoảng năm tiếng đồng-hồ
là mạ đã ngời vững. Nhất là ngày gieo
mạ, nông-gia cho là có quan-hệ với
cuộc tương-lai, lỡ khi đương gieo
gặp trời mưa to, đất bùn lật lên, mạ
tấp mất mộng, hoặc lại gặp nắng quá,
mộng rề lại khô-héo lại. Muốn ăn hết
phải đào giun, muốn có thóc phải rơm
mạ, nhược bằng ông tạo-vật độc-ác da-
đoan, bày ra mưa nắng bất-thường,
không phải nhà thiên-văn, không phải
nhà cách-vật, cái chữ «ngờ» con con
kia ai đã học tới. Vậy muốn thoát
được mọi sự khó-khăn, không gì bằng
chờ đợi ít lâu, cuối tháng này hoặc đầu
tháng sau, từ sao Mang-chúng là sao
Tua (sao mạ) đã mọc mà đi, bấy giờ
sẽ gieo mạ là hơn. Đã có câu hát :

Bao giờ Mang-hiện tới ngày,
Cày bừa cho chín mạ này đem gieo.

何 載	日 耘	及 載	時 耕	芒 言	現 播	流 其	光 秧
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------

Thượng-tuần chừng mồng 7 mồng 8 kê hạ-nông cơm nắm cơm gói, bó liềm hái, buộc quần áo, trảy lên mạn ngược gặt khoán, như là vào Đồng-cả, Hang-nước miền Hòa-bình. Đục-kê, Yên-vĩ miền Hà-đông.

Tháng này hàn-thử-biểu tiến lên cực độ, ông thần Uân-long lưn-độc cho lúa má thường héo-hon lại, sâu cuốn cả lá, gặm cả búp, nhân lại tìm thầy phù-thủy làm lễ hoàng-trùng, chú vãi lá bùa, ném vãi con quyết, phát-phơ lại cắm mấy cây cờ giấy ra bốn khốe ruộng, gián-hoặc lại trồng mấy cái bẹ chuối sơn vôi cho trắng. Lạ-lùng thuật quỷ phép tiên, chỉ qua một đêm sâu tự chết hết, nhược bằng sống sót con nào, các loài sáo quẹt cũng bới nhặt cho kỳ hết. *Phong-đạo* có câu :

*Lúa chiêm còn ở trên non,
Nghe thầy tiếng sấm bông con má về.*

Lúc đó lúa đã đầy đòng, sắp-sửa đơm bông, nếu gặp tiếng sấm vang trời, ai nấy đều biết trước là cái điềm tốt trời cho được mùa.

Tháng năm

五 月

Tháng năm là tháng kiến-ngọ 午, thuộc quẻ *Thiên-phong-cổc* 天 風 姤, giữa mùa hạ nên gọi là trọng-hạ 仲夏, trùng về luật Di-tân 蕤賓, đầu tháng tiết mang-chủng 芒種, cuối tháng tiết hạ-chí 夏至.

Năm ngọ thuộc về số dương, cho nên mồng 5 tháng năm tiết gọi là Đoan-ngọ, hay Đoan dương, Trùng-dương, v. v. . Bọn hạ-nông khi đã từ-giã mạn ngược về, hương hoa trà-uyên, sửa tiệc tây-trần, những ông phú-hộ ở nhà, sáng làm tiệc chay, tối làm tiệc mặn, không phải cảm-diệu ông Khuất Tử-Bình như người Chi-na đầu, chỉ vì ngày lạnh tháng tốt, vui cùng vợ con tòi-tớ, tụ-hội đoàn-viên.

Gặp tháng mùa-màng, nông-gia từ dần chí đậu, cảm-cậm cùi-cụi, tất cả

nam-phụ lão-ấu ai cũng gánh phần trách-nhiệm, gặt-hái xong bó gánh về nhà, mượn người vô đạp rề sây, cảnh đã hoàng-hôn, mực-kích ngô hém các chốn thôn-trang, quạt gió bay như bướm-bướm, nia nẹp ngang-ngừa như lá tre, bọn mĩ-nhân người đội thóc đi, người đôi lúa về, nước sen xang-xang, áo nâu phơn-phớt, một mực đi thẳng, không nói không cười, giống như bà Nữ-Oa đội thái-thạch đi và trời, nhưng cái chân mạnh-bạo, cái tay cứng-cỏi, chẳng khác gì bức tranh của Thổ-nhĩ-kỹ vẽ một chàng hảo-hán ôm quả địa-cầu mà chạy dẫn theo trên con đường tà-dương.

Mùa tháng năm là mùa chiêm, trồng được những giống lúa dé-nước, dé-tụ, chiêm-dong, chiêm-tép, sòi-đường, nếp móc, nếp tre, nếp ốc, nếp cánh-sẻ, v. v. .

Mùa là thay nghĩa đen ở chữ 務, còn tiếng chiêm thì chưa hiểu, có người cho giống lúa đó ngày trước lấy ở Chiêm-thành về, tiếng chiêm là cái tên kỷ-niệm. Bút mực không truyền sự-tích mơ-hồ, không lẽ toàn bằng khẩu-thiệt. Tiếc thay đầu năm Mậu-thìn (1928) ta đã du-lich thành Huế, chính là châu Ô, châu Lý đất cũ của Chiêm-thành, (sáp-nhập nước ta từ đời Trần Anh-tôn), vôi-vàng hoàng-bốt chất không đem truyện lúa chiêm mà quên-chính phân-trần với các bậc lão-nông lão-phổ xứ đó.

Tháng sáu

六 月

Tháng sáu là tháng kiến-vị 未, thuộc quẻ *Thiên-son-dộn* 天 山 遯, cuối mùa hạ nên gọi là quý-hạ 季夏, trùng về luật Lâm-chung 林 鐘, đầu tháng tiết tiểu-thử 小 暑, cuối tháng tiết đại-thử 大 暑.

Nông-tang kỳ vụ chính là trong tháng năm tháng sáu, không phải hội mà đông, không phải chèo mà vui, không phải đĩa hát máy ống lưu-thanh mà

ôn-ào huyền-náo Mặt trời đã mọc, rạng vẻ thiêu-quang, tiếng trống tòm, tòm, tòm, các ông lý-dịch cùng các điền-hộ theo thứ-tự vào chiếc chiếu đình-trung, tựa dưới bức biên ngự-tứ bốn chữ: « *Thiện-tục khả phong* 善俗可風 », thu thuế nộp sưu, phát giấy quỹ giao xuyên-không, người ném đèn kịt, bạc đồ trắng xoa, có lẽ cái buổi đời « hoàng-kim thời-đại 黃金辰代 » là thế.

Sưu thuế xong, ruộng nương đâu đây cây sấu cuốc kỹ, các chú canh-diền chén cơm ngày ba bữa no khi, cái sức lực ngũ-cốc xô-đầy trong tim trong ruột, hồng-hồng bột-bột, thổi ra câu hát tiếng vang kẻ mấy cánh đồng. Người xướng trước :

Bao giờ ời chín bàng trời,

Người tiếp ngay :

Sao Tia đừng gáy tôi thổi cây bừa,

Ngày hạ-diền là ngày cấy lúa xuống ruộng trước nhất, xã-hội làm lễ bái-yết vua Thần-Nông và đức Tống-hậu. Tế-văn như sau :

Tế vua Thần-Nông

恭 澤 兢 力 穡 于 輶 伏	惟 及 茲 田 卜 彼 儀 祈	聖 當 海 嶺 良 甫 式 鑒	師 時 邑 穡 辰 田 表 格	教 恩 從 深 六 及 對 錫	民 垂 事 望 月 時 越 以	樹 萬 農 有 惟 載 惟 豐	藝 世 疇 秋 夏 稼 虔 年
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Kính duy Thánh-thầy, dạy dân trồng-trọt ;

Trăm họ đức chan, muôn đời ơn rớt ;

Áp-bề nhỏ con, theo nghề ruộng-rọt ;

Hết sức cày-bừa, mong cho lúa tốt ;

Bói được ngày lành, mùa hè cuối rớt ;

Mảnh ruộng trước kia, gặt nhíp cấy nối ;

Lễ bạc xa đáng, đối-viết không sót ;

Nhờ lượng giám-lâm, cho được mùa tuốt.

Tế đức Tống-hậu

中 帝 總 致 展 卜 謹 尙	天 命 總 力 惟 以 具 鑒	帝 率 而 于 六 今 菲 茲	女 育 羣 田 月 日 儀 哉	上 保 相 祈 夏 秋 式 錫	等 我 安 年 黍 稼 陳 之	尊 馨 耕 孔 既 載 明 樂	神 民 鑒 碩 登 興 祀 歲
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

*Ngất trời thánh mẹ, thứ nhất ngôi thần;
Thượng-đế đã mệnh, coi-sóc cho dân ;
Một đoàn đông-đức, canh-tạc lần-khân ;
Dốc lòng về ruộng, được mùa cầu dân ;
Đương lúc tháng sáu, thóc đã phơi sân ;
Ngày nay gieo bói, cấy lúa gặt tuần ;
Kính đủ lễ mọn, bầy dật thanh-tân ;
Ngõ hầu soi xét, cho khỏi chữ bần.*

Tháng bảy

七月

Tháng bảy là tháng kiến-thân 申, thuộc quẻ Thiên-địa-hi 天地否, (biến quẻ Địa-thiên-thái), đầu mùa thu nên gọi là mạnh-thu 孟秋, trùng về luật Di-tắc 夷則, đầu tháng tiết lập-thu 立秋, cuối tháng tiết xử thử 處暑.

Tháng bảy là tháng ngâu, ngày 7 là ngày ngâu, tương-truyền ngâu tức là Ngưu, cỏ-giả trời có con gái kén chồng, thâm-nghiêm kín cổng cao tường, chăm nghề nữ-công, thêu-dệt ở nhà, giữ-gìn bó-buộc, không nói một lời xằng, không ra ngoài một bước, làm cho hoa thua về thắm, chất được máu ghen, liêu kém về xanh, dong được nước hờn, lá thắm cũng cạn dòng mà chim xanh cũng dứt đường. Nàng đó tên là Chức-nữ.

Một hôm đêm thu buổi mới, sương tuyết lạnh-lùng, một đèn một bóng, ngồi tựa dưới bức bình-phong, đỡ chiều như tỉnh mà đỡ chiều lại cũng như say, hồi-tưởng lại cái thân hồ-liễu hư-sinh, cái nền phiệt-duyet gia-phong, thôi là không ăn cũng thiệt không chơi cũng già. Từ đó sống tình lợi-lả, bề dục dỗi-dào. Ngọc Lam-kiều

giã lộn chầy sương, trước sau ai khỏi. Túi Xích-tử xe sắn bóng nguyệt, duyên-nợ can gì. Nhân làm lễ trăm năm cùng với đũa trẻ trâu là Khiên-ngru, chỉ non thề bẻ, nặng nghĩa Châu Trần.

Duyên càng dậm lửa càng nồng, mê đường hoa-nguyệt, sinh lòng lười-biếng, không bao lâu bỏ hết nghệ-nghiệp, thay hết hạnh-kiềm, cái cung Quảng-hàn xưa sao phong gấm đủ là, nay sao đã chàng Ngô-vương đánh bạo mà chủ-trương ở trong, cái vầng ngọc-thể xưa sao phác-kiếm yêu-điều đoan-trang tũn-nhất, nay sao biển ra làm dáng làm đóm, có điều ve-vuốt có điều bảnh-bao. Rầy lần mai lửa, trác-táng gia-thanh, trời giận mới đầy chàng rề sang tả-ngạn sông Ngân-hà, Chức-nữ thì an-tri ở hữu-ngạn.

*Sông Tương một giải nông sờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.*

Trăm năm cứ ngày mồng 7 tháng bảy bắt lũ khanh-khách bắc cầu qua sông cho hai người được tái-duyên một lần, sáng sớm mồng 8 đầu lại về đấy. Tình ly-biệt nỗi hợp-tan, mừng-mừng giận-giận, khóc khóc cười cười, giọt lệ đa-tình tuôn ra cơn mưa, khi mau khi chậm, hai người đối nhau mai-mĩa bằng những câu hát rằng :

— *Ngru-lang anh ơi ! anh có thương em xin anh hãy đứng lại đây, đôi ta ân-ái còn một chút này anh sá với chi, nữa một mai nam bắc phân chia, kẻ xuôi người ngược dễ mấy khi lại được tương-phùng.*

— *Chức-nữ em ơi ! em nói bao nhiêu lại thêm chua xót trong lòng, nước đời khe-khắt cũng tại ông hóa-công xoay-vần ; thế-gian này thiếu chi tài-tử với giai-nhân, mà nay tan mai hợp riêng phần ta chịu đắng-cay.*

— *Ngru-lang anh ơi ! kể từ khi đôi ta gặp-gỡ chốn cung mây, non non nước nước những tưởng đến ngày xum-*

hợp cùng nhau ; nào ai hay quan-tái bông chia bầu, dễ sấm-thương đôi ngả, cái gánh u-sầu lại nặng bằng ba.

— *Chức-nữ em ơi ! dờ-dang thay lại cái kiếp tài-hoa, năm chìm bảy nổi chẳng qua cũng một chữ tình ; vì duyên xưa sớm biết ghẹo trên mình, thì chi chấp nổi cái sợi tơ mảnh thêm nổi vắn-uvong.*

— *Ngru-lang anh ơi ! em nghĩ thân em cũng giá ngọc mình vàng, vì chưng duyên nợ nhỡ-nhàng nên phải lao-đao ; bấy nhiêu lâu đông liễu tây đào, càng mong-mỏi cảnh em lại càng ngao-ngán đời.*

— *Chức-nữ em ơi ! anh trông em anh chẳng nói nên lời, dấu gan sắt đá cũng phải ngậm-ngùi với cảnh thương-lâm ; ở trên đời này còn mấy kẻ tri-âm, làm chi gặp-gỡ lại xa-xăm cho nó thêm phiền.*

— *Ngru-lang anh ơi ! tưởng nhữn khi em thơ-thần chốn mai-hiền, mong người người vắng, mong tin tin cũng xa vời ; một mình em hết đứng lại ngồi, than thân tủi phận có lúc lại ngậm cười với bóng trăng suông.*

— *Chức-nữ em ơi ! cuộc trăm năm dài bề thực khôn lường, tài-tình càng lắm cái gánh đoan-trường càng nặng hơn ai ; nghĩ buồn lênh cho duyên nợ ở trên đời, biết ra nông-nổi thế thời dan-đâu làm chi.*

— *Ngru-lang anh ơi ! biết bao phen hạ lại xuân đi, tuyết-sương lẫn-lừa cái khối tình-si xoay mãi với đời ; tức gan lên em cũng toan vạch đất kêu trời, làm chi cay-nghiệt dễ buộc mãi người vào cảnh tương-tư.*

— *Chức-nữ em ơi ! thôi chẳng qua là duyên trái tự nghìn xưa, tơ trời dằng-buộc dễ bao giờ ta gỡ cho xong ; trót cùng nhau vương-vit chữ tình-chàng, bước đời ta phải đội cái nghĩa đèo-bồng ta chớ đổi thay.*

— *Ngru-lang anh ơi ! ngọn gió thu sâu như giục-giã chia tay, nhận nam*

ên bắc thôi lừ rày mặt nước một xa,
em trông anh em tắm-tã hạt châu sa,
tình đáy cảnh đáy biết là dài tỏ cùng ai

— Chừc-nữ em ơi! anh trông em anh
cũng thâm-thiết bồi-hồi, nghi tình
trương-biệt anh lại quan-hoài đến lúc
trương-tri; kiếp nhân sinh thăm nhất
lúc phân-kỳ, sóng Ngân bao khúc, cái
ruột tằm kia cũng bấy nhều vòng

— Ngưu-lang anh ơi! cái cầu Ô kia
ai cắt nhịp trương-phùng, đề anh đi
đường ấy, mà em đứng trông bên lối
này; ngọn bóng lau hiu-hắt trận hơi
may, trông anh mặt nước chân mây,
em lại thân-nhờ.

— Chừc-nữ em ơi! kiếp anh-hùng
chỉ sá kể nắng mưa, thôi em trở lại để
bước giang-hồ anh quẩy gánh ra đi;
trời còn đây non nước vẫn còn kia,
còn tri âm đó đến hội thu về ta lại gặp
nhau.

Đêm 15 là tuần trung-nguyên 中元
nhà chùa làm chay phá ngục, chuông
trống suốt sáng, cầu cho âm-siêu dương-
khánh, phúc đảng Hà-sa, cũng là theo
cái di-pháp của ông Bao-Chửng. Ta khi
bỏ việc du-học ở Nam-thành, ngắm
cảnh nhà quê, những lúc đêm thu tĩnh-
mịch, giạt dòng gió mát, trông mảnh
trăng sông, lờn-bổm lại mấy tiếng
trống mấy tiếng chuông, văng-vẳng bên
tai như trêu như ghẹo, thồn-thức lại
mấy tiếng chó nghinh-tống những bọn
khách chơi-bời đi lại, mấy tiếng ve
lên bổng xuống trầm, tục-tục đoạn-
đoạn, như là đọc bài «địch-tê» cho trẻ
nó tập viết. Nhân nghĩ một vần:

Khỉ thật mùi đời lắm thức chua,
Năm khênh thời hưởng thú quê-mùa;
Trẻ sông điếm học hồi ve giục,
Khách sịch đường đi tiếng chó khua;
Gió nhạt trắng nồng non nước tở,
Tình chay cảnh đậm trống chuông
chùa;

Hôm nay là cái đêm thu đó,
Ai bán trời không tỏ sẽ mưa.

Nghề nông-tang tháng này tuyệt nhân,
những mảnh ruộng góa ai nấy thuê
từng khâu-phần trồng trọt khoai ngứa.
gọi là khoai tháng bảy. Tuần-đinh phải
quan-sát chiều trời, phòng-sử nước
thủy-trào tiến mạnh, nước thượng
nguồn cũng rút mạnh, hai ngọn nước
gặp nhau xung-đốt,ứ lại thành ra ngập
lụt, mau phải đắp cống đắp cừ các
nơi địa-đầu mà phòng-ngự, Quần-
phương-thượng đắp sông Cầu-xẻ (tên
sông) là chi-phái sông Trẹ, Quần-
phương-trung đắp sông Cầu-đông là
chi-phái sông Múc. Nói cho phải, đắp
cống ngay cửa sông Trẹ và cửa sông
Múc thì tiện-lợi cho trường canh-nông
nhiều, hai sông đó phát-nguyên tại con
sông Ninh-cơ, vì có hai điều khó-khăn
thành ra không đắp: điều thứ nhất
nước chảy cuồn-cuộn, sông sâu thăm-
thẳm, tồn-phi một vài trăm, chưa chắc
đã vững-vàng kiên-cố; điều thứ hai
sông đó lại thuận-tiện cho nhà Thương-
chính vận-tải muối bễ, nếu triệt
độ vài tháng thì Chính-phủ mất một
món tiền khá lớn. Ngày 15 tháng 11
năm canh-ngọ (3-1-31) Quan Công-sứ
Nam-định cùng quan Địa-chính đã
thân-hành đến tận cửa sông Múc điều-
đinh tru-liệu việc cống, được đồng-
dân hoan-nghê, kéo cờ tam-sắc, đốt
pháo liên-thanh, tấm lòng nhiệt-thành
đối với quý-quan tỏ hết lễ-độ, mong
cho nông-giới Quần-phương sau này
tất kết-quả được mĩ-mãn.

Tháng tám

八月

Tháng tám là tháng kiến-dậu 酉,
thuộc quê Phong-địa-quan 風地觀
(biển quê Lôi-thiên đại-tráng), giữa
mùa thu nên gọi là trọng-thu 仲秋,
trúng về luật Nam-lữ 南呂 đầu tháng
tiết bạch-lộ 白露, cuối tháng tiết thu-
phân 秋分.

Lúa bằm nhiều hậu-khi, lá xanh
mon-mỏn, rẽ trắng phau-phau, nhân-

công đi vộ lúa (móc đất vun vào gốc lúa) số tiền ăn uống tốn hết mỗi mẫu trong ngoài đồng bạc.

Cứ ngày đình lại làm lễ bái-yết đức Văn-Tuyên-vương, gọi là việc khoa-trường 科場, ngày mậu thì Xã-binh cũng làm lễ bái-yết đức Vũ-Thành-vương, đó là chiểu theo thường-lệ, năm nào cũng thế, cũng cứ tháng trọng-xuân tháng trọng-thu, hai ngày đình hai ngày mậu, văn tế tổng có văn-dân hàng tổng, xã có văn-dân từng xã, vũ-tế cũng vậy, vũ-dân mỗi xã dựng riêng nơi một, duy tổng-dân thì còn khuyết. Ngoài hai dân lại còn một Y-dân nữa, chính-hiến thờ vua Thần-Nông vua Hoàng-đế và phối-hưởng hết thấy những ông đã tốt nghiệp về lối học Hiên Kỳ.

Đêm 15 thường tết trung-thu, bày trong mâm tiệc bưởi-sa ngô rang chẻ đường ốc brou và mía bách-giải, v. v.. Đối-chiếu mâm tiệc lại có chiếc đèn tàu-mã làm trò giải-tri. (Đây cũng là theo di-pháp ông Bao-Chứng), các cụ già-cả trông-trọc trông trăng suốt đêm, xem mấy lần mờ mấy lần tỏ, thường kinh-nghiệm rằng :

Tỏ trăng mười bốn được lắm,
Tỏ trăng mười rằm thì tốt lúa chiêm.

十四之夜。月色光兮。春來利我蠶
兮。十五之夜。月色明兮。夏來穀黍收成兮。

Tháng chín

九 月

Tháng chín là tháng kiến tuất 戌, thuộc quẻ Sơn-địa-bác 山地剝 (biển quẻ Trạch-thiên-quai), cuối mùa thu nên gọi là qui-thu 季秋, trùng về luật Vô-dịch 无射, đầu tháng tiết hàn lộ 寒露, cuối tháng tiết sương-giáng 霜降.

Cảnh-Hoàn người Nhữ-nam (Tàu), mông 9 tháng chín là ngày trùng-cửu, theo Phi Trường-Phòng lên núi tị hỏa-tai, người sau cho là thường-số, cứ ngày

đó mong mưa, dĩ thủy chế hỏa, đặt ra câu hát :

Mông chín tháng chín có mưa,
Thì con đi sớm về trưa mặc lòng.

Mông chín tháng chín không mưa,
Thì con bán cả cây bừa con ăn.

九 月 九 日 降 之 以 霖 霽
晨 往 晡 遠 惟 子 心 之 適
賈 九 月 九 日 勸 天 雨 子 食 今

Mông 5 mông 6 nói mạ, 12, 13 gieo, gọi là mạ nước trước, còn mạ nước sau thì 25, 26 mới gieo. Kể hạ-nông khi đã nhàn-hạ, phá cống phá đập xong lại dự-bị đồ hành-trang rủ nhau xuống mạn bẻ gặt khoán.

Trời cho đêm sương ngày nắng, lúa giỗ đầy đồng, ai thích làm ải thì đi khơi mang xẻ nước, còn ai làm đầm thì lại giữ nước rất kỹ. Cỗ tục cứ tháng này làm lễ Thường-tân, bái-tạ vua Thần-Nông, đức Tổng-hậu và chư-vị thần-tổ, tế-văn như sau :

Tế vua Thần-Nông

恭 惟 聖 帝 先 天 後 天
敬 民 及 至 稼 稼 穡 農 事 興 焉
迄 茲 子 有 服 既 無 時 今 邑 穡 升 言
覲 力 新 奏 格 無 言 乃 輶 鑿 不 式 慮

Kính duy vua thánh, trước sau thuận trời;

Dạy dân cấy-cấy, nghề nông ra đời;
Đương-thì trạch khắp, vạn-thế ơn rơi;
Ngày nay vẫn thế, người được nhờ hơi;
Ấp này nhỏ-mọn, làm ruộng theo thời;
Hết sức trồng-trọt, được mùa tới nơi;
Thóc mới đã gặt, lễ dâng đầy voi;
Tấu-cách mặc-mặc, thần chẳng xa vời.

Tế đức Tổng-hậu

時 惟 九 月 序 屬 三 秋
農 功 就 緒 寔 荷 神 麻 表 殿
新 穀 之 總 升 之 錫 之 玄 殿

Tháng giữa tháng chín, mùa cuối mùa
thu ;
Nóng-công trọn vẹn, cũng nhờ thần phủ ;
Thóc mới đã gặt, dâng lễ tâu-tu ;
Thần vậy nghe vậy, phúc cho cả khu.

Tháng mười

十月

Tháng mười là tháng kiến-hợi 亥, thuộc quẻ Khôn 坤 (biến quẻ Kiền), đầu mùa đông nên gọi là **manh-đông** 孟冬, trùng về luật Ứng-chung 應鐘, đầu tháng tiết lập-đông 立冬, cuối tháng tiết tiểu-tuyết 小雪.

Lúa chiêm phơi màu, lúa mùa nhàu rơm, mùa tháng mười là mùa mùa, lúa để ngoài đồng chín rĩ đã nhàu cả rơm-rạ rồi sẽ gặt về thi mảy. Mùa này lúa tốt thóc nhiều, bội-phần mùa chiêm, còn ra công-trình gặt hái vô đập rề sảy phơi-phồng, nhất nhất cũng như mùa chiêm. Thóc có những thứ hìn, hon, lóc, giờ, di, hom vịt, dẻ trắng, dẻ tia, dẻ đá, tám-ấp-bẹ, tám-cỏ-ngỗng, nếp cái, nếp giấy, nếp quạ, nếp xầu-dầu, v. v. .

Các nhà doanh thương ở tỉnh thường thường mang cân về cân thóc cân gạo, cũng có lúc chở đến tận bến Vị-hoàng buôn bán, thóc gạo tích-trữ như gỗ đồng, thuyền bè tiến-thoái như lá trôi, Ngô Thế-Vinh tiên-sinh khi thiết-trương ở Quần-phương, say cảnh Quần-phương là thuận-phúc, gặp cảnh mùa-màng có câu lưu-đề rằng :

洪 乃 歲 路 琴 馬 他 最	順 承 收 接 瑟 車 年 是	三 卜 禾 橋 士 八 文 南	榮 麥 亭 從 作 物 州	此 至 運 遠 家 錦 聲 鷺	地 今 滄 碧 壑 室 名 一	頭 留 海 流 出 遊 勝 州
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Khởi tự triều Lê có đất này,
Bốn ông khai-thác để đời nay ;
Đòng khơi gạo-lúa linh-linh chỗ,

Mặt nước cầu-dinh lác-dác xây ;
Kẻ mển trường tư đàn-hát ngọt,
Người vui thêm gấm ngựa-xe say ;
Vân-minh lừng-lẫy sau này mãi,
Có lẽ thành Nam thứ nhất đây.

Trong một tháng mùa trẻ con người lớn cảm những đức-trạch nhà vua, trống vỗ da bụng, sênh đánh cừu-khô, lược-thuật tự tháng giêng trở lại chấp thành câu hát :

Tháng giêng là tháng ăn-chơi,
Tháng hai trồng đậu trồng khoai trồng
Tháng ba thì đậu đã già, [cả.

Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đi lậu trâu bò,
Đề cho ta lại làm mùa tháng năm.

Sớm ngày dong thóc ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.

Gánh đi ta vãi ruộng ta,
Đến khi lèn mạ thì ta nhổ về.

Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ-ngơi.

Cỏ lúa đã làm sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười còn độ một hai.

Cao thì lát một gầu giai,
Chỗ thấp thì lại lát hai gầu sông.

Bề cho lúa có dòng dòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem lèn hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

Tháng mười-một

十一月

Tháng mười-một là tháng kiến-ti 子 thuộc quẻ Bĩ-lôi-phục 地雷復 (biến quẻ Thiên-phong-câu), giữa mùa đông nên gọi là **trọng-đông** 仲冬, trùng về luật Hoàng-chung 黃鐘, đầu tháng tiết đại-tuyết 大雪 cuối tháng tiết đông-chi 冬至.

Ruộng nương rêu-ríp, lại diễn ra nhiều vai huyền-nào, nhiều tấn kịch lạ-lùng, nhiều bức phong kỳ-khôi,

tinh-thần khoan-khoái. Làm ải thì người cày bằng trâu, người bầy bằng mai, người lật đất xếp luống tự nam chi bắc, hăng ngang lấy bóng nắng thái-dương, người đảo đất ải lại gây luống từ đông quay sang tây, dẫn cho bóng nắng thái-dương soi thấu đến tận chân tận nền. Làm dầm phải cày đi cuốc lại, phải đổ phân đổ tro, lâu nay văn-minh Âu-tây đã theo không-khí mới tràn khắp cõi Á-đông, vì bằng biết mà lợi-dụng lấy phốt-phát, chắc có phần tốt.

Theo cổ-lễ đông-chi là tiết « Dương-sinh chi thủy 陽生之始 » vạn-vật phát-sinh, nhân thì cảm-cự, hát thơ Tư-hồ, tụng đức thanh-phân, tấm lòng báo-bản phần-thủy ai cũng nhớ đến công-nghiệp tiên-nhân, mới lấy ngày đông-chi tế các tiên-tổ.

Tháng mười-hai

十二月

Tháng mười-hai là tháng kiến-sửu 丑, thuộc quẻ Địa-trạch-lâm 地澤臨 (biến quẻ Thiên-phong-cấu), cuối mùa đông nên gọi là quý-dông 季冬, trùng về luật Đại-lữ 大呂, đầu tháng tiết tiểu-hàn 小寒, cuối tháng tiết đại-hàn 大寒.

Trời im bẽ lặng, nắng nổi luôn cho đủ cũ, đến độ trung-tuần lại lộng gió bắc phun mưa tuyết luôn cho đủ tuần, thế là hóa-công hậu-đãi với nhà làm ải đã được ải lại được nước đổ ải, com rành nước lợ vui sướng xiết bao!

Cây-cấy xong công, tao-phùng gặp hội, trai lành gái tốt, trong ngoài mười-chín đôi-mười, chỉnh-tề khăn áo, sắm-sửa lễ-vật, chọn ngày không ly-sào,

vãng-vong, cô-thần, quả-tử, dũ-phù-thu-tử sát-chủ, hai bên họ-hàng đông-dục, làm lễ thành-hôn, đuốc hoa diêm lửa, túi nguyệt ràng tơ. Lời Ninh-nang ca nước xanh-xang, thất-gia phận đẹp dịp Tư-mã phượng-loan réo-rất, cảm-sất duyên ưa. Lại nhất là trai gái tuy đã quá thi, đã tự-lập được thân, thế mà câu truyện chỉ non thề bẽ không dám quyết, vẫn phải đợi lượng cha mẹ. Thiết-sử lượng trên dù quyết hẹn-hò, thì cũng kháng-khăng một phần, tuyệt-nhiên không dám như ai tự-do mà liễu ngõ hoa tường, mà trên Bộc trong Dâu, đến nỗi bại-hoại cả luân-thường cả gia-pháp cả quốc-túy quốc-hồn.

Ngày 22, 23 đền chùa cùng các từ-đường tiên-tổ, có làm tuần lễ mộc-dục, bao-sái thần-tượng, rửa-ráy đồ thờ, nước ngũ-vị-hương thơm ngào thơm ngạt, thoang-thoảng xa gần nghìn dặm. Kế lại gói bánh chưng, vò bánh đường, dự-bị các món gạo tám gạo nếp và trâu bò lợn gà, v. v. . Đó chính là món quà thanh-khiết tiễn cho năm cũ bước sang năm mới, ngày tháng cũ bước sang ngày tháng mới, thoi tuần-hoàn giây liên-lạc, hoan-nghênh chào đón chùa xuân về.

*Năm tháng xoay-vòng chóng thế a?
Cũ đưa hầu hết, mới hầu ra;
Rêu phong ngõ trúc màu xanh ngất,
Tuyết diêm hiên mai nụ trắng xóa;
Thăm-thẳm ruộng-nương cây cấy với,
Chàng-dàng tư-tết ngợi-bàn qua;
Chúa xuân đình-ước cùng nhau gặp,
Pháy-phầy non sông trận gió hòa.*

NHÂN-VÂN-BÌNH

CHIẾN-QUỐC SÁCH

V

Lỗ Trọng-Liên không chịu tôn vua Tần làm Hoàng-đế. — Tần vây đất Hàm-đan của Triệu, Vua Ngụy là An-li-vương cho Tướng-quân là Tần-Bỉ đến cứu Triệu, Bỉ sợ Tần mà đóng quân lại ở Hằng-âm không dám tiến. Vua Ngụy cho một Tướng-quân còn làm khách ở Ngụy là Tân-Viên-Diên đi lên vào thành Hàm-đan nhờ Bình-nguyên-quân đưa vào nói với vua Triệu rằng : « Tần sợ-ai vây Triệu ngặt như thế là vì trước vua Tần với vua Tề Mãn-vương hai nước mạnh tranh nhau xưng-đế. Rồi Tề thôi nên Tần lại bỏ đế-hiệu đi. Nay Tề Mãn-vương càng suy yếu lắm, chỉ còn có Tần là hùng-trưởng nhất thiên-hạ mà thôi, trận này không phải là Tần tham thành Hàm-đan đâu, là ý muốn được xưng làm đế đó. Nếu Triệu chịu sai sứ sang tôn vua Tần là Chiêu-vương lên làm đế thì chắc Tần mừng mà bãi binh ngay. » Bình-nguyên-quân còn dưng-dăng chưa quyết ra làm sao.

Khi ấy có Lỗ Trọng-Liên vừa mới đến chơi Triệu, thì gặp Tần vừa đến vây Triệu, lại nghe tin Ngụy đang xui Triệu tôn Tần làm đế, ông bèn vào yết Bình-nguyên-quân mà rằng : « Việc ấy ngại nghĩ thế nào ? »

Bình-nguyên-quân nói : « Thằng tôi còn dám nói đến việc gì. Quân bị Tần đánh thua tan ở ngoài cõi hàng trăm vạn, nay thành Hàm-đan tan ở trong nước lại bị họ vây mãi không rút về. Vua Ngụy sai khách Tướng-quân là Tân-Viên-Diên sang xui Triệu tôn Tần làm đế, người ấy còn ở đó, Thằng tôi còn dám nói đến việc gì nữa. »

Lỗ Trọng-Liên trả lời rằng : « Trước tôi vẫn tưởng ông là một bậc hiền-công-tử ở đời, nay tôi mới biết ông không phải là bậc hiền-công-tử ở đời. Người khách của Ngụy là Tân-Viên-Diên bày giờ ở đầu, tôi xin đến để trách và đuổi hẳn về họ ông. »

Bình-nguyên-quân nói : « Thằng tôi xin làm giới-thiệu để đưa tiên-sinh đến yết-kiến người ấy. » Nói rồi bèn đến nói với Tân-Viên-Diên rằng : « Có Lỗ Liên tiên-sinh ở nước bên đông đây, tôi xin làm giới-thiệu mà đưa đến yết-kiến tướng-quân. »

Tân-Viên-Diên nói : « Nghe đầu Lỗ Liên tiên-sinh là một nhà cao-sĩ nước Tề đây, Diên này là kẻ nhân-thần, việc đi sứ có chuyên-chức, nên không muốn yết-kiến Lỗ Liên tiên-sinh. »

Bình-nguyên-quân nói : « Thằng tôi đã chót tiết-lộ việc ấy với tiên-sinh rồi. »

Tân-Viên-Diên xin vâng. Lỗ Liên đến yết-kiến Tân-Viên-Diên mà không nói gì.

Tân-Viên-Diên nói : « Tôi xem những người còn ở lại trong cái thành đang bị vây này, ai cũng có một vài điều mưu-kế để thỉnh-cầu với Bình-nguyên-quân cả, thế mà tôi coi ngọc-mạo của tiên-sinh thì ra không có điều gì để thỉnh-cầu với Bình-nguyên-quân, vậy sao tiên-sinh không về đi mà còn ở mãi trong cái thành bị vây này làm gì ? »

Lỗ Liên nói : « Đời họ cho Pháo Tiên khi xưa chết một cách không có nghĩa gì. Ấy chỉ vì bọn chúng-nhân vô-tri chỉ vì một thân mình, nên nói thế là lầm. Chờ Tần kia là một nước bỏ cả lễ-nghĩa, chỉ chuộng công-lợi. Lấy mưu-

trá đê sai khiến kẻ sĩ, lấy nô-ti đê sai khiến nhân-dân. Vậy nếu Tần kia mà nghiêm-nhiên lên làm đê, quá nữa rồi đến lấy cả thiên-hạ, thì Liền tôi cứ ra ngoài bề đông mà chết, chớ không có chịu làm dân của họ. Ấy vì thế mà tôi đến yết Trương-quân là đê giúp cho Triệu đó.»

Tân-Viên-Diễn nói : « Vậy liễn-sinh sẽ giúp thế nào ? »

— Tôi sẽ làm cho Lương với Yên phải giúp Triệu, còn Tề với Sở thì đã vẫn định giúp rồi.

— Yên thì tùy ý, còn như Lương (Ngụy) thì tôi là người Lương đây, liễn-sinh sẽ làm thế nào đê cho Lương phải giúp nào ?

— Ấy chỉ vì Lương chữa trông thấy cái hại về Tần xung-đê đó thôi, chừ Lương mà trông thấy cái hại về Tần xung-đê thì Lương phải giúp Triệu ngay.

— Cái hại về Tần xung-đê thế nào ?

— Ngày xưa Tề Uy-vương vốn vì nhân-nhĩa, đưa cả chư-hầu vào triều nhà Châu, nhưng nhà Châu cứ nghèo yếu mãi đi, chư-hầu bỏ cả, chỉ còn có một Tề vẫn đến triều mà thôi. Được hơn một năm thì vua Châu Liệt-vương băng, chư-hầu đều vào viếng cả rồi Tề mới đến. Nhà Châu giận mà phát thư ra cho Tề rằng : « Đất lở trời long, Thiên-tử khuất núi, thế mà Điền Anh-Tề là bây tôi một nước đông-phiên đến viếng sao rồi, nên chém đi. » Tề Uy-vương nổi giận dưng-dưng mà rằng : « Sí, chà, đó chỉ ở con mù già (Bà hầu nhà Châu) dở hơi cho thiên-hạ cười ». Ấy cũng chỉ vì không chịu nổi những cách hạch-sách như thế mà trước thì vào triều, nay thì sỉ-vũ như thế. Song lấy nê thiên-tử mà sử như thế cũng chẳng lấy gì làm lạ.

— Tiên-sinh không trông thấy lũ đây đó đó dư? Mười người phải theo

một người, không phải là họ vì tri thua sức kém đâu, chỉ là họ sợ vía đó thôi.

— Thế thì Lương cũng bọn đây đó của Tần chừ gì ?

— Phải.

— Đê tôi sẽ khiến cho vua Tần mờ vua Lương ra mà làm mắt.

Tân-Viên-Diễn hăm-hăm nét mặt lại mà rằng : « Ôi chà, tiên-sinh nói làm bậy quá. Tiên-sinh làm thế nào mà khiến được vua Tần mờ vua Lương mà làm mắt ? »

— Được chừ, đê tôi nói cho mà hay. Ngày xưa Quĩ-hầu, Ngạc-hầu và Văn-vương là chức Tam-công của vua Trụ, Quĩ-hầu có con gái tướng là đẹp đem dâng vua Trụ, vua Trụ lại chê là xấu mà làm mắt Quĩ-hầu. Ngạc-hầu vào cầu cho Quĩ-hầu một cách cấp-bách quá, cho nên bị đem làm nem. Văn-vương nghe tin ngấm-nguội mà than-thở, cho nên cũng bị bắt giam vào kho Dữu-lý một trăm ngày, suýt đem giết đi. Đấy chừ phải là cùng tôn thờ đê-vương mà rồi đều bị làm mắt làm nem và ở tù đó dư ?

Khi Tề Mân-vương sắp trầy sang Lỗ. Di-Duy-tử đi hầu, báo người Lỗ rằng : « Các người tiếp rước vua ta thế nào ? » Người Lỗ nói : « Chúng tôi sẽ đem 10 con thái-lao đãi vua nước ông. » Di-Duy-tử nói : « Sao các người lại lấy lễ ấy mà đãi vua ta được. Vua ta ngài là Thiên-tử kia mà, Thiên-tử đi tuần thì vua chư-hầu phải ra nhà chào mà đón, nộp thìa khóa rồi giải nê kẻ ghe, đứng dưới thềm hầu cơm, Thiên-tử ăn xong rồi mới cho lui ra. » Người Lỗ nghe nói vất thìa khóa đi mà không cho vua Tề vào cửa ải. Vì thế vua Tề không được vào Lỗ. Lại sắp trầy sang nước Tiệt đi nhờ đường nước Châu, gặp khi vua Châu chết, Mân-vương loar vào phúng. Di-Duy-tử báo vua tự-quân nước Châu rằng : « Thiên-tử

đến phùng, tang-chủ phải khênh cữu để trông về hướng bắc, rồi thiên-tử đứng trông về hướng nam mà viếng. » Quân-thần nước Châu nói : « Nếu phải cái nước ấy thì chúng tôi dám cõ mà chết đi cho xong. » Vì thế vua Tề lại không dám vào nước Châu. Ấy đấy bọn quân-thần Châu-Lỗ họ đành sống thì chẳng kịp nuôi già dạy trẻ mà chết thì không ai bỏ tiền gạo vào mồm cho cũng chịu, chứ thi-hành cái lễ Thiên-tử vào nước họ thì không được.

Nay Tần là nước « vạn-thắng » Lương cũng là nước « vạn-thắng », lại cũng cùng xưng vương-hiệu như nhau cả. Thế mà mới thấy Tần thắng một trận đã chực tôn Tần làm Hoàng-đế, thì ra các đảng đại-thần ở cõi Tam-Tấn lại không bằng bọn hèn ở Châu-Lỗ. Và Tần họ không thôi mà cứ tự xưng-đế, thì tất họ thay đổi lại cả các chức đại-thần của chư-hầu đi, bấy giờ họ yêu ai nên tốt ghét ai nên xấu, mà cướp lấy quyền-vị của kẻ mà họ ghét để cho kẻ mà họ yêu. Họ lại đem những đứa con gái con đòi mà gả để làm các bà phi của chư-hầu, ngồi phen-phệt ở trong cung. Như vậy vua Lương nhà ông lại còn được chêm-chệ như thế mà ông thì lại còn được sủng-lộc như thế nữa ư ?

Nói đến đây, Tân-Viên-Điền đứng dậy vái Lỗ-Trọng-Liên hai cái mà rằng : Trước tôi cứ tưởng tiên-sinh là người tầm-thường, nay tôi mới hiểu tiên-sinh

thực là bậc thiên-hạ-sĩ. Tôi xin về mà không dám bàn đến việc đế-Tần nữa.

Tướng Tần nghe tin ấy, lui quân ra được 50 dặm thì gặp Công-tử Vô-Kỵ cướp dật lấy đội-quân của Tấn-Bỉ mà đem đến cứu Triệu và đánh quân Tần. Quân Tần bèn kéo về hết.

Xong rồi, Bình-nguyên-quân muốn phong tước ấp cho Lỗ Trọng-Liên. Lỗ Trọng-Liên từ chối ba bận rồi không nhận. Bình-nguyên-quân bèn đặt tiệc đãi Lỗ Trọng-Liên, rượu say, ông đứng lên dâng nghìn nén vàng để làm lễ tạ cho Lỗ Trọng-Liên. Lỗ Trọng-Liên cười mà rằng : Sở-đi đời người ta qui kẻ thiên-hạ-sĩ là vì kẻ ấy gỡ được mối loạn, yên được sự lo cho đời mà không cầu gì. Cầu thì ra lối con buôn mất rồi. Trọng-Liên tôi đâu nhờ làm thế. Rồi cáo từ Bình-nguyên-quân mà đi, chung-thần không thấy đâu nữa.

* *

Trung-quốc Du - minh - Thế phê-bình. — Bài này từ đầu đến cuối đều một giọng hăng-hái mạnh-bạo, khiến cho kẻ gian độc rồi thành ra kẻ ngay, kẻ hèn độc rồi thành ra kẻ giỏi. Về đời Hồng-Tấn không được người nào như thế, về đời Nam-Tống có Tạ Phong-Đắc với Hồ Dần là có ý ấy mà thôi.

Bài này, từng thứ diệu tuyệt, ba lan diệu tuyệt, thật là một bài văn hay nhất bộ Chiến-quốc-sách.

Đ.-N.



VĂN-UYÊN

THƠ-VĂN CŨ

Giới-tửu phú

(Độc vận tửu)

Răn thay tửu ; răn thay tửu !

Tửu nhập da ngòn ; tửu nâng tứ bạo.

Tiếng tăm con họ ma-men ; dòng-dõi cháu bà chúa gạo.

Tửu thì tính nhiệt, vốn bà Nghi được phép nấu nung ; uống thấy vị ngon, vậy vua Vũ có lời răn bảo.

Kìa vua Kiệt tích-tao nên núi, đánh trống reo trâu uống tửu-trì ; nọ ông Lưu bị-tửu qua đằm, tuổi gươm chém răn nằm đương-đạo.

Đồng Trác rượu say đêm tối, tưởng vì hùm quen mất dưa chân ; Dương-công nằm vật rừng than, như có chó vẫy đuôi kéo áo.

Ấy vãng-sự những người tài-trí, con đỡ-dang còn phải say-sưa ; hưởng hậu-lai những kẻ tiện-vi, khi quá chén càng thêm nhận-nhạo.

Gian tay hàng xóm hàng bày ; hộp mặt ngôi lênh ngôi lảo.

Cửa tươi theo khói, xi-xèo ốc nường cua rang ; vật tốt đương hơi, túc tắc trạch bung lươn sáo.

Thốc-mách tìm quả khế chùm sung ; cốp nhật để quả cam trái táo.

Tôm khô gỏi sứa, vật đường bễ tanh tao ; lá lộc rau thơm, giếng quanh vườn vơ-váo.

Sớm hành hoa thịt nạc sáo thuận ; trưa cá-quả thì-là nấu cháo.

Tiết dề tích đó đỡ-dang ; dầu chó trửu đày khô-ráo.

Ấy những vị ngon ; này là cuộc rượu.

Bát-trần gia cũ-khởi, thơm phức phức trầm-hương ; ngũ-tích bồ lộc-nhung, ngọt lừ-lừ cam-thảo.

Kèo thông rót cúc, treo chuông giũ chén tung-bưng ; cạn lọ nghiêng hồ, vuốt mặt vô đuôi nhàng-nhào

Mắt đổ hoe, trợn-trợn trừng-trừng ; mặt tái mép vênh-vênh váo-váo.

Sáo lau quản sậy, kè cung trầm năm ba tiếng nghiêng-ngao ; phách đũa dịp mâm, hát tiếng thông một vài câu sặc-sáo.

Phú độc-lạc dôi tay dật-si, kè câu xuôi câu ngược lãng-nhãng ; khúc thái-bình học cách thi-nhan, đọc chữ được chữ chẳng lếu-láo.

Miêng lấp-bấp tiếng to tiếng nhỏ, giũc ồn-ào như ếch thấy mưa ; áo lồi-thôi giọt thấp giọt cao, đi thất thểu như cò phải bão.

Gật-gù nhỏ vật như tơ ; lảm-nhảm nói dai như chèo.

Hống hát đánh con chủi vợ, mắt quăm điều-hầu ; hung-hăng chửi chó mắng mèo, cổ giương rắn dáo.

Khi chữa chén tè-tê bãi-bái, những rứt cổ rùa ; con thị-hùng thế-thế thần-thần lại vênh râu cáo.

Bắc chân ngồi xích-xác, kho sư-tử vãi chài ; vùi đầu ngáy phì-phò, chằm phù-dung quần pháo.

Trà năng giải khát, canh khuyu đồn con trẻ hám chè ; trúc dĩ bỏ lao, gà áy giục mẹ già nấu cháo.

Thấy việc làm yếu như cái sen ; ngửi hơi rượu tỉnh như con sáo.

Đọc thấy chữ tà-tâm dưng-tính, tửu nghi thìn, tửu nghi thìn ; xem thấy câu hạnh-huyết khu-phong, tửu thời mảo, tửu thời mảo.

Ấy vậy, tửu bất khả vô ; cò chi sở hữu. Song mà, ẩm bất quá bôi ; thị vì đại-bửu.

Vấn tế sống nàng hầu (1)

Má hồng phận mỏng, tơ mảnh trăm
mối vô bóng ; dặm liễu đường khơi, lệ
ngọc đôi hàng giở giọt.

Về đi thôi, ở không được thì về ; tốt
đâu được, xấu đã qua ấy tốt.

Nhớ có xưa :

Tình nết nhu-mì ; dong trang chải-
chuốt.

Quê nhà Phú-lộc, buổi thần hôn xa
cách, cõi xuân huyền nhờ anh nọ đỡ
nâng ; quán chợ Diên-sinh, đường
thương-mãi khó-khăn, bầu sen cúc,
giúp chị kia dong rột.

Trao hồng-tuyển cũng nhờ tay nguyệt-
lão, đan diu dây dăng sợi cát, hỏi loan-
phông mình nối gót thứ ba ; tựa chu-
môn đã mở mặt phong trần, thần-thờ
gió trúc mưa mai, thăm lịch-giáp tuổi
đứng đầu hăm-mốt.

Nền quan-dạng ăn chơi đã đủ, nào
chè tàu, nào thuốc lá, lửa càn nồng,
hương càn đượm, bốn năm tròn rành
trong ấm ngoài êm ; thú quê mùa nương
náu cũng quen, khi bầu đất, khi khoai
bông, ít thì đủ, nhiều thì no, sáu tháng
lẻ ngõ đầu đi đuôi lột.

Chỉ vì nổi giọng vượn kêu rầu-rĩ,
cầm dao cắt ruột, thiệt-thời thay phận
gái long đong ; lại nghe thêm tiếng sũ-
hống hãi-hùng, bốc lửa bỏ tay, thêm
thất lăm miệng người ton ngót.

Khéo léo nhĩ bẻ măng nhờ trận gió,
ngày mười hai đã tối (2).

Hát cửa đình cũng lánh tiệp no say ;
mưa đàng điểm lưỡng gáy điều chua xót.

Mảng tìm tôi được đến tức-khắc, cây
láng diềng theo gót, tấm hơi đã tỏ, cửa
đền công đòi tiền bạc cũng cam ; sẽ tỉnh

toan bầu gánh bấy giờ, m rơn hầu ló
đưa chân, ân ái có ngần, lời kết nghĩa
trở đá vàng cho trót.

Bằng nghìn dặm viễn thăm bác mẹ,
vì lâu ngày giầy kén, nghĩ nhân-tình
hết đại thì khôn ; giữ một lòng nhân
nhủ chị em, dầu thăm ván bán thuyền,
nếm thế-vị từng cay mới ngọt.

Thương ôi !

THƠ-VĂN MỚI

Chiều thu có cảm (3)

Điu-dặt hơi thu trận gió đưa,
Cảnh ngô lá đỏ bóng chiều thừa ;
Sân đào tơ đỏ, hoa hương nhuộm,
Núi biếc cây xanh cỏ lục phủ ;
Năm trước tiết này nào đã khác,
Cảnh kia vườn nọ vẫn in xưa ;
Ngâm-ngùi nhớ mẹ tìm ai hỏi,
Thánh-thót bờ tre mấy hạt mưa.

(Mùng 6 tháng 8 Mậu-thìn)

Đưa quan đốc-học đi chỗ khác

Này chén quan-hà đưa tiễn ông.
Trông người trông cảnh ngẩn ngơ lòng ;
Đường mây bông vẽ tranh ly-biệt,
Bề hoạn vôi đưa dạ não-nùng ;
Cây cỏ gọi nhuần nhiều vũ-lộ,
Ân tình ghi tạc với non sông ;
Đêm nay ước đặng trời lâu sáng,
Đề mãi mà vui bữa cuối cùng.

Chiều thu ở hồ sen nghe tiếng hát

Mặt hồ thu-thủy cánh hoa trôi,
Chuông thỉnh chùa xa vắng mấy hồi ;
Thánh-thót tiếng ai ru đứa bé,
Tờ-mờ bông xé ngậm non-đoài ;
Vóc trường mới nhớ còn thơ đại,
Tuổi chắt nào hay đã lớn rồi ;

(1) Bài này của một ông làm quan ở Kinh, lấy một cô con gái tên là Ngọt làm nàng-hầu thứ ba, ở được bốn năm, rồi bị nhiều sự khó chịu, không thể ở được, phải trốn về, nên ông làm bài này dùng văn ngọt.

(2) Chỗ này thiếu mất một câu, nếu ai biết sẽ bổ chính.

(3) Tập thơ này có đưa chó nhà Trí-đức-học-xá ở Phương-thà nh nhuận-sắc giùm-Bạch-Như.

Ngày tháng đổi thay là mấy chốc,
Gió chiều hiu hắt lá vông rơi.

(Ngày rằm tháng 8 Mậu-thìn)

Ở Giang-thành gửi bác Đông-hồ

Dòng văn mạch học tạc chưa liền,
Tương-biệt nhỡ-nhàng chuyện bút
nghiên;

Y thực phải theo chiều gió thổi,
Thê-noa vì chút nợ mình riêng;
Nước non man-mác châu mây thăm,
Sớm tối bồi-hồi chiếc gối nghiêng;
Thành trúc xa trông chiều bóng giãi,
Đường về tung gió mấy con thuyền.

(Ngày 30 tháng 4 Mậu-thìn)

Qua lối cũ có cảm

Cước gọi vào hè nhớ nước non,
Thời-gian mưa nắng những hao mòn;
Bâng-khuâng tình-tử người say mộng,
Lai-lãng hồn-thơ gió thổi buồn;
Lối cũ giữa-nghiêng thành quách đồ,
Đồn xưa rêu-rĩ trúc mai tàn;
Ven trời góc bể màu sương nhạt,
Thêm nảo lòng ai lộp sóng cồn.

(Ngày 1 tháng 5 năm kỷ-tị)

Chiều thu ở Nam-phố

Một dãy non sông cảnh sắc mù,
Liền trời mây nước một màu thu;
Mênh-mông bạc diêm buồm vi-vút,
Lác-dác vàng bay lá phất-phơ;
Tiếng sóng chiều reo chim nháo-nhác,
Cành mai bóng dãi khách lơ-thơ;
Dưới hoa còn thấy đàn con trẻ,
Múa hát tưởng chi khéo lắng-lơ.

(Ngày 10 tháng 8 năm kỷ-tị)

Ở vườn

Cước thế lung tung gió bụi đầy,
Nợ trần ai trả mặc ai vay;
Trúc tơ hăng dạo cùng non nước,
Thơ rượu cho qua với tháng ngày;
Rừng suối tính quen màu lặng-lẽ,

Phiêu hoa tai chán chuyện chua cay,
Sớm trưa muỗi biết nghe chim hát,
Thời tiết xem hoa lúc đổi thay.

(Ngày 12 tháng 9 năm kỷ-tị)

Đêm đông độc-âm

Nhác thấy sân lê bóng nguyệt đầy,
Đêm đông đã uống uống cho say!
Rời ra trời đất dù nghiêng-ngửa,
Mới biết non sông có đổi thay;
Chénh-choáng xem coi người thật giả,
Gật-gù ngâm nghĩ chuyện xưa nay;
Trăm năm cuộc thế chân hay mộng,
Chiếc lá trên cành lẽ-lẽ bay.

(Ngày 16 tháng 10 năm kỷ-tị)

Chơi bãi ở Văn-trung nhớ cố-nhân

Hoa xưa năm trước còn cười gió,
Bến cũ ngày nay những nhớ người;
Mặt bể trăng lồng gương thấp-thoang,
Nước đi khôn tả mối tình hoài.

(Ngày 7 tháng 1 năm canh-ngọ)

Dưới trăng ngọ cố-nhân

Mặt bể lưng trời sương trắng phau,
Dưới trăng gặp-gỡ thú là bao;
Cầm tay sẽ hỏi băng hay ngọc,
Hay khách chơi xuân lạc suối đào.

(Ngày 9 tháng 1 năm canh-ngọ)

Chơi xuân có cảm

Trước gió nức hương trùn màu trắng,
Sau vườn vang tiếng cái oanh vàng;
Chơi xuân ướm hỏi người du-tử,
Non nước từ xưa ai diêm-trang.

(Ngày 12 tháng 1 năm canh-ngọ)

LÊ BẠCH-NGHƯ (Hà-tiên)

Văn chúc sinh-nhật cụ Thái-xuyên tướng-công của dân Thái-hà

Cối kiêu-mộc vững nền nước cũ,
Bóng cam-đường rợp cõi Đông-kinh;
Lòng dân kính-mến đã dành,
Mà càng thân cận ơn tình càng sâu.

Năm canh-tuất đương triều Tự-đức,
Ngọn Hồng-sơn chung-đúc nhạc-
thần ;

Ừng sinh vì nước vì dân,
Khoa-danh nhẹ bước phong-vân thẳng
đường.

Ngoài biên-khôn tuyết sương chẳng
ngại,

Trong khu-cơ ưu-ái quên già ;

Một tay chống đỡ sơn-hà,

Lòng son tóc bạc kể đà mấy niên.

Năm-tư tuổi diên-viên qui lão,

Hữu-đình là chốn dạo chơi xưa ;

Đống-đá khai-thác bao giờ,

Hoa chen vườn hạnh, hương đưa dặm
hồng.

Nay ăn quả công trồng phải nhớ,
Chữ Thái-hà biết thừa nào quên ;

Non sông đời-lệ còn bền,

Còn bia công-đức đứng bên sinh-tử.

Ơn huệ-đương lộc dư chung-đỉnh,

Lễ thần-hôn nhà sẵn đai-cân ;

Phần-dương phúc-trạch vô-ngần,

Xóm Ồ-y cũng được phần thơm lây.

Niệm sinh-phật kể nay ngày đán,

Cảnh nhà tiên vô-hạn xuân dài ;

Cầm-đường ngày tháng thánh thời,

Mỗi năm là một chúc lời họa-phong.

Phó-bảng NGUYỄN CAO-MỘNG soạn

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ ngày mồng 1 đến 31 tháng ba tây)

Ngày mồng 1 tháng 3 năm 1931.—

Tờ hiệp-ước về hải-quân của ba nước Anh, Pháp, Ý đã làm xong, Chính-phủ Anh còn thông-cáo cho các thuộc-địa tự-trị (*Dominions*) và cho hai chính-phủ Mĩ và Nhật rồi mới tuyên-bố các điều-kiện cho thiên-hạ biết — Bác-sĩ DENGLEY lãnh-tự đảng binh-dân nước Đức (*populiste*) diễn-thuyết ở *Cologne* công-kích kịch-liệt về cái thái độ của đảng quốc-gia (*nationaliste*), muốn quyết-liệt hẳn với đảng ấy.

Ngày mồng 2.—Hội Hàn-lâm Khoa-học nước Pháp bầu vào chân hội-viên chính-thức, về ban khoáng vật-học (*minéralogie*), ông CHARLES JACOB giáo-sư ở trường Đại-học *Sorbonne*.

— Ở Anh, ông CHARLES TREVEYLAN, là Tổng-trưởng bộ Học không đồng ý

với các bạn đồng-sự trong tòa Nội-các MAC DONALD xin từ chức. Việc từ-chức này cũng làm cho yếu thế Nội-các Lao-động đi.

— Bác-sĩ LUTHER, là Tổng-trưởng nhà Đức-quốc-ngân-hàng (*Reichsbank*) diễn-thuyết ở hội chợ thành *Leipzig* nói về các khoản nợ của nước Đức, có công-nhận rằng chương-trình YOUNG là có điều tiện-lợi.

Ngày mồng 3.— Nghị-viện Pháp thảo-luận về sổ chi-thu bộ ngoại-giao. Quan Tổng-trưởng BRIAND có diễn-thuyết tổng-thuật về cái chính-sách ngoại-giao của ngài, được đa-số Nghị-viện hoan-nghehnh.

— Ngoại-tướng nước Đức là bác-sĩ CURTIUS đi công-cán sang kinh-đô *Vienne* nước Áo, đến nơi được thiên-hạ hoan-nghehnh lắm. Nghe nói cuộc công-cán này là chủ-ý mưu việc liên-

hiệp hai nước Đức - Áo về đường thương-chinh.

— Việc thương-thuyết của ông GANDHI với phó - vương Ấn-độ nghe chừng có thể thỏa-hiệp được.

Ngày mồng 4. — Ở nhà Pháp quốc-đồ - thư-quán (*Bibliothèque nationale*) mở một cuộc trần-liệt các sách-vở về thuộc-địa (*Exposition des colonies*).

— Công-tước MAURA, là tổng-trưởng bộ lao - động nước Tây - ban - nha, mới lập một chính-đảng đặt tên là đảng «Trung-trong-lập-hiến» (*Centre constitutionnel*)

— Quốc-hội nước Mĩ bế-mạc khóa hội-đồng thường-niên.

Ngày mồng 5. — Ở Chung-nghi-viện Anh chính-phủ tuyên-đọc các điều-khoản hiệp-ước của Phó-vương Ấn-độ cùng ông GANDHI vừa thỏa-định xong.

Ngày mồng 6. — Thượng-nghi-viện Pháp quyết-nghị bản luận-tiếp-tục đặc-quyền cho nhà «Đông-Pháp ngân-hàng» (*Banque de l'Indochine*).

— Theo hiệp-ước vừa thỏa-định với ông GANDHI, phó-vương Ấn-độ thu-hồi mấy bản nghị-định trái với lòng dân Ấn-độ.

Ngày mồng 7 — Ở Pérou (Nam-Mĩ) một đảng quân-phiệt mới lập nên, chiếm quyền chính-phủ, do đại-úy GUSTAVO JIMENEZ chủ-trương.

Ngày mồng 8. — Ông HERRIOT thị-trưởng thành Lyon đứng chủ-tịch lễ khánh-thành một pho tượng kỷ-niệm BARTHELEMY THÉMONNIER là người chế ra máy khâu trước nhất.

— Thủ-tướng Đức BRUNING diễn-thuyết ở hội học-sinh tại Berlin khuyên các học-sinh không nên theo chương-trình của các đảng cực-đoan cùng lý-thuyết về chính-thể chuyên chế.

— Ở Bulgarie và Yougo-slavie có động đất, cũng tai-hại ít nhiều.

Ngày mồng 9. — Ở Chung-nghi-viện Anh, có thảo-luận về tổng-ước trọng-tài (*acte général d'arbitrage*), chính-phủ Anh xin ưng-nhận ước đó, đảng bảo-thủ phản-đối. Sau ngoại-tướng HENDERSON diễn-thuyết thời Nghi-viện bỏ về quyết-nghị, được 231 phiếu ưng, đối với 139 số phản-đối.

— Ở Đức, hội các chủ xưởng chế-kim ở hạt Bavière định bãi 40.000 thợ.

— Nước Nga và nước Thổ ký biên-bản hội-nghị về vấn-đề chế-tạo về hải-quân.

— Học-sĩ Ấn-độ (*pandit*) JAWHARLAL NEHRU có tuyên-bổ nói rằng hiệp-ước của ông GANDHI với phó vương Ấn-độ vừa thỏa-định xong chưa phải là hai bên đã hòa-bình hẳn đâu, mới là hai bên tạm hưu-chiến đó mà thôi.

Ngày mồng 10. — Nghi - viện Pháp thảo-luận về số chỉ - thu bộ học, quyết-nghị cho lớp thứ năm ở các trường Trung-học không mất tiền. — Ban tài-chính Thượng-nghi-viện định giảm số tiền dự đề cứu-cấp cho các thợ thất - nghiệp từ một trăm triệu xuống hai-mươi-lăm triệu.

— Chính-phủ Anh nhận được thư trả lời của chính-phủ Nhật về bản hiệp-ước hải-quân Anh Pháp Ý. Nước Nhật ưng-thuận, duy có dị-nghị một vài điều nhỏ.

Ngày 11. — Hai quan Tổng-trưởng bộ ngoại-giao và bộ hải-quân nước Pháp trình bày cho ban ngoại-giao ở Nghi-viện các điều-khoản hiệp-ước hải-quân Anh, Pháp, Ý. Toàn-văn hiệp-ước này công-bố cho thiên-hạ biết.

— Ông PIETRI tổng-trưởng bộ tài-chính diễn-thuyết ở Nghi-viện, trình bày về tình-trạng tài chính nước Pháp và nói cần nên dùng hết các kế-hoạch để giữ

cho số dự-toán được quân-binh. Ban tài-chính Nghị-viện thời quyết-nghị rằng muốn cho số dự-toán được quân-binh, quyết không nên tăng các thuế.

— Các nhà công-nghệ Đức về nghề sắt và nghề điện có cử một phái-bộ sang Nga để giao-thiệp với chính-phủ Xô-viết, phái-bộ hiện đã về, được nước Nga giao-khoán cho làm các sở điện và các máy-móc tới ba trăm triệu mã-khắc.

Ngày 12. — Một hạm-đội nước Ý đi tuần bề hiện đến đóng ở cửa *Alger*, chính-phủ bản-xứ có mở hội để nghênh-tiếp. — Cuốn thứ nhất bộ tự-diễn hội Hàn-lâm nước Pháp về bản mới đã cho đem in, định đến đầu tháng 5 thời đem đệ-tặng quan Giám-quốc là chức « bảo-hộ » (*protecteur*) của hội Hàn-lâm.

— Ở Chúng-nghị-viện Anh mở cuộc thảo-luận lớn về vấn-đề Ấn-độ. Ông BALDWIN diễn-thuyết bày-tỏ ý-kiến của đảng bảo-thủ. Ông CHURCHILL bác bản hiệp-ước của Phó-vương Ấn-độ ký với ông GANDHI. Ông WEGDWOOD BELL trả lời thay chính-phủ. Lại có tin ông GANDHI bị đau.

— Giám-quốc Thổ-nhĩ-kỳ MUSTAFA-KEMAL vừa dự-bị cuộc tổng-tuyên-cử sau này, vừa định đổi mới các ngạch quan-lại nước Thổ, người nào có ý phản-đối với chính-thể mới thì bãi-trừ cho hết.

Ngày 13. — Nghị-viện Pháp đã thảo-luận xong về số dự-toán. Toàn-thể số dự-toán được 460 phiếu quyết-nghị đối với 120 phiếu phản-đối.

Ngày 14. — Ông ARISTIDE BRIAND kể đến ngày hôm nay vừa được hai-mươi-lăm năm mới bắt đầu tham-dự vào chính-phủ, các bạn đồng-chí làm lễ kỷ-niệm đề tỏ lòng hâm-mộ.

Ngày 15. — Chính-phủ Nhật ưng thuận đặt một hội-đồng các nhà pháp-luật để bàn cách đem hiệp-ước hải-quân Anh, Pháp Ý, sáp-nhập vào hiệp-ước Anh Nhật Mĩ trước. Theo ý nước Mĩ thì muốn cứ để hai ước ấy song-lập.

Ngày 16. — Ở *Genève* họp hội-nghị hiệp-tác về kinh-tế lần thứ ba.

— Ở Chúng-nghị-viện Anh thảo-luận về dự-án sửa-đổi lại lệ bầu-cử trong nước. Khi đầu-phiếu quyết-nghị thì nội-các lao-động bị thua, phải hai trăm bốn mươi sáu vé phản-đối đối với hai trăm bốn mươi hai vé ủng-thuận. — Hiệp-ước hải-quân định đến ngày mười chín tháng ba thì biên-định xong hẳn ở *Londres*.

— Chính-phủ tỉnh Vân-nam nước Tàu khuynh-đảo viên chủ-tịch là Long Vân.

Ngày 17. — Hội-nghị Kinh-tế Vạn-quốc họp ở *Genève*, không thể thỏa-quyết được các vấn-đề, định bế-mạc khóa này.

— Thượng-nghị-viện Ba-lan (*Pologne*) duyệt-y các hiệp-ước thương-mại và thanh-toán vừa ký với nước Đức.

Ngày 18. — Ban ngoại-giao ở Nghị-viện Pháp xét về bản hiệp-ước hải-quân Anh Pháp Ý, cử ông EMILE BOREL làm ủy-viên để làm tờ trình.

— Nước Nhật và nước Mĩ định trong việc biên-định bản hiệp-ước hải-quân Anh Pháp Ý không trực-tiếp tham-dự, chỉ phái ủy-viên đến tham-sát mà thôi.

— Chính-phủ Thụy-sĩ chuẩn-y luật mới về tiền-tê, định lấy tiền vàng làm bản-vị.

Ngày 19. — Ban tài-chính Thượng-nghị-viện Pháp đã xét xong số dự-toán năm 1931, có sửa-đổi lại bản dự-thảo của Hạ-nghị-viện, tính ra số thu-nhập

đôi ra được 180 triệu, chứ không phải 11 triệu như trước nữa.

— Các phái-viên Anh Pháp Ý đã bắt đầu biên-thảo bản hiệp-ước hải-quân. Các viên «tham-sát» (*observateurs*) của nước Mỹ và nước Nhật không tham-dự.

— Tổng-trưởng GREENER nước Đức diễn-thuyết ở Nghị-viện yêu-cầu cho nước Đức về đường quân-bị cũng được bình-đẳng như các nước khác.

Ngày 20. — Nghị-viện Đức bỏ phiếu quyết-nghị chuẩn-chi các khoản để làm một chiếc chiến-hạm kiểu « B ». Đảng xã-hội dân-chủ (*social démocrate*) không bỏ vé.

— Nguyên thủ-tướng nước Đức MÜLLER tạ-thức.

Ngày 21. — Nước Đức và nước Áo thỏa-định xong một bản hiệp-ước về thương-chánh. Thiên-hạ ngỡ bản hiệp-ước này là bước đầu trong cuộc vận-động sáp-nhập Áo với Đức, cho nên chính-phủ các nước lấy làm chú-ý lắm, có gửi quốc-thư về Vienne để chất-vấn các lẽ.

Ngày 22. — Nhân vì đại-biểu các nước Pháp, Ý, Tcheco-Slovaquie khẩn-khoản chất-vấn chính-phủ Vienne về hiệp-ước thương-chánh mới ký với nước Đức, nói rằng hiệp-ước ấy là trái với lời giao-ước của nước Áo, đã cam-đoan nhận hội Vạn-quốc giám-đốc và không được ký tư-ước với nước nào, chính-phủ liền trả lời rằng hiệp-ước ấy mới còn dự-định mà thôi chưa thành được.

Ngày 23. — Thượng-Nghị-viện Pháp mới bắt đầu thảo-luận về số dự-toán.

— Ngoại-tướng Đức thuyết-minh cho các đại-sứ Pháp, Anh, và Ý ở Berlin biết nội-dung bản dự-án hiệp-ước thương-chính của hai nước Áo-

Đức. Các chính-phủ cho hiệp-ước này có quan-hệ đến cuộc hòa-bình, rất lấy làm chú-ý.

Ngày 24. — Ngoại-tướng Pháp BRIAND khai kỳ hội-đồng thứ nhất về ban ủy-viên xét về vấn-đề Liên-Âu; hội-đồng họp ở bộ ngoại-vụ Pháp.

— Ở Nghị-viện Đức, đảng xã-hội dân-chủ kháng-nghị về việc hiệp-ước thương-chính Áo-Đức, nói rằng việc này chính-phủ làm u-âm không để Nghị-viện biết, nay việc xong rồi mới cho biết thì muộn quá.

Ngày 25. — Bộ ngoại-vụ Pháp mấy bữa nay rất hoạt-động vì việc hiệp-ước Áo-Đức. Hằng ngày thương-thuyết với sứ-thần các nước, với yếu-nhân các đảng, lấy làm việc quan-trọng lắm. Đại-sứ Anh ở Berlin và ở Vienne đến yết thủ-tướng BRUNING và SCHÖBER để chất-vấn về việc đó một cách rất khắt-khoản.

Ngày 26. — Đại-sứ Anh ở Berlin lại đến tiếp ngoại-tướng Đức CURTIUS để hết sức yêu-cầu hoãn việc ký hiệp-ước Áo - Đức. Nghị-viện Đức thời cho chính-phủ được toàn-quyền định về thuế thương-chánh, rồi giải-tán định đến ngày 13 tháng 10 mới lại khai-mạc.

Ngày 27. — Nghị-viện Pháp quyết-nghị một bản luật để bảo-hộ cho máy thứ sản-vật của thuộc-địa, như cà-phê, cao-su. — Ban tài-chính Hạ-nghị-viện lại đặt lại khoản dự-toán để cứu cho các thợ thất-nghiệp lên 100 triệu, không theo số 25 triệu của Thượng-nghị-viện định.

Ngày 28. — Ngoại-tướng Pháp BRIAND diễn-thuyết ở Thượng-nghị-viện nói về bản hiệp-ước Áo - Đức, bài-bác bản hiệp-ước ấy và công-kích cái cách lập-ước bí-mật của hai nước.

—Ban trị-sự của đảng quốc-gia Ấn-độ duyệt-y bản hiệp-ước GANDHI-IRWIN (IRWIN là tên phó-vương Ấn-độ) và cử ông GANDHI để thay mặt đảng tại kỳ hội-ng nghị sau này.

Ngày 29. — Thủ-tướng SCHÖBER nước Áo tiếp đại-biểu các báo nói rằng việc đình-ước về chương-trình của hai nước Áo Đức là việc riêng của hai nước không có điều gì là trái với các hiệp-ước quốc-tế cả.

Ngày 30. — Ngoại-tướng Anh HENDERSON diễn-thuyết ở Chúng-ng nghị-viện về việc hiệp-ước Áo-Đức, nói việc này quan-hệ phải đệ-trình hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc.

— Hội-đồng trị-sự hội Vạn-quốc định đến ngày 18 tháng 5 thì khai kỳ hội-đồng thứ 63.

Ngày 31. — Chính-phủ Pháp định các người ngoại-quốc sang xem cuộc Đấu-xảo thuộc-địa cho được miễn giấy thông-hành.

— Ngoại-tướng Đức CURTIUS diễn-thuyết ở Hội-ng nghị đế-quốc đáp lại những lời của Chính-phủ các nước bài bác về hiệp-ước Đức-Áo và nói nước Đức sẵn lòng đem hiệp-ước ấy trình cho Hội Vạn-quốc.

Thời-cục nước Tàu. — Từ khi Quảng-châu khởi lên cái phong-trào phản-l'ướng, đã làm lễ lập ra chính-phủ mới chống với chính-phủ Nam-kinh; các viên-chức trong chính-phủ mới có những người như là Uông Tinh-Vệ, Trần Hữu-Nhân, v. v.. Về phương-diện việc quân định cử Hứa Sung-Tri làm tổng-tu-lệnh, còn Trần Tế-Đường và Lý Tôn-Nhân vẫn chia nhau đốc-suất quân Quảng-đông và Quảng-tây, Tôn Khoa sẽ làm chủ-tịch chính-phủ Quảng-đông.

Có tin nói bọn Đường Thiệu-Nghi, Uông Tinh-Vệ, Hứa Sung-Tri, Châu Lỗ, Trần Hữu-Nhân, Lý Tôn-Nhân, Bạch Sung-Hi, Trương Phát-Khuê, do Đường đứng đầu, liên-danh điện cho Tưởng Giới-Thạch xin lập tức thoái-vị, nếu không sẽ kể tội là phá-hoại cuộc hòa-bình. Hạn trong 48 giờ trả lời. Bức điện-văn dài hơn nghìn chữ, Lý Liệt-Quân cũng ký tên.

Đồng-thời Tôn Khoa cũng gửi điện cho Tưởng, cũng một ý như bọn Đường Thiệu-Nghi. Tưởng cho bức điện của bọn Đường không cần phải trả lời, chỉ trả lời riêng bức điện của Tôn Khoa như sau này :

« Tôi vừa đọc bức điện của đại-huynh phụ-họa với bọn Đường Thiệu-Nghi, Uông Tinh-Vệ, muốn cho Trung-Chính này ngay sau khi đọc xong phải bỏ cái trách-nhiệm của đảng-quốc đã giao cho, sau khi tôi lấy làm hãi lạ, lại càng đau-dớn lắm. Trung-Chính này hiến thân vào cuộc cách-mệnh là chịu lời phó-thác của Tổng-lý, chức chủ-tịch và các chức kiêm đều vàng mệnh-lệnh của đảng-quốc, không phải riêng của một người cho, thì không phải riêng một người bắt thôi được. Đại-huynh cho rằng Trung-Chính này có phụ cái trọng-trách của Tổng-lý đã phó-thác, nên bỏ chức để tạ đảng-quốc, thì nên lấy cái thủ-tục hợp-pháp đến kiến-ng nghị ở đảng-bộ mới phải, nếu đảng quả quyết-ng nghị bắt Trung-Chính phải từ chức, Trung-Chính quyết không dám tham-lưu lại một phút nào. Đại-huynh không nghĩ về điều đó, để cho những kẻ phản-động và đảng-đồ cộng-sản chúng nó lợi-dụng. ý toan phá-hoại hòa-bình, phá-hoại thống-nhất để hiệp-bách Trung-Chính, sự tiến-thoái của phần riêng Trung-Chính đây không đủ tiếc, còn cương-kỷ của đảng-quốc thì sao ?

Đến như bảo Trung-Chính này đối với chính-sự, độc-đoán tự-chuyên, tôi lại không rõ chỉ vào việc gì mà nói thế.

«Vài năm trở lại đây, những việc hưng-cách to-tát của quốc-gia, không việc gì là không chịu mệnh đấng, và không một việc gì là không có bọn đại-huynh cùng chủ-trương, bọn đại-huynh trước kia đã cùng dự, bây giờ bỗng lại chệ-bại, xưa nay trái nhau, rõ như hai người, thực đáng lạ vậy. Nếu cho là các việc trước nên có thay đổi, thì đâu nên dùng cái thủ-tục hợp-pháp mà sửa lại, phạm là mệnh đấng ai dám không theo. Còn như bọn Đường Thiệu - Nghi không biết lấy cái tư-cách gì mà yêu-cầu Trung-Chính phải bỏ chức, tôi chỉ cười mà không để ý đến, chỉ nghĩ đại-huynh là con của Tổng - lý, khi đi xuống Quảng - đông, lần-lượt nói với các tiên-sinh Ngô, Lý, Thái, Trương là cốt đề điều-giải cán-toàn, nay đến Quảng-châu lại có bức điện ấy, hoặc vì hoàn-cảnh bức-bách, chứ không phải bản-tâm. Theo lời di-huấn: «Việc cách-mệnh còn chưa thành-công, bạn đồng chí vẫn phải cố sức», lại tin hẳn cái nghĩa thực cách-mệnh là trách-nhiệm chứ không phải là quyền-lợi, việc tranh cướp vẫn không dung, việc phóng-khí lại cũng không dám, còn mong đại-huynh nghĩ lại cái công-phu sáng-nghiệp rất khó-nhọc của Tổng-ly, sự cố sức phấn-đấu của các bạn đồng-chí, kính theo lời di-huấn hòa-bình thống-nhất, cứ giữ cái lòng nghĩ lúc đầu khi còn ở Thượng-hải, kể-tục ra sức, cùng nhau làm xong cuộc cách-mệnh, chớ để kẻ khác lừa dối đi lạc vào con đường khác, khiến kẻ thù được hả dạ mà người thân phải đau lòng.»

Sau khi xảy ra việc phản Tưởng ở Quảng-đông, Tưởng Giới-Thạch vẫn tỏ ra cái thái-độ an-nhàn, tại cuộc kỷ-niệm chu-niên của chính-phủ quốc-dân, Tưởng có tuyên-ngôn mấy điều sau này:

1. Tình Quảng-đông từ hôm thông điện độc-lập đến nay các phần-tử phản-động quấy rối ở các nơi, quả là sự thực nhưng không đáng lo, tôi chắc chỉ trong một tháng, không phải động đến một tên lính nào, có thể giải-quyết được ;

2^o Vì việc Quảng-đông đến nỗi việc giao-thiệp về pháp-quyền phải đình-đốn, nhưng đợi đến khi sự thực đã bày ra, các nước tất hiểu rõ, tự biết là lầm ;

3^o Cuộc quốc-dân hội-nghị quyết không vì thế mà phải hoãn lại.

Tưởng Giới-Thạch lại báo-cáo về cái thái-độ đối với thời-cục. Đại-ý nói:

Cuộc quốc-dân hội-nghị cử-hành, công-việc phá-hoại về kỳ thứ nhất của cuộc quốc-dân cách-mệnh đã xong, hiện nay nên tiến-hành việc làm kỳ thứ hai để làm xong công việc kiến-thiết.

Uông Tinh-Vệ là người trước sau liên-lạc với đảng cộng-sản, đã cùng Tôn Khoa, Trần Hữu-Nhân đến Quảng-đông. Nghĩ họ phản-đối thống-nhất, phá-hoại chính-phủ, làm náo loạn như thế, nếu có thể thành-sự, thì không đợi cách-mệnh. Vì đảng có thống-hệ, đảng có trung-tâm, quyết không phải số ít người có thể đánh đổ được.

Cuối cùng Tưởng lại nói các bạn cách-mệnh đồng-chí đã có tuổi là bậc tiên-tiến trong bản-đảng, lẽ nên phải tôn-kính. Nhưng nếu bọn ấy trái đảng-kỷ, đứng vào cái địa vị phản-đối chính-phủ trung-ương, khiến cho quốc-gia không thể tồn-tại, cách-mệnh không thể thành-công, thì phải coi như kẻ bạn-nghịch mà tiêu-diệt đi, điều đó không phải là hậu-bối bài-xích tiêu-bối, xin người nước xét cho.

Trong cuộc hội-nghị toàn-thê lập-pháp ủy-viên mở ở Nam-kinh vừa rồi, Tưởng Giới-Thạch diễn-thuyết về

việc Quảng-dông. Đại-y nói đối với việc Quảng-dông vẫn theo cái tinh-thần hòa-bình, quyết không khinh mở việc binh-nhung, nếu vạn-nhất có xảy ra, chính-phủ trung-ương cũng có thể dẹp đi được. — Rồi do Thiệu Nguyên-Xung, Vương Dụng-Tân đứng lên nói : Năm trước tước bọn phản-dộng, nước nhà và nhân-dân chịu thiệt-hại rất nhiều. Phàm sự rắc-rối về chính-trị, nên do pháp-luật giải-quyết. Nhưng bản-thân pháp-luật vốn là trống không, nên muốn cho pháp-luật thi-hành được có hiệu-lực, thì nhân-dân cả nước phải cùng tuân giữ, rất mong Tưởng chủ-tịch đem cái tinh-thần ấy lần dẹp yên kẻ ban-nghịch, noi giữ pháp-luật nước nhà làm mô-phạm cho bốn vạn vạn quốc-dân.

Ban trung-ương chấp-giám ủy-viên đã mở cuộc hội-ng nghị, bàn về cái thái-độ đối với việc Quảng-dông, quyết-nghị ủng-hộ cái vị-trí chủ-tịch chính-phủ quốc-dân và các vị-trí hải-lục không-quân tồng-tư-lệnh của Tưởng Giới-Thạch, quyết diện cho chín vị ủy-viên trung-ương lưu ở Quảng-châu mau mau về Nam-kinh, cùng bàn cái đại-kế hòa-bình, hạn trong 48 giờ đồng-hồ phải dời Quảng-dông.

Chính-phủ trung-ương đối với thời-cục Quảng-dông định dùng cái thủ-đoạn chính-trị để giải-quyết. Nghe dân đã phái bọn Trương Kế, Ngô Thiết-Thành bàn định mọi việc.

Tôn Khoa sau khi do bọn Ngô Trí-Huy, Trương Tĩnh-Giang, Lý Thạch-Tăng, Khổng Tường-Hi giải - thích những điều hiểu lầm về việc xin tha Hồ Hán-Dân, Tôn đã diện cho Cồ-Ứng-Phân, Trần Tế-Đường, đại-y nói các ủy-viên trung-ương rất mong do trong đảng giải-quyết những việc rắc-rối hiện-tại, và mình định trở về Kinh cán-toàn việc ấy, chớ nên vọng-dộng.

Nghe đầu Tôn Khoa có ước với Hồ Hán-Dân cùng đến nhà Vĩnh-mộ ở Mao-sơn tạm nghỉ.

Trương Kế vừa đến Bắc-bình có nói rằng khi đến Quảng-dông, cùng bọn Cồ Ứng-Phân, Trần Tế-Đường, Uông Tinh-Vệ hội-kiến nhiều lần, ý rất thành-khản, chính-phủ Quảng-dông đầu thành lập, nhưng các yếu-nhân tỏ ý đều không muốn quyết-liệt, không muốn đánh nhau. Nếu có thể về phương-diện đảng-chính tìm cách giải-quyết được xong xuôi, chính-phủ Quảng-dông cũng có thể bỏ được, nhất là bọn Đường, Uông lại tỏ ra ý khản-thiết lắm. Chính - phủ trung-ương sẽ phải người khác xuống Quảng-dông bàn tính kỹ-càng hơn. Hiện nay nước nhà có nhiều việc biển, phía nam có bọn thổ-phỉ và đảng cộng-sản, phía bắc thì trừ những sự khó-khản về quân-dội ra, còn có bọn chủ-nghĩa đế-quốc dòm-nom ở bên, cho nên mong các bạn đồng-chi Quảng-dông, nên nghĩ đến việc giữ toàn đại-cục và chú-ý đến sự khổn-nạn vì hoau-cảnh miền bắc, đối với sự cạnh-tranh bất-bình ở trong đảng, ai nấy đều nên nhẫn-nại thì hơn. Các yếu-nhân ở Quảng-châu rất lấy làm phải, ngay Chính-phủ trung-ương cũng giữ ý ấy, cho nên trong hội trung-ương toàn-thể lần thứ năm vừa rồi, quyết-nghị lấy việc tiêu-phỉ làm trọng. Tưởng Giới-Thạch cũng hai ba lần tỏ ý không kè thế nào, đối với Quảng-dông tuyệt không dụng binh, ngay sau khi đã dẹp yên đảng cộng-sản rồi cũng chỉ lấy chính-trị giải-quyết. Còn Hồ Hán-Dân ở kinh, rất là an-thích, không có gì lo ngại cả.

Sáng sớm ngày 5 tháng năm cuộc quốc-dân hội-ng nghị đã khai-mạc ở Nam-kinh. Số người dự hội, có 43 ủy-viên trung-ương, 447 đại-biểu các tỉnh, đại-

biểu các cơ-quan các đoàn-thể, và công-sứ Anh, Mi, Ba-tây cùng các viên đại-diện tham sự các nước, ước hơn ngàn người, Tưởng Giới-Thạch đọc lời khai-mạc, lược thuật cái thành-tích chính-trị của chính-phủ quốc-dân trong hai năm nay. Càng chú-ý về cái tình-hình chính-trị Nga Sô-viết và cái kế-hoạch kiến-thiết 5 năm.

Nghị-hội ưng-chuẩn một khoản bài-xích cái phong-trào phản-đối ở Quảng-châu. Nghị-hội vẫn họp không nghỉ, như lời đoán trước.

Đái Qui-Đào có đến yết-kiến Hồ Hán-Dân và đại-biểu trung-ương mời Hồ dự cuộc quốc-dân hội - nghị. Nhưng Hồ lấy cớ là chưa khỏi bệnh mà từ chối.

Lại có tin rằng trong khi Đái Qui-Đào khần-khoản mời Hồ ra dự cuộc hội-ng nghị, Hồ có nói: « Phải đền lại thể-diện của tôi thì tôi mới dự hội. »

Hồ ở nhà riêng, thái-độ rất nhàn-thích, mỗi ngày ngoài các cuộc tiêu-khiển đánh cờ viết chữ, lại ngâm một bài thơ.

Hồ Hán-Dân có điện cho Cồ Ứng-Phân ở Quảng-dông, khuyên nên nghĩ đến sự bảo-toàn đại-cục, chớ vì đảng cộng-sản gây nên cơ-hội. Hồ có nói chuyện với một ủy-viên trung-ương rằng bức điện gửi cho Cồ Ứng-Phân không dám chắc có hiệu-lực, nhưng rất mong chớ nên vì việc riêng mà động cảm-tình, đề lo cho đảng-quốc. Bức điện ấy giao cho chính-phủ phát đi, đề tỏ lòng minh-bạch.

Hội trung-ương toàn-thể vừa rồi đã bàn đến vấn-đề xuất - xứ của Hồ. Tưởng Giới-Thạch xin nhường Hồ chức trưởng-viện hành-chính, đợi Hồ cùng ý sẽ quyết-định ngay. Bức điện cuối cùng của ủy-viên Quảng-dông có nói chỉ cần giữ cho địa-vị của Hồ được tôn-nghiêm vô-khuyết, các việc khác đều có thể thương-lượng được.

Tưởng Giới-Thạch đi Giang-tây quyết tiêu-trừ cộng-sản, đặt hành-doanh ở Cửu-giang. Tưởng định mời Hồ Hán-Dân cùng đi đến dưỡng bệnh ở Lu-sơn, để cho khỏi có những tin đồn bậy.

Thái Nguyên-Bồi có nói chính-phủ trung-ương hiện đang chú-ý về việc tiêu-phỉ. Tưởng thân hành đốc-tiểu và binh-lực và mười vạn, dẹp yên thực không khó gì. Đối với Quảng-dông vẫn chủ hòa-bình, không thay đổi cách chủ-trương từ trước.

Sau khi Tưởng đi tiêu-trừ cộng-sản, việc trong chính-phủ quốc-dân do Vu Hữu-Nhiệm thay, trưởng-viện hành-chính do Tống Tử-Văn thay, công việc ở tổng-bộ do Chu Bồi-Đức thay. Các việc trọng-yếu vẫn điện đến hành-doanh hỏi ý.

Tưởng đi tiêu-cộng lần này mang 500 vạn đồng quân-lương, một phần tự mang đi, còn một phần sẽ gửi đến sau.

Có tin ở Nam-kinh rằng tổng-bộ có phát-hiệu bức thư Tưởng Giới-Thạch trước khi đi tiêu-trừ cộng-sản bố-cáo tướng-sĩ cả nước, có mấy điều trọng-yếu như sau này :

1^o Giải-trừ cuộc nội-chiến, bảo-chương cuộc thống-nhất ;

2^o Tiêu trừ cộng-sản, yên-định xã-hội. Cuối cùng nói : Trung-Chính này đợi sau tiêu-trừ cộng-sản, lập tức dời giáp về chốn điền-viện, bày rõ tâm-tích. Vạn nhất Trung-Chính này có phải bỏ mạng ở chốn cương-trường, theo lời Tòag-ly ở dưới đất, mong rằng tướng-sĩ nên nối theo di-chí của Trung-Chính này, làm xong cuộc cách-mệnh, thì những lời Trung-Chính nói với các tướng-sĩ hôm nay, coi ngay như lời di-chức của Trung-Chính này cũng được.

Trần Minh-Khu theo lời Tưởng Giới-Thạch hiện đã từ Nhật trở về nước đi

đến Nam-kinh yết-kiến Tướng bàn cách giải-quyết thời-cục Quảng-đông. Trần lại cưỡi máy bay đến Nam-xương yết-kiến Hà Ứng-Khâm, rồi lại sang phía nam Giang-tây ủy-lạo hai toán quân Tướng Đinh-Văn và Thái Đình-Khải, chỉ bảo cơ-nghi. Trần di chuyển này rất là bí-mật, bên ngoài không mấy người biết. Trần có điện về chính-phủ Nam-kinh xin tiếp tế lương-thực cho hai toán quân Tướng, Thái, chính-phủ đã bằng lòng gửi cho một trăm vạn đồng.

Trương Học-Lương từ khi từ giả Nam-kinh cưỡi máy bay về Bắc-bình, có tin Trương bị bệnh trầm-trọng, sau đã thuyên-giảm dần, Tướng Giới-Thạch rất quan-tâm về bệnh-tình của Trương, ngày nào cũng có điện đến hỏi thăm, vì thế nên bộ phó-tư-lệnh ở Bắc-bình ngày nào cũng có điện về kinh báo-cáo, Trương Quần đại-biểu Tướng lên thăm bệnh Trương, chờ bao giờ Trương khỏi mới trở về.

Trương Học-Lương vừa rồi lại hạ lệnh cho mang thêm quân Liêu-ninh là 3700 người vào chia đóng ở Bắc-bình và Thiên-tân cùng các nơi, hiện đã có quân đóng. Số ấy hợp với số trước là 8 vạn người, binh-lực rất sung-túc, cho nên một giải Bắc-bình, Thiên-tân đều rất yên ổn. Việc Trương mang thêm quân vào này là vì thấy bộ-hạ Diêm, Phùng muốn hoạt-động nên đề-phòng trước.

Việc ngoại-giao.—Quốc-dân đại-hội nghị đã xét bản khởi-thảo lời tuyên-ngôn bỏ các điều-ước bất-bình-dẳng, nội-dung có những điều này :

1^o Lập tức bỏ trị ngoại pháp-quyền ;

2^o Thu-hồi tô-giới, đất tô-tá và các đất phụ-thuộc về các đường sắt ;

3^o Thu-hồi quyền chạy tàu ở các sông trong nội-địa và quyền mậu-dịch ở dọc bờ biển.

4^o Trú-binh các nước lập-tức rút lui ;

5^o Lấy được quyền hoàn-toàn tự-chủ về quan-thuế ;

6^o Thu-hồi quyền bưu-điện của các nước ở Trung-quốc.

Ngoại-giao tổng-trưởng là Vương Chính-Đình báo-cáo tại bộ ngoại-giao, đại-y nói rằng : « Chính-phủ quốc-dân đối với việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán và điều-ước bất-bình-dẳng sớm đã quả-quyết. Nhưng muốn thấu tới mục-đích, phải có thời-kỳ nhất-định.

« Ngày 4 tháng 5 ban-bổ điều-lệ thực-hành việc quản-lý người ngoại-quốc ở Trung-hoa, qui-định từ ngày nguyên-dán năm dân-quốc 21 thực-hành. Hiện các nước quan-hệ đối với việc giao-thiệp pháp-quyền mượn có lãn-khán, quốc-dân phải nên cố sức, khiến cho đúng kỳ thực-hiện mới được. »

Vương Chính-Đình có tuyên-ngôn với đại-biểu một tờ báo nọ, nói rằng các khoản của chánh-phủ Anh về việc tòa-án lãnh-sự không sao ứng chuẩn được. Vương nói tin đồn chánh-phủ Hoa-kỳ đòi Trung-hoa phải nhận các món nợ của chánh-phủ Bắc-bình cũ là tin đồn sai. Các món nợ ấy cộng tới 11 triệu hoa-viên.

Về việc tòa-án Pháp, Vương có nói quan đại-sứ WILDEN cũng hợp-y với chánh-phủ Trung-hoa, tòa-án ấy nay mai sẽ tồ-chức lại.

Vương Chính-Đình và quan đại-sứ Na-uy đã ký giao-ước về các tòa-án lãnh-sự.

Việc trong nước

Từ 15 Avril đến 15 Mai 1931

Châu-du của đức Bảo-dại.— Đức Bảo-dại ngài hiện đương du-học ở bên Đại-Pháp, định đến cuối năm 1932 thời hồi-loan, nên có lời dụ này.

Dụ rằng :

« Quả-nhân khâm-tuân Thánh-ý đức Tiên - hoàng - khảo Khải - định Hoàng-đế, tự lúc xung-ấu, qua du-học ở nước Đại-Pháp, hết sức cần-mẫn để thu-quát lấy tư-tướng tài-năng mà đức Tiên-đế đã đồng-tất rằng : sự đó là cần-thiết cho sự hành-chánh để mưu điều lợi-ích và hạnh-phúc cho quốc-dân.

« Bây giờ Quả-nhân đã đến 18 tuổi và chợt nghe có mấy xứ ở trong Tôn-quốc mình bị bọn cộng-sản quấy rối, Quả-nhơn vẫn muốn hồi-loan, để khuyên bảo quốc-dân những điều phải chǎng, để tảo-trừ những mối phiến-loạn nguy-hiểm ấy, rồi dựng lại cuộc trị-an trong nước.

« Nhưng mà trong khi Quả-nhân trú-tất lâu ngày cùng các liệt-cường phương Tây, Quả-nhân đã hiểu rõ rằng sự cầm quyền trị dân là một khoa-học rất khó, và các bậc quốc-vương hiện-thời muốn cho sự trị-an và thịnh-lợi trong xứ mình được vững bền, rồi đưa thân-dân lên đường tấn-hóa, thời phải có học-thức rất rộng, phải có lịch-duyet các chế-độ mới và giao-thiệp cùng các nhà chánh-trị.

« Quả-nhân đã nghĩ kỹ thánh-ý đức Tiên-đế và những qui-mô ngài đã liệu-định về việc đó.

« Bởi vậy theo ý đức Tiên-đế muốn đào-luyện cho Quả-nhân biết tận-tâm-lực về hạnh-phúc và ích-lợi cho quốc-dân, nên Quả-nhân đã đồng-ý với

quí chánh-phủ Đại-Pháp định ở lại bên Âu-châu trong thời giờ đương cần cho sự học của Quả-nhân.

« Vì sự đại-ích-lợi của quốc-dân bắt-buộc, mà Quả-nhân phải lưu lại trong một kỳ-hạn ngắn-ngủi, để khỏi phí mất sự mǎnh - miễn thuở xung-ấu của Quả-nhân bởi tại vội về sớm quá, vả lại để thỏa lòng ao-ước của đức Tiên-đế.

« Kỳ-hạn này cũng không bao lâu, chừng đến cuối năm 1932 Quả-nhân sẽ hồi-loan chốn Thần-kinh để thân-hành dự lễ Nam-giao đầu năm 1933.

« Trong khi chờ đợi đây, Quả-nhân khuyên bảo quốc-dân chớ nên nghe lầm những lời cớ-động hǎo-huyền và nguy-hiểm của bọn phản-đối, chỉ nên an-cư lạc-nghiệp, kính theo quốc-luật.

« Quả-nhân cáo dụ cho tỉnh-thần biết rõ : phải cần-thận lấy đạo nhân-nghĩa, công-bằng mà dạy bảo, dẫn-dụ, phủ-trị, và săn-sóc về cách sinh-hoạt cho dân-chúng.

« Quả-nhơn lại cáo-dụ với các bậc đại-thần nên đồng-tâm hiệp-ý, sao cho xứng với trọng-trách mình đối cùng sự công-ích, để giữ vững nền trị-an trong nước, và hiệp-ý với quí đại-biêu chánh-phủ Bảo-hộ, để nhờ trông nom giúp đỡ, theo như hiệp-ước ngày 6 tháng 11 năm 1925, hiệp-ước đó thi-hành cho đến lúc Quả-nhân hồi-loan mà thân-hành chấp-chánh. Khâm-thủ ! »

Các quan học-chính mới đã làm lễ bài-yết nhận chức ở Hành-cung Hà-đông.— Sáng ngày 15 Avril, tại tỉnh Hà-đông đã làm lễ ở Hành-cung, để các quan học-chính vào bài-yết và nhận chức mới ở trước mặt quan công-sứ, quan Tổng-đốc và các quan lĩnh. Quan Thống-sứ có vào làm chủ lễ.

Lê thanh-minh ở Huế. — Ngày 19 tháng hai ta là ngày thanh-minh, Lrông-tôn-cung thánh-giá ngự đến lĩnh-tảo ở tôn-lăng Thiên-định và Ngưng-my. Còn các tôn-lăng khác đều có phái các quan Tôn-tước đi hành-lễ.

Hoàng - thân Sudama hội - trưởng tổng-cục thể-thao Xiêm tới Nam-kỳ. — Hoàng-thân Sudama hội-trưởng Tổng-cục thể-thao Xiêm-la tới thăm Tổng-cục thể-thao Nam-kỳ, có ý đáp lại anh em thể-thao Nam-kỳ mới rồi có sang thăm anh em thể-thao bên Xiêm.

Xử việc viên mật - thám Legrand bị bắn chết. — Ngày 16, tòa Đại-hình Sài-gòn đã xử việc viên mật-thám Legrand bị bắn chết, thủ-phạm là tên Huy bị kết tội xử-tử.

Hai nhà giáo-sư du-lịch hoàn-cầu. — Hai ông bà ANDRÉ ALBA là hai nhà giáo-sư trường Henri IV ở bên Pháp, được giấy cấp cho đi du-lịch hoàn-cầu, mới đây có thăm qua Hà-nội.

Đề-phòng ngày 1er Mai. — Các sở liêm-phóng và sở cảnh-sát hết sức trù-tính mọi cách đề-phòng ngày 1er Mai là ngày kỷ-niệm công-sản. Quan Toàn-quyền đã hội họp các quan-chức đề bàn-định về việc ấy, rồi đồng-ý với quan Thống-soái và quan Thống-sứ Bắc-kỳ, định giao toàn-quyền cho sở mật-thám cảnh-sát được tùy-nghi liệu cách đề-phòng ngày 1er Mai này, bất-cứ ở đâu xảy ra việc gì, cần đến nhà binh giúp sức, thì nhà binh sẽ hết lòng giúp.

Hành-hình người đầu đảng cộng-sản ở Quảng-ngãi. — Sáng ngày 23 Avril đã đem hành-hình Nguyễn Nghiêm là đầu đảng cộng-sản ở tỉnh Quảng-ngãi ở trên bờ sông Trà-khúc.

Tòa Thượng-thẩm xử lại cái án Việt-Nam quốc-dân-đảng và Học-sinh-hội ở Sơn-tây. — Tháng 10 tây năm ngoái ở

Sơn-tây có bắt được một chi-bộ V. N. Q. D. Đ. và Đông-dương học-sinh-hội. Trước tòa Nam-án tỉnh Sơn-tây đã xử rồi, nay tòa Thượng-thẩm xử lại mà có giảm tội cho những người can-phạm nhiều. Án phạt như sau này :

Hai người 5 năm tù,
Ba người 2 năm tù,
Một người 18 tháng tù,
Bốn người 1 năm tù.

Đặt các đại-lý ở Trung-kỳ. — Quan Toàn-quyền có nghị-định đặt các tòa đại-lý ở ba tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh và Quảng-ngãi : Tại Nghệ-an đặt đại-lý ở Đô-lương, gồm địa-phận phủ Anh-son và huyện Thanh-chương. Tại tỉnh Hà-tĩnh đặt hai đại-lý : một tòa đóng ở Linh-cảm thuộc phủ Đức-thọ, một tòa đóng ở huyện-ly huyện Can-lộc. Về tỉnh Quảng-ngãi đặt hai đại-lý tại huyện Mô-đức. Mỗi đại-lý cử một viên quan võ đứng đầu thay mặt quan chánh công-sứ đối với các hương-chức trong địa-phận. Về việc binh, ngoài việc cai-quản quân-lính của mình, lại được chỉ-huy cả các đạo lính khổ-xanh và cảnh-binh trong địa-phận đại-lý.

Hội-đồng chính-phủ. — Sáng ngày 30, ban thường-trực của hội - đồng chánh-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền ROBIN chủ-tọa.

Quan Thống-đốc Nam-kỳ lập nghiệp cho một bọn dân nghèo. — Quan Thống-đốc KRAUTHEIMER Nam-kỳ mới lập ra hai làng mới ở bờ kênh Hà-tiên-Rạch-giá. Một làng thuộc Hà-tiên thì cho hơn 2.000 người dân Bắc-kỳ ở. Bọn dân này nguyên là bọn phu mộ đi làm đồn-diễn cho một công-ty ở Phú-quốc, công-ty không đủ việc làm, phải bỏ vợ-vợ, quan Thống-đốc thấy tình-cảnh khổ ấy liền lập ra làng mới, cấp cho 15 nghìn đồng bạc cho bọn làm nhà ở, và làm ruộng với nhau. Còn một

làng nữa thuộc Rach-giá có 15.000 mẫu tây, quan chủ tỉnh đã chia ra từng lô, cho dân nghèo Nam-kỳ ở. Mới khu-hoạch xong thì có 700 người dân nghèo xin nhập-tịch làng ấy, quan chủ-tỉnh ban cho mỗi người 1 lô (10 mẫu tây) để làm nhà ở, một lô cây cấy.

Quyền tiền dựnq tượng quan Thống-chế Joffre— Ở Hà-nội mới lập một ban trung-ương để nhận tiền quyền các nơi gửi đến và của các nhà tư cúng vào việc dựng tượng kỷ-niệm Thống-chế JOFFRE tại quê ngài ở Rivesaltes. Tiền quyền chỉ thu đến 15 Juillet là hết hạn.

Phương-pháp đề-phòng bệnh mù và việc dạy các người mù.— Tối hôm 13 Mai tại phủ Toàn-quyền có một kỳ hội-đồng của Hội đề-phòng bệnh mù và giáo-hóa người mù. Kỳ hội-đồng này có ROBIN phu-nhân làm chủ-tọa. Xương-suất ra việc này là ông giáo MARCEL NER dạy khoa triết-học ở trường Trung-học Albert Sarraut.

Phát-phối 127 người quốc-sự-phạm.— Tối ngày 12 ở Hà-nội giải di Hải-phòng 127 người quốc-sự-phạm xuống tàu Claude Chappe để đem đi đày tại Poulo Condor và Inini (Mĩ-châu).

Hội-đồng đề-hình tại Hà-nội.— Từ sáng 13 đến chiều 16 Mai Hội-đồng đề-hình đã họp tại Hà-nội để xử 81 người bị cáo có chân trong Việt-Nam quốc-dân-đảng và Việt-Nam cộng-sản-đảng, hỏi xét từng người một, hỏi hết lượt thì có các luật-sư ra cãi và yêu-cầu hội-đồng hoặc tha hoặc giảm cho các bị-cáo-nhân. Rồi tòa tuyên-án như sau :

14 người được tha, 15 người bị từ 1 năm đến 5 năm tù được hưởng án treo, 3 người bị giam trong nhà trừng-giới đến tuổi trưởng-thành, 1 người

bị 1 năm tù, 1 người 18 tháng tù, 2 người 2 năm tù, 4 người 3 năm tù, 8 người 5 năm tù, 1 người 5 năm tù 5 năm biệt-xử, 2 người 5 năm cấm-cố, 4 người 10 năm cấm-cố, 7 người 15 năm cấm-cố, 5 người 20 năm cấm-cố, 1 người 20 năm khổ-sai, 12 người phát-lưu chung-thân, 1 người khổ-sai chung-thân.

Một đám cướp khá to.— Ở Mỹ-tho có một đám cướp độ 400 người có khi-giới súng ống và cờ kéo đến vây một nhà cru-hương-quản ở làng Long-hung bắt chủ nhà chìm xuống nước và giết chết, vợ-vét tiền của mất cả thảy hơn 1.400 đồng rồi kéo nhau đi mất.

Vì kinh-tế khủng-hoảng nhà Tây-cống-ngân-hàng phải đóng cửa.— Các người có cổ-phần trong Tây-cống-ngân-hàng ở Sài-gòn đã họp một kỳ đại-hội-đồng để quyết-định có nên mở cửa nhà băng như thường hay là nên đóng cửa. Ở xứ Đông-dương có 40 người có cổ-phần thì 38 người quyết xin cứ mở cửa. Nhưng đại-đa-số người trong công-ty ở bên Pháp đều tỏ ý nên đóng cửa. Vây theo ý đa-số nhà băng Sài-gòn sẽ đóng cửa. Còn chi-điểm nhà băng ấy ở Hà-nội thì đã nghỉ việc mấy tháng nay rồi.

Mấy cuộc biểu-tình.— Sớm ngày 12 Avril ở Vinh, các đồn khố xanh được tin báo rằng có những bọn biểu-tình mang cờ đỏ do các ngã kéo đến Đò-lường, các toán lính liền kéo ra trước các bọn biểu-tình ấy để dẹp. Toán lính ở đồn Chợ-om gặp bọn biểu-tình rất đông có đến nghìn người, liền hô giải-tán, bọn biểu-tình không nghe, nên phải dùng súng bắn, bọn biểu-tình tan cả, bỏ lại 21 người chết. Toán lính ở đồn Nhân-bồi gặp một bọn biểu-tình chừng 200 người, lính đánh đuổi rồi bắt được một người bị thương. Toán lính ở đồn Yên-linh

gặp một bọn biểu-tình chừng 500 người, hô giải-tán vô-hiệu nên lính bắn chết ba người. Toán lính ở đồn Tri-lê giải-tán một bọn biểu-tình chừng 200 người, chết 9 người. Tổng-cộng cả mấy bọn cộng-sản biểu-tình ấy chừng 2300 người, bắn chết 35 người và bắt được 52 người, cùng bắt được nhiều cờ đỏ và truyền-đơn.

Thuộc tỉnh Hà-tĩnh, chiều 12 *Avril*, tại miền Chợ-Sắt về mé bờ bể, cách tỉnh-lỵ chừng 20 cây số, một toán lính giải-tán một bọn biểu-tình độ vài trăm người, bắn chết ba người và bắt được 13 người. — Ngày 14, về phía đông-bắc cách tỉnh-lỵ chừng 40 cây số, có nhiều toán biểu-tình quấy rối, đồn Lạc-thiện gần đây liền cho toán lính khố-đỏ Bắc-kỳ ra dẹp, bên biểu-tình kháng-cự, hai bên xung-đột hàng giờ lâu, rồi bên lính bắn chết đến 80 người mới chịu tan phải dùng súng. — Ngày 15 một người đội và ba người lính tập về phép qua làng Chợ-Thượng thì bị một toán Cộng-sản ra đánh, người đội chết, ba người lính bị thương. — Ngày 20, đồn Chu-lê phải giải-tán chừng 1.500 người Cộng-sản biểu-tình trong miền Phú-phương, bên giặc bị thương độ vài chục người, chết vài chục người, bên quan-quân thì ông đồn và một người khố xanh bị thương xoàng.

Thuộc tỉnh Gò-công Nam-kỳ, đêm hôm 14, bọn Cộng-sản đốt nhà hội-đồng làng Rạch-kiến và đốt các giấy-má sổ-sách của làng, để ngăn-trở việc rút thăm tuyển lính.

Thuộc Nghệ-an, đêm 29 rạng ngày 30, các đồn khố xanh ở Yên-thái phủ Hưng-nguyên và đồn Huấn-lệ huyện Nam-đàn phải dùng súng mà dẹp chừng 400 người biểu-tình có grom giáo, bọn ấy chết 50 người. Sáng ngày 30, về phía bắc Phủ-diễn có bọn biểu-tình chừng 200 người đồn khố xanh Đòng-Pháp dẹp chết 25 người.

Thuộc Hà-tĩnh, ngày 29, đồn Lạc-thiện có dẹp một bọn biểu-tình, bọn ấy chết 40 người.

Thuộc Quảng-ngãi, ngày 1er *Mai*, tại làng Trà-ninh, một toán lính Lê-dương dẹp một bọn cộng-sản độ 100 người, chết và bị thương bọn ấy 20 người. Tại làng Phú-pho một toán lính Mỏ-neo dẹp một bọn biểu-tình bọn ấy chết và bị thương 5 người Gàn huyện Sơn-tinh, lính Lê-dương dẹp một bọn biểu-tình chừng 1000 người, bọn ấy chết và bị thương 30 người.

Thuộc Bến-tre, ngày 1er *Mai*, ở miền Tuân-pha, lính khố xanh dẹp một bọn biểu-tình bắt được 70 người.

Thuộc Chợ-lớn, miền Đức-hòa, lính đi tuần dẹp một bọn cộng-sản bắt được 10 người, trong số này có 2 người bị đạn.

Thuộc Hà-lĩnh, mồng 2 *Mai*, một bọn cộng-sản chừng 300 người giết chết một ông cụ đạo tên là cố Khang, ở làng Trảng-lịnh (cách xa Vinh và Hà-tĩnh độ 30 cây số, dân làng này thuần những dân đi đạo cả), lại giết 4 người con đạo và đánh 30 người bị thương, đốt phá nhà thờ và mấy cái nhà tư của đạo.

Đêm 12 *Mai*, một bọn cộng-sản đến xui-giục dân làng Phù-lang (thuộc phủ Hưng-nguyên Nghệ-an) làm cuộc biểu-tình, người nào không nghe thì bị chúng hành-hạ, sau có toán lính đi tuần đến, thì chúng chạy tan cả, lính đuổi bắt được mấy người.

Bắt được những người có chân trong các đảng. — Sở mật-thám mới bắt được 2 người có chân trong chi-bộ cộng-sản ở Kiến-an giải lên Hà-nội.

Bắt một người giáo-học có chân cộng-sản trong chi-bộ Hon-gay.

Lại bắt được 7 người đàn ông và một người đàn bà là những người có

chân cách-mệnh bị sở mật-thám vẫn tầm-nã bấy lâu, nay mới bắt được giải về Hà-nội.

Ở Hải-phòng đêm hôm 20, sở mật-thám vây bắt cả thủy năm đám, bắt được 36 người cộng-sản, rằm chục cân truyền-đơn và các giấy-mã quan-trọng. Trong số bị bắt có 4 người rất trọng-yếu của đảng Việt-Nam thanh-niên cách-mệnh đồng-chí và đảng Cộng-sản.

Ở Phú-lý mới bắt được một chi-bộ cộng-sản toàn người đàn bà.

Ở Sài-gòn khám một nhà ở phố *Champagne*, bắt được 3 người và giấy, mực, máy in truyền-đơn.

Bắt một người Khách làm thợ máy ở tàu « *Menado maru* » là người giữ việc giao-thông cho đảng cộng-sản, trong mình người Khách ấy có nhiều thư-từ ở ngoại-quốc gửi về cho bộ trung-trương cộng-sản ở Đông-dương.

Bắt được một người chánh chi-bộ cộng-sản hai huyện Nam-đàn và Thanh-chương thuộc Nghệ-an. Nhân việc này mà lại bắt được rằm người đồng-đảng nữa.

Hai tập-chí mới

Ở Hà-nội mới xuất-bản hai tập tạp-chí mới có giá-trị, bản-chí vui lòng giới-thiệu cùng độc-giả :

Pháp-viện báo (Revue judiciaire franco-annamite). Xuất-bản mỗi tháng một kỳ. Chủ-nhiệm: Phạm Huy-Lục. Nơi xuất-bản: 3 phố hàng Gai, Hà-nội. Giá bán: đồng-niên, 15 đồng; sáu tháng 8 đồng; mỗi số 1 đồng 35.

Khoa-học tạp-chí (Revue scientifique. Cơ-quan truyền-bá các khoa-học. Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ. Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút: Nguyễn Công-Tiễn. Tòa báo: 1 hũy-tiên-trang, đường Ngọc-hà, cạnh vườn Bách-thú Hà-nội. Giá bán: đồng-niên 3 đồng; nửa năm, 1 đồng 80; mỗi số, 0,15.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyền giá 4 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |
| Quyền thứ I | 4 hào. |
| Quyền thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |

Mới xuất-bản :

- | | |
|---------------------------|--------|
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (Ia lần thứ hai). | 5 hào. |

